

# OSHO



## Bát Nhã Tâm Kinh

*Kinh Luận*

Chuyên ngữ: Vạn Sơn

Tái bản lần thứ hai

2006

**OSHO**

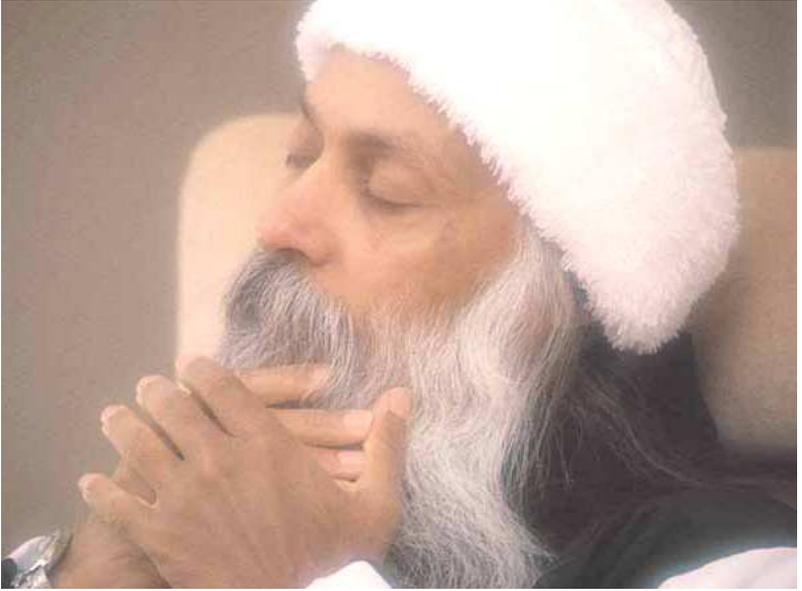
**THE HEART  
SUTRA**

Talks on Prajnaparamita Hridayam Sutra  
of Gautama the Buddha

Talks given from 11/10/77 to 20/10/77

# Mục Lục

	Giới Thiệu	1
1	Phật Bên Trong	9
2	Qui Phục Là Hiểu Biết	45
3	Phủ Định Tri Thức	79
4	Hiểu Biết: Luật Duy Nhất	113
5	Hương Vị Của Chân Không	145
6	Đừng Quá Lành Mạnh	183
7	Chân Không Viên Mãn	215
8	Phật Giáo: Đạo Của Trí Tuệ	247
9	Vượt Qua, Vượt Qua...	273
10	Sannyas: Nhập Lưu	305
	Phụ Bản	337



# Giới Thiệu

Khi bạn đi du lịch và trở về kể lại cho bạn bè và người thân, bạn sẽ kể lại những gì chính mắt bạn thấy, và những gì chính tai bạn nghe; hay bạn lập lại những gì hướng dẫn viên nói, hay những điều tìm được trong sách hướng dẫn du lịch?

Dĩ nhiên là bạn kể lại những gì chính mắt bạn trông thấy, và chính mắt bạn nghe thấy.

Hướng dẫn viên và sách hướng dẫn có thể cho bạn những chi tiết lịch sử để giúp câu chuyện thêm phần hào hứng. Nhưng chúng không thể cho bạn những kinh nghiệm khi bạn đi qua những con đường khúc khuỷu, gồ ghề, hay cảm tưởng của bạn khi gặp những người lạ đến từ muôn nẻo đường trên thế giới, hay những cảm giác khi bạn ăn những món ăn lạ, hay ấn tượng của bạn khi đứng trước những khung cảnh hùng vĩ, và những kiến trúc độc đáo của nơi đó...

Vì chính mắt bạn đã trông thấy, và chính tai bạn đã nghe nên bạn có thể biết đích xác là người nào đó đã qua nơi đó hay chưa, hoặc là người đó đã qua nơi đó nhưng đã có sự thay đổi rồi. Và bạn cũng có thể quyết định là sách hướng dẫn là đúng hay sai, hay đã lỗi thời, hay thiếu sót.

Trương tự như vậy. Khi bạn đã thể nghiệm chân lý, và khi bạn diễn tả những kinh nghiệm ấy thì bạn không cần phải dựa vào bất kỳ một thánh thư nào, một kinh sách nào cả. Và chính vì đã kinh nghiệm bản thân nên bạn có thể biết được người nào đó đã đạt đạo hay chưa. Và bạn có thể biết được là thánh thư nào đó đúng hay sai. Lúc đó bạn trở thành nhân chứng sống cho sự chứng ngộ của Phật, của Tổ và các thánh nhân đời trước. Và khi bàn về

một thánh thư nào đó thì bạn dùng chính kinh nghiệm của mình, chứ không phải tra cứu sách vở người khác.

Khi bạn chứng nghiệm chân lý thì cái kinh nghiệm của bạn cũng y hệt như kinh nghiệm của các thánh nhân khác, mặc dù cách diễn tả của bạn khác hẳn mọi người. Tiến trình chứng nghiệm chân lý hoàn toàn giống nhau, nhưng sự diễn tả thì mỗi người một vẻ. Cũng như khi hoa hồng nở hoa, sự nở hoa của nó y hệt sự nở hoa của hoa huệ, hay hoa vạn thọ, nhưng màu sắc và hương thơm của mỗi loại hoa hoàn toàn khác nhau. Hoa hồng không thể nói rằng hoa huệ, hoa cúc không phải là hoa chỉ vì màu sắc của chúng không giống của nó. Vì vậy sự diễn tả của bạn sẽ hoàn toàn mới mẻ, và sự mới mẻ ấy sẽ có sức thu hút những tâm hồn đang khao khát từ mọi nơi tìm về.

Đức Phật cũng vậy. Sau khi đắc đạo Ngài đã phát biểu kinh nghiệm tâm linh của Ngài một cách hoàn toàn mới mẻ. Ngài không dựa vào những bộ kinh Phệ Đà, không trích dẫn những bộ Áo Nghĩa Thư, không lập lại Gita. Kinh nghiệm bản thân của Ngài tự nó là một thẩm quyền tối hậu. Ngài không nói gì khác những bộ kinh kia, xét về mặt chân lý. Cái độc đáo và thiên tài của Ngài là lối phát biểu hoàn toàn mới mẻ, và những phương pháp hiệu nghiệm mà Ngài đã dùng để giáo huấn đệ tử. Và lại, những phát biểu của những thánh nhân đời trước ấy sau nhiều ngàn năm đã mất dần ý nghĩa; chúng không còn mang theo sức mạnh như mới ngày nào được thoát ra từ miệng của những thánh nhân ấy. Vì vậy Ngài mới phải xuất hiện để làm sáng tỏ lại những chân lý ấy, và đem lại tin tưởng cho những tâm hồn đang khao khát.

Kể từ lúc Phật giảng bài pháp đầu tiên, bài Chuyển Pháp Luân – Dhamma Chakrapravatan Sutra – đến nay đã hơn 2500 năm. Rất nhiều thay đổi đã xảy ra. Thế giới ngày nay nhiều phần phức tạp hơn thế giới mà trong đó Ngài hoằng pháp. Ngay cả trong giới Phật tử cũng có nhiều người không đồng ý với Ngài.

Cách đây không lâu, một vị đại khoa bảng Việt Nam, tốt nghiệp từ một đại học danh tiếng nhất thế giới, đã làm chấn động dư luận với bài viết rằng Thiền Tông không phải là một phát triển tôn giáo, mà chỉ là sự thoả mãn thú yếu thích văn thơ của người Á Đông. Ông ta cũng bác bỏ sự kiện là lục tổ Huệ Năng mù chữ mà giác ngộ.

Và một trí thức Phật Giáo khác mà người dịch quen biết. Ông ta tu theo Phật Giáo Nam tông, và lâu thông kinh bộ như lòng bàn tay. Năm nào ông ta cũng qua Á Châu để tu học, nhưng ông ta bác bỏ những bộ kinh đại thừa, phủ nhận Phật tánh và Tánh Không (shunya). Ông ta nói rằng vạn pháp là vô ngã thì làm gì có tánh; vì vậy nói đến tánh là hoàn toàn mâu thuẫn. Ông ta không chấp nhận Duy Ma Cật, và cho rằng Lão Tử chưa thoát khỏi sáu mươi hai tà kiến. Ông ta cho rằng Pháp Bảo Đàn Kinh của Tổ Huệ Năng không đáng được gọi là ‘kinh’, mà chỉ có thể gọi là ‘luận’.

Hai vị trí thức này chỉ là những thí dụ điển hình. Những người như họ ngày nay không phải ít, và những thách đố của họ không phải không có lý do. Ngày nay văn minh cơ khí của Âu Tây tràn ngập khắp nơi. Đông không còn là Đông nữa mà đã bị Tây hóa rất nhiều. Dù muốn dù không thì các đạo giáo đông phương cũng phải diễn tả kinh nghiệm tâm linh của mình theo những trào lưu mới; họ phải nói theo ngôn ngữ và phương pháp phân tích của khoa học, triết học, tâm lý học, mặc dù ta biết rất rõ là phương pháp luận của Phật Giáo nói riêng, và của Ấn Độ nói chung, thâm sâu hơn của tây phương rất nhiều. Ngày nay những người biết đến Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân, Pháp Thuận, Trí Khải... thì rất hiếm. Mà những người say mê Plato, Aristotle, Nietzsche, Kierkegaard, Heidegger, Sartre, Wittgenstein, Derrida, Freud, Jung, Adler... thì rất nhiều. Vì vậy thánh nhân đời này phải uyển chuyển, linh động; một mặt ngài phải quảng diễn chân lý dựa trên kinh nghiệm bản thân; mặt khác ngài phải lâu thông những hệ tư tưởng đương thời thì mới mong bắc được cầu nối với nhân loại ngày nay.

Osho là một trong những thánh nhân của thời hiện đại. Những khó khăn mà Ngài gặp phải trên đường hoằng pháp thì nhiều hơn Phật gấp bội. Phật chỉ phải đối phó với những người Hindu, Jaina, và Ngài chỉ phải đối phó với đám lục sư ngoại đạo. Ngày nay Osho phải tiếp xúc với những người thuộc đủ màu sắc tôn giáo và ý hệ như Hindu, Jaina, Hồi giáo, Ki Tô Giáo, Do Thái giáo, Cộng Sản, Vô Thần, Duy Tâm, Duy Vật. Hiện Sinh, Hiện đại chủ nghĩa (Modernism), Hậu Hiện đại (Post-Modernism), và bên cạnh đó là bao nhiêu là ý hệ, bao nhiêu trường phái triết học, tâm lý học, khoa học. Ngài phải nói với Phật tử bằng cách giảng về Phật; nói với Ki Tô hữu bằng cách giảng về Chúa Giê-Su; nói với người Hindu bằng cách giảng về Krishna và những bộ Áo Nghĩa Thư. Ngài đã làm sống lại lời của những thánh nhân đời trước, và Ngài dùng ngôn ngữ mà giới trí thức ngày nay có thể hiểu được. Những bài giảng của Ngài thường pha trộn Phật, Chúa, Lão, Trang, Áo Nghĩa Thư... và những tên tuổi lẫy lừng của tây phương. Kết quả là hàng trăm ngàn người từ khắp nơi trên thế giới tìm về ngồi dưới chân Ngài, mà phần lớn là từ Âu Châu, Mỹ, Úc, Nhật... Những người đến với Osho đều là những trí thức trẻ. Thống kê của đại học Oregon tại Portland năm 1985 cho thấy là họ đều tốt nghiệp đại học, và nhiều người có hai, ba bằng cao học, hay tiến sĩ, hoặc hai tiến sĩ; khoảng sáu chục phần trăm những người này là Ki Tô hữu, khoảng ba chục theo Do Thái Giáo, một số nhỏ là Phật tử và các nhóm khác.

Sự thu hút một số đông những trí thức trẻ này đã trở thành mối đe dọa lớn cho những thế lực thống trị và khuynh loát tôn giáo và chính trị. Họ cố triệt hạ Osho bằng mọi cách; Ngài bị bôi nhọ đủ điều, nào là tiền bạc, nào là tình dục. Và cuối cùng Ngài bị chết vì đầu độc, ngày 19-01-1990. Ngài biết rõ số phận của mình và của những người đẩy bánh xe lịch sử giúp cho nhân loại một chút văn minh hơn, một chút nhân đạo hơn. Ngài viết:

Người như tôi sinh ra để bị đóng đinh.

Thập tự giá là ngai vàng của chúng tôi.  
Và sứ mệnh của chúng tôi chỉ hoàn thành  
Khi nhận được gạch đá, không phải hoa.  
Nhưng trên đường dẫn về chân lý  
Thì gạch đá cũng biến thành hoa.  
Và trên con đường ngược chiều ấy  
Thì hoa cũng biến thành gạch đá.  
Vì vậy khi gạch đá hướng về tôi,  
Hãy vui mừng mà cảm ơn Thượng Đế!  
Chân lý luôn luôn được nhận ra như thế.  
Nếu bạn không đồng ý,  
    hãy hỏi Phật Thích Ca,  
    hãy hỏi Chúa Giê-Su,  
    hãy hỏi Socrates,  
    hãy hỏi Zarathustra,  
    hãy hỏi Kabir,  
    hãy hỏi Meera.

Tập sách này là một trong gần bảy trăm bộ sách mà Osho bàn về tất cả những thánh nhân đông tây, kim cổ. Trong tập sách này Ngài bàn về Bát Nhã Tâm Kinh, một bộ kinh nòng cốt nhất của Phật Giáo. Bạn sẽ thấy lối trình bày rất đơn giản nhưng rất uyên thâm. Bạn sẽ thấy nhiều hạt kim cương vô giá trong đó. Và Ngài cho chúng ta nhiều lý do để hãnh diện và tự tin với di sản tâm linh của mình. Xin nêu ra một vài thí dụ:

1. Ngài đã phá vỡ lý luận hình thức của Aristotle. Luận lý này không đủ để diễn tả kinh nghiệm tâm linh. Theo Ngài thì nguyên tắc đồng nhất (principle of identity)

chỉ là một sự lặp lại không cần thiết, còn hai nguyên tắc tương phản (contradiction) và triết tam (excluded middle) thì không thể dùng để diễn tả thực tại; ngay cả Vật Lý học hiện đại cũng đã bác bỏ hai nguyên tắc này.

2. Ngài dùng hệ thống bảy luân xa của triết học Ấn Độ, hiện đang ăn khách nhất ở Âu Tây, để giải thích Tâm Kinh. Đây là một lối giải thích độc đáo và vô cùng mới lạ.

3. Ngài bàn về những đỉnh cao của Tâm Kinh qua việc so sánh với những trường phái tâm lý học hiện đại của Pavlov, B.F Skinner, Freud, Adler, Jung và Assaggoli.

4. Ngài bàn về những bế tắc của những ông tổ của triết học Hiện Sinh như Soren Kieerkegaard, Martin Heidgger, Jean-Paul Sartre khi họ nói về chân không. Theo Ngài thì Chân Không của Phật Giáo mới là giải đáp cho những rối ren của đời sống con người.

5. Ngài làm sáng tỏ cái cốt lõi, cái tinh túy nhất của Phật Giáo – Chân Không – trong những lời nhẹ nhàng, thi vị, và rất dễ hiểu. Ngài khẳng định với chúng ta là Chân Không chính là chỗ trú ẩn an toàn nhất mà chúng ta phải tìm đến; đó chính là vương quốc của chúng ta, và chúng ta chỉ cần đòi lại chủ quyền ấy.

6. Ngài dùng biện chứng pháp của Heraclitus và Hegel để hóa giải một cách tài tình những khúc mắc của chân lý tối cao, “Sắc tức thị không. Không tức thị sắc.”

7. Ngài bàn về câu đại thần chú của Tâm Kinh một cách rất thú vị với những khái niệm mới nhất rút ra từ Vật Lý học hiện đại, huyền học Ki Tô Giáo, và bộ kinh Yoga của Patanjali. Có lẽ Ngài là người duy nhất đã giải thích như vậy.

8. Và trong tập sách này Ngài cho chúng ta một khoa học để giải trừ bản ngã khi Ngài bàn về ba trạng thái của tâm thức, và bảy cánh cửa mà qua đó bản ngã đi vào.

9. Quan trọng hơn, theo thiện ý của người dịch, là Ngài bàn về hai loại tự do: Tự do khỏi cái ta và tự do của

cái ta. Nếu bạn không đọc một bộ kinh nào khác trong kho tàng kinh điển mênh mông của Phật Giáo, mà chỉ nhớ và hiểu hai điều này thì cũng quá đủ. Chân lý sẽ giải phóng bạn.

9.1. Tự do khỏi cái ta: khi bạn chứng nghiệm chân lý thì bạn biến mất trong một đại dương tâm thức; tất cả cá nhân tính của bạn biến mất; bạn hòa làm một với đại thể. Sự biến mất ấy Osho gọi là tự do khỏi cái ta; Phật gọi là vô ngã (anatta); Long Thọ gọi là Chân Không. Đó là ba lối phát biểu khác nhau về cùng một kinh nghiệm tâm linh.

9.2. Tự do của cái ta: gồm những loại tự do khác nhau như tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, v.v... Cái ta được tự do nhưng cái ta vẫn còn. Và được tự do nên bạn phải chọn lựa, và bạn trở nên lẫn lộn khi có quá nhiều cái để lựa chọn, và không biết phải chọn cái nào. Khi bạn chọn lựa trong sự lẫn lộn thì có thể bị sai lầm. Điều đó đưa đến trách nhiệm. Trách nhiệm ấy đưa đến điều mà Kieerkegaard gọi là run rẩy, run vì sợ trách nhiệm. Chính vì lý do ấy mà Jean-Paul Sartre viết, “Con người bị kết án phải được tự do.” (Man is condemned to be free). Lý do là cái ta được tự do nhưng vẫn còn. Nếu cái ta không còn thì ai ở đó mà run rẩy? Còn ai ở đó để bị kết án? Còn ai ở đó mà lựa chọn trong lẫn lộn?

Riêng đối với những độc giả không quen với những hệ tư tưởng đương thời của tây phương và Ấn Độ thì tập sách này có vẻ ‘tùm lum’ quá. Lý do là vì Osho phải tiếp xúc với đủ loại người như đã nói ở trên, và Ngài phải nói với họ bằng chính ngôn ngữ của họ. Để giúp độc giả nào muốn tìm hiểu thêm, người dịch đã chú thích những tên tuổi và những hệ thống tư tưởng mà Osho nhắc đến trong tập sách này. Nhằm lẫn trong những chú thích đó là lỗi của người dịch, không phải của Osho.

Và đối với quý Phật tử thì khi Osho dùng từ “Thượng Đế” trong tập sách này, không có nghĩa là Ngài dùng từ đó theo nghĩa của Ki Tô Giáo. Lý do là những người đến

nghe Ngài phần đông là tín đồ hoặc của Ki Tô Giáo, Do Thái Giáo, và Ấn Độ Giáo. Cho nên Ngài phải dùng ngôn ngữ của họ mà nói với họ.

Vạn Sơn

California, ngày 11 tháng 12, 2003

Nhân ngày sinh nhật thứ 72 của Osho.



# 1

## Phật Bên Trong



*Om!*

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã,  
rất đáng yêu và rất thánh!*

*Quán Tự Tại,<sup>1</sup> Bồ Tát và chúa tể linh thiêng,  
trong lúc đi sâu trong Trí Huệ Bát Nhã,  
trong cõi siêu việt, từ trên cao nhìn xuống,*

*Ngài chỉ thấy năm hợp phần,<sup>2</sup>  
và khi nhìn vào tự tánh của chúng,  
Ngài thấy tất cả đều trống không.*

---

<sup>1</sup> Quán Tự Tại = Avalokita

<sup>2</sup> năm hợp phần = Ngũ uẩn

Xin chào vị Phật bên trong bạn. Có thể bạn không biết điều đó. Có thể bạn chưa từng mơ tới điều đó - rằng bạn là một vị Phật; rằng bạn chỉ là bạn mà không thể là bất kỳ cái gì khác. Phật tính chính là cốt lõi, là trọng tâm của con người bạn, và điều đó không phải sẽ xảy ra trong tương lai, mà đã xảy ra rồi. Phật tính chính là cội nguồn từ đó bạn tới, không những là nguồn gốc mà còn là mục đích nữa. Chính từ Phật tính mà chúng ta xuất phát, và cũng chính Phật tính mà chúng ta trở về.

Từ ‘Phật tính’ này bao gồm tất cả - một vòng tròn đời sống tròn đầy, từ điểm đầu đến điểm cuối.

Nhưng vì đang ngủ say, bạn không biết mình là ai. Không phải là bạn phải trở thành Phật. Bạn chỉ cần nhận ra điều đó, và bạn phải quay trở về với cội nguồn của mình; bạn phải nhìn vào bên trong mình. Việc đối đầu với chính mình sẽ làm bạn nhận ra Phật tính của mình. Cái ngày mà bạn nhận ra chân tánh của mình, toàn thể vũ trụ bừng sáng, giác ngộ. Không thể nói rằng người nào đó đã giác ngộ! Bằng cách nào mà người đó có thể trở nên chứng ngộ được? Chính ý tưởng về một người nào đó là một phần của tâm trí còn mê hoặc. Vậy không nói là ‘tôi’ đã chứng ngộ. Cái ‘tôi’ đó phải bị loại bỏ thì mới nói đến chứng ngộ được. Cho nên sao *tôi* có thể trở thành chứng ngộ được? Đó là điều vô lý. Cái ngày mà *tôi* chứng ngộ thì toàn thể thế giới hiện hữu cũng đã chứng ngộ. Từ giây phút ấy *tôi* không thấy gì khác ngoài các vị Phật – dù là hình sắc khác nhau, hoặc tên gọi khác nhau, với đủ loại vấn đề, nhưng tất cả đều là Phật.

Vì vậy, *tôi* xin chào vị Phật bên trong bạn.

*Tôi* vui mừng khôn xiết khi thấy rất nhiều vị Phật đã tụ họp nơi đây. Sự kiện mà các bạn tới với *tôi* là bắt đầu việc thừa nhận ấy. Sự kính trọng mà các bạn dành cho *tôi*, và tình yêu trong tim của các bạn đối với *tôi*, chính là sự kính trọng và tình yêu mà các bạn dành cho Phật tính của riêng mình. Sự tin tưởng nơi *tôi* không phải là cái gì ngoại

lai với bạn; đó là sự tin tưởng nơi chính con người của bạn. Đặt tin tưởng nơi tôi, các bạn sẽ học được cách tin tưởng ở chính mình. Bởi tự tìm đến với tôi, bạn sẽ tìm tới chính bản thân của mình. Bạn chỉ cần nhận ra điều đó. Hột kim cương đã ở đó tự bao giờ; bạn đã quên hẳn rồi, hay bạn chưa hề nhớ tới ngay từ lúc đầu.

Emerson có câu nói để đời, rằng, “Con người là Thượng Đế trong điều tàn.” Tôi đồng ý mà cũng không đồng ý. Nhận xét này có một phần nào chân lý - con người chưa phải là con người đáng lẽ phải trở thành. Đó là một trực giác nhưng bị đảo lộn. Con người không phải là Thượng Đế trong điều tàn, mà là Thượng Đế đang hình thành; con người là một vị Phật đang hé mở. Nụ hoa đã có sẵn, có thể nở hoa bất cứ lúc nào: chỉ một chút cố gắng nữa, chỉ một chút ít trợ lực nho nhỏ nữa... Và sự giúp đỡ ấy không phải là yếu tố đưa đến sự nở hoa - vì mầm mống đã có sẵn rồi! Nỗ lực của bạn sẽ giúp bạn nhận ra điều đó, và sự giúp đỡ sẽ giúp làm lộ ra cái đã có sẵn nhưng bị che lấp. Đây là một sự khám phá, nhưng chân lý thì đã có từ muôn đời, hằng hữu, bất sinh, bất diệt.

Hãy nghe những lời kinh này, bởi vì đây là bộ kinh quan trọng nhất trong kho tàng kinh điển vĩ đại của Phật giáo. Do đó, kinh này được gọi là Tâm Kinh; Đó chính là tâm điểm, là cốt lõi của thông điệp của Đức Phật.

Nhưng tôi muốn bắt đầu từ ngay từ tâm điểm ấy. Chỉ từ điểm này mới thấy được tinh hoa của Phật giáo: *đừng bao giờ quên rằng bạn là một vị Phật*. Tôi biết điều đó nghe quá kiêu căng, tựa như một giả thuyết, và bạn không thể đặt trọn niềm tin vào đó được. Đó là lẽ tự nhiên, tôi biết rõ lắm. Nhưng hãy gieo vào trong tim điều ấy, như một hạt mầm. Quanh hạt giống đó nhiều phép lạ sẽ xảy ra, và chỉ qua sự kiện đó, bạn sẽ hiểu những lời kinh này. Tâm Kinh này màu nhiệm vô cùng - rất nhỏ, rất cô đọng nhưng xúc tích, như thể hạt mầm. Nhưng với miền đất này, với hình ảnh này trong tâm trí, rằng bạn là một vị Phật, rằng bạn là một vị Phật đang hình thành, rằng bạn

có mọi khả năng tiềm tàng để trở thành một vị Phật, rằng tất cả đã sẵn sàng, không thiếu gì cả. Chỉ cần sắp đặt lại thứ tự; chỉ cần ý thức hơn, tinh thức hơn một chút nữa là đủ... Kho tàng đã sẵn có, chỉ cần thắp lên ngọn đèn nhỏ để nhìn thấy. Khi bóng tối biến mất, bạn sẽ không còn là kẻ ăn mày nữa, mà là một vị Phật; bạn sẽ là một hoàng đế, một ông vua. Hết thầy vương quốc này là của bạn. Bạn chỉ cần đòi lại chủ quyền ấy.

Nhưng chủ quyền ấy không thể đòi lại được nếu bạn tin rằng bạn là kẻ ăn mày. Bạn không thể đòi lại, thậm chí bạn không bao giờ mơ tới việc đòi lại nếu tự nghĩ rằng mình là tên ăn mày.

Cái ý tưởng rằng bạn là tên ăn mày, dốt nát, đầy tội lỗi, đã được các tôn giáo rao giảng từ đời này qua đời khác, nhiều đến nỗi nó đã in sâu trong tâm khảm của bạn, khác gì bị thôi miên. Việc nhồi sọ này cần phải bị đập tan. Để giúp bạn tự đập vỡ cái ngục tù ấy, tôi xin bắt đầu bằng cách: xin chào vị Phật bên trong bạn.

Đối với tôi, tất cả các bạn đều là Phật. Không có gì lộ bịch hơn khi bạn cố gắng bằng mọi cách để được giác ngộ! Bạn phải chấp nhận sự kiện cơ bản này, bạn phải hiểu biết ngầm rằng *không có gì để chứng đắc vì bạn đã là Phật rồi!* Đây là sự bắt đầu đúng đắn, thích hợp, ngay từ tâm điểm của Tâm Kinh, nếu không, bạn sẽ lạc đường. Bắt đầu như vậy là đúng! Hãy bắt đầu với hình ảnh này, và đừng e ngại rằng điều này có thể gây nên cái tôi - rằng, “Ta là Phật!” Đừng lo sợ như vậy, vì toàn bộ tiến trình của Tâm Kinh sẽ giúp bạn nhận ra một cách rõ ràng rằng *cái tôi là cái duy nhất không có thực* – cái duy nhất không hiện hữu! Ngoài ra, tất cả đều là thật.

Có những đạo sư nói thể giới này là ảo tưởng và linh hồn là hiện thực - cái ‘Tôi’ mới có thật, ngoài ra đều là giả dối.<sup>3</sup> Đức Phật dạy khác hẳn. Ngài nói chính cái ‘Tôi’ mới không có thật, còn mọi thứ khác đều là thật. Và tôi

<sup>3</sup> Adi Shankarya, triết gia cự phách nhất của Ấn Độ giáo, là một thí dụ.

đồng ý với Đức Phật nhiều hơn các quan điểm khác. Nhận xét của Ngài rất là thâm sâu và rất sắc bén. Không ai có thể nhìn thấu đáo vào mọi cảnh giới, với những chiều sâu và đỉnh cao như Ngài.

Nhưng hãy bắt đầu với ý tưởng này, với bầu khí như vậy, với hình ảnh này. Hãy để điều đó ăn sâu trong từng tế bào, từng ý nghĩ của bạn. Hãy để nó thấm sâu vào từng ngõ ngách, từng xó xỉnh của con người bạn, rằng “Ta là Phật!” Và đừng lo nghĩ về cái ‘tôi’... mọi sự sẽ được thu xếp ổn thỏa.

Cái ‘tôi’ và Phật tính không thể cùng hiện hữu một lúc. Một khi Phật tính được nhận ra, ‘cái tôi’ sẽ biến mất, tựa như bóng tối tan biến khi ánh sáng lan vào.

Trước khi đi vào lời kinh này, chúng ta cần một ít khuôn mẫu, một ít cấu trúc, một ít phạm trù để dễ thông suốt vấn đề hơn.

Kinh sách Phật giáo cổ đại nói về bảy đền thờ . Giống như các đạo sĩ Sufi <sup>4</sup> nói về bảy thung lũng, Ấn Độ giáo nói về bảy luân xa, Phật tử nói về bảy đền thờ .

Đền thờ thứ nhất thuộc về thể chất.

Đền thờ thứ hai thuộc về thân-tâm

Đền thờ thứ ba là tâm lý.

Đền thờ thứ tư là tâm lý-tâm linh.

Đền thờ thứ năm là tâm linh.

Đền thờ thứ sáu là tâm linh siêu việt.

Đền thờ thứ bảy - đền thờ tối thượng - là siêu việt.

Bộ Bát Nhã Tâm Kinh này thuộc đền thờ thứ bảy. Những lời kinh này là tuyên ngôn của người đã nhập vào đền thờ thứ bảy, thế giới siêu việt, tuyệt đối. Đó là ý nghĩa của từ Phạn, *prajnaparamita* - trí huệ của cõi bên

---

<sup>4</sup> Sufi = Bạch Y giáo, huyền học của Hồi giáo.

kia, từ cõi bên kia, trong cõi bên kia (Trí Huệ đáo bỉ ngạn). Trí huệ đó chỉ đạt được khi bạn đã vượt qua mọi ràng buộc, không còn đồng nhất với bất cứ điều gì - thấp hơn hay cao hơn, thế giới này hay thế giới kia, khi bạn đã vượt trên tất cả các loại đồng nhất, khi bạn không còn bị đồng nhất níu kéo, khi sự tỉnh thức của bạn ngời sáng như ngọn lửa tinh khiết không một chút ám khói. Đó là lý do Phật tử tôn thờ cuốn sách nhỏ này, cuốn sách rất nhỏ bé này. Và họ đặt tên nó là Kinh Trái Tim – nghĩa là tâm điểm, là tinh túy, là cốt tủy của tôn giáo.

Đền thờ thứ nhất thuộc về thể chất (physical), tương ứng với luân xa thứ nhất, *muladhar*.

Đền thờ thứ hai là tâm thần, ứng với luân xa thứ hai, *svadisthan*.

Đền thờ thứ ba là tâm lý, ứng với *manipura*.

Đền thờ thứ tư là tâm lý-tâm linh, ứng với *anahatta*.

Đền thờ thứ năm là tâm linh, ứng với *vishudha*.

Đền thờ thứ sáu là tâm linh siêu việt, ứng với *agya*.

Đền thờ thứ bảy là siêu việt, ứng với *sahasrar*. ‘Sahasrar’ nghĩa là hoa sen một ngàn cánh. Đó là biểu tượng của sự thăng hoa tối thượng, không còn gì che dấu nữa, tất cả đã trở nên sáng tỏ, hiển hiện. Hoa sen một ngàn cánh đã mở ra, hương thơm tỏa khắp bầu trời, cùng với cái đẹp lộng lẫy và đầy phước lành của nó.

Cách đây không lâu lắm nhiều khảo cứu vĩ đại đã được thực hiện để tìm cái cốt lõi thâm sâu nhất của con người. Chúng ta cần phải hiểu rõ những nỗ lực hiện đại ấy sẽ đưa chúng ta về đâu.

Pavlov,<sup>5</sup> B.F. Skinner<sup>6</sup> và các nhà hành vi học khác (behaviorists), cứ luẩn quẩn mãi quanh luân xa thứ nhất - muladhar. Họ nghĩ con người chỉ là thân xác. Họ bị kẹt lại ở đền thờ thứ nhất. Họ bị vật chất ám ảnh mà quên mọi chiều kích khác. Những người này tìm sự giải thích con người qua khía cạnh thể chất, vật chất. Họ đã bị cản trở vì quan niệm như vậy không cho phép họ nhìn xa hơn nữa. Khi ngay từ đầu mà bạn đã từ chối rằng chẳng có gì khác hơn thân xác, bạn sẽ không chịu tìm kiếm xa hơn nữa. Quan niệm như vậy rõ ràng là lệch lạc. Những người cộng sản, Mác xít, hành vi học, vô thần - đều tin rằng con người chỉ là thân xác - với niềm tin như vậy họ đã tự khép lại cánh cửa dẫn tới những chiều kích cao hơn. Họ trở thành mù quáng. Vật chất rõ ràng quá rồi, cần gì phải chứng minh? Thân xác, vật chất ai cũng thấy, cần gì phải có bằng chứng? Vì không cần phải chứng minh, vật chất trở thành thực tại duy nhất. Vô lý hoàn toàn. Nếu thế thì con người chẳng còn nhân phẩm gì nữa. Nếu không có gì để phát triển nội tâm hay hướng thượng, cuộc sống trở lên vô nghĩa hoàn toàn. Con người như vậy có khác chi đồ vật. Khi bạn đã tự đóng lại cánh cửa, chẳng còn gì hơn nữa có thể xảy ra cho bạn. Bạn chỉ là thân xác nên chỉ biết ăn, tiêu hoá, tình ái, con cái, mang gánh cực khổ trên non rồi ngày nào đó lăn ra chết. Cuộc sống trần tục, tầm thường, máy móc như vậy có gì đáng để nói đến, có ý nghĩa gì đâu. Tìm đâu thấy thơ văn? Điệu vũ nào có thể khởi lên từ cuộc sống tẻ nhạt, vô vị ấy?

Skinner đã viết cuốn, *Bên Ngoài Tự Do và Nhân Phẩm* (Beyond Freedom and Dignity). Phải gọi là bên dưới tự do và nhân phẩm mới đúng, không phải bên ngoài. Gọi là bên dưới vì đó là quan điểm thấp nhất về con người, cái xấu nhất. Thân xác con người chẳng có gì xấu xa hết, hãy nhớ điều ấy. Tôi không chống lại thân

---

<sup>5</sup> Pavlov, Tâm lý gia Nga, nổi tiếng với thí nghiệm đánh chuông làm chó tiết dịch vị.

<sup>6</sup> Skinner, Tâm lý gia Mỹ, một thủ lĩnh của Hành Vi học (Behaviorism)

xác; nó là một đèn thờ đẹp. Cái xấu chỉ xen vào khi bạn nghĩ thân xác là tất cả.

Con người có thể được ví như chiếc thang có bảy bậc, mà bạn chỉ biết có bậc thứ nhất. Chiếc thang như vậy chẳng hữu dụng gì. Mà thang là dụng cụ để nối thế giới này qua thế giới khác, nối vật chất với Thượng Đế. Bậc thứ nhất là tuyệt hảo nếu nó được dùng như một bậc thang. Nếu được dùng như bước đầu thì cực kỳ tuyệt đẹp. Người ta nên biết quý trọng thân xác. Nhưng nếu tôn thờ bậc thứ nhất mà quên hẳn sáu bậc còn lại, và quên hẳn toàn bộ chiếc thang, bạn trở thành khép kín, bị giới hạn trong bậc thứ nhất. Thế thì nó không còn là bậc thang nữa, bởi vì một bậc thang chỉ có nghĩa khi nó là một phần của chiếc thang. Nếu bậc thang đó không dẫn đến những bậc khác, bạn bị kẹt ở đó. Do đó, những người duy vật bao giờ cũng bị kẹt. Họ luôn luôn cảm thấy thiếu thốn cái gì đó; đời sống của họ mất hẳn định hướng. Họ chạy quanh trong cái vòng luẩn quẩn, và cảm thấy mệt mỏi, chán chường. Việc tìm cái chết ám ảnh họ thường xuyên. Và toàn bộ cuộc sống của họ chỉ thu gọn lại trong việc tìm cảm giác mới, hy vọng cái gì mới có thể xảy ra. Nhưng cái gì ‘mới’ nào có thể xảy ra được? Tất cả những cái bạn tâm họ chẳng qua chỉ là những đồ chơi mà thôi.

Hãy suy ngẫm câu nói của Frank Sheed, “Trong khi linh hồn con người kêu khóc đi tìm mục đích và ý nghĩa thì các nhà khoa học nói, ‘Điện thoại này!’, ‘Ti vi này!’ – khác gì ta cố dỗ đứa trẻ đang khóc đòi mẹ bằng cách cho nó kẹo, hay làm trò hề với nó. Những đợt phát minh liên tiếp đã làm con người phải bận rộn, khiến hẳn quên hẳn những ưu tư vẫn thường ray rứt tâm hồn hẳn.”

Tất cả những cái mà thế giới hiện đại đang cung cấp cho bạn chẳng qua là những chiếc kẹo, đồ chơi - còn bạn thì đang kêu gào tìm mẹ, kêu gào đòi tình yêu, đòi tâm thức, đòi hỏi một ý nghĩa nào đó trong cuộc sống. Và họ nói, “Coi nè! Điện thoại này! Ti vi nè! Lại còn bao nhiêu

thứ đẹp khác nữa.” Chơi mãi những đồ chơi ấy rồi cũng chán. Họ lại kiếm đồ chơi khác mới hơn cho bạn.

Cuộc sống như vậy mới thật nực cười, vô lý đến độ không thể tưởng tượng sao ta có thể sống đời như vậy được. Chúng ta bị kẹt tại bậc thang thứ nhất.

Hãy nhớ rằng, bạn cần phải có cơ thể để sống, nhưng bạn không phải chỉ là thể xác. Hãy nhớ kỹ điều đó, đừng quên một phút giây nào. Bạn sống trong cơ thể và đó là một chỗ ở tuyệt đẹp. Và xin nhớ điều này, rằng nói như vậy không có nghĩa là bạn phải chống đối, kiềm chế thân xác, rằng bạn phải chối bỏ thân xác như những cái-gọi-là thánh nhân đã làm xưa nay. Người duy vật cho rằng thân xác là tất cả những gì hiện thực. Lại có những người ở cực đoan đối lập nói rằng thân xác là ảo ảnh, không có thực. Họ dạy rằng khi thân xác bị phá hủy, ảo ảnh sẽ bị phá hủy theo, và cái còn lại thực sự mới đúng là bạn.

Cực đoan đối lập này là một phản động lực. Chủ trương của duy vật đã đưa đến quan điểm của duy linh, nhưng cả hai đều là thành viên của cùng một dịch vụ; họ không khác nhau nhiều lắm. Thân xác đẹp đẽ, hiện thực. Cần phải có thân xác để được sống. Vì vậy thân xác cần được săn sóc. Đó là món quà vĩ đại của Thượng Đế. Đừng bao giờ chống lại thân xác, dù chỉ một khoảnh khắc, mà cũng đừng nghĩ rằng bạn chỉ là thân xác, dù chỉ một giây. Còn nhiều hứa hẹn lớn hơn nữa. Hãy dùng thân xác như một bàn đạp.

Bậc thứ hai là thân-tâm hợp nhất (psychosomatic), svadisthan.

Phân tâm học của Sigmund Freud<sup>7</sup> nằm ở đây. Freud đi cao hơn một chút so với Skinner và Pavlov, bằng cách nghiên cứu một ít những bí ẩn của tâm lý. Ông ta không phải chỉ là một nhà hành vi học, nhưng tự giới hạn trong

---

<sup>7</sup> Freud, tâm lý gia Áo, người sáng lập Phân Tâm học (Psychoanalysis)

việc phân tách giấc mơ. Phân tích các giấc mơ là nghề riêng của ông ta.

Giấc mơ đến với bạn như một ảo ảnh. Nó là một sự gợi ý, một biểu tượng, một điều gì đó mà vô thức muốn gửi cho ý thức. Nhưng dành quá nhiều thì giờ cho nó cũng chẳng lợi ích gì. Hãy phân tách giấc mơ, nhưng đừng trở thành giấc mơ. Bạn không phải là giấc mơ.

Mà cũng không nên ồn ào quá đáng về nó, như học phái Freud đang làm. Toàn bộ nỗ lực của họ xoay quanh thế giới của mộng tưởng. Hãy ghi lại giấc mơ của bạn; hãy để ý xem nó muốn nói gì, mà không cần phải tìm đến người khác để phân tích giấc mơ của bạn. Nếu bạn không phân tích được giấc mơ của mình, chẳng ai khác có thể làm được, vì giấc mơ của bạn là của bạn. Và vì giấc mơ của bạn là của bạn nên chẳng ai khác có thể mơ theo cách bạn mơ. Người nào có giấc mơ của người ấy nên không ai mơ giống bạn được; vì vậy chỉ mình bạn mới có thể giải thích được giấc mơ của mình. Người nào giải thích giấc mơ, giải thích ấy thuộc về người ấy. Chỉ mình bạn mới có thể quan sát nó. Mà thật ra, ta cũng chẳng cần phải phân tích giấc mơ làm gì. Nếu quan sát toàn bộ giấc mơ với sự sáng tỏ, với sự tỉnh táo, bạn sẽ thấy nó muốn nói gì. Thật là nực cười! Chẳng cần phải mất ba, năm, bảy năm để phân tâm làm gì.

Có người mỗi đêm ngủ mơ, ban ngày tìm đến nhà phân tâm để được phân tích, riết rồi bị ảo tưởng bao vây. Tựa như loại người thứ nhất bị ám ảnh với muladhara, thể chất, loại người thứ hai bị ám ảnh vì dục... bởi vì loại người thứ hai - phạm vi của thân tâm - là dục. Loại thứ hai lấy dục để giải thích mọi thứ. Chẳng cần biết bạn làm gì. Cứ đến với người theo Freud là ông ta sẽ kết luận là dục. Đối với ông ta, bên trên dục chẳng còn gì nữa. Ông ta sống trong bùn, chẳng hề biết có sen. Nếu bạn đem sen tới, ông ta sẽ nhìn vào nó và bảo là bùn. Ông ta sẽ nói, “Cái này là cái quái gì? Chỉ là bùn mà thôi. Nó chẳng mọc ra từ bùn sao? Nếu mọc ra từ bùn, nó phải là bùn

rời.” Giản lược mọi thứ về nguyên nhân rồi kết luận nguyên nhân là cái thực.

Vậy thì bài thơ nào cũng đều bị dẫn về tình dục. Cái gì đẹp cũng bị dẫn về dục, lại còn truy lạc và đè nén. Michelangelo<sup>8</sup> là họa sĩ thiên tài ư? - thế thì nghệ thuật của ông ấy phải có ít nhiều dục trong đó! Những người theo Freud vẽ rắn thêm chân là chuyện thường. Theo họ thì Michelangelo, Goethe<sup>9</sup>, Byron<sup>10</sup>, hay tất cả các công trình nghệ thuật vĩ đại đem lại niềm vui cho triệu triệu con tim, chẳng là gì khác ngoài dục bị đè nén - có thể Goethe muốn thủ dâm nhưng bị ngăn cản. Hàng triệu người bị ngăn cản không được thủ dâm, nhưng có ai trở thành thiên tài như Goethe đâu.

Vô lý thật! Nhưng Freud là sư tổ của thế giới nhà vệ sinh. Ông ta sống ở đó, đó là đền thờ của ông ta. Nghệ thuật bị coi là tâm bệnh, thi ca trở thành tâm bệnh, tất cả đều trở thành truy lạc. Nếu phân tích của Freud mà đúng, sẽ không có Kalidas,<sup>11</sup> không có Shakespeare,<sup>12</sup> không có Michelangelo, không có Mozart,<sup>13</sup> không có Wagner<sup>14</sup> vì người nào cũng bình thường. Những người này là bất thường. Theo Freud, họ đều bị bệnh tâm thần.. Cái vĩ đại nhất bị kéo xuống thành thấp kém nhất.

Theo Freud, Phật cũng bị tâm bệnh - bởi vì bất kỳ điều gì Ngài nói chẳng qua là dục bị đè nén.

Quan điểm này biến cái vĩ đại của con người thành xấu xí hết. Phải cẩn thận về điều đó. Phật không tâm bệnh, mà thật ra, Freud mới chính là người tâm bệnh. Sự im lặng của Phật, niềm vui sướng của Phật, sự an nhiên,

---

<sup>8</sup> Michelangelo, họa sĩ, điêu khắc gia nổi tiếng người Ý

<sup>9</sup> Goethe, thi sĩ Đức

<sup>10</sup> Byron, thi sĩ Anh.

<sup>11</sup> Kalidas, thi sĩ Ấn, viết bằng Phạn ngữ

<sup>12</sup> Shakespeare, văn hào Anh

<sup>13</sup> Mozart, nhạc sĩ Áo

<sup>14</sup> Wagner, nhạc sĩ Đức.

tự tại của Phật - không phải là tâm bệnh. Đây là sự thăng hoa trọn vẹn trong niềm an lạc, hạnh phúc tràn đầy.

Nhưng với Freud, người bình thường là người không biết ca hát, không biết khiêu vũ, không biết tiệc tùng, không bao giờ cầu nguyện, không biết thiền, chưa bao giờ làm được gì sáng tạo; hắn chỉ biết đi làm, về nhà, ăn uống, ngủ, rồi chết; hắn không hề để lại bất cứ một sự sáng tạo nào, không để lại bất cứ một dấu vết nào. Bình thường kiểu này thì rất tầm thường, dẫu dốt, khác gì đã chết rồi. Một số người nghi ngờ rằng vì Freud không phải là người sáng tạo nên ông ta kết án sự sáng tạo là tâm bệnh. Cũng có thể ông ta chỉ là người tầm thường. Sự bình thường của ông ta bị xúc phạm bởi những thiên tài thế giới.

Tâm trí tầm thường cố gắng thu nhỏ tất cả những cái vĩ đại. Tâm trí tầm thường không thể nào chấp nhận bất kỳ người nào vĩ đại hơn mình. Điều đó làm tổn thương tự ái của hắn. Đó là cách báo thù của tâm trí tầm thường - khoa phân tâm học và lối giải thích của nó về cuộc sống con người. Phải cẩn thận. Bậc thứ hai khá hơn bậc thứ nhất một chút, nhưng ta còn phải đi tiếp, đi xa hơn nữa, vượt xa hơn nữa.

Bậc thứ ba là tâm lý. Alfred Adler<sup>15</sup> sống trong thế giới tâm lý, ý chí quyền lực; mặc dù là rất ích kỷ, nhưng có ít còn hơn không; Adler cởi mở hơn Freud một chút. Nhưng vấn đề là, cũng như Freud dẫn mọi thứ về dục, Adler đưa mọi thứ về mặc cảm tự ti. Người ta cố gắng trở thành vĩ đại bởi vì mặc cảm thấp kém. Một người muốn trở thành chứng ngộ là người cảm thấy thấp kém, và một người cố gắng trở thành chứng ngộ là người muốn tìm quyền lực. Điều này sai hoàn toàn. Bởi vì những người như Đức Phật, Chúa Giê Su, Krishna<sup>16</sup> là những người đã chấp nhận tất cả, không đòi hỏi bất kỳ một điều gì thì

<sup>15</sup> Adler, đệ tử của Freud, sáng lập Tâm Lý Học Cá Nhân

<sup>16</sup> Krishna, hiện thân của Thượng Đế trong Ấn Độ giáo.

không thể nói rằng các Ngài đi tìm quyền lực. Và khi Phật giác ngộ, Ngài chẳng còn một ý tưởng nào, kể cả mặc cảm tự tôn. Ngài đã hòa nhập làm một với đại thể. Ngài chẳng có ý tưởng là Ngài thánh thiện hơn người khác. Tất cả đều là thần thánh, ngay cả hạt bụi cũng thiêng liêng. Không, Ngài không nghĩ mình tài giỏi, và Ngài không cố gắng để trở thành tài giỏi hơn người khác. Ngài không cảm thấy thấp kém chút nào. Ngài được sinh ra là một ông vua nên không có vấn đề thấp kém. Ở trên chóp đỉnh ngay từ đầu nên Ngài không thể cảm thấy thấp kém. Ngài là người giàu có nhất trong nước, uy quyền nhất trong nước mình: không còn quyền lực nào cao hơn cần phải đạt tới, không cần phải giàu hơn nữa. Ngài là một trong những người đẹp nhất<sup>17</sup> đã sinh ra trên thế gian này; cung phi, mỹ nữ của Ngài toàn là những người đẹp. Không có gì mà Ngài không có.

Nhưng Alder sẽ tìm ra một cái thấp kém nào đó, bởi vì ông ta tin rằng người ta chỉ có một mục tiêu duy nhất là bản ngã. Điều này tốt hơn, khá hơn Freud, cao hơn chút ít. Bản ngã cao hơn dục một chút, không cao hơn lắm, nhưng cao hơn ít nhiều.

Bậc thứ tư là tâm lý-tâm linh (psychological-spiritual), anahatta, trung tâm trái tim. Carl Jung,<sup>18</sup> Roberto Assagioli<sup>19</sup> và những người khác len lỏi vào cõi này. Họ tiến xa hơn Pavlov, Freud và Alder. Nhiều triển vọng đã được mở ra. Họ chấp nhận thể giới của cái phi lý, vô ý thức. Họ không giam mình trong lý lẽ. Họ là người phải chăng hơn - họ chấp nhận cả cái không hợp lý nữa. Cái phi lý không bị chối bỏ mà được chấp nhận. Đây là nơi tâm lý học hiện đại bế tắc - tại bậc thang thứ tư. Và bậc

---

<sup>17</sup> Đức Phật có 32 tướng tốt.

<sup>18</sup> Jung, học trò của Freud, tìm ra Vô Thức Tập thể (Collective Unconsciousness), sáng lập Tâm Lý Học Miền Sâu.

<sup>19</sup> Assagioli, Tâm Lý gia, sáng lập Tâm Lý học Tổng Hợp, tác giả bộ sách nổi tiếng Psychosynthesis (Tâm lý học tổng hợp).

thứ tư chỉ mới là nửa đường của toàn bộ chiếc thang: ba bậc bên trên và ba bậc bên dưới.

Tâm lý học hiện đại chưa phải là một khoa học đúng nghĩa. Nó treo lơ lửng ở giữa, rất lung lay, không có gì chắc chắn cả. Nó nghiêng về giả thuyết hơn thực nghiệm. Nó đang chật vật để sống còn.

Bậc thứ năm là tâm linh: Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái giáo - các tôn giáo của quần chúng còn bị kẹt tại bậc thứ năm. Họ không vượt quá tâm linh. Tất cả các tôn giáo có tổ chức, các giáo hội, còn bị kẹt ở đó.

Bậc thứ sáu là tâm linh siêu việt (spiritual-transcendental) - yoga và các pháp môn khác.<sup>20</sup> Trên khắp thế giới, qua nhiều thời đại, nhiều phương pháp đã được phát triển. Các pháp môn này không tổ chức như tôn giáo, không có giáo điều mà nhiều thực nghiệm hơn. Nếu cần phải thao luyện thân xác và tâm trí, nếu muốn có một sự hài hòa nào đó trong thân-tâm, để có thể nương vào sự hài hòa đó mà vươn lên trên cái thực tại bình thường của mình, Yoga có thể giúp bạn điều đó. Đó là bậc thứ sáu.

Và bậc thứ bảy là sự siêu việt: Mật tông, Lão giáo, Thiền. Trí huệ của Phật là bậc thứ bảy – Bát Nhã Ba La Mật Đa (prajnaparamita), có nghĩa là trí huệ siêu việt. Trí huệ này chỉ hoạt động khi bạn đã vượt qua mọi tầng lớp thân-tâm, và khi bạn chỉ là một sự tỉnh thức trong suốt, một quan sát viên vô tư, một chủ quan tinh ròng.

Chừng nào con người còn chưa đạt tới sự siêu việt, hẳn vẫn cần đồ chơi, kẹo bánh. Hẳn vẫn còn bị phình gạt bởi những ý nghĩa sai lầm.

---

<sup>20</sup> Hai bộ sách cổ rất nổi tiếng trong nhóm này là Yoga Sutra của Patanjali và Vigyan Bhairav Tantra của Shiva. Osho đã bàn rất nhiều về hai bộ sách này. Hy vọng trong tương lai gần hai bộ này sẽ được dịch sang Việt ngữ để chia sẻ với các bạn đạo.

Một hôm tôi thấy tấm bảng quảng cáo xe hơi Mỹ, đặt trên mui chiếc xe tuyệt đẹp, có hàng từ. “Có gì để mà tin.”

Con người chưa bao giờ sa ngã thấp như thế! Có gì để mà tin... Tin vào chiếc xe ư? Đúng đây, người ta tin mọi thứ - tin vào nhà cửa, tin vào xe hơi, tin vào tiền trong băng. Nếu để ý một chút bạn sẽ ngạc nhiên - Phật, Chúa đã biến mất, nhưng niềm tin thì vẫn còn. Chúa đã nhường chỗ cho Cadillac, Lincoln! Chúa đã biến mất và đã được thay thế bởi các thần mới như - Stalin, Mao, Hitler... Chúa đã biến mất và con người đã tạo ra các thần mới - các minh tinh điện ảnh.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử tâm thức nhân loại con người đã sa đoạ như thế. Thậm chí nếu đôi khi bạn cầu nguyện, đó cũng chỉ là một danh xưng trống không, vô nghĩa. Có thể khi bị đau ốm, có khi thất vọng, bạn cầu nguyện – như thể Chúa là những viên aspirin. Đó là điều mà những tà giáo muốn bạn tin tưởng. Họ nói, “Cầu nguyện ba lần một ngày thì sẽ hết bệnh” Chúa không phải là những viên aspirin, không phải thuốc an thần.

Một vài người cầu nguyện theo thói quen, một số khác là chuyên viên cầu nguyện. Thầy tu là chuyên viên cầu nguyện. Ông ta chẳng dính dáng gì với Chúa, ông ta được trả tiền để cầu nguyện. Ông ta là kẻ thiện nghệ. Một vài người cầu theo thói quen, một vài người cầu theo lối chuyên nghiệp, nhưng chẳng được mấy người nhớ tới Chúa trong tình yêu nồng nàn cả. Một vài người cầu tới Ngài trong lúc khốn khổ; lúc đang vui sướng, họ quên mất cả. Và khi vui sướng mới đứng để mà cầu nguyện - bởi vì chỉ khi vui sướng, vui sướng vô biên, bạn mới gần Chúa. Trong cơn khốn khổ bạn xa lìa, khép kín. Trong phút hoan lạc bạn cởi mở, thành thoi, dễ hội nhập với Chúa hơn.

Cho nên bạn cầu nguyện theo thói quen vì đã được dạy ngay từ lúc còn thơ, riết rồi thành thói quen, giống như hút thuốc. Hút thuốc cũng không khoái lắm, mà nếu

không hút, bạn cảm thấy như thiếu cái gì đó. Nếu bạn cầu nguyện mỗi sáng, mỗi chiều, cũng chẳng đạt được gì cả, bởi vì cầu nguyện kiểu đó không phải là tiếng nói của con tim - chỉ là chót lưỡi, đầu môi, máy móc. Nhưng nếu không cầu nguyện, bạn cảm thấy có gì thiếu sót. Cầu nguyện đã trở thành lễ nghi bắt buộc. Đừng biến cầu nguyện thành lễ nghi, và hãy tránh trở thành kẻ cầu nguyện chuyên nghiệp.

Tôi được nghe một câu chuyện rất nổi tiếng:

Câu chuyện về một đạo sĩ yoya rất nổi tiếng. Nhà vua hứa rằng nếu có thể đi vào thiên đình và nằm dưới đất trong một năm, ông ta sẽ được thưởng con ngựa quý nhất của vương quốc. Nhà vua biết đạo sĩ này chết mê, chết mệ vì ngựa; ông ta yêu thích ngựa hơn mọi thứ gì khác.

Đạo sĩ ưng thuận và bị chôn sống trong một năm. Nhưng trong năm đó vương quốc đã bị đánh bại và chẳng ai nhớ tới đạo sĩ này nữa.

Mười năm sau đó có người chợt nhớ và tự hỏi là điều gì xảy ra cho đạo sĩ này. Nhà vua sai người đi tìm. Đạo sĩ đó được đào lên. Ông ta vẫn còn trong hôn mê. Thở thuận ngày trước được rì vào tai ông ta. Lập tức ông ta ngồi dậy và hỏi, “Ngựa của tôi đâu?”

Sau mười năm nằm im dưới đất mà tâm trí chẳng thay đổi chút nào - “Ngựa của tôi đâu?” Đạo sĩ này có thực đi vào đại định không? Ông ấy có suy tư về Thượng Đế không? Nhất định ông ấy phải liên tục nghĩ về ngựa. Nhưng ông ấy là tay chuyên nghiệp, thành thạo, tài giỏi. Ông ấy đã học được phép ngừng thở và phép chết giả - nhưng đây là kỹ thuật.

Mười năm hoàn toàn im lặng như thế mà tâm trí chẳng thay đổi tí nào! Có khác gì mười năm đó chưa hề trôi qua. Nếu bạn cầu nguyện một cách kỹ thuật, một cách chuyên

NGHIỆP, theo thói quen, hay một cách máy móc, chẳng có gì có thể xảy ra cả.

Tất cả đều có thể xảy ra, nhưng mọi ngã đường đều phải bắt đầu bằng con tim. Do đó tên của bài kinh này: *Tâm Kinh – Kinh của Trái Tim.*

Trừ phi bạn làm điều gì đó với tình yêu nồng cháy, với sự tham dự của cả linh hồn lẫn thể xác, với một cam kết chắc chắn, với một lòng thành, với sự chân thực, với toàn bộ con người bạn, chẳng có gì sẽ xảy ra.

Một số người coi tôn giáo như tay, chân giả, chẳng có hơi ấm, cũng chẳng có sự sống. Và mặc dầu giúp cho họ đi được loạng choạng, chẳng bao giờ nó trở thành một phần thân xác của họ; ngày nào họ cũng phải tháo ra rồi buộc lại.

Hãy nhớ điều này là hàng triệu, triệu người trên thế gian đã làm như vậy. Rất có thể bạn cũng thế thôi. Đừng tạo ra tay, chân giả. Hãy để tay, chân thật của bạn cứng cáp hơn. Nếu được vậy, cuộc sống của bạn mới ấm áp. Được như thế bạn mới thấy niềm vui - không phải là nụ cười giả tạo trên môi, không phải loại hạnh phúc mà bạn tự dối mình, không phải mặt nạ để khoe người khác, mà cái mặt thật. Bình thường ta mang những đồ giả này mà không biết. Người có nụ cười đẹp, kẻ đeo khuôn mặt từ bi, người có nhân cách rất đáng yêu - nhưng những thứ này chẳng khác quần áo bạn mặc lên người mình. Sâu bên trong thì chẳng có gì khác lạ.

Bát Nhã Tâm Kinh có thể đổi hẳn đời bạn. Những lời kinh này có thể đưa đến cuộc cách mạng nội tâm.

Trước hết, ngay từ đầu, bao giờ cũng phải hỏi, “Tôi là ai?” Và bạn cứ phải hỏi mãi mãi. Khi lần đầu tiên bạn hỏi, “Tôi là ai?” bậc thang thứ nhất (muladhar) sẽ trả lời, “Bạn là thân xác! Sao hỏi vớ vẩn vậy? Không cần phải hỏi nữa, bạn đã biết rõ rồi.” Kế tiếp, bậc thang hai sẽ nói, “Bạn là dục.” Rồi bậc thang ba sẽ nói, “Bạn là con đường quyền lực, là bản ngã” - và cứ thế mãi.

Hãy nhớ điều này, là bạn chỉ dừng lại khi không nghe câu trả lời nào nữa. Còn câu trả lời thì còn hỏi. Nếu nhận được câu như “bạn là thế này, hay bạn là thế nọ,” thì bạn phải biết rằng trung tâm nào, luân xa nào đó đang mớm cho bạn câu trả lời. Khi đã vượt qua tất cả sáu trung tâm, mọi câu trả lời đều bị triệt tiêu. Cứ tiếp tục hỏi, “Tôi là ai?” mà không nhận được câu trả lời từ bất kỳ đâu thì đây là tuyệt đối im lặng. Câu hỏi, “Tôi là ai?” rền vang trong bản thân mình mà chỉ thấy im lìm, không một câu trả lời nào nghe được từ bất kỳ góc ngách, từ bất kỳ xó xỉnh nào. Bạn hoàn toàn hiện diện, tỉnh lặng hoàn toàn, một rung động nhỏ cũng không có. “Tôi là ai?” – mà thấy lặng như tờ. Đó là lúc phép lạ xảy ra: ngay cả câu hỏi cũng không thành hình được. Vậy thì câu trả lời thành ngữ ngắn. Đầu tiên câu trả lời biến mất, kế đến là câu hỏi cũng biến theo - vì chúng nương tựa nhau mà có. Chúng là hai mặt của cùng một đồng tiền - nếu mặt này ra đi, mặt kia không thể tồn tại được. Câu trả lời biến trước, rồi câu hỏi biến theo. Và với sự triệt tiêu của câu hỏi và câu trả lời, bạn sẽ nhận ra rằng: đó là siêu việt, đó là bờ bên kia.

Bạn biết rõ điều đó, nhưng không thể nói thành lời. Bạn biết rõ điều đó nhưng áp ứng, không thể nói một cách lưu loát được. Từ đáy sâu trong bản thể, bạn biết mình là ai, nhưng điều ấy không thể nói bằng lời được. Đó là tri thức sống, không thể tìm trong thánh thư, không thể vay mượn được, cũng không thuộc về người khác. Nó chuyển hóa từ bên trong bạn.

Và với việc chuyển hóa này, bạn là một vị Phật. Lúc đó bạn sẽ phá lên cả cười vì nhận ra rằng bạn đã là một vị Phật từ ngay ban đầu. Chỉ vì bạn chưa bao giờ nhìn sâu hơn thế. Bạn chỉ chạy lòng vòng, loanh quanh bên ngoài bản thể, bạn chưa bao giờ tìm về nhà.

Triết gia Arthur Schopenhauer<sup>21</sup> đang đi trên phố vắng. Trong lúc mải mê suy nghĩ, ông ta bỗng nhiên đắm

---

<sup>21</sup> Schopenhauer, triết gia Đức rất hâm mộ Phật giáo.

sầm vào một người đi ngược chiều. Tức mình vì bị húc mạnh và cái mặt tỉnh bơ của triết gia, người này hét lên, “Này! Ông nghĩ ông là ai vậy?”

Tiếp tục miên man trong tư tưởng, triết gia nói, “Tôi là ai ư? Ước gì tôi biết được điều đó.”

Có ai biết đâu!

Nếu biết được điều này - rằng tôi không biết tôi là ai - cuộc hành trình bắt đầu.

Lời kinh thứ nhất:

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã, rất đáng yêu và rất thánh!*

Đây là lời cầu nguyện.

Thánh thư của Ấn Độ bao giờ cũng bắt đầu bằng một lời cầu nguyện bởi một lý do quan trọng. Điều này khác hẳn các nơi khác và trong các ngôn ngữ khác. Điều này không thấy ở Hy Lạp. Sự hiểu biết của Ấn Độ là thế này, rằng chúng ta chỉ là những ống tre rỗng, để qua đó những điệu sáo du dương của thế giới siêu việt trôi lên. Chúng ta phải cầu khẩn, chúng ta phải trở thành môi trường để cho điều tối thượng thông qua chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta không biết ai tác giả của bộ Tâm Kinh này.<sup>22</sup> Không có người ký tên bởi vì người viết ra nó không tin rằng mình là người viết ra nó. Người ấy chỉ là phương tiện. Người ấy chỉ giống như một thư ký ghi lại thông điệp gửi đến từ cõi siêu việt. Thông điệp đó đã được đọc cho người ấy, và người ấy đã viết lại một cách trung thực. Nhưng người ấy không phải là tác giả - mà chỉ là người viết lại.

---

<sup>22</sup> Nargajuna (Long Thọ) dùng thần thông xuống Long cung, đến nhà Rắn (Nagar) tìm được Tâm Kinh và nhiều kinh khác.

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã, rất đáng yêu và rất thánh!*

Đây là một lời cầu khẩn, chỉ một vài từ, nhưng mỗi từ chứa đầy ý nghĩa.

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã...*

Trí Huệ Bát Nhã, dịch từ từ *prajnaparamita*.<sup>23</sup> *Prajna* nghĩa là trí huệ. *Prajna* không có nghĩa là tri thức. Tri thức là sản phẩm của tâm trí, là cái tới từ bên ngoài. Tri thức là cái vay mượn từ bên ngoài, không phải là một sáng tạo nguyên thủy, bởi chính bản chất, tri thức là đồ vay mượn. Trí huệ là sự sáng tạo nguyên bản của bạn; nó không tới từ bên ngoài mà trưởng thành bên trong bạn. Nó không giống như cái hoa giả mà bạn ra mua ngoài chợ. Nó là bông hồng thật mọc trên cây, mọc từ cây. Nó khoe cái đẹp của cây. Nó mọc từ trong ruột của cây; từ đáy sâu của cây nó mọc ra. Ngày nào đó nó còn then thủng e lệ, ngày nào đó nữa nó nở ra rực rỡ, lộng lẫy.

*Prajna* có nghĩa là trí huệ. *Prajna* trong Anh ngữ thường được dịch là wisdom (khôn ngoan), nhưng từ khôn ngoan ấy cũng không thể lột hết ý nghĩa của *Prajna*. Trong tiếng Anh, knowledge (tri thức) hiểu ngầm là không có kinh nghiệm. Bạn tới đại học để thu thập tri thức. Khôn ngoan có nghĩa là bạn phải lăn lộn với đời mà thu thập kinh nghiệm. Cho nên một người trẻ có thể có tri thức, nhưng không bao giờ khôn ngoan, bởi vì khôn ngoan cần thời gian. Một người trẻ có thể có đủ bằng cấp - tiến sĩ, thạc sĩ - điều đó chẳng khó khăn gì - nhưng chỉ người già mới khôn ngoan. Khôn ngoan là loại tri thức

---

<sup>23</sup> Thêm âm là Bát Nhã Ba La Mật Đa

được thu thập qua kinh nghiệm riêng của mỗi người, nhưng nó vẫn là từ bên ngoài.

Prajna không phải là tri thức, cũng chẳng phải là sự khôn ngoan như người ta vẫn thường hiểu. Đó là sự thăng hoa của nội tâm - không phải qua kinh nghiệm, không phải vay mượn của người khác, không phải tìm từ cuộc sống, cũng không phải nhờ lẫn lộn với đời mà có. Không, bạn phải quay trở về với nội tâm, trong im lặng hoàn toàn, và để cho cái vẫn ẩn náu sẵn ở đó nổ tung ra. Bạn đang mang trí huệ như một hạt giống bên trong mình; chỉ cần mảnh đất thuận tiện để hạt mầm ấy nở ra. Trí huệ bao giờ cũng là chánh gốc, nguyên thủy. Nó bao giờ cũng là của bạn, duy nhất là của bạn.

Nhưng hãy nhớ là khi tôi nói ‘của bạn’ không có nghĩa là có bản ngã nào dính líu vào đó. Nói là ‘của bạn’ nghĩa nó có từ tính bẩm sinh của bạn, nhưng nó không thuộc về bản ngã - bởi vì bản ngã lại là một phần của tâm trí, không phải của cái im lặng nội tâm của bạn.

*Paramita* nghĩa là từ bờ bên kia – đáo bỉ ngạn - thuộc về thế giới bên ngoài, từ bên ngoài, bên ngoài thời gian và không gian. Khi bạn đạt tới một trạng thái nơi mà thời gian biến mất, khi nội tâm của bạn vươn tới một nơi mà không gian biến mất, khi bạn không biết bạn ở đâu và khi nào, khi mà cả hai chiều kích này đều biến mất. Thời gian nằm hẳn bên ngoài bạn, không gian cũng ở bên ngoài bạn. Có một điểm cuối cùng bên trong bạn, nơi mà cả không gian lẫn thời gian không mò đến được.

Có người hỏi Chúa Giê Su, “Xin hãy nói về nước Trời. Có gì đặc biệt ở đó?” Chúa đáp lại, “Thời gian không còn nữa.”<sup>24</sup> Đó là vĩnh cửu, vô thời gian. Đó là siêu việt – siêu việt trên không gian và thời gian – nơi mà không gian và thời gian đều biến mất. Bạn không còn bị giam hãm, thu hẹp. Không thể nói bạn ở nơi này, hoặc nơi kia vì bạn bao trùm tất cả.

---

<sup>24</sup> Khải Huyền 10.6

Hãy nhìn vào tôi: tôi không thể nói tôi đang ở đây, bởi vì tôi cũng đang ở đằng kia nữa. Mà không thể nói tôi đang ở Ấn Độ, bởi vì tôi cũng đang ở Trung Quốc nữa. Và tôi cũng không thể nói rằng tôi đang ở hành tinh này, bởi vì tôi không ở hành tinh này. Khi bản ngã biến mất, bạn đã hội nhập làm một với toàn thể. Bạn vừa ở mọi nơi và không ở nơi nào cả. Bạn không còn là một thực thể tách biệt nữa, mà đã hợp làm một với vũ trụ.

Hãy lấy một thí dụ.

Một buổi sáng đẹp trời, trên một chiếc lá thật xinh, một hạt sương mai lung linh trong nắng, đẹp làm sao! Và thế rồi nó biến đi, lặn mình vào lòng đại dương. Khi còn đọng trên lá, nó có mặt ở một thời điểm nào đó, và chiếm một khoảng không gian nào đó; sự hiện hữu của nó được đã xác định; nó có đặc tính riêng của nó. Nhưng một khi nó rớt vào lòng đại dương, ta không thể tìm được dấu vết của nó nữa. Không phải bởi vì nó đã biến mất. Không phải thế. Bây giờ nó ở mọi nơi; vì vậy ta không thể nào tìm thấy nó ở bất kỳ chỗ nào. Ta không thể xác định được vị trí của nó, bởi vì toàn thể đại dương đã trở thành vị trí của nó. Bây giờ nó không còn tách biệt nữa.

Khi bạn không còn tách biệt với toàn thể, trí huệ bát nhã ba la mật đa – prajnaparamita – phát khởi. Đó là trí huệ siêu việt, trí huệ từ thế giới bên kia.

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã, rất đáng yêu và rất thánh!*

Một lời cầu khẩn chân thành... Lời nguyện ấy nói rằng sự tôn kính của bạn đối với trí huệ đã phát khởi khi bạn đã đến bờ bên kia. Và trí huệ đó rất đáng yêu, và rất linh thiêng - linh thiêng vì bạn đã trở thành một với toàn thể; đáng yêu vì cái bản ngã vốn từng tạo ra những xấu xa

trong đời bạn nay không còn nữa. Chỉ còn lại Chân, Thiện, Mỹ.

*Satyam, shivam, sunderam*: nghĩa là Chân, Thiện, Mỹ. Đó là ba đặc tính của Trí Huệ Bát Nhã.

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã - chân lý...*

Trí Huệ Bát Nhã là chân lý (Chân), là sự hoàn hảo của trí huệ, cái đáng yêu, cái đẹp (Mỹ), cái linh thiêng, và cái Thiện.

Tại sao Trí Huệ Bát Nhã lại được coi là linh thiêng? Bởi vì chư Phật được sinh ra từ đó. Đó là nơi cưu mang chư Phật. Bạn thành Phật khi trí huệ này phát khởi. Bạn thành Phật khi giọt sương tan biến vào đại dương, không còn phân cách, không còn mâu thuẫn, đối kháng với toàn thể nữa, đã buông rơi, mất hẳn cá nhân tánh, không còn đi ngược lại với toàn thể nữa. Vì vậy lời khuyên của tôi là đừng bao giờ đi ngược thiên nhiên; đừng bao giờ chống lại nó. Đừng bao giờ tranh thắng với nó, đừng bao giờ cố gắng chinh phục nó, đừng bao giờ cố gắng khuất phục nó. Nếu bạn cố gắng khuất phục nó, sự thất bại là chắc chắn rồi, bởi vì thành phần không thể thắng toàn thể được - mà đó là điều mà mọi người đều làm. Do đó nhìn quanh ta chỉ thấy thất vọng tràn trề, vì tất cả đều thất bại, vì người nào cũng đều cố gắng chinh phục thiên nhiên, cố gắng đi ngược dòng. Cứ làm như vậy, tự nhiên ngày nào đó bạn sẽ mệt mỏi, kiệt sức, rã rời. Bởi vì sức của bạn chỉ có hạn, mà dòng sông thì mênh mông, vô tận. Rồi ngày đó bạn sẽ bị cuốn trôi, chỉ còn lại thất vọng, ê chề.

Nếu có thể chấp nhận trong hân hoan, bạn sẽ thấy thanh thoi, hi hã. Lúc đó không còn là thất bại nữa mà là thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi chỉ có khi hợp tự nhiên. Đừng bao giờ chống lại thiên nhiên. Và hãy nhớ, thiên nhiên không bao giờ hại bạn. Thất bại của bạn là tự bạn

gây ra. Bạn thất bại bởi vì bạn đi ngược tự nhiên. Nếu muốn ném mùi thất bại, hãy tranh đấu. Nếu muốn chiến thắng, hãy buông lơi. Nghe có vẻ mâu thuẫn phải không? Rằng người sẵn sàng chịu thua lại trở thành người thắng. Đối với thiên nhiên chỉ người nào chịu thua mới là kẻ thắng. Cố gắng mà tranh thắng thì sự thất bại của bạn cầm chắc trong tay - vấn đề chỉ là thời gian, vào lúc nào đó, nhưng chẳng chóng thì chầy nó sẽ chắc chắn xảy ra.

Gọi là linh thiêng vì bạn đã hội nhập với toàn thể. Tim bạn đập cùng một nhịp với nó, bạn cùng nhảy múa với nó, cùng ca hát với nó. Khác nào chiếc lá trong cơn lốc. Theo điệu vũ của gió mà nó tung bay, mất hẳn ý riêng của mình. Việc mất ý riêng này tôi gọi là sannyas,<sup>25</sup> cái mà Bát Nhã Tâm Kinh gọi là linh thiêng.

Linh thiêng (holy) được dịch từ chữ *bhagavati* của Phạn ngữ. Từ đó còn quan trọng hơn từ thiêng liêng nữa nên cần phải hiểu cho rõ, bởi vì từ thiêng liêng hàm chứa ít nhiều ý nghĩa Ki Tô Giáo. Bhagavati...

Bhagavati là giống cái của từ *bhagavan*. Điểm nổi bật nhất là Bát Nhã Tâm Kinh không dùng từ *bhagavan* – thuộc giống đực, mà dùng *bhagavati* - giống cái. Bởi vì cội nguồn của tất cả là nữ, không phải nam, là âm chứ không phải dương,<sup>26</sup> là mẹ chứ không phải cha.

Khái niệm của Ki Tô Giáo về Thiên Chúa như người cha không hợp lý lắm. Chẳng qua đó là cái tôi của đàn ông. Sự tự tôn của đàn ông không thể nào nghĩ rằng Chúa lại có thể là đàn bà; bản ngã đàn ông muốn Chúa phải là đàn ông. Bạn đã biết về Chúa Ba Ngôi của Ki Tô Giáo: cả ba đều là đàn ông; đàn bà không được tính ở đây, hoàn toàn vắng mặt – Một Chúa Ba Ngôi gồm có Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Đây là một câu lạc bộ của đàn ông.

<sup>25</sup> Osho gọi người tìm đạo là sannyasin, gọi việc tìm đạo là sannyas.

<sup>26</sup> Trong Dịch học Âm đi trước Dương.

Và hãy nhớ cho kỹ rằng nữ tính mới là nền tảng của cuộc sống, không phải nam tính. Bởi vì chỉ đàn bà mới có tử cung, chỉ đàn bà mới có thể mang thai, chỉ đàn bà mới có thể sinh đẻ được. Cuộc sống phải qua giống cái mà có.

Nhưng tại sao đời sống phải tới qua giống cái? Điều ấy không phải ngẫu nhiên đâu. Đời sống tới qua giống cái bởi vì chỉ giống cái mới cho phép nó tới - bởi vì bản chất của nữ tính là tiếp nhận. Nam tính thì hung hăng, hiếu chiến; nữ tính dễ tiếp nhận, hấp thụ, dễ trở thành chiếc cầu cho đời sống.

Bát Nhã Tâm Kinh dùng từ bhagavati, không phải bhagavan. Đó là một điều vô cùng quan trọng. Trí Huệ Bát Nhã mà chư Phật đều tới từ đó là một yếu tố nữ, một người mẹ. Nói đến bụng mẹ thì phải là một người mẹ. Một khi nói về Chúa như người cha, dường như bạn không hiểu mình đang nói gì. Cha là một thể chế phi tự nhiên. Cha không có trong thiên nhiên. Ý tưởng về cha chỉ xuất hiện mới vài ngàn năm nay; đó là một thể chế của người. Mẹ thì có mặt mọi nơi; mẹ mới là tự nhiên.

Ý tưởng về cha xuất hiện trong thế giới này vì quyền tư hữu. Cha thuộc về góc cạnh kinh tế hơn là tự nhiên. Một khi tư hữu biến mất - nếu nó biến mất - ý tưởng về cha cũng biến luôn. Mẹ thì còn mãi mãi. Chúng ta không thể quan niệm được một thế giới không có mẹ. Quan niệm về một thế giới không có cha rất dễ dàng.<sup>27</sup>

Và chính ý tưởng về cha lại là hùng hổ, hung hăng. Bạn biết không? Chỉ người Đức mới gọi nước mình là 'đất cha', mọi nơi khác đều gọi là 'đất mẹ'. Đây là ý tưởng nguy hiểm. 'Đất mẹ' thì được. Gọi nước mình là 'đất cha,' bạn đang bắt đầu một điều gì đó nguy hiểm, bạn đang gieo hạt giống cho sự tranh chấp. Chẳng chóng thì chầy sự hiếu chiến sẽ hiện ra, chiến tranh sẽ tới. Hạt mầm đã có sẵn.

---

<sup>27</sup> Hiện nay ở Mỹ, Canada và Âu Châu nhiều phụ nữ có con bằng cách xin tinh trùng từ nhà thương, không cần có chồng.

Tất cả những tôn giáo nghĩ về Thiên Chúa như người cha đều là tôn giáo hung hăng. Ki Tô Giáo là hung hăng, Hồi giáo cũng vậy. Thiên Chúa của người Do Thái là một Thiên Chúa rất nóng giận và ngạo mạn. Thiên Chúa phán: Nếu người không theo ta, tức là người chống ta, và ta sẽ tiêu diệt người. Còn ta là một Chúa rất đố kỵ; các người chỉ tôn thờ mình ta thôi.<sup>28</sup> Dân tộc nào nghĩ về Chúa như người mẹ đều là dân tộc không bạo lực.

Phật tử chưa bao giờ tham dự vào một cuộc chiến tranh vì danh tôn giáo. Chưa bao giờ họ ép người khác theo Phật giáo bằng bạo lực, hay bằng cưỡng bách dưới bất kỳ hình thức nào. Người Hồi giáo đã cố gắng cải đạo người khác bằng gươm, ngược lại ý muốn của họ, ngược lại lương tâm của họ, chống lại tâm thức của họ. Ki Tô Giáo dụ người khác theo đạo bằng đủ mọi cách - khi thì bằng súng đạn, khi bằng cơm gạo, khi bằng thuyết phục, hứa hẹn khác. Phật giáo là tôn giáo duy nhất không bắt người khác theo đạo ngược lại ý muốn của người đó. Chỉ có Phật giáo là tôn giáo không bạo lực vì khái niệm về thực tại tối thượng là nữ tính.

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã, rất đáng yêu và rất thánh!*

Hãy nhớ rằng chân lý là cái đẹp. Chân lý là đẹp bởi vì chân lý là phúc lành. Chân lý không thể nào xấu được, bởi vì cái xấu xí không thể nào có thật; xấu xí chỉ có trong ảo tưởng.

Khi thấy một người xấu, đừng bị lừa dối bởi cái xấu bên ngoài. Nếu tìm sâu hơn một chút, bạn sẽ thấy con người khả ái nằm ẩn bên trong. Đừng bị lừa dối bởi cái xấu. Xấu xí là cái nhìn lệch lạc của bạn. Cuộc sống là

---

<sup>28</sup> Deuteornomy (Xuất Ai-Cập Ký) 6.14-15.

đẹp, chân lý là đẹp, hiện hữu là đẹp - hoàn toàn không có cái xấu.

Và Trí Huệ Bát Nhã là đáng yêu, đầy nữ tính và rất linh thiêng. Nhưng phải nhớ kỹ là từ ‘linh thiêng’ không nên hiểu theo nghĩa thường - như ám chỉ một thế giới khác, hay ngược với nghĩa trần tục và ô uế. Không. Tất cả đều linh thiêng. Không có gì có thể gọi là trần tục hay ô uế cả. Tất cả đều là thiêng liêng bởi vì tất cả đều tràn ngập trong Nhất Thể.

Tất cả đều là Phật! - Phật-cây và Phật-chó và Phật-chim và Phật-đàn ông và Phật-đàn bà, Hình tướng khác nhau nhưng tất cả đều là Phật. Tất cả đều đang trên đường thành Phật! Con người không phải là Thượng Đế trong điều tàn, con người là Thượng Đế đang hình thành, đang trên đường.

Lời kinh thứ hai:

*Quán Tự Tại, Bồ Tát và chúa tể linh thiêng,  
trong lúc đi sâu trong Trí Huệ Bát Nhã,  
trong cõi siêu việt, từ trên cao nhìn xuống,  
Ngài chỉ thấy năm hợp phần.<sup>29</sup>  
Và khi nhìn vào tự tánh của chúng,  
Ngài thấy tất cả đều trống không.*

Avalokita - *Quán Tự Tại* - là tên của Phật. Nghĩa đen của từ *Avalokita* là *người nhìn xuống từ bên trên*. Avalokita - người nhìn xuống từ bên trên, người đứng tại trung tâm thứ bảy, *sahasrar*, thế giới siêu việt, và nhìn

---

<sup>29</sup> năm hợp phần = Ngũ uẩn

xuống từ đó. Thông thường, những gì bạn nhìn thấy đều bị ô nhiễm bởi chỗ mình đứng nhìn, bị ô nhiễm bởi khoảng không gian mà bạn đang có mặt.

Một người sống tại bậc thang thứ nhất - thân xác vật lý - nhìn vào bất kỳ cái gì, anh ta cũng đều nhìn từ quan điểm đó. Anh ta chỉ nhìn vào thân xác bạn khi nhìn bạn; anh ta không thể nào nhìn sâu hơn thân xác, anh ta không thể thấy gì khác hơn. Cái bạn nhìn thấy được tùy thuộc vào chỗ bạn đứng nhìn.

Một người đang bị dằn vặt vì sắc dục, bị chìm đắm trong mộng tưởng về dục, thấy gì cũng là dục. Một người đang đói chỉ nhìn thấy thức ăn.

Hãy lấy bạn làm thí dụ. Bạn nhìn thấy đủ mọi thứ, và mỗi lần bạn lại nhìn chúng, chúng lại khác nhau, bởi vì bạn luôn luôn thay đổi. Buổi sáng mọi sự trông có vẻ đẹp hơn chút ít so với buổi tối. Buổi sáng bạn còn tươi mát, và buổi sáng bạn trỗi dậy từ giấc ngủ dài, giấc ngủ lâu, giấc ngủ không mộng mị. Bạn đã nếm được mùi vị của siêu việt, mặc dầu vô ý thức. Cho nên vào buổi sáng mọi thứ trông có vẻ đẹp, tươi tắn. Mọi người từ bi hơn, đáng yêu hơn, trong sạch hơn, hồn nhiên hơn trong buổi sáng. Đến chiều tối thì chính những người đó trở nên khó chịu hơn, khôn lỏi hơn, láu cá hơn, tham lam hơn, bạo hành và lừa dối hơn. Cũng những con người ấy về buổi sáng rất gần với siêu việt, nhưng chiều tối họ sống trong trần thế, trong thế tục, trong vật chất quá nhiều, và họ đã bị quay cuồng, quáng mắt ở đó.

Con người toàn hảo là người có thể qua lại trong bảy luân xa này một cách dễ dàng. Đó là con người đã tìm được giải thoát, hoàn toàn tự do, không trụ vào bất kỳ điểm nào,<sup>30</sup> tựa như người đứng ở giữa vòng quay theo mọi hướng một cách dễ dàng. Con người thực sự tự do ấy được gọi là *mukta*. Người ấy có thể qua lại trong mọi

<sup>30</sup> Đó là một trong nhiều ý nghĩa của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngàn mắt nhưng không có mắt nào là mắt chính.

chiều kích mà không gì có thể động chạm tới được. Sự thuần khiết của người ấy chẳng bao giờ mất; sự trinh khiết ấy thường trú trong siêu việt.<sup>31</sup>

Phật có thể tới cầm lấy tay bạn và chữa bệnh cho bạn. Lúc đó Ngài trở thành thân xác, và đó là tự do lựa chọn của Ngài. Ngài có thể trở thành tâm trí để nói với bạn và giải thích mọi điều cho bạn, nhưng Ngài không phải là tâm trí. Ngài tới và đứng sau tâm trí, sử dụng nó, giống như bạn lái xe – nhưng bạn không phải là chiếc xe. Ngài dùng cả bảy bậc thang này vì Ngài là toàn bộ chiếc thang. Nhưng điểm trụ tối hậu của Ngài vẫn nằm trong siêu việt. Đó là bản tính của Ngài.

‘*Avalokita*’ - Quán Tự Tại, nghĩa là người từ cõi bên kia nhìn vào thế giới.

*Quán Tự Tại, Bồ Tát và chúa tể linh thiêng, trong lúc đi sâu trong Trí Huệ Bát Nhã trong cõi siêu việt.*

Bát Nhã Tâm Kinh nói trạng thái của cõi bên ngoài không phải là tĩnh chỉ mà luôn chuyển động. Đó là một tiến trình, luôn luôn thay đổi, giống như dòng sông. Nó không phải là một danh từ, mà là một động từ. Nó không ngừng biểu hiện. Đó là ý nghĩa của *hoa sen một ngàn cánh*. ‘Một ngàn’ nghĩa là vô hạn, vô tận; đó là biểu tượng của vô hạn. Cánh hoa nọ chồng lên cánh kia, lớp hoa này nối tiếp lớp kia, trùng trùng điệp điệp không bao giờ chấm dứt. Cuộc hành trình bắt đầu nhưng không bao giờ chấm dứt. Đó là cuộc hành hương muôn thuở, vĩnh viễn.

---

<sup>31</sup> Osho có lần nói, “Ta là người du hành đến thế gian này. Ở trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian này”

*Quán Tự Tại, Bồ Tát và chúa tể linh thiêng, trong lúc đi sâu trong Trí Huệ Bát Nhã, trong cõi siêu việt..*

Quán Tự Tại luôn luôn tuôn chảy như một dòng sông trong thế giới của cõi bên ngoài. Ngài được gọi là chúa linh thiêng và là bồ tát. Một lần nữa từ Phạn này cần phải được ghi nhớ. Từ Phạn là *iswara*,<sup>32</sup> được dịch thành ‘Chúa Linh Thiêng’. ‘Iswara’ nghĩa là người sung mãn về mọi mặt, và sự sung mãn ấy từ tính trời mà có, không ai có thể lấy đi được, không cách nào mất đi được. Tất cả của cải của bạn có thể bị lấy đi, có thể bị đánh cắp, sẽ có ngày bị mất - một ngày nào đó thần chết sẽ tới và lấy đi mọi thứ. Khi người nào đó tìm được viên kim cương bên trong nội tâm, nghĩa là bản thể riêng của mình thì dầu cái chết cũng không thể nào lấy đi được. Thần chết chẳng còn sức mạnh nữa. Nó không thể nào bị đánh cắp, nó không thể nào bị mất đi. Lúc đó người ấy trở thành *iswara*, chúa linh thiêng. Thế thì người ấy đã trở thành *bhagavan*.

Từ *bhagavan* nghĩa là ‘người được ân huệ’. Thế thì người ấy đã trở thành người được ân huệ. Ân huệ ấy vĩnh viễn là của người ấy; nó không phụ thuộc vào bất cứ cái gì, hoàn toàn độc lập. Không có gì là nguyên nhân của nó nên không thể nào bị lấy đi. Nó không do duyên khởi mà có, nó là bản tính nội tại của người ấy.

Và Quán Tự Tại được gọi là bồ tát. Bồ tát là một khái niệm tuyệt đẹp của Phật giáo. Bồ tát là một người đã trở thành Phật nhưng vẫn ở lại trong thế giới của không gian và thời gian để giúp người khác. Bồ tát nghĩa là ‘Phật về mặt yếu tính’. Tựa như hạt sương mai sẵn sàng rơi xuống đại dương và tan biến, Bồ Tát sẵn sàng nhập niết bàn. Không còn gì phải giải quyết nữa, mọi khúc mắc của người ấy đã được giải quyết. Người ấy không cần phải ở lại đây nữa, nhưng vẫn cố nán ở lại đây. Không còn gì khác để học nữa, nhưng người ấy vẫn ở lại. Và người ấy

<sup>32</sup> Từ *Avalokitesvaro* hợp bởi *Avalokita* và *Iswara*

giữ mình trong thân xác, trong tâm trí, cố giữ lại toàn bộ chiếc thang. Người ấy đã vượt sang cõi bên kia, nhưng vẫn lưu giữ toàn bộ chiếc thang - mục đích là để giúp đỡ chúng sinh. Tất cả chỉ vì lòng từ bi.

Một câu chuyện kể về Phật. Khi Ngài tới cửa tối hậu niết bàn. Cửa được mở ra, các thiên thần nhảy múa và ca hát để đón chào Ngài, bởi vì lâu lắm mới có người thành Phật, có khi cả triệu, triệu năm. Những cánh cửa đó đã mở ra, và ngày đó dĩ nhiên phải là một ngày hội lớn. Chư Phật đời trước đều có mặt. Niềm vui lớn lan tràn khắp nơi. Hoa trút xuống như mưa. Đàn ca vang lừng. Tất cả đã được trang hoàng long lẫy - thật là ngày hội lớn.

Nhưng Phật không chịu bước vào. Chư Phật đời trước, tất cả đều chấp tay, yêu cầu Ngài, xin Ngài hãy đi vào. Các Ngài nói với nhau, “Sao Ngài ấy không chịu bước vào vậy?” Phật đáp lại, “Chừng nào những người khác đang đến sau tôi mà chưa vào, tôi sẽ không vào đâu. Tôi ở lại bên ngoài, bởi vì một khi đã vào rồi, tôi biến mất luôn. Thế thì tôi sẽ không có cách nào giúp những người này nữa. Tôi thấy hàng triệu người đang lặn mò trong bóng tối. Chính tôi cũng đã từng mò mẫm như vậy qua hàng triệu kiếp. Tôi muốn giúp họ một tay. Xin hãy đóng cửa lại. Khi mọi người đã tới hết, tôi sẽ gõ cửa. Lúc đó các Ngài có thể đón tôi vào.”

Một câu chuyện thực hay, và vô cùng cảm động... Nó nói lên hạnh nguyện độ tha của bồ tát, là người đã sẵn sàng qua bờ bên kia nhưng vẫn lưu lại - trong thân xác, trong tâm trí, trong thế giới, trong thời gian và không gian - để giúp người khác.

Phật nói, “Thiên định có thể giúp bạn giải quyết mọi vấn đề, nhưng vẫn còn thiếu cái gì đó – đó là lòng từ bi. Nếu có thêm từ bi nữa, bạn có thể giúp cho người khác giải quyết vấn đề của họ.” Ngài nói:, “Thiền là vàng ròng; một mình nó cũng có giá trị rồi. Nhưng nếu có thêm từ bi, vàng còn có hương thơm nữa - cả hai cộng lại thì còn gì quý hơn, vàng với hương thơm ngát. Vàng một mình nó

đã giá trị rồi - rất có giá trị - nhưng cộng từ bi nữa thì thiên có hương thơm.”

Từ bi là yếu tố khiến các vị Bồ Tát không thành Phật. Các Ngài dừng lại trên đường ranh giới - bờ bên này và bờ bên kia. Nhưng chỉ được vài ngày, vài năm, các vị ấy có thể lưu lại được, nhưng không lâu - bởi vì dần dần mọi thứ sẽ tan biến theo quy luật của chúng. Khi bạn không còn gắn bó với thân xác nữa, trọng tâm của bạn không nằm ở đó nữa. Đôi khi bạn có thể lui tới, nhưng với nhiều nỗ lực. Bạn có thể dùng thân xác, với nhiều cố gắng, nhưng bạn không còn thường trú ở đó nữa. Khi không còn nằm trong tâm trí, đôi khi bạn có thể dùng nó, nhưng nó không còn hoạt động trôi chảy như trước đây nữa. Khi không dồn năng lực cho nó, khi không dùng đến nó, nó trở thành vô dụng. Tựa như một chiếc xe lâu ngày không dùng đến, bụi bặm sẽ bám vào.

Khi một người đã đạt tới bậc thứ bảy, trong vài ngày, vài năm, người ấy có thể dùng sáu bậc bên dưới. Người ấy có thể quay lại và dùng chúng, nhưng dần dần chúng bắt đầu hư hỏng. Dần dần chúng sẽ không hoạt động nữa. Một vị bồ tát có thể ở lại bờ bên đây chỉ trong một kiếp, nhiều nhất là một kiếp. Sau đó người đó phải biến mất vào bờ bên kia, bởi vì chiếc xe đã biến mất.

Biết là vậy nhưng những người đã đạt đạo vẫn cố gắng bằng mọi cách, để dùng thân-tâm mà giúp những người chỉ có thể hiểu được ngôn ngữ của thân xác và tâm trí, và để giúp cho các đệ tử của họ.

*Quán Tự Tại, Bồ Tát và chúa tể linh thiêng,  
trong lúc đi sâu trong Trí Huệ Bát Nhã  
trong cõi siêu việt, từ trên cao nhìn xuống,  
Ngài chỉ thấy năm hợp phần.  
Và khi nhìn vào tự tánh của chúng*

*Ngài thấy tất cả đều trống không.*

Khi bạn nhìn từ bậc thang thứ bảy, sahasrar... Chẳng hạn, tôi vừa nói với các bạn rằng tôi chào vị Phật trong bạn. Đó là một cái nhìn từ cõi bên kia: rằng tôi thấy bạn là một vị Phật đang hình thành. Và một cái nhìn khác, tôi thấy bạn trống không bên trong.

Những điều bạn nghĩ về chính mình chẳng khác gì cái vỏ không. Có người nghĩ mình là đàn ông; đó là một ý tưởng rỗng tuếch. Tâm thức chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Có người nghĩ mình có một thân xác rất đẹp, có sắc đẹp tuyệt vời, lực lưỡng, và thể này hay thể nọ - tất cả đều là những ý tưởng không tuếch; hấn không biết là đang bị bán ngã của hấn phỉnh gạt. Có người nghĩ mình thông thái - cũng hoàn toàn vô nghĩa. Các bộ phận của hấn đã tích lũy ký ức và chính ký ức ấy đang lừa dối hấn. Những ý tưởng ấy tất cả đều trống không.

Cho nên khi từ siêu việt, một mặt tôi thấy các bạn là những vị Phật đang hình thành, và từ mặt khác tôi thấy các bạn chỉ là những cái vỏ trống không.

Phật đã nói rằng con người hợp bởi năm hợp phần, ngũ uẩn (*skandhas*), và tất cả đều là trống không. Và do hỗn hợp của năm yếu tố này mà một sản phẩm phụ này sinh, gọi là bản ngã, cái ta. Tựa như sự hoạt động của đồng hồ: nó cứ tích tắc, tích tắc không ngừng. Khi bạn lắng nghe, nó vẫn tích tắc. Rồi bạn mở đồng hồ ra, tháo rời tất cả các bộ phận ra để xem tiếng tích tắc từ đâu tới. Tiếng tích tắc từ đâu tới? Bạn sẽ chẳng tìm thấy đâu cả. Tiếng tích tắc ấy là một sản phẩm phụ. Nó chỉ là một hỗn hợp của các bộ phận rời. Những bộ phận ấy hợp lại với nhau đã tạo ra tiếng tích tắc.

Đó là cái 'tôi' của bạn – do năm yếu tố hoạt động với nhau đã tạo ra tiếng tích tắc được gọi là cái 'tôi'. Nhưng nó trống không, chẳng có gì trong đó cả. Nếu cứ truy tìm cái thực chất trong đó, bạn sẽ không tìm được gì.

Đây là một trong những trực giác, phát kiến sâu sắc nhất của Phật: rằng cuộc sống là trống không, rằng *cuộc sống mà chúng ta biết* là trống không. Mà cuộc sống thì đầy tràn, nhưng chúng ta không hề biết gì về điều đó cả. Từ cái trống không này bạn phải đi đến cái tràn đầy, nhưng cái tràn đầy đó không thể nào hình dung nổi ngay bây giờ - bởi vì cái tràn đầy đó từ trạng thái này chẳng khác gì trống không. Từ trạng thái đó cuộc sống tràn đầy của bạn dường như trống không - ông vua trông như kẻ ăn mày; một người của hiểu biết, đầy tri thức, trông như đàn độn, dốt nát.

Một câu chuyện nhỏ.

Một đạo sư thân nhận một học trò và nói với anh ta, “Con hãy cố gắng viết ra những gì con hiểu biết về đời sống đạo và yếu tố nào đã dẫn con tới đời sống ấy.”

Anh ta lui ra đi và bắt đầu viết. Một năm sau tìm gặp thầy, anh ta nói, “Con đã cố gắng hết sức mình, và mực dầu còn nhiều thiếu sót, đây là những lý do chính mà con đang gặp phải.”

Đạo sư đọc bài viết, có đến hàng ngàn từ, rồi nói anh ta, “Bài con viết rất có lý và phát biểu rất rõ ràng, nhưng dài quá. Hãy cố gắng thu ngắn lại một chút.” Anh ta lại ra đi, và sau năm năm anh quay lại chỉ còn một trăm trang giấy.

Đạo sư mỉm cười, và sau khi đọc bài viết, ông nói, “Nay con đang tới gần tâm điểm vấn đề. Ý tưởng của con rất sáng tỏ và mạnh mẽ. Nhưng vẫn còn hơi dài; hãy cố gắng thu hẹp lại hơn nữa.”

Anh ta lại buồn bã ra đi vì đã làm việc vất vả để đạt tới yếu tính. Nhưng sau mười năm quay lại, anh ta cúi lạy và trao cho thầy có vài trang giấy rồi nói, “Đây là cốt lõi của niềm tin của con, là tinh túy của cuộc đời con, và con xin thầy ban ơn vì đã đưa con tới điều ấy.”

Đạo sư đọc một cách chậm rãi và cẩn thận, rồi nói: “Kỳ diệu thay!” ông nói, “rất đơn giản và bay bướm, nhưng vẫn chưa hoàn hảo. Hãy cố gắng đạt tới sự sáng tỏ tột cùng.”

Và khi đạo sư sắp lìa đời và đang sửa soạn cho cái chết của mình, anh ta tìm đến. Anh quì xuống dưới chân thầy để nhận ân huệ rồi trao cho thầy chỉ một tờ giấy trắng tinh, không có một từ nào trên đó.

Thế rồi đạo sư đặt tay lên đầu anh và nói, “Nay con đã hiểu rồi.”

Nhìn từ điểm siêu việt ấy, cái bạn có là rỗng tuếch. Từ cái nhìn của bạn, cái tâm nhìn bệnh hoạn của bạn thì cái tôi đang có là rỗng tuếch.

Phật nhìn không có gì cả - chỉ là cái trống không thuần khiết - đối với bạn. Bởi vì các ý tưởng của bạn, bởi vì sự bám víu của bạn, bởi vì tính muốn chiếm đoạt mọi thứ của bạn nên Phật có vẻ rỗng không. Phật thực sự tràn đầy; bạn mới là trống không. Cái nhìn của Ngài là tuyệt đối; cái nhìn của bạn còn nhiều vẫn đục

Lời kinh:

*Quán Tự Tại, Bồ Tát và chúa tể linh thiêng, trong lúc đi sâu trong Trí Huệ Bát Nhã trong cõi siêu việt, từ trên cao nhìn xuống, Ngài chỉ thấy năm hợp phần. Và khi nhìn vào tự tánh của chúng, Ngài thấy tất cả đều trống không.*

Chân không là chìa khóa của Phật giáo - *shunyata*. Chúng ta sẽ bàn thêm ngày càng nhiều khi đi vào những địa hạt thâm sâu hơn của Bát Nhã Tâm Kinh.

Hãy suy tư về những lời kinh này - hãy suy tư bằng tình yêu, bằng sự thông cảm, không phải bằng logic và

lập luận. Nếu tìm hiểu những lời kinh này bằng logic và lập luận, bạn chỉ thấy xác mà không thấy hồn của chúng. Đừng phân tích. Hãy cố gắng hiểu. Cố gắng hiểu bằng tuệ giác và đừng đem tâm trí vào - tâm trí bạn sẽ là một cản trở.

Nếu có thể hiểu những lời kinh này mà không dùng tâm trí mình, một sự sáng tỏ lớn sẽ xảy ra cho bạn.



## 2

# Qui Phục Là Hiểu Biết



### Câu hỏi thứ nhất:

*Đôi khi trong lúc chỉ ngồi, câu hỏi lại tới trong tâm trí: Chân lý là gì? Nhưng lúc tới đây, con hiểu rằng con không có khả năng hỏi. Nhưng con có thể hỏi điều gì xảy ra trong những khoảnh khắc đó, khi câu hỏi này nảy sinh mạnh mẽ đến mức, giá mà Thầy ở gần, con sẽ hỏi ngay điều đó. Mà nếu Thầy không đáp, con sẽ túm râu, hay cố áo Thầy mà hỏi, “Chân lý là gì, thưa Osho?”*

Đây là câu hỏi quan trọng nhất mà mọi người có thể hỏi, nhưng không có câu trả lời. Câu hỏi quan trọng nhất, câu hỏi tối thượng, không thể có bất kỳ câu trả lời nào; đó là lý do tại sao nó lại là tối thượng.

Khi Pontius Pilate<sup>66</sup> hỏi Chúa Giê Su, “Chân lý là gì?” Chúa Giê Su im lặng. Không phải chỉ thế thôi. Chuyện kể rằng khi Pontius Pilate hỏi, “Chân lý là gì?” ông ấy chẳng

---

<sup>66</sup> Pontius Pliate = Phong-Xi-Ô Philatô là quan toàn quyền La Mã, cai trị Do Thái.

đội nghe câu trả lời. Ông ấy liền đứng dậy và ra khỏi phòng. Thật lạ lùng! Pontius Pilate cũng nghĩ rằng không thể có câu trả lời nên không chờ câu trả lời. Chúa Giê Su giữ im lặng bởi vì Ngài cũng biết điều ấy không thể trả lời nổi.

Nhưng hai sự hiểu biết này không giống nhau bởi vì hai người này khác nhau như mặt trăng, mặt trời vậy. Pontius Pilate nghĩ rằng vì không có chân lý nên không có câu trả lời. Đó là loại tâm trí logic, tâm trí của người La Mã. Chúa Giê Su im lặng chẳng phải vì không có chân lý, mà bởi vì chân lý quá mông mênh, không thể nào định nghĩa được. Chân lý quá bao la, vô cùng tận, không thể diễn tả bằng ngôn ngữ được. Ta có thể trở nên một với chân lý, nhưng không thể nào bàn cãi hoặc nói về nó được.

Hai người có lý do khác nhau, nhưng họ hành động y hệt như nhau. Pontius không đội nghe câu trả lời vì ông ta biết rằng không hề có chân lý. Chúa Giê Su giữ im lặng bởi vì Ngài biết chân lý là gì, và biết không thể dùng lời mà diễn tả được.

Chidvilas đã hỏi câu hỏi này. Câu hỏi này thực sự có ý nghĩa. Không có câu hỏi nào cao hơn câu hỏi ấy, bởi vì không có tôn giáo nào cao hơn chân lý. Chúng ta phải hiểu rõ, cần phải phân tích câu hỏi này. Xuyên qua việc phân tích và cố gắng tìm hiểu câu hỏi này, bạn có thể nhận thức được chân lý là gì. Tôi sẽ không trả lời vì tôi không thể trả lời được. Không ai có thể trả lời câu hỏi đó được. Nhưng chúng ta có thể phân tích câu hỏi này một cách tỉ mỉ. Khi tìm hiểu cận kề câu hỏi này, nó sẽ dần dần tan biến. Khi câu hỏi biến mất, bạn sẽ tìm được câu trả lời tại đáy sâu trong tim bạn - bạn chính là chân lý nên làm sao bạn có thể không hiểu được? Có thể bạn đã quên băng đi rồi, có thể bạn không còn nhớ gì về nó nữa, có thể bạn đã quên đường về nội tâm của mình, quên lối vào trong chân lý riêng của mình.

Chân lý không phải là một giả thuyết, không phải là một giáo điều. Chân lý chẳng thuộc về Ấn Độ giáo, không phải của Ki Tô Giáo, chẳng phải của Hồi giáo. Chân lý chẳng phải của tôi, không phải của bạn. Chân lý chẳng thuộc vào ai hết, nhưng mọi người đều nằm trong chân lý. Chân lý là cái hiện hữu. Đó chính là ý nghĩa của từ chân lý. Từ chân lý (truth) có gốc từ từ *verus* của latin. *Verus* có nghĩa là: cái đang hiện hữu. Trong Anh ngữ nhiều từ phát xuất từ từ *verus* này, như *was, were* - chúng có nguồn gốc từ *verus*. Từ *war* của Đức cũng từ *verus* mà ra. *Verus* nghĩa là cái hiện hữu, không được giải thích. Một khi có sự giải thích chen vào, cái bạn biết chỉ là thực tại, không phải chân lý. Đó là sự khác biệt giữa chân lý và thực tại. Thực tại là chân lý được tô màu.

Cho nên ngay lúc bạn trả lời câu hỏi, “Chân lý là gì?” nó đã trở thành thực tại rồi, không còn là chân lý nữa. Giải thích đã len lỏi vào, tâm trí đã tô màu cho nó. Và thực tại cũng nhiều như tâm trí vậy. Thực tại có nhiều loại, mà chân lý chỉ có một, bởi vì chân lý chỉ được nhận biết tới khi tâm trí vắng mặt. Chính tâm trí đã phân cách giữa bạn và tôi, giữa bạn và người khác, giữa bạn và hiện sinh. Nếu bạn nhìn qua lăng kính của tâm trí, nó sẽ vẽ cho bạn một bức tranh về chân lý. Cái mà bạn thấy chỉ là một bức tranh, một tấm hình của cái hiện hữu. Và tất nhiên, phẩm chất của tấm hình phụ thuộc vào máy ảnh, vào phim, vào hóa chất, vào kỹ thuật rửa hình, vào cách in hình, vào cả người chụp lẫn người rửa hình. Cả ngàn lệ một yếu tố phụ thuộc; nó trở thành thực tại.

Từ thực tại (reality) cần phải được hiểu rõ ràng. Nó có gốc từ từ *res*, nghĩa là một vật hay nhiều vật. Chân lý không phải là một vật. Một khi được giải thích, một khi tâm trí đã nắm lấy nó, định nghĩa nó, đánh dấu nó, nó trở thành một vật.

Khi bạn say mê một cô gái thì có chân lý trong tình yêu đó - nếu bạn đã yêu hoàn toàn mà không hay biết, nếu bạn không tự lừa dối mình, nếu bạn không đóng kịch,

không đạo diễn, thậm chí nếu bạn không để ý đến nó. Tình cờ bạn gặp một cô gái. Bạn nhìn vào mắt cô ấy, cô ấy nhìn vào mắt bạn, và nghe phụt một cái - bạn đã bị tiếng sét ái tình. Bạn không phải là người chủ động, bạn đã bị chinh phục, bạn đã trúng phải mũi tên. Bạn chẳng làm gì hết. Bản ngã bạn không tham dự vào, ít nhất là trong lúc đầu, khi tình yêu còn mới tinh. Trong tích-tắc đó là chân lý, nhưng không có giải thích. Đó là lý do tại sao không ai cắt nghĩa được tình yêu .

Sau đó thì tâm trí mò tới, bắt đầu lèo lái mọi việc và chiếm hữu hồn bạn. Bạn bắt đầu mơ tưởng về cô gái như người yêu của mình, nghĩ đến cưới cô ta làm vợ, nghĩ đến cô ta như người vợ của bạn. Bao nhiêu chuyện xảy ra; nào là bạn gái, nào là vợ - tha hồ mà dệt mộng. Chân lý không còn nữa, nó đã nhường chỗ cho mộng mơ. Bây giờ mộng tưởng trở thành quan trọng hơn. Cái mà tâm trí hiểu được thì chắc ăn hơn, cái nó không nắm được thì không bảo đảm. Bạn đã giết chết, đã đầu độc chân lý. Chẳng bao lâu sẽ có người vợ và người chồng - hai tâm hồn. Nhưng cái đẹp đã qua đi, niềm vui đã mất rồi, tuần trăng mật đâu còn nữa.

Tuần trăng mật qua đi lúc mà chân lý trở thành thực tại, khi tình yêu trở thành sợi giây trói buộc. Rất tiếc là tuần trăng mật quá ngắn ngủi – không phải tuần trăng mật bạn vẫn nghĩ. Tuần trăng mật này rất chóng vánh, lúc mà bạn nhìn vào mắt cô gái. Có thể chỉ trong một tích-tắc thôi, nhưng sự thuần khiết của nó, sự trinh trắng như pha lê của nó, sự thiêng liêng của nó, sự siêu thực của nó - nó đến từ vĩnh cửu, nằm ngoài thời gian. Nó không thuộc về thế giới trần tục này, tựa như tia sáng chiếu qua khe hở. Nó đến từ thế giới siêu việt. Nếu gọi tình yêu là Thiên Chúa<sup>67</sup> thì cũng không sai, bởi vì tình yêu là chân lý. Cái gần chân lý nhất mà bạn thường gặp trong cuộc sống thường ngày là tình yêu.

---

<sup>67</sup> Chúa Giê Su nói, “Thiên Chúa là tình yêu”

Chidvilas hỏi: “Chân lý là gì?”

Chỉ khi câu hỏi biến mất, bạn mới biết chân lý là gì.

Nếu hỏi, “Chân lý là gì?” bạn đang hỏi gì vậy? Nếu tôi nói A là chân lý, B là chân lý, C là chân lý, câu trả lời nào là đúng? Nếu tôi nói A là chân lý, chắc chắn A không thể là chân lý vì nó là một cái gì đó mà tôi đang dùng để đồng nhất với chân lý. Nếu cả hai hoàn toàn đồng nghĩa thì nó sẽ là một sự lặp lại không cần thiết. Mà nếu tôi nói, “Chân lý là chân lý,” thì thật là ngớ ngẩn, vô nghĩa, chẳng giải quyết được gì. Nếu cả hai hoàn toàn giống nhau, nếu A và chân lý là một thì chẳng khác nào nói, “chân lý là chân lý.”<sup>68</sup> Nếu A và chân lý không hoàn toàn giống nhau, tôi đang bóp méo chân lý. Thế thì khi nói A là chân lý thì chỉ nói ước chừng thôi. Và xin hãy nhớ, chân lý chỉ ước chừng thôi thì không phải chân lý. Hoặc là chân lý, hoặc không. Cho nên tôi không thể nói A là chân lý.

Tôi cũng không thể nói, “Thượng Đế là chân lý,” bởi vì nếu Thượng Đế là chân lý thì lại là một sự lặp lại không cần thiết. Nếu nói, “Chân lý là chân lý,” tôi chẳng nói gì mới cả. Nếu Thượng Đế không phải chân lý, điều tôi đang nói là đúng về văn phạm, nhưng tôi chẳng nói gì mới cả. Thế thì Thượng Đế khác chân lý, thế thì sao Ngài có thể là chân lý được? Nếu điều tôi nói là xấp xỉ thì về mặt ngôn ngữ nghe có vẻ hợp lý, nhưng lại không đúng. ‘Xấp xỉ’ nghĩa là có gì đối trá trong đó, có gì đó giả mạo ở đây. Nếu không, sao không phải là chân lý trăm phần trăm? Nếu chỉ có chín mươi chín phần trăm chân lý, cái gì trong đó không phải chân lý. Mà chân lý và phi chân lý không thể cùng tồn tại với nhau, tựa như bóng tối và ánh

---

<sup>68</sup> Luận lý hình thức của Aristotle gồm có ba nguyên tắc:

1. đồng nhất (identity), A là A,
2. tương phản (contradiction), A không thể vừa là A và không-A
3. triết tam (excluded middle), A hoặc là A hoặc là không-A, không có trường hợp thứ ba.

Luận lý hình thức không còn giữ vai trò quan trọng trong triết học và khoa học nữa.

sáng không thể cùng có mặt một lúc - bởi vì bóng tối chẳng qua chỉ là sự vắng mặt của ánh sáng. Sự vắng mặt và sự hiện diện không thể cùng tồn tại với nhau, chân lý và phi chân lý không thể cùng hiện hữu. Phi chân lý chính là sự vắng mặt của chân lý.

Cho nên không thể có câu trả lời. Do đó Chúa Giê Su đã im lặng.

Nhưng bạn suy ngẫm điều đó với sự thông cảm sâu sắc, nếu suy tư về sự im lặng của Chúa Giê Su, bạn sẽ tìm được câu trả lời. Im lặng là câu trả lời. Chúa Giê Su đang nói, “Hãy im lặng, như ta đang im lặng, bạn sẽ biết” – mà không phải nói bằng lời. Đây chỉ là một cử chỉ, như kiểu cách của các thiền sư. Trong lúc Chúa Giê Su im lặng, Ngài rất gần gũi với Thiên tông, với Phật giáo. Trong phút im lặng ấy Ngài chẳng khác gì Đức Phật. Phật không bao giờ trả lời những câu hỏi này.<sup>69</sup> Có tất cả mười bốn câu hỏi mà Ngài từ chối không trả lời.<sup>70</sup> Bất kỳ chỗ nào Ngài đi qua, đệ tử đều bảo trước với mọi người, “Đừng bao giờ hỏi Phật những câu hỏi này.” Đó là những câu hỏi

---

<sup>69</sup> Im lặng là đặc điểm của đạo học đông phương.

1. Trang Tử im lặng khi được hỏi về Đạo. Trí Bắc Du, Nam Hoa Kinh.

2. Lão Tử mở đầu Đạo Đức Kinh bằng câu, “Đạo có thể nói được thì không phải đạo thường.”

3. Áo Nghĩa Thư cũng im lặng khi nói về đạo.

4. Gần đây triết học tây phương cũng lần mò đến vùng vô ngôn, bất khả tư nghị ấy. Wittgenstein kết thúc tác phẩm lừng danh Tractatus Logico-Philosophicus với câu, “Gặp trường hợp không thể nói được, ta phải im lặng.”

<sup>70</sup> Mười bốn câu hỏi ấy thường được bỏ chung trong bốn nhóm khác nhau:

- (a) Vũ trụ là vĩnh cửu, hay không vĩnh cửu, hay vừa vĩnh cửu vừa không, hay chẳng vĩnh cửu cũng chẳng không vĩnh cửu.
- (b) Vũ trụ này hữu hạn, hay vô hạn, hay vừa hữu hạn vừa vô hạn, hay chẳng hữu hạn cũng chẳng vô hạn.
- (c) Đức Phật tồn tại sau khi chết, hoặc không, hoặc vừa tồn tại vừa không, hoặc chẳng tồn tại cũng chẳng không tồn tại.
- (d) Linh hồn và thể xác là một, hay khác nhau.

nền tảng, thực sự có ý nghĩa. Ngoài ra bạn có thể hỏi bất kỳ điều gì, và Phật lúc nào cũng sẵn sàng trả lời. Nhưng đừng hỏi những câu hỏi nền tảng, bởi vì nền tảng chỉ có thể biết được qua kinh nghiệm. Và chân lý là nền tảng cơ bản nhất; bản chất của hiện sinh chính là chân lý.

Hãy suy ngẫm câu hỏi này. Câu hỏi này rất có ý nghĩa, nó đang phát khởi trong tim bạn: “Chân lý là gì?” - sự khao khát muốn biết về cái đang hiện hữu, đang này sinh. Đừng gạt nó sang một bên mà hãy tìm hiểu nó. Chidvilas, khi nào điều ấy lại xảy ra, hãy nhắm mắt lại, hãy quên hết mọi sự và chỉ để ý đến câu hỏi này thôi. Hãy để cho câu hỏi hội tụ lại và tăng cường độ - “Chân lý... là... gì?” Hãy để cho sự tập trung lớn dần dần. Hãy quên hết mọi thứ, như thể toàn bộ cuộc sống của bạn treo trên câu hỏi đơn giản này, “Chân lý là gì?” Hãy coi như đó là vấn đề sống chết. Và đừng cố gắng trả lời nó, bởi vì bạn không biết được câu trả lời.

Bạn có thể tìm được nhiều câu trả lời, bởi vì tâm trí bao giờ cũng cố gắng đưa ra nhiều câu trả lời. Nhưng hãy chấp nhận sự kiện rằng bạn không biết; đó là lý do tại sao bạn lại hỏi. Vậy thì sao tâm trí lại có thể cho bạn những câu trả lời được? Tâm trí không biết được, vậy hãy bảo nó, “Im lặng đi.” Nếu biết, nó đã không cần có câu hỏi đó. Vì bạn không biết nên mới có câu hỏi đó.

Cho nên đừng để bị lừa vì những trò chơi của tâm trí. Nó cung cấp đủ thứ đồ chơi. Nó nói, “Đây này! Điều này đã viết trong Kinh thánh. Đây này! điều này được viết trong Áo Nghĩa Thư.”<sup>71</sup> Đây là câu trả lời. Đây này! chính Lão Tử đã viết như vậy, đây là câu trả lời.” Tâm trí có thể viện dẫn đủ loại kinh sách; tâm trí có thể trích dẫn, có thể lôi ra từ trí nhớ. Có nhiều điều bạn đã nghe, có nhiều điều bạn đã đọc qua; tất cả đều được tâm trí cất giấu trong ký ức này. Nó có thể lặp lại một cách máy móc. Nhưng hãy để ý hiện tượng này: rằng tâm trí không biết, và tất cả

---

<sup>71</sup> Áo Nghĩa Thư (Upanishads) là hơn 1000 bộ kinh của Ấn Độ,

những gì nó đang lặp lại thì toàn là vay mượn cả. Mà đồ vay mượn chẳng ích lợi gì.

Chuyện xảy ra tại ngã tư xe lửa. Cỗng đã hạ xuống, một chiếc sắp băng qua. Một người đang ngồi trong xe, đợi cho xe lửa đi qua, cầm sách đọc. Một tên bọm rượu tiến lại gần, gõ vào cửa sổ của chiếc xe có máy lạnh. Người trong xe mở cửa và nói, “Tôi có thể giúp gì được ông? Ông cần giúp đỡ gì chăng?”

Tên bọm rượu nói, “Dạ có, đã hai ngày nay rồi tôi chưa có gì để lót bụng cả. Ông có thể cho tôi hai đồng không? Tôi chỉ cần hai đồng thôi.”

Người này cười to và nói, “Đừng bao giờ cho vay và đừng bao giờ mượn tiền cả.” Anh ta giờ cuốn sách cho tên bụi đời coi và nói, “Shakespeare - Shakespeare nói vậy đấy. Coi đây này.”

Tên bụi đời liền rút ra trong túi một cuốn sách đã phai màu, bần thũ và nói, “Đồ chó đẻ! - D. H. Lawrence.”

Hãy cẩn thận với tâm trí. Tâm trí trích dẫn đủ điều; nó biết tất cả mà lại không biết tí gì. Tâm trí chỉ biết làm bộ. Hãy hiểu hiện tượng này: đó là điều mà tôi gọi là trực giác. Đây không phải vì suy nghĩ mà có. Nếu bạn nghĩ về nó thì đây lại là tâm trí. Bạn phải nhìn kỹ trong ngoài. Bạn phải nhận rõ mặt chính hiện tượng này, cách hoạt động của tâm trí, cách thức mà tâm trí hoạt động. Nó vay mượn hết chỗ nọ đến chỗ kia, nó không ngừng vay mượn và tích lũy. Nó chỉ biết đầu cơ tích trữ, tích trữ tri thức. Tâm trí trở nên rành rõi, và khi hỏi một câu hỏi thực sự quan trọng, nó lại cho bạn một câu trả lời chẳng quan trọng tí nào - vừa vô ích, lại nông cạn và tầm phào nữa.

Tâm trí chính là ma quỷ, không có ma quỷ nào khác. Và đó là tâm trí của bạn. Nhận thức này cần phải được phát triển - phải nhìn thấu suốt. Hãy chặt đứt đôi tâm trí bằng lưỡi kiếm sắc bén. Lưỡi kiếm đó là sự tỉnh thức. Hãy chém tâm trí ra làm đôi và đi băng qua nó, vượt ra ngoài nó! Và nếu bạn có thể vượt qua tâm trí bằng tâm trí,

và lúc mà tâm-không nảy sinh từ bên trong thì sẽ có câu trả lời - không phải là câu trả lời nói, không phải trích dẫn từ kinh sách, không phải những từ trong ngoặc, mà thuần túy là của bạn, một thể nghiệm. Chân lý là một kinh nghiệm hiện thực.

Câu hỏi này có ý nghĩa rộng lớn, nhưng bạn phải rất tôn kính câu hỏi đó. Đừng vội vã tìm câu trả lời, nếu không, nhằm nhĩ sẽ giết chết câu trả lời. Đừng để tâm trí giết chết câu hỏi. Và cách mà tâm trí giết chết câu hỏi là cung cấp câu trả lời mà không từng trải, không kinh nghiệm.

Bạn là chân lý! Nhưng điều đó chỉ có thể xảy ra trong tuyệt đối im lặng, khi không một ý nghĩ nào xuất hiện, khi tâm trí hoàn toàn trống rỗng, khi không một gợn sóng nổi lên trong tâm thức của bạn. Khi không một gợn sóng trong tâm thức, tâm thức của bạn hoàn toàn trong sáng, không bị bóp méo. Khi một gợn sóng nổi lên, sự phẳng lặng không còn nữa.

Hãy nhìn vào mặt hồ. Từ trên bờ nhìn xuống hình bóng phản chiếu của mình. Nếu có gợn sóng trên mặt hồ, hình bóng của bạn bị xao động. Bạn không thể nào phân biệt được cái gì ra cái gì - đầu là mũi và đầu là mắt - bạn chỉ có thể đoán chừng. Nhưng khi hồ tĩnh lặng, gió không thổi và không một gợn sóng trên hồ, tất cả rõ ràng. Trong sự phẳng lặng tuyệt đối ấy, hình bóng phản chiếu thật là toàn vẹn. Hồ trở thành tấm gương.

Mỗi khi có một ý nghĩ di động trong tâm thức, tâm thức ấy bị bóp méo. Và rất nhiều ý tưởng, cả triệu ý tưởng, xô đẩy không ngừng, và lưu thông bao giờ cũng tắc nghẽn. Hai mươi bốn trên hai mươi bốn lúc nào cũng nhộn nhịp; lưu thông cứ tiếp diễn liên tục, và mỗi ý nghĩ lại kéo theo hàng ngàn ý nghĩ khác. Chúng nối kết và gắn bó lẫn nhau, và cả đám đông ấy xô đẩy bao quanh bạn. Thế thì sao bạn biết được chân lý là gì? Hãy thoát ra khỏi đám đông này đi đã.

Đó chính là thiên định; thiên định vốn vẹn chỉ có thể thôi. Đó là một tâm thức mà không có tâm trí, một tâm thức không có ý nghĩ, một tâm thức không lay động - một tâm thức không có một gợn sóng. Đó là lúc tâm thức hiển hiện lộng lẫy nhất với đầy ân sủng. Lúc đó chân lý xuất hiện – có thể gọi đó Thượng Đế, có thể gọi là niết bàn, hay bất tên gì mà bạn thích. Đó là chân lý, và đó là một *kinh nghiệm*. Bạn ở trong nó, và nó ở trong bạn.

Hãy dùng câu hỏi này. Hãy để cho nó thấm sâu hơn, hãy để cho nó thâm nhập hết mức, hãy lấy mọi thứ mà đánh cuộc, để cho tâm trí không thể đánh lừa bạn bằng những câu trả lời phiếm diện của nó. Một khi tâm trí biến mất, một khi tâm trí không còn dờ dờ nữa, bạn sẽ biết chân lý là gì. Bạn sẽ biết nó trong thình lạng. Bạn sẽ nhận biết nó khi mặt hồ của sự tỉnh thức của bạn không có một gợn sóng của ý tưởng.

### Câu hỏi thứ hai

*Sự qui phục của con có chủ đích. Con qui phục để được tự do, cho nên không thực sự là qui phục chút nào. Con đang quan sát nó, nhưng vấn đề là: lúc nào con cũng là người đang quan sát. Do đó, mọi nhận thức đạt được qua sự quan sát đó chỉ làm tăng sức mạnh cho bản ngã. Con cảm thấy bị bản ngã mình lừa.*

Bạn vẫn chưa hiểu qui phục là gì.

Điều đầu tiên cần phải nhớ về qui phục là: bạn không phải là người làm điều đó, đấy không phải là việc làm. Bạn có thể cản trở không nó cho xảy ra, nhưng bạn không thể lèo lái cho nó xảy ra được. Sức mạnh của bạn về qui

phục chỉ là tiêu cực; bạn có thể ngăn cản nó, nhưng bạn không thể ép nó xảy ra được.

Qui phục không phải là cái điều mà bạn có thể làm được. Nếu bạn làm điều đó, đây không phải là qui phục, bởi vì có người làm ở đó. Qui phục là việc hiểu biết rất rõ ràng rằng, “Tôi không còn nữa.” Qui phục là một nhận thức rằng bản ngã không hiện hữu, rằng bạn không cách biệt.” Qui phục không phải là một hành động mà là sự hiểu biết.

Trước hết, *bạn* là giả dối, sự cách biệt là giả dối. Không một giây phút nào bạn có thể hiện hữu cách biệt khỏi vũ trụ. Cây không thể tồn tại nếu bị bứng gốc. Cây không thể tồn tại nếu mặt trời biến mất. Cây không thể tồn tại nếu thiếu nước. Cây không thể tồn tại nếu thiếu thán khí. Cây sống nhờ năm yếu tố mà Phật giáo gọi là ngũ uẩn (*skandhas*), năm tổ hợp mà chúng ta nói tới trong chương một. Quán Tự Tại... khi Phật đạt được trí huệ siêu việt, khi Ngài xuyên qua tất cả các giai đoạn này, khi Ngài trải qua tất cả các bậc thang của chiếc thang và đi tới bậc thứ bảy - từ đó Ngài nhìn xuống, nhìn lại - Ngài đã thấy gì? Ngài thấy chỉ có năm hợp phần và trong thực chất chúng chẳng có gì cả; chỉ là cái trống không, *shunyata* – Chân Không.<sup>72</sup>

Cây không thể tồn tại nếu không có năng lượng của năm yếu tố này thường xuyên đổ vào. Cây chỉ là hỗn hợp của năm yếu tố này. Nếu cây bắt đầu nghĩ, “Ta hiện hữu,” thì sẽ khốn khổ cho nó. Nó sẽ tự tạo địa ngục cho nó. Nhưng cây không ngu xuẩn như thế vì chúng chưa có tâm trí. Chúng sùng sững ra đó, và nếu ngày mai biến mất, chúng chẳng có một lời kêu than. Chúng không bám víu, không có gì để gắn bó cả. Cây qui phục hoàn toàn cho hiện sinh. Nói là qui phục nghĩa là nói nó không bao giờ tách rời, nó không có cái ý tưởng ngu đần về bản ngã. Và chim chóc cũng thế, núi non cũng thế, trăng sao cũng thế.

---

<sup>72</sup> Shunyata cũng được dịch là Tánh Không.

Chỉ có con người đã biến cơ hội vĩ đại là có tâm thức của mình thành tự ý thức – ý thức về cái ta. Con người có tâm thức. Nếu tâm thức trưởng thành, nó có thể đem niềm phúc lạc lớn nhất tới cho bạn. Nhưng nếu có gì trục trặc mà tâm thức không phát triển được và trở thành tự ý thức, nó sẽ tạo ra địa ngục, sẽ tạo ra nhiều khốn khổ cho nó. Một trong hai trường hợp đó đều có thể xảy ra; lựa chọn là quyền của bạn

Điều thứ nhất cần phải hiểu về bản ngã là nó không có thật. Không ai hiện hữu một cách tách biệt cả. Bạn là một với trời đất cũng như tôi, như Phật, như Chúa Giê-Su. Tôi đã chứng nghiệm điều đó, bạn thì chưa. Khác chỉ là ở nhận biết. Sự khác biệt ấy không hiện thực, không quan trọng chút nào! Cho nên bạn phải nhận cho ra cái ý tưởng ngớ ngẩn này về sự tách biệt. Vì vậy, nếu cố gắng để qui phục, bạn vẫn còn đèo bồng cái ý tưởng về sự tách biệt. Nhưng trong lúc bạn nghĩ, “Ta sẽ qui phục, ta sắp sửa qui phục” - thì bạn nghĩ bạn là *bạn hiện hữu*.

Khi phân tích tận tường cái ý tưởng tách biệt này, một ngày nào đó bạn sẽ thấy rằng bạn không tách biệt, sao bạn có thể qui phục được? Chẳng có ai để mà qui phục cả! Không hề có sự qui phục, không bao giờ có - bất kỳ ở đâu. Nếu đi sâu vào trong bản thể, bạn sẽ không tìm thấy người qui phục ở đâu cả. Trong khoảnh khắc đó là sự qui phục. Khi không tìm thấy người qui phục thì trong khoảnh khắc đó là sự qui phục. Bạn không thể sai khiến nó. Nếu bạn *thực hiện* điều đó, đấy là giả tạo. Giả tạo chỉ có thể sinh ra giả tạo. *Bạn* giả tạo, nên bất kỳ cái bạn làm ra cũng đều là giả tạo, giả tạo hơn nữa. Và giả tạo này kéo theo nhiều giả tạo khác, và cứ thế mà tiếp diễn. Và cái giả nền tảng là bản ngã, cái ý tưởng, “Tôi tách biệt với hiện sinh.”

Bạn hỏi: “Sự qui phục của con có chủ đích.”

Bản ngã bao giờ cũng có chủ đích. Nó bao giờ cũng tham lam, bao giờ nó cũng tranh giành, bao giờ nó cũng lục lọi, tìm kiếm thêm nữa, nhiều hơn nữa; nó sống để tìm

kiếm nhiều hơn. Nếu bạn có tiền, nó muốn có nhiều hơn nữa; nếu bạn có nhà, nó muốn nhà to hơn; nếu bạn có bạn gái, nó muốn có người bạn đẹp, bao giờ nó cũng muốn nhiều hơn. Bản ngã không bao giờ biết đủ. Nó sống trong tương lai và trong quá khứ. Trong quá khứ nó sống như một kẻ tích trữ - “Ta có cái này, ta có cái kia, cái nọ...” Nó thỏa mãn lắm khi nói, “Ta được cái gì đó” - quyền lực, danh vọng, tiền bạc. Nó biến điều đó thành một loại thực tại. Nó tạo nên một cảm tưởng rằng, “Khi có những thứ này, thì ta phải hiện hữu.” Và nó sống trong tương lai với ý tưởng phải có nhiều hơn nữa. Bản chất của nó là ký ức và ham muốn.

Chủ đích là gì? - ham muốn: “Ta phải đạt tới đó, ta phải là cái này, ta phải đạt tới đích kia.” Bản ngã không và không thể sống trong hiện tại, bởi vì hiện tại là thực, còn bản ngã là giả - chúng chưa bao giờ gặp nhau. Quá khứ là giả, không còn nữa. Lúc nào đó khi nó là hiện tại, bản ngã không có mặt. Một khi nó đã biến mất, không còn hiện thực nữa, bản ngã bắt đầu dành chỗ nó, tích trữ nó. Nó vợ lấy và tích trữ những thứ chết rồi. Bản ngã là bãi tha ma; nó thu thập xác chết và xương xẩu.

Nếu bản ngã không sống trong quá khứ, nó sống trong tương lai. Tương lai chưa xuất hiện - nó là tưởng tượng, ảo tưởng, mơ mộng. Bản ngã thích sống trong thế giới ấy, rất dễ dàng. Những cái giả tạo đi với nhau một cách hoàn hảo, trôi chảy lắm. Đem những gì hiện thực lại thì bản ngã biến mất. Do đó mới có bí quyết là phải ở trong hiện tại, tại đây và bây giờ. Ngay khoảnh khắc này... Nếu bạn thông minh thì chẳng cần phải suy nghĩ về điều tôi đang nói, mà có thể *nhìn thẳng* vào ngay chính khoảnh khắc này! Bản ngã ở đâu? Nơi có sự im lặng, và không có quá khứ, và không có tương lai, chỉ khoảnh khắc này... và con chó này sủa.<sup>73</sup> Khoảnh khắc *này*, và bạn không còn tách biệt. Hãy để khoảnh khắc này kéo dài mãi mãi thì bạn

---

<sup>73</sup> chó sủa ám chỉ tâm trí. Thiền sư Nan-in có bài kệ nổi tiếng:

Tôi đi qua làng một đêm đông. Một con chó sủa không ngừng!

không còn nữa. Và chỉ còn là im lặng mênh mông, cái im lặng sâu thẳm, cả bên trong lẫn bên ngoài. Thế thì không cần phải qui phục, bởi vì bạn biết bản ngã không còn nữa. Biết rằng bản ngã không còn nữa chính là qui phục.

Vấn đề không phải là qui phục cho tôi, không phải là qui phục cho Thượng Đế. Vấn đề không phải là qui phục chút nào. Qui phục là một nhận thức, hiểu biết rằng cái “Tôi” không còn nữa. Nếu biết rằng, “Bản ngã không hiện hữu, tôi là chân không, cái chân không,” thì sự qui phục khởi phát. Qui phục là đóa hoa nở trên cây của chân không. Vì vậy nó không thể nào có chủ đích được.

Bản ngã có chủ đích. Nó mơ ước về tương lai. Thậm chí nó có thể khao khát cả kiếp sau; nó khao khát thiên đường, khao khát niết bàn. Chẳng cần biết nó khao khát gì - khao khát chính là bản chất của nó, ham muốn là bản chất của nó, mơ màng về tương lai là bản chất của nó.

Hãy nhận diện cho rõ! Hãy nhìn thẳng vào tự tánh của nó! Tôi không nói phải nghĩ về nó. Nếu suy nghĩ về nó thì hỏng hết. Suy nghĩ lại có nghĩa là quay về quá khứ hoặc tương lai. Hãy nhìn thẳng vào nó - *avalokita!* - hãy nhìn vào trong nó. Từ nhìn (look) trong tiếng Anh có cùng gốc với *avalokita*. Hãy nhìn vào trong nó, và nhìn ngay bây giờ. Đừng nói thêm, ‘Được, mình sẽ về nhà và làm như vậy.’ Bản ngã đã len vào, chủ đích đã tới, tương lai đã có mặt. Bất kỳ khi nào thời gian xuất hiện, bạn lại rơi vào trong cái ảo tưởng về tách biệt đó.

Hãy ngừng nơi đây, ngay khoảnh khắc này. Bỗng nhiên bạn thấy mình hiện thực, mà bạn chẳng đi đâu cả, chẳng tới từ đâu hết. Lúc nào bạn cũng ở đây. Ở đây là thời gian duy nhất, là không gian duy nhất. *Bây giờ* là hiện sinh duy nhất. Trụ trong cái bây giờ ấy là qui phục.

“*Sự qui phục của con có chủ đích,*” bạn nói; “*Con qui phục để được tự do.*”

Nhưng bạn tự do mà! Bạn chưa bao giờ không tự do cả. Bạn được tự do, nhưng một lần nữa vấn đề ấy lại diễn ra: bạn muốn được tự do, nhưng bạn không hiểu rằng bạn được tự do chỉ khi bạn thoát khỏi chính mình - không có tự do nào khác. Khi nghĩ về tự do, bạn nghĩ như thể bạn phải ở đâu đó mới có tự do. Nếu không còn nữa, bạn sẽ có tự do. *Tự do có nghĩa là tự do khỏi bản ngã, chứ không phải tự do của bản ngã.* Khi nhà tù biến mất, tù nhân cũng biến theo, bởi vì tù nhân chính là nhà tù! Khoảnh khắc bạn thoát khỏi nhà tù, bản ngã cũng không còn nữa. Chỉ còn bầu trời trong sáng, không gian tinh khiết. Chân không thuần khiết ấy được gọi là niết bàn, giải thoát.

Hãy cố hiểu thay vì cố đạt chủ đích.

“Con đang qui phục để được tự do.”

Thế thì bạn đang dùng qui phục như một phương tiện, và qui phục là mục đích, tự nó là chủ đích. Khi nói qui phục là mục đích, tôi không nói rằng qui phục phải được đạt tới trong tương lai. Tôi đang nói rằng qui phục không phải là phương tiện, tự nó là một mục đích. Không phải là qui phục đem lại tự do, qui phục chính là tự do! Chúng là đồng nghĩa, chúng có cùng một nghĩa. Bạn đang nhìn vào cùng một thứ từ hai góc cạnh khác nhau.

“Cho nên nó không phải là qui phục chút nào.”

Điều ấy không thực, mà cũng chẳng không thực. Điều ấy không phải là qui phục chút nào. Thậm chí đó cũng chẳng phải là không thực.

“Con đang quan sát nó, nhưng vấn đề là: lúc nào con cũng là người đang quan sát. Do đó, mọi nhận thức đạt được qua sự quan sát đó chỉ làm tăng sức mạnh cho bản ngã. Con cảm thấy bị bản ngã mình lừa.”

Cái ‘tôi’ cảm thấy bị lừa bởi bản ngã mà bạn đang nói tới là ai vậy? Không ai khác hơn là chính bản ngã. Bản ngã có khả năng tự phân chia thành nhiều mảnh, nhiều phần, rồi tự bày trò chơi. Bạn vừa là kẻ đi tìm, vừa là kẻ bị truy nã. Giống như con chó cố gắng cắn đuôi mình và cứ nhảy vòng vòng. Bạn quan sát và thấy cái ngớ ngẩn của nó - nhưng bạn thấy được cái ngớ ngẩn, còn chó thì không thấy được. Càng thấy khó cắn được đuôi, nó càng trở nên điên dại, càng nhảy nhiều hơn. Nhảy càng nhanh và mạnh hơn, đuôi cũng nhảy càng nhanh và mạnh hơn như vậy. Nó không thể hiểu điều gì đang xảy ra, mặc dù chụp, bắt là biệt tài của nó. Vậy mà cái đuôi tầm thường này mà nó lại không thể nào bắt được ư?

Đây chính là điều đang xảy ra cho bạn. Đây là cái ‘tôi’ đang cố gắng tìm bắt, và nó vừa là kẻ đi lùng, vừa là kẻ bị lùng bắt. Hãy nhìn ra cái kỳ cục của nó, và qua sự nhận thức đó, bạn được tự do.

Chẳng cần phải làm gì cả - tôi nói, không làm gì hết, bởi vì bạn đã là cái bạn muốn trở thành. Các bạn đều là Phật. Các bạn chưa bao giờ là cái gì khác. Nhìn ra điều ấy là đủ rồi.

Và khi bạn nói, “Con đang quan sát,” đó lại là cái ‘tôi’. Quan sát, cái ‘tôi’ sẽ lại sinh ra, bởi vì quan sát là một hành động, vì có nỗ lực trong đó. Bạn đang quan sát - thế thì ai quan sát? Hãy buông lỏng. Trong lúc thư giãn - khi không có gì để quan sát và không có người quan sát, khi bạn không bị phân chia thành cặp đôi - thì sự chứng kiến có một phẩm chất khác. Đây không phải là quan sát. Đó chỉ là sự ý thức thụ động. Chẳng có gì hùng hổ trong đó. Quan sát bắt buộc phải hùng hổ: cần phải nỗ lực, bạn trở nên căng thẳng. Nhưng đừng căng thẳng, hãy thành thoi, hãy thoải mái. Trong trạng thái tâm thức đó khi bạn

không làm gì hết, chỉ ngồi không thì khi xuân tới, cỏ tự mọc lên.<sup>74</sup>

Đó là toàn bộ quan điểm Phật giáo: rằng bất kỳ cái gì mà bạn làm sẽ tạo ra và củng cố người làm - quan sát cũng vậy, suy nghĩ cũng vậy, qui phục cũng vậy. Bất kỳ cái gì mà bạn làm cũng đều tạo ra cạm bẫy. Phần bạn chẳng cần phải làm gì cả. Hãy tự nhiên... và để mọi thứ xảy ra. Đừng cố gắng điều khiển, đừng cố gắng lôi kéo. Hãy để cơn gió thoảng qua, hãy để tia nắng rọi tới, hãy để dòng sông nhảy múa, và hãy để cho thần chết đến và nhảy múa trong bạn nữa.

Đây là ý nghĩa của tôi về sannyas: đây không phải là việc phải làm, mà là khi bạn từ bỏ tất cả ý tưởng “phải làm”<sup>75</sup> và bạn thấy cái ngớ ngẩn của nó. Bạn là ai mà phải làm? Bạn chỉ là một gợn sóng trong đại dương này. Hôm nay bạn có mặt, ngày mai bạn sẽ biến mất; đại dương còn mãi. Tại sao phải lo nghĩ quá vậy? Bạn tới, bạn ra đi. Trong khi đó, với cái khoảng nhỏ bé này, bạn phải lo lắng và căng thẳng quá đỗi, và tự chuốc lấy những gánh nặng này trên vai mình, rồi bạn mang những tảng đá đè lên tim mình - chẳng được tích sự gì.

Bạn tự do ngay chính lúc này!

Tôi tuyên bố là bạn đã giác ngộ ngay chính khoảnh khắc này. Nhưng bạn không tin tôi. Bạn nói, “Phải rồi, Osho, nhưng hãy chỉ cho con cách nào để giác ngộ.”

Việc trở thành đó, việc đạt đích đó, lòng ham muốn đó len lỏi vào trong mọi hoạt động của bạn. Khi thì tiền bạc, khi thì Thượng Đế. Có khi là quyền lực, có khi là thiên định - nhưng bất kỳ đối tượng nào, bạn đều vồ lấy nó. Không chụp giựt là cách sống thực, sống đời đầy ý nghĩa, không cạnh tranh, không chiếm hữu.

---

<sup>74</sup> Câu nói thông dụng của Thiền, “Không làm gì hết. Khi xuân tới, cỏ tự nhiên mọc”

<sup>75</sup> Lão Tử viết, “Người trên vì không cho là làm nên có làm. Còn kẻ dưới vì cho là có làm nên không làm.”

Hãy để cho mọi việc xảy ra, hãy để cho dòng sông tự diễn tiến thì sẽ có niềm vui, có sự hoan lạc – như vậy sẽ không thất vọng bao giờ, bởi vì ngay từ đầu bạn chẳng trông đợi bất kỳ cái gì. Bất kỳ cái gì tới cũng đều tốt, đều được hoan nghênh. Không có thất bại cũng chẳng có thành công. Cái trò thành, bại đã bị loại bỏ rồi. Mặt trời ban sáng đánh thức bạn dậy, tối thì trăng hát ru cho bạn ngủ. Cảm thấy đói thì bạn ăn, và cứ thế mãi. Đó là điều các thiền sư vẫn ngụ ý khi họ nói: Đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ và chẳng có gì khác phải làm cả.

Mà tôi cũng không nói bạn không hoạt động. Tôi không nói bạn đừng đi làm; tôi không nói đừng kiếm cơm; tôi không nói hãy từ bỏ thế gian và ăn bám vào người khác và trở thành kẻ bóc lột. Không, hoàn toàn không phải. Nhưng đừng cho đó là làm. Đúng vậy, khi đói bạn phải ăn, và bạn phải đổ mồ hôi để kiếm cơm - nhưng chỉ có việc làm mà không có người làm. Chính cơn đói đang làm việc; không có người nào khác làm việc đó. Chính cái khát đang đưa bạn tìm tới giếng hay tới con sông. Chính cơn khát di chuyển; không có người khát. Hãy bỏ hết danh từ và đại danh từ trong cuộc sống của bạn mà chỉ giữ lại động từ thôi.

Phật nói, “chân lý là khi bạn nhìn một vũ công thì không có vũ công mà chỉ có điệu vũ.<sup>76</sup> Khi bạn nhìn một dòng sông thì không có dòng sông mà chỉ có sự trôi chảy. Khi bạn nhìn một cây thì không có cây mà chỉ có cây đang mọc. Khi bạn nhìn một nụ cười thì không có người đang cười mà chỉ có nụ cười, cái cười. Khi bạn thấy tình yêu thì không có ai là người yêu mà chỉ có yêu đương. Cuộc sống là một tiến trình.”

Nhưng chúng ta đã quen nghĩ dưới dạng danh từ không thay đổi. Điều đó tạo ra rắc rối. Và chẳng có gì

---

<sup>76</sup> Vũ và vũ công không thể tách rời nhau. Nếu vũ công không vũ thì không thể gọi là vũ công. Vũ mà không có vũ công thì không thể gọi là vũ được.

tĩnh tại cả - tất cả đều thay đổi và tuôn chảy. Hãy thuận theo dòng, hãy trôi với dòng, và đừng bao giờ là người làm. Thậm chí khi bạn đang làm cũng đừng là người làm. Có việc làm nhưng không có người làm. Một khi nhận thức này ăn rễ vào trong bạn thì chẳng có gì khác nữa.

Giác ngộ không phải là một loại mục đích cần phải đạt tới. Nó chính là cuộc sống bình thường này, cuộc sống hiện đang bao quanh bạn này. Nhưng khi bạn không tranh đấu, cuộc sống bình thường này trở thành đẹp tuyệt vời. Thế thì cây cối còn xanh hơn, muôn chim hót líu lo hơn, mọi thứ đang xảy ra xung quanh đều là vô giá... ngay cả gạch, đá cũng là kim cương.

Hãy chấp nhận cuộc sống đơn giản này, bình thường này. Chỉ cần bỏ người làm. Và khi tôi nói bỏ người làm, bạn cũng đừng trở thành người bỏ! Chỉ cần nhìn rõ vào thực tại của nó thì nó biến mất.

### Câu hỏi thứ ba:

*Có gì khác biệt gì giữa Tánh Không Luận của Nagarjuna và giáo lý vô ngôn, bất khả tư nghị của Đức Phật không?*

Không có khác biệt chút nào. Nếu có sự khác biệt thì đây chỉ là cách phát biểu khác nhau. Long Thọ (Nagarjuna)<sup>77</sup> là một triết gia vĩ đại, một trong những người kỳ tài nhất thế giới. Chỉ vài người trên thế giới, rất ít người, mới có phẩm chất thâm thúy như Nagarjuna.

---

<sup>77</sup> Long Thọ = Nagarjuna, là tổ Thiên tông và Mật tông. Ngài là tác giả của bộ Trung Luận (Madhyamikas) rất nổi tiếng.

Cho nên, cách nói của Ngài là rất triết học, logic, tuyệt đối logic. Phật là nhà huyền học, không phải triết gia. Cách nói của Ngài nhiều thì vị hơn là triết lý. Hai phương pháp khác nhau, nhưng Nagarjuna nói y hệt như Phật nói. Cách phát biểu của họ chắc chắn là khác nhau, nhưng điều họ nói cần phải hiểu rõ.

Bharti hỏi, “Có gì khác biệt giữa Tánh Không Luận (*shunyavada*)...” *Shunyavada*<sup>78</sup> có nghĩa là lý thuyết, triết học về chân không. Trong tiếng Anh không có từ nào có thể tương đương, xấp xỉ tương đương với Tánh Không (*shunya*). Tánh Không nghĩa là trống không; nhưng không phải trống không tiêu cực, mà rất tích cực. Nó có nghĩa là chân không, nhưng không phải không có gì; nó có nghĩa là tính chất không có vật thể (*no-thing-ness*). Tánh Không có nghĩa là hư vô, không có bất cứ cái gì. Nhưng bản thân cái hư vô ấy tròn đầy, hiện diện khắp nơi (chân không diệu hữu), cho nên nó không phải chỉ là hư vô. Cũng tựa như bầu trời thăm thẳm, chỉ là không gian trống rỗng, nhưng nó hiện hữu. Mọi thứ đến trong đó rồi ra đi, nó thì còn lại mãi mãi.<sup>79</sup>

Tánh Không cũng tựa như bầu trời - sự hiện diện thuần khiết. Bạn không thể sờ tới nó được, mặc dầu bạn sống trong nó. Bạn không nhìn thấy nó, nhưng không có nó, bạn cũng chẳng hiện hữu được. Bạn sống trong nó, như cá sống trong đại dương, bạn hiện hữu trong không gian, trong Tánh Không. *Shunyavada* có nghĩa là mọi thứ nảy sinh ra từ chân không-vật thể (*no-thing*).

Cách đây vài phút tôi vừa nói cho các bạn về sự khác nhau giữa chân lý và thực tại. Thực tại là thế giới của vật thể, còn chân lý là thế giới của không vật thể - *shunya*.

---

<sup>78</sup> Xin đọc thêm “Triết học Tánh Không” của Thượng Tọa Tuệ Sỹ.

<sup>79</sup> Các nhà khoa học hiện đang đổ xô đi tìm Hick particle. Họ cho rằng Hick particle hiện diện khắp nơi trong vũ trụ. Vật thể tất cả từ Hick particle mà ra.

Vạn vật đều sinh ra từ chân không và tan biến trở lại chân không.<sup>80</sup>

Áo Nghĩa Thư có câu chuyện:<sup>81</sup>

Svetaketu từ nhà thầy trở về với cha mẹ. Anh ta đã học mọi thứ. Cha của anh là triết gia nổi tiếng Uddalaka, nói với anh ta, “Svetaketu, con hãy ra hái ít trái cây đem vào đây.”

Anh ta ra ngoài hái về một trái. Người cha nói, “Hãy cắt nó ra. Con thấy gì trong đó?” Có nhiều hạt trong đó. Rồi người cha lại nói, “Hãy lấy một hạt và cắt ra. Con thấy gì trong nó?”

Anh ta nói, “Chẳng có gì hết.”

Người cha nói, “Mọi vật này sinh ra từ chân không này. Cái cây lớn này, lớn đến độ cả ngàn xe bò cũng có thể nằm gọn dưới tán lá của nó, đã nảy sinh chỉ từ một hạt nhỏ này. Và con đập hạt ra mà chẳng thấy gì trong đó cả. Đây là bí ẩn của cuộc sống – vạn vật đều nảy sinh từ chân không. Rồi ngày nào đó cây ấy biến mất, chẳng biết về đâu; con không thể tìm thấy nó ở bất kỳ đâu.”

Con người cũng vậy: chúng ta nảy sinh từ chân không; chúng ta là chân không, và chúng ta biến mất vào trong chân không. Đây là shunyavada.

Còn giáo lý Bất Khả Thuyết và Bất Khả Tư Nghị (*avyakritopadesh*) của Phật là gì? Cũng y như vậy. Ngài chưa bao giờ khai triển một cách mạch lạc về mặt triết học như Nagarjuna đã làm. Đó là lý do tại sao Ngài không bao giờ nói về nó. Đó là lý do tại sao Ngài nói là nó không thể bàn cãi được; điều đó không thể nào dùng ngôn ngữ để giải thích nổi. Vì vậy, Ngài đã im lặng.

---

<sup>80</sup> Aristotle cũng nói mọi vật sinh từ hư không. Lão Tử cũng dạy rằng hư không là mẹ của trời đất. Ki Tô Giáo cũng nói Thượng Đế dựng lên vũ trụ từ hư không.

<sup>81</sup> Brihadaranyaka Upanishad

Bạn có biết bài thuyết Bông Hoa<sup>82</sup> không? Một hôm Phật cầm một bông sen trên tay và ngồi im lặng, chẳng nói một lời. Mười ngàn tăng chúng có mặt. Họ chờ để nghe Ngài nói. Ngài thì cứ nhìn mãi bông sen. Tất cả im lặng như tờ. Tăng chúng bắt đầu nhón nháo. Mọi người bắt đầu bôn chôn. Họ tự nhủ, “Ngài đang làm gì vậy? Ngài chưa bao giờ làm như vậy bao giờ.”

Thế rồi Mahakashyapa (Ma Ha Ca Diếp) mỉm cười.

Phật bèn gọi Ma Ha Ca Diếp và trao cho ông ấy bông sen. Rồi Ngài nói với toàn thể tăng chúng rằng, “Điều có thể nói, ta đã nói cho các ông. Còn điều không thể nói được, ta trao cho Ma Ha Ca Diếp.”

Đây là avyakritopadesh, đây là bất khả tư nghị pháp. Đây là xuất xứ của Thiền tông, của biệt truyền. Phật đã truyền cho Mahakashyapa cái gì đó, một điều gì hư không - về mặt hữu hình là hư không, không lời, không kinh sách, không lý thuyết. Nhưng cái gì đó đã được truyền. Cái gì vậy?

Các thiền sư đã từng thiền về điều này suốt hai ngàn năm trăm năm: “Cái gì vậy? Cái gì đã được truyền? Cái gì đích xác đã xảy ra?” Thật ra, Phật đã không có gì để truyền cho Mahakashyapa; Mahakashyapa đột nhiên hiểu ra điều gì đó. Ông ấy đã hiểu được im lặng, ông ấy đã hiểu cái im lặng xuyên thấu. Ông ấy đã hiểu cái khoảnh khắc sáng ngời đó, cái khoảnh khắc không có một gợn sóng của ý tưởng. Trong khoảnh khắc ấy ông ấy trở thành một với Phật. Đó là ý nghĩa của qui phục. Ông ấy không làm điều đó: Phật đang im lặng mà ông ấy cũng im lặng, và hai cái im lặng đó gặp nhau, và hai cái im lặng đó tan biến vào nhau. Và hai cái im lặng đó không thể mãi tách biệt được, bởi vì cái im lặng không có ranh giới, không bị giới hạn, và rộng mở từ mọi phía. Ngày hôm ấy trong hội

---

<sup>82</sup> Bài giảng Bông Hoa=Niêm Hoa Vi Tiểu. Thiền tông gọi giai thoại này là, “Thê Tôn Niêm Hoa, Ca Diếp Vi Tiểu”, nghĩa là Phật giơ cành hoa lên, Ca Diếp mỉm cười. Thiền tông bắt đầu từ đó.

chúng mười ngàn người mà chỉ có hai người im lặng - Phật và Mahakashyapa. Những người khác vẫn còn ở vòng ngoài. Mahakashyapa và Phật gặp nhau: đó là lý do ông ấy mỉm cười - bởi vì đó là bài giảng lớn nhất mà Phật đã giảng.

Không nói lấy một lời mà Ngài đã nói tất cả, tất cả những gì có thể nói được - và tất cả những gì không thể nói được nữa.

Mahakashyapa hiểu và cả cười. Trong cái cười đó Mahakashyapa biến mất hoàn toàn, thành một vị Phật. Ngọn lửa từ chiếc đèn của Phật đã nhảy sang Mahakashyapa. Điều đó được gọi là ‘pháp truyền không lập văn tự’<sup>83</sup> - bài Thuyết Bông Hoa. Đó là biến cố duy nhất trong lịch sử tâm thức con người. Đó là điều được gọi là *avyakritopadesh*: lời không nói được, lời không thốt ra - bất khả thuyết, bất khả tư nghị.

Im lặng trở nên rất lớn lao, rất dày đặc, rất hiện thực, đến nỗi như có thể sờ mó được trong khoảnh khắc đó. Phật là chân không, Mahakashyapa cũng hiểu chân không là gì, hoàn toàn trống không là gì.

Không có sự khác biệt giữa Tánh Không Luận của Nagarjuna và giáo lý Bất Tư Nghị của Phật. Nagarjuna là một trong những đại đệ tử của Phật, và là một trong những bộ óc sắc sảo nhất. Chỉ rất ít người – thí dụ Socrates<sup>84</sup>, Shankara<sup>85</sup> có thể sánh được với Nagarjuna. Ông ấy cực kỳ thông minh. Điều sau cùng mà trí năng có

---

<sup>83</sup> Thiên sau này được Bồ Đề Đạt Ma đưa sang đông với bài kệ nổi tiếng:

Giáo ngoại biệt truyền  
Bất lập văn tự  
Trực chỉ nhân tâm  
Kiến tánh thành Phật.

<sup>84</sup> Socrates, người Hy Lạp. Những điều ông nói được học trò là Plato ghi lại đầy đủ. Plato được coi là ông tổ của triết Tây.

<sup>85</sup> Adi Shankara, được coi là hiện thân của Shiva. Năm 30 tuổi ông ta đến đầu lý tại đại học Nalanda của Phật giáo và đánh bại tất cả tăng chúng trong chùa. Kết quả là sau đó Phật giáo bị hất ra khỏi Ấn Độ.

thể làm là tự sát; điều lớn nhất, điểm tối cao nhất có thể xảy ra cho trí năng là vượt qua ngoài nó<sup>86</sup> - đó là điều Nagarjuna đã làm. Ông ấy đã vượt qua mọi ràng buộc của trí năng, và vượt qua ngoài.

Các nhà thực chứng luận lý<sup>87</sup> nói rằng chân không chỉ là một sự trừu tượng. Trong nhiều trường hợp khác nhau của những câu phủ định – thí dụ, cái này không ngọt, tôi không khỏe, tôi không ở đó, hấn không thích tôi vân vân và vân vân - thì cái bị phủ định không có bản chất của riêng nó. Đây là điều các nhà thực chứng logic nói. Phật không đồng ý, Nagarjuna không đồng ý. Martin Heidegger<sup>88</sup>, một trong những tên tuổi lẫy lừng nhất hiện nay, cũng không đồng ý.

Heidegger nói có một kinh nghiệm thực sự về chân không. Đây không phải chỉ là khái niệm do ngôn ngữ tạo ra, mà có một kinh nghiệm thực sự về chân không. Nó gắn liền với hữu thể.<sup>89</sup> Một thí dụ về kinh nghiệm ấy là sự kinh sợ. Kierkegaard<sup>90</sup> cũng hỏi, “Chân không tạo ra hiệu quả gì?” và trả lời, “Nó gây ra sự khiếp sợ.”<sup>91</sup>

---

<sup>86</sup> Nam Hoa Kinh có thiên Trí Bắc Du. Trí đây là trí năng. Bắc là điểm cao. Trí chơi phương bắc là nói trí năng đã vượt ra ngoài nó.

<sup>87</sup> Chủ nghĩa thực chứng luận lý (logical Positivism) là trường phái triết học xuất hiện trong thế kỷ 20; khởi đầu từ Vienna, Áo, sau đó bành trướng mạnh tại các nước nói tiếng Anh. Đại biểu là A. J. Ayer. Phái này đặt vấn đề với ngôn ngữ, ý nghĩa và vai trò của những liên hệ luận lý, như kết quả của suy luận. Phái này chỉ chấp nhận những suy luận (logical) có thể kiểm chứng được bằng thí nghiệm (positive), ngoài ra tất cả chỉ là ngụy biện và vô nghĩa.

<sup>88</sup> Heidegger là một lãnh tụ của phái Hiện sinh. Ông được coi là một trong những triết gia quan trọng nhất của thế kỷ 20. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Hữu Thể và Thời Gian (Being and Time)

<sup>89</sup> Vật lý gia John Wheeler nói cái không là chỗ ngồi cao nhất của Vật lý học (Emptiness is the ultimate seat of physics)

<sup>90</sup> Kierkegaard, triết gia Đan Mạch, là người khởi xướng trường phái Hiện sinh.

<sup>91</sup> Một thí dụ khác là giấc mơ. Nó không có thật nhưng ảnh hưởng của nó không thể chối cãi được.

Chân không là một kinh nghiệm thực sự. Bạn có thể kinh nghiệm nó trong khi thiền, hoặc khi chết. Cái chết và thiền định là hai trường hợp để kinh nghiệm nó. Ngoài ra, đôi khi bạn có thể kinh nghiệm nó cả trong tình yêu nữa. Nếu bạn tan biến vào người yêu trong tình yêu nồng thắm, bạn đã kinh nghiệm chân không. Đó là lý do tại sao người ta sợ tình yêu - họ chỉ đi xa đến mức nào đó, rồi bắt đầu hoảng sợ, thế là họ sợ hãi. Đó là lý do tại sao rất ít người đạt được tột đỉnh khoái lạc - bởi vì tột đỉnh khoái lạc cho bạn nếm mùi kinh nghiệm về chân không.<sup>92</sup> Bạn biến mất, bạn tan biến vào trong cái gì đó mà không biết rõ là gì. Bạn đi vào trong chân không xác định nổi, *avyakrit*. Bạn vượt qua ngoài xã hội. Bạn đi vào trong hợp nhất nào đó, nơi mà sự tách biệt mất hẳn ý nghĩa,<sup>93</sup> nơi mà bản ngã không tồn tại. Và điều đó thật đáng sợ vì nó giống như cái chết.

Cho nên nó là một kinh nghiệm, hoặc trong tình yêu mà mọi người cố lẩn tránh - rất nhiều người cứ khao khát tình yêu mà lại phá hủy tất cả cơ hội để yêu bởi vì họ sợ chân không - hoặc trong thiền định khi ý nghĩ ngừng hẳn. Bạn nhìn vào nội tâm mà chẳng thấy gì cả, nhưng có chân không hiện diện; không phải là sự vắng mặt của ý tưởng, mà là sự hiện diện của cái gì đó không biết được, bí ẩn, một cái gì đó rất lớn lao. Hoặc là trong giờ chết, nếu bạn còn tỉnh táo. Phần lớn người ta bất tỉnh khi chết. Vì sợ chân không nên họ chết trong mê man. Nếu bạn chết mà còn tỉnh táo... Và bạn có thể chết một cách tỉnh táo chỉ khi bạn chấp nhận cái chết, và để sửa soạn cho việc ấy ta phải học cả đời. Người ta phải yêu để sẵn sàng chết, và người ta phải thiền để sẵn sàng chết. Chỉ người đã yêu và thiền mới có thể chết tỉnh táo. Và một khi chết một cách tỉnh táo, bạn chẳng cần phải trở lại nữa bởi vì bạn đã học bài

---

<sup>92</sup> Đó là lý do Mật tông lấy dục làm bàn đạp nhảy vào Thiền định.

<sup>93</sup> Một trong những kinh nghiệm của tột đỉnh khoái lạc là ý niệm về không gian và thời gian hoàn toàn biến mất; bản ngã biến mất; ngay cả người yêu đang nằm bên cạnh cũng chẳng biết tới nữa.

học về cuộc sống. Thế thì bạn tan biến trong cái đại thể; đó là niết bàn.

Những nhà thực chứng nói rất hợp lý, nhưng có điều họ không hiểu - bởi vì thực tại rộng lớn nhiều hơn logic. Trong kinh nghiệm thông thường chúng ta hiểu họ nói gì: cái ghế này hiện ở đây, nếu đem nó đi, bạn sẽ nói không có ghế ở đó. Điều đó chỉ về sự vắng mặt - cái ghế đã bị dời đi. Đây là những trường hợp thông thường của chân không: ở một thời điểm nào đó đã có một căn nhà và rồi nó đã bị phá đi, nó không còn ở đây nữa. Đó chỉ là một sự vắng mặt.

Nhưng có những chân không nằm sâu bên trong bản thể của bạn, tại đáy sâu. Tại chính cốt lõi cuộc sống, cái chết hiện hữu. Cái chết là trung tâm của cơn xoáy lốc. Trong tình yêu hay trong thiền định, bạn tới gần trung tâm ấy; trong cái chết của thể xác bạn cũng tới gần nó. Trong lúc say ngủ, không chiêm bao, bạn đến gần nó. Chính nó đã ban cho sự sống, chính nó đã nâng cao cuộc sống. Người không ngủ say được sẽ trở nên ốm yếu, bởi vì chỉ trong giấc ngủ say, khi hấn rơi vào trong chiều sâu thăm nhất của mình, hấn mới lấy lại cuộc sống, năng lượng, sức sống. Buổi sáng hấn lại tươi mát và đầy hứng khởi, thích thú và sống động.

Hãy học về chết!<sup>94</sup> Đó là nghệ thuật lớn lao nhất cần phải học, khả năng quan trọng nhất cần phải có.

---

<sup>94</sup> Sách cho người chết của Tây Tạng là dạy về cái chết cho người sống. 49 ngày sau khi chết, gọi là Bardo, nếu được sửa soạn khi còn sống, người chết có thể tìm được chúng ngộ dễ dàng.

Quan điểm của Heidegger<sup>95</sup> rất hợp với quan điểm của Phật, và ngôn ngữ của ông ấy rất mới mẻ, đó là lý do tại sao tôi trích dẫn ông ấy. Ông ấy nói: “Mọi sinh linh, bất kỳ sinh linh nào, đều từ chân không mà ra.” Ki Tô Giáo cũng có một tín điều tương tự nhưng ít người biết đến - bởi vì các nhà thần học của giáo hội không dám đi sâu vào điều đó vì rất phức tạp, lại nhiều cạm bẫy. Học thuyết đó là *creatio ex nihilo*: sự sáng tạo từ hư không<sup>96</sup>.

Nếu hỏi nhà vật lý hiện đại thì ông ta sẽ đồng ý với Phật: càng đi sâu vào vật chất thì mọi vật bắt đầu biến mất. Một khi nguyên tử bị đập vỡ - vật thể hoàn toàn biến mất. Và khi đập vỡ âm điện tử, dương điện tử và trung hòa tử thì nào là muons, nào là neutrino, nào là quarks - chúng không còn là vật thể nữa, chúng là chân không vật thể. Rất khó để hiểu.<sup>97</sup> Nhưng vật lý, nhất là vật lý hiện đại, đã tới rất gần với siêu hình học - bởi vì càng ngày nó

---

<sup>95</sup> Heidegger có lần nói, sau khi đọc D.T Suzuki, rằng, “Nếu tôi thực sự hiểu người này thì những điều ông viết cũng chính là điều tôi muốn viết.” Một số người cho rằng Heidegger và các triết gia Hiện sinh khác đã vun xới mảnh đất tây phương để chờ Suzuki mang hạt giống Bồ Đề qua từ đông phương. Hạt giống ấy nay đã thành cây lớn, và gần đây đã được Osho phân bón và thêm nước trong hơn 50 tập sách bàn về các Tổ Thiền và rất nhiều công án Thiền. Quan trọng hơn nữa là trước khi nhập Niết Bàn, Osho đã làm sáng tỏ lại giáo lý Vô Ngã (anatta) của Đức Phật trong bộ *Bản Tuyên Ngôn Thiền Tông*. Đây là tập sách cuối cùng trong đời hoàng pháp của Osho.

<sup>96</sup> Học thuyết này được các thánh Augustine và Thomas Aquinas lấy từ triết học Hy Lạp. Nếu nói rằng Thiên Chúa không tạo dựng từ hư không thì Ngài phải tạo ra từ cái gì đó. Và trước cái đó là gì? Và trước đó nữa lại là gì? Vậy thì nói về sự tạo thiên lập địa của Ngài cũng bằng thừa.

<sup>97</sup> Siêu Sợi (super string theory) là ngành học cao nhất hiện nay của Vật lý học. Thuyết này giả thiết rằng mọi vật trong vũ trụ đều hợp bởi những sợi giây vô cùng nhỏ, và chúng rung động với tần số nhỏ không tương tượng được trong một không gian 26 chiều – không phải 3 chiều. Siêu Sợi đòi hỏi một khả năng rất cao về toán học nên chỉ một số nhỏ các nhà Vật lý tham gia. Nhiều tiên đoán của Siêu Sợi không thể nào kiểm chứng được bằng thí nghiệm. Siêu Sợi thu tóm trọn vẹn cả thuyết tương đối (Relativity) lẫn Quantum Physics.

càng tới gần với thực tại hơn. Nó đang tiến qua vật chất, và đi tới chân không. Vật chất không tồn tại nữa trong vật lý hiện đại. Vật chất chỉ là một ảo giác: nó chỉ có thực với giác quan, nhưng thực tế thì không. Tính chắc nịch của nó, yêu tính của nó, chỉ là ảo giác; chẳng có gì là thực cả, tất cả chỉ là sự biến đổi không ngừng của năng lượng. Vật chất không là gì ngoài năng lượng.<sup>98</sup> Và khi bạn đi sâu hơn vào trong năng lượng thì năng lượng cũng không phải là vật, nó là không-vật.

Cái chết là điểm mà tại đó trí thức đổ bể, và chúng ta hướng về bản thể. Đó là kinh nghiệm của Phật giáo qua nhiều thời đại. Phật thường phái các đệ tử đi quan sát người chết, đến xem xác đang cháy trên đàn hỏa thiêu: “Hãy thiền ở đó, hãy thiền về chân không của cuộc sống.” Cái chết là điểm mà tại đó trí năng bế tắc, và khi trí năng ngừng hoạt động, tâm trí cũng chịu thua luôn. Và khi tâm trí chịu thua, có nhiều triển vọng để chân lý thấm vào bạn.

Nhưng mấy ai biết. Khi có ai chết, bạn không biết phải làm gì, bạn rất bối rối. Khi có người chết, đây là lúc thuận lợi nhất để thiền.

Tôi trường nghĩ rằng mỗi thành phố đều cần một trung tâm chết. Khi có người hấp hối và cái chết của người đó gần kề, người đó nên được chuyển vào trung tâm chết. Đó là một đền thờ nhỏ để những người biết thiền ngồi quanh người đó, giúp người đó chết, và nên tham gia vào bản thể của người đó khi ông ta sắp tan biến vào chân không. Khi có người biến mất trong chân không, một năng lượng lớn được thoát ra. Năng lượng bao quanh người ấy, đang được giải thoát. Nếu ở trong không gian tịch mịch gần người đó, bạn có thể nương theo năng lượng của người ấy mà tiếp tục cuộc hành trình lớn. Không có loại ma túy nào có thể đưa bạn tới chỗ đó được.<sup>99</sup> Người ấy đang trả lại

<sup>98</sup>  $E=MC^2$ . Vật chất chỉ là năng lượng tĩnh tại. Năng lượng là vật chất động.

<sup>99</sup> Ở Mỹ, khi một người dùng ma túy thì hẳn được nói là đi du lịch (take a trip). Tương tự như ta nói ‘Phi xì ke’.

cái năng lượng cho trời đất; nếu có thể hấp thụ năng lượng đó, bạn sẽ có thể ném được kinh nghiệm chết cùng với người đó. Và bạn sẽ thấy điều tối thượng - từ ngọn nguồn đến cùng đích, từ khởi đầu đến chung cuộc.

“Con người là sinh linh mà qua đó chân không xuất hiện,” Jean-Paul Sartre<sup>100</sup> nói. Tâm thức không phải là vật này hay vật kia, nó không phải là bất kỳ vật nào cả; nhưng có chắc nó là nó không? “Không,” Sartre nói, “nhất định là không phải vậy. Tâm thức chưa bao giờ tự đồng nhất với chính mình. Vì vậy, khi tôi suy tư về chính mình, cái chủ thể được suy tư không phải là cái chủ thể đang suy tư.<sup>101</sup> Khi cố gắng phát biểu tôi là gì đó, tôi thất bại. Bởi vì trong khi tôi đang nói, cái mà tôi đang nói về đã trôi vào quá khứ, và cái tôi là gì ấy đã thành quá khứ. Tôi chỉ là quá khứ và tương lai của mình, nhưng tôi lại không hiện hữu trong hiện tại. Tôi đã là người này trong quá khứ, và tôi sẽ là người khác trong tương lai. Nhưng trong hiện tại, chỉ có chân không.”

Nếu ai đó hỏi bạn, “Bạn là ai?” bạn sẽ trả lời thế nào? Có thể bạn trả lời bằng những cái bạn đã là - nghĩa là không còn nữa. Hoặc có thể bạn trả lời bằng những điều bạn sẽ là - nghĩa là chưa đến. Nhưng bạn là ai ngay trong khoảnh khắc này?<sup>102</sup> Không là ai cả, chỉ là chân không. Chân không này là chính cốt lõi, là tâm điểm - tâm điểm của bản thể bạn.

Thần chết không phải là chiếc rìu đốn ngã cây cuộc sống, nó là hoa trái trở ra từ cây ấy. Cái chết chính là chất liệu tạo nên con người bạn. Chân không là chính bản thể

---

<sup>100</sup> Sartre là triết gia hiện sinh quan trọng nhất. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông ta là Hữu Thể và Hư Vô (Being and Nothingness).

<sup>101</sup> Với lập luận này Sartre bác bỏ Cogito của Descartes, “Tôi suy tư, vậy tôi hiện hữu.” (I think, therefore I exist).

<sup>102</sup> Thiên Chúa nói với Moses (Mai-sen), “I AM THAT I AM” (Exodus 3.14). Về mặt logic thì câu này hoàn toàn vô nghĩa như Osho đã bàn bên trên. Nhưng về mặt hiện thực, Ngài muốn nói Thiên Chúa chỉ hiện hữu trong hiện tại, không phải quá khứ, chẳng phải tương lai.

của bạn. Chân không này có thể đạt tới hoặc bằng tình yêu, hoặc bằng thiền định, mỗi lần ném một ít kinh nghiệm. Đây là điều Nagarjuna muốn nói về Tánh Không. Đây là điều Phật đã truyền cho Mahakashyapa trong bài giảng Bông Hoa. Đây là điều Mahakashyapa đã hiểu khi ông ấy cười to. Ông ấy thấy chân không, và sự thuần khiết của nó, sự hồn nhiên của nó, sự hồn nhiên nguyên thủy của nó, sự sáng ngời của nó, sự bất tử của nó - bởi vì chân không không thể chết được. Mọi thứ đều chết; chân không thì bất tử, vĩnh cửu.

Nếu đồng nhất với bất kỳ cái gì, bạn sẽ phải đau khổ vì cái chết. Nhưng nếu biết rằng bạn là cái chết, sao bạn phải đau khổ vì cái chết? Vậy thì chẳng có gì có thể phá hủy được bạn; không có gì có thể hủy diệt nổi chân không.

Ngụ ngôn của Phật giáo kể rằng Diêm vương hỏi con ma mới tới là khi sống nó có gặp ba sứ giả của thiên đường không. Và nó trả lời, “Không, tâu Diêm vương, con không gặp.” Ngài lại hỏi nó có gặp một ông già còng lưng vì tuổi tác, hay một người nghèo đói, ốm yếu lại không bè bạn, hay một người chết không?

Phật tử gọi ba sứ giả này là ‘ba thiên sứ’: Lão, Bệnh, Tử - ba thiên sứ.<sup>103</sup> Tại sao? - bởi vì chỉ qua những kinh nghiệm này trong cuộc sống bạn mới để ý đến cái chết. Và nếu bạn để ý đến cái chết và bắt đầu tìm hiểu nó, hoan nghênh nó, tiếp nhận nó, bạn sẽ thoát khỏi ràng buộc, thoát khỏi bánh xe luân hồi.<sup>104</sup>

---

<sup>103</sup> Mỗi người trong chúng ta, tất cả đều gặp ba thiên sứ ấy rất nhiều lần trong đời, nhưng ít người nhận ra. Phật cũng gặp ba thiên sứ ấy tại ba cửa thành khi còn là một thái tử và đã nhận ra họ. Việc nhận diện ba thiên sứ ấy đã dẫn Ngài để cửa thành thứ tư và gặp một sa môn. Bốn lần gặp gỡ này đã thay đổi vĩnh viễn cuộc đời của Ngài.

<sup>104</sup> Tổ Naropa của Mật tông qui phục được tướng cướp khét tiếng. Nó xin theo làm đệ tử. Ngài dạy cho nó niệm câu chú Rama. Rama là thiên chúa của Ấn độ giáo. Nó niệm không ngừng từ Rama, Rama..., Niệm hoài

Heidegger và Soren Kierkegaard đều nói rằng chân không tạo ra sự khiếp sợ.<sup>105</sup> Đây mới chỉ là một phần sự thật. Bởi vì hai ông chỉ là triết gia nên đối với họ chân không tạo ra khiếp sợ.

Nếu hỏi Phật, hỏi Mahakashyapa, hỏi Nagarjuna, và nếu hỏi tôi, cái chết được nhìn với chỉ một phần sẽ tạo ra sự khiếp sợ. Phải nhìn một cách tuyệt đối, toàn triệt thì nó giải phóng bạn khỏi mọi khiếp sợ, mọi thống khổ, mọi lo âu,<sup>106</sup> nó giải thoát bạn khỏi luân hồi... Bởi vì nếu chỉ nhìn một phần thôi, nó tạo ra nỗi sợ rằng bạn sẽ chết, rằng bạn sẽ trở thành hư không, rằng chẳng mấy chốc bạn sẽ biến mất. Và tự nhiên bạn cảm thấy bồn chồn, run rẩy, bất giác. Nếu nhìn vào cái chết một cách toàn triệt, bạn biết bạn *là* cái chết, bạn từ nó mà ra. Cho nên chẳng có gì sắp mất mát cả, chẳng có gì còn lại cả. Chỉ còn lại chân không.

Phật giáo không phải là một tôn giáo yếm thế như nhiều người nghĩ.<sup>107</sup> Phật giáo là cách thức loại bỏ cả lạc quan lẫn bi quan, gạt bỏ hẳn nhị nguyên đối đãi.

Hãy bắt đầu thiền về cái chết. Và khi nào bạn cảm thấy cái chết gần kề, hãy đón chào nó qua cánh cửa tình yêu, qua cánh cửa thiền, qua cánh cửa của người đang chết. Và nếu ngày nào đó bạn sắp chết - và ngày ấy đang tới qua từng ngày một - hãy đón nhận nó trong niềm vui sướng, an lạc. Và nếu bạn có thể đón nhận cái chết trong niềm vui sướng và ân sủng, bạn sẽ đạt tới đỉnh cao nhất, bởi vì cái chết là đỉnh cao của cuộc sống. Giấu kín trong

---

thành từ Mara, Mara.. – nghĩa là thần chết. Một năm sau Naropa gặp lại và xác nhận nó đã chứng ngộ.

<sup>105</sup> Kierkegaard gọi là run vì khiếp sợ (trembling with dread), và ông đề nghị phải nhảy vọt đức tin (leap of faith) để tìm về chân lý.

<sup>106</sup> Thống khổ (anguish) và lo âu (anxiety) là những đề tài quen thuộc của Hiện sinh.

<sup>107</sup> Gần đây nhiều Phật tử phản nộ vì Giáo hoàng John Paul II nói rằng Phật giáo là tôn giáo yếm thế và hư vô.

cái chết là tột đỉnh khoái lạc, bởi vì ẩn giấu trong đó là tự do lớn nhất.

Cái chết đang tình tự với Thượng Đế, hay Thượng Đế đang tình tự với bạn. Cái chết là tột đỉnh khoái lạc, toàn bộ và rộng lớn như vũ trụ. Cho nên hãy vứt bỏ tất cả những ý tưởng bạn đang có về cái chết. Hiểu sai như vậy nguy hiểm lắm. Chúng làm cho bạn thù nghịch với kinh nghiệm lớn lao nhất mà bạn cần phải có. Nếu chết trong mê man, bạn sẽ phải sinh ra nữa. Trừ phi bạn học được cách chết, bạn sẽ còn tiếp tục phải sinh ra hoài hoài. Đây là bánh xe luân hồi, samsara, thế gian. Một khi bạn ném được tột đỉnh khoái lạc, bạn không cần phải sinh ra nữa. Bạn sẽ biến mất vì bạn sẽ mãi mãi nằm trong tột đỉnh khoái lạc ấy. Bạn không còn ý tưởng nào về bạn nữa. Bạn không hiện hữu như một thực thể, không còn bị giam hãm, không bị đồng hóa với bất kỳ cái gì. Bạn trở thành đại thể, không phải bộ phận.

Đây là Tánh Không Luận của Nagarjuna, và đây cũng là thông điệp Bất Khả Thuyết, Bất Khả Tư Nghị của Đức Phật. Cả hai giống nhau y hệt.

### Câu hỏi cuối cùng:

*Osho kính yêu, Con sợ theo làm đệ tử của Thầy, mặc dầu con bị hấp dẫn ghê lắm. Con sợ bởi vì chồng con. Con nghĩ anh ấy sẽ có thể không hiểu điều đó.*

Chị không kính trọng chồng mình tí nào. Chị nghĩ là anh ấy ngu đần phải không? Tại sao anh ấy lại không thể nào hiểu được điều đó? Nếu anh ấy yêu chị thì anh ấy sẽ hiểu. Tình yêu là sự thông cảm. Nếu anh ấy không yêu

chị, dù chị có làm đệ tử của tôi hay không, anh ấy cũng sẽ không hiểu chị.

Điều thứ hai: nếu anh ấy không hiểu phát tâm nguyện của chị, đây là khó khăn của anh ấy. Chị có cuộc sống của chị. Chớ bao giờ thỏa hiệp, nếu không, chị sẽ bị lỗ nhiều cơ hội lắm đấy. Đừng bao giờ thỏa hiệp! Nếu chị cảm thấy thích trở thành sannyasin thì hãy trở thành sannyasin. Hãy mạo hiểm. Nếu anh ấy yêu chị, sẽ không có vấn đề gì, anh ấy sẽ hiểu - bởi vì tình yêu đem lại tự do. Nếu anh ấy không yêu chị, sẽ có khó khăn cho anh ấy, bởi vì anh ấy sẽ cảm thấy chị đang thoát ra khỏi sự sở hữu của anh ấy, chị muốn độc lập, chị muốn trở thành con người như ý chị muốn. Nhưng chấp nhận những đòi hỏi như thế khác gì tự tử. Đó là vấn đề của *anh ấy*. Chị phải sống đời của chị, anh ấy phải sống đời của anh ấy. Ta không nên cố gắng áp đặt điều gì lên người khác.

Nhưng theo ý của tôi, chắc chị cũng đang đòi hỏi anh ấy đủ điều. Đó là lý do tại sao chị sợ. Nếu chị không ép buộc anh ấy điều gì, chị có thể độc lập. Nhưng đây là sự thỏa thuận giữa đôi bên: mọi người là nô lệ lẫn nhau. Và bất kỳ khi nào chị bắt ai làm nô lệ cho chị, hãy nhớ, rằng chị đang làm cho người đó thành chủ của chị nữa.<sup>108</sup> Đây là thỏa thuận đôi bên. Chị chắc cũng làm khó chông mình; chắc chị cũng cố gắng áp đặt mọi thứ lên anh ấy; cố lẽ chị muốn làm cho anh ấy thành què quặt. Nay chị muốn được độc lập, và trong thâm tâm chị sợ rằng nếu chị được độc lập, anh ấy sẽ đòi hỏi sự độc lập của anh ấy. Thế thì anh ấy muốn làm gì thì làm, và điều đó chị không thể chấp nhận được. Đó là cái sợ thật sự.

Mà nếu chị không làm điều mà chị thích, không làm được điều chị muốn làm, điều chị muốn trở thành, chị sẽ không bao giờ tha thứ cho anh ấy. Rồi chị sẽ trả thù, sẽ

---

<sup>108</sup> Jean-Jacques Rousseau viết trong Social Contract rằng, “Nếu kẻ nào bắt người khác là nô lệ cho mình thì chính kẻ ấy sẽ trở thành một tên nô lệ lớn hơn nữa.”

giận dữ, sẽ nổi điên lên - bởi vì chị thường xuyên nghĩ chị muốn trở thành một sannyasin, mà chỉ vì người này... Và chị sẽ cảm thấy bị nhốt cũi, bị cầm tù. Không ai thích bị cầm tù cả. Người ta căm ghét con người đã gây ra sự tù đầy của mình, và người ta cố gắng trả thù bằng nhiều cách tinh vi. Điều đó sẽ phá vỡ hôn nhân của chị.

Đừng bao giờ tạo ra một tình huống mà chị không thể nào tha thứ được cho người khác. Chỉ hai người độc lập mới có thể tha thứ được cho nhau. Nô lệ không hề biết tha thứ là gì. Mà ai biết được? Điều đó có thể giúp cho anh ấy ít nhiều không chừng.

Hôm nọ tôi đã đọc một chuyện:

Hai nhà thám hiểm gặp nhau trong đồng lầy Amazon.<sup>109</sup> Cuộc đàm thoại diễn ra như sau:

Nhà thám hiểm thứ nhất nói, “Tôi đến đây bởi vì cái máu thích lang thang. Văn minh làm tôi ngộp thở. Tôi thích nhìn nhiên nhiên trong cảnh tự nhiên của nó. Tôi thích đặt chân lên những nơi chưa có người đặt chân tới. Còn anh thì sao? Sao lại lần mò tới đây?”

Nhà thám hiểm thứ hai: “Vợ tôi đã trở thành sannyasin của Osho, và cô ấy buổi sáng thì tập Dynamic Meditation, buổi tối thì tập Kundalini<sup>110</sup> - đó là lý do tại sao!”

Nếu vậy thì tốt! Nếu chồng chị trốn vào Amazon và trở thành một nhà thám hiểm, nó sẽ cho anh ta một cơ hội tốt để làm gì đó.

---

<sup>109</sup> Đồng lầy Amazon thuộc Ba Tây, Nam Mỹ.

<sup>110</sup> Osho cho rằng con người hiện đại bồn chồn, nóng nảy, dễ cáu kỉnh, khó có thể ngồi yên mà ngồi thiền. Vậy phải có phương pháp giúp cho tâm trí tĩnh lặng mới có thể thiền được. Dynamic Meditation gồm 4 giai đoạn, mỗi đoạn 10 phút. Kundalini có 3 giai đoạn, mỗi đoạn 15 phút.

### 3

## Phủ Định Tri Thức



Tại đây, này Sariputra,  
sắc tức là không, không tức là sắc,  
sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc,  
sắc chính là không, không chính là sắc.  
Thọ, hành, tướng, thức cũng đều như thế.  
Tại đây, này Sariputra,  
vạn pháp đều không;  
Chúng không sinh, không diệt;  
Không như, không sạch,  
Không tăng, không giảm.  
Do đó, này Sariputra,  
vì vậy trong không, không có sắc, thọ, tướng; cũng  
không có hành, thức;  
không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý;  
không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;  
không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới;  
không có vô minh, cũng không có hết vô minh; không  
có già chết cũng không có hết già chết;  
không khổ, tập, diệt, đạo;  
không có trí huệ, không có chứng đắc, cũng không  
có không chứng đắc.

Tri thức là điều nguyên rủa, là tai ương, là ung thư. Chính vì qua tri thức mà con người bị chia lìa khỏi đại thể. Tri thức tạo ra khoảng cách.

Bạn thấy một hoa dại trên núi, bạn không biết nó là gì, tâm trí bạn chẳng có ý kiến gì, tâm trí thỉnh lặng. Bạn nhìn vào hoa ấy, bạn thấy bông hoa, nhưng tri thức không nảy sinh trong đầu - rất là kỳ diệu, rất là bí ẩn. Hoa ở đây, bạn ở đây. Qua sự kỳ diệu ấy bạn không tách biệt, bạn được nối liền.

Nếu biết đã rằng đây là hoa hồng hay, cúc vạn thọ, hay hoa gì khác thì sự cái hiểu biết đó tách rời bạn. Hoa ở đó, bạn ở đây, nhưng không có cầu nối - bạn biết rồi! Tri thức tạo khoảng cách. Bạn biết càng nhiều, khoảng cách càng lớn; bạn biết càng ít, khoảng cách càng nhỏ. Và nếu bạn không biết gì thì không có khoảng cách, bạn được nối liền.

Bạn yêu một bà hay một ông - cái ngày bạn mới yêu thì không có khoảng cách. Chỉ có điều kỳ diệu, sự hồi hộp, sự kích động, sự khoan khoái - nhưng không có tri thức. Bạn không biết người này là ai. Không có tri thức thì chẳng có gì chia rẽ bạn. Do đó phút đầu gặp gỡ bao giờ cũng đẹp. Bạn sống với người này chỉ mới hai mươi bốn giờ đồng hồ, tri thức đã nảy sinh. Nay bạn đã có một số ý tưởng về người này: bạn biết người ấy là ai, bạn có một hình ảnh nào đó về người ấy. Hai mươi bốn giờ đã tạo ra một quá khứ. Hai mươi bốn giờ đã ghi lại dấu vết trong tâm trí: bạn nhìn vào cũng người này, bí ẩn ngày trước không còn nữa. Bạn đang đi xuống đồi, cái đỉnh của sự kỳ diệu đã mất.

Hiểu điều này là hiểu nhiều lắm. Hiểu rằng tri thức phân chia, rằng tri thức tạo ra khoảng cách, là hiểu được chính cái bí mật của thiền định. Thiền định là trạng thái không biết. Thiền là không gian thuần khiết, không bị tri thức quấy nhiễu. Quả đúng vậy, chuyện trong kinh thánh thể mà lại đúng - rằng con người đã sa ngã vì tri thức, bởi

việc ăn trái của cây hiểu biết. Không thánh thư nào khác trên thế giới vượt qua điều đó. Dụ ngôn đó là lời cuối cùng; không có dụ ngôn nào khác đạt tới đỉnh cao và nhận thức đó.

Mới nghe có vẻ rất phi lý khi nói con người đã sa ngã vì tri thức. Có vẻ phi lý bởi vì logic là một phần của tri thức. Nhiệm vụ của logic là hỗ trợ tri thức. Điều đó có vẻ phi lý, bởi vì logic là nguyên nhân chính của sự sa ngã của con người.<sup>155</sup> Một người tuyệt đối logic, tuyệt đối lành mạnh, bao giờ cũng lành mạnh, không bao giờ cho phép bất kỳ điều phi lý nào trong cuộc sống mình là người điên. Sự lành mạnh cần phải được cân bằng bởi sự không lành mạnh; logic cần được cân bằng bởi phi logic. Các cực đối phải gặp nhau và cân bằng. Một người duy trí là người không biết điều - hắn sẽ không hiểu nhiều lắm. Thực ra, hắn sẽ không hiểu những cái đẹp (mỹ) và những cái đúng đắn (chân). Hắn chỉ thu thập những cái vớ vẩn; cuộc sống của hắn chỉ là cuộc sống trần tục. Hắn chỉ là một phàm phu.

Ngụ ngôn của kinh thánh đó thật là thâm thúy. Tại sao con người sa ngã qua tri thức? - bởi vì tri thức tạo ra khoảng cách, bởi vì tri thức tạo ra cái 'ta' và 'người', bởi vì tri thức tạo ra chủ thể và khách thể, người biết và cái được biết, quan sát viên và cái được quan sát. Tri thức là một loại bệnh tâm thần; nó tạo ra sự rạn nứt. Và thế thì không có cách nào nối liền được nữa. Đó là lý do tại sao khi con người càng trở nên hiểu biết nhiều, hắn càng ít đạo đức hơn. Người nào học càng nhiều, càng ít có triển vọng tìm về đạo.

Chúa Giê-Su nói rất đúng, "Chỉ có trẻ con mới vào được nước trời"... chỉ có trẻ con.

Trẻ con có phẩm chất gì đặc biệt mà bạn đã mất? Phẩm chất của trẻ con là không tri thức, hồn nhiên. Nó

---

<sup>155</sup> Nietzsche trách Hy Lạp bỏ con người bản năng của Dionysus và chọn con người lý trí, tính toán của Appolo

nhìn gì cũng ngạc nhiên; mắt nó hoàn toàn trong sáng. Nó nhìn rất kỹ, nhưng nó không có định kiến, không phán xét, không có ý tưởng tiên quyết. Nó không cho thêm ý kiến, do đó nó biết thế nào là chân như.

Hôm trước chúng ta đã nói về sự khác biệt giữa thực tại và chân lý. Trẻ con biết chân lý, bạn chỉ biết thực tại. Thực tại là cái mà bạn đã theo đuổi quanh mình – tô màu, ham muốn, suy nghĩ. Thực tại là giải thích của bạn về chân lý.<sup>156</sup> Chân lý là chân như; thực tại là cái bạn hiểu biết bằng trí năng, là ý tưởng của bạn về chân lý. Thực tại là một tổ hợp gồm nhiều thứ, tất cả đều tách biệt. Chân lý chỉ là một năng lượng vũ trụ duy nhất. Chân lý là nhất thể, thực tại là vạn thù. Thực tại là đám đông, chân lý là tích hợp.

Trước khi bàn về lời kinh này, ta phải hiểu một cách rõ ràng: tri thức là sự nguyên rủa.

J. Krishnamurti<sup>157</sup> nói, “Phủ định là im lặng.” Phủ định cái gì? - phủ định tri thức, phủ định tâm trí, phủ định mỗi bận tâm thường xuyên trong nội tâm bạn, để tạo ra một không gian trống rỗng. Khi tâm trí trống rỗng, bạn hài hòa với đại thể. Khi bận bịu, bạn mất hẳn sự hài hòa. Do đó, khi nào bạn có được một khoảnh khắc im lặng thì có niềm vui sướng mênh mông. Trong khoảnh khắc đó cuộc sống đầy ý nghĩa, trong khoảnh khắc im lặng đó cuộc sống lộ ra nét hùng vĩ mà không bút mực nào diễn tả nổi. Trong khoảnh khắc đó cuộc sống là một điệu vũ.

---

<sup>156</sup> Heidegger nói rằng chỉ có giải thích mà không có dữ kiện (facts). Kết luận này có thể suy ra từ ngụ ngôn hang tối của Plato, rằng tất cả những gì ta thấy chỉ là những hình ảnh phản chiếu trên tường mà thôi. Hình ảnh phản chiếu này gọi là thực tại.

<sup>157</sup> J. Krishnamurti, nhập niết bàn năm 1986, là một trong những thiên tài của thế kỷ 20. Ông được hội Thông Thiên học huấn luyện từ năm 8 tuổi về cả thể chất lẫn tinh thần để xứng đáng được Đức Phật mượn xác mà trở lại thế gian. Thời gian này được coi là thời mặt phát, chúng sinh bị vướng vào âm thanh, sắc tướng; người tu đạo thì nhiều mà chứng đắc rất ít.

Trong khoảnh khắc đó nếu thần chết viếng thăm, nó cũng nhảy múa và ca hát, bởi vì khoảnh khắc đó không biết gì ngoài niềm vui sướng. Khoảnh khắc đó là vui sướng, là phúc lạc.

Tri thức phải bị phủ định. Nhưng không phải vì tôi nói thế, hay bởi vì J. Krishnamurti nói thế, hay bởi vì Phật Cô Đàm đã nói thế. Nếu bạn phủ định bởi vì tôi đang nói thế, bạn sẽ phủ định tri thức của bạn, và bất kỳ cái gì tôi đang nói, sẽ trở thành tri thức của bạn; bạn sẽ thay thế nó. Sự phủ định không được tới từ tâm trí, nếu không, tâm trí sẽ rất ma mẫn. Thế thì bất kỳ cái gì tôi nói cũng đều trở thành tri thức của bạn, bạn sẽ bám lấy nó. Bạn vất bỏ thân tượng cũ của mình và thay thế bằng cái mới. Nhưng đây lại là trò chơi cũ với lời lẽ mới, ý tưởng mới, ý nghĩ mới.

Vậy thì phủ định tri thức bằng cách nào? Không phải bằng tri thức khác: chỉ cần hiểu rõ sự kiện rằng tri thức tạo ra khoảng cách, chỉ nhìn ra sự kiện này một cách mãnh liệt, toàn triệt là đủ. Không phải là phải thay thế nó bằng một cái khác; sự mãnh liệt đó là ngọn lửa, nó sẽ đốt tri thức của bạn thành tro bụi. Sự mãnh liệt đó là đủ. Sự mãnh liệt đó là cái được gọi là ‘trực giác’. Trực giác sẽ đốt cháy tri thức của bạn, và nó sẽ không bị thay thế bởi tri thức khác. Còn lại sau đó chỉ là cái trống không, *shunyata*. Chỉ còn chân không, bởi vì không còn gì bên trong; ở đó chân lý không bị xáo trộn, không bị bóp méo.

Bạn phải *hiểu* điều tôi đang nói, và đừng học điều tôi đang nói. Bạn ngồi đây với tôi hàng ngày và nghe tôi nói, nhưng đừng thu thập tri thức, đừng tích trữ. Việc lắng nghe tôi nên coi như một thí nghiệm nội tâm. Bạn nên lắng nghe với sự mãnh liệt, với cả con người, với sự tinh thức cao độ nhất mà bạn có thể làm được. Trong chính sự tinh thức đó bạn sẽ hiểu, và chính sự hiểu biết đó sẽ thay đổi bạn. Bạn không phải làm gì cả sau này; chính sự hiểu biết sẽ đem tới sự chuyên hoá. Nếu bạn phải nỗ lực, điều đó nghĩa là bạn đã không hiểu. Nếu ngày mai bạn trở lại và hỏi tôi, “Con đã hiểu rằng tri thức là một nguyên rửa,

rằng tri thức tạo ra khoảng cách. Bây giờ làm sao để vứt bỏ nó?” - thì bạn không hiểu. Nếu còn hỏi ‘làm sao’ thì bạn không hiểu. Cái ‘làm sao’ không thể nảy sinh, bởi vì ‘làm sao’ là đang đòi hỏi thêm tri thức. Cái ‘làm sao’ đang đòi hỏi phương pháp, kỹ thuật: “Phải làm gì đây?” Chỉ cần trực giác là đủ; nó không cần bất cứ sự giúp đỡ nào cả. Ngọn lửa của nó quá đủ để thiêu đốt tất cả tri thức mà bạn mang trong mình. Chỉ hiểu đúng vấn đề thôi.

Hãy nghe tôi nói, hãy đi cùng tôi. Hãy lắng nghe tôi, hãy cầm tay tôi và đi vào trong không gian mà tôi đang cố giúp bạn đi vào. Và hãy nghe rõ cái tôi đang nói, đừng tranh luận. Đừng nói có, đừng nói không. Đừng đồng ý, đừng không đồng ý. Hãy ở lại với tôi trong khoảnh khắc này - và bỗng nhiên sự sáng suốt lộ ra. Nếu bạn lắng nghe một cách chăm chú... và nói đến chăm chú tôi không có ý nói sự tập trung; chăm chú nghĩa là bạn phải lắng nghe với sự tinh thức, không phải với một tâm trí buồn chán. Hãy lắng nghe với sự thông minh, với sự sống động, với sự cởi mở. Hãy ở ngay đây, ngay bây giờ với tôi. Đó là điều tôi muốn nói về sự chăm chú: đừng hướng tâm trí đi đâu khác. Đừng so sánh điều tôi đang nói với ý nghĩ cũ của bạn. Đừng so sánh, đừng phán đoán. Tôi muốn nói rằng bạn đừng phán đoán, dù điều tôi đang nói là đúng hay không, hay nó đúng đến đâu.

Mới ngày hôm nọ tôi đã nói với một người tìm đạo. Anh ta có phẩm chất của người tìm đạo, nhưng nặng gánh vì tri thức. Trong khi tôi đang nói với anh ta, mắt anh ta nhắm lại. Trái tim anh ấy vừa sắp mở ra, và trong chính khoảnh khắc đó tâm trí nhào vô và phá hủy mọi cái đẹp của nó. Anh ta đang hướng về trái tim và cởi mở, nhưng ngay lập tức tâm trí đã chen vào. Những giọt nước mắt đó vừa mới lộ ra, liền biến mất. Mắt anh ta liền khô ráo. Điều gì đã xảy ra? - Tôi đã nói điều gì đó mà anh ta không thể đồng ý. Anh ta đã đồng ý với tôi, tới điểm nào đó. Thế rồi tôi đã nói điều gì đó đi ngược lại với đầu óc

Do Thái của anh ta, đi ngược lại Kabbala,<sup>158</sup> và ngay lập tức mọi sự đã thay đổi. Anh ta nói, “Mọi thứ đều đúng. Bất kỳ điều gì thầy đang nói cũng đều đúng, chỉ trừ mỗi điều này: rằng Thượng Đế không có mục đích, rằng hiện sinh không mục đích - với điều này con không thể nào đồng ý được, bởi vì Kabbala nói khác hẳn - rằng cuộc sống có mục đích, rằng Thượng Đế có chủ đích, rằng Ngài đang dẫn hướng chúng ta tới một định mệnh nào đó, rằng có một cái đích.”

Anh ta có thể không nhìn vào điều đó theo cách này - rằng anh ta đã không hiểu vì sự so sánh đã xen vào. Kabbala nói có liên quan gì tới tôi đâu? Khi bạn đang nghe tôi nói, hãy vứt tất cả các tri thức về Kabbala, về yoga, về mật tông, về cái này hay cái khác. Khi bạn đang ở cùng tôi, hãy cùng tôi đi. Nếu bạn chăm chú nghe tôi hoàn toàn... và tôi không nói rằng bạn đang đồng ý với tôi, hãy nhớ vậy. Tôi không nói rằng bạn phải đồng ý với tôi: không có vấn đề về đồng ý hay không đồng ý.

Khi thấy một bông hồng, bạn đồng ý với nó hay không đồng ý với nó? Khi thấy mặt trời lên, bạn đồng ý hay không đồng ý? Khi ngắm trăng đêm, bạn nhìn thấy nó! Hoặc bạn thấy nó hoặc không thấy nó, nhưng không có vấn đề đồng ý hay không đồng ý.

Theo cách đó, hãy ở cùng tôi; đó là cung cách khi ở với thầy. Hãy ở lại với tôi. Tôi không cố thuyết phục bạn về bất kỳ cái gì. Tôi không thuyết phục bạn theo một lý thuyết nào đó, một triết lý nào, một học thuyết nào, hay theo đạo nào đó, không! Tôi chỉ chia sẻ điều đã xảy ra cho tôi. Và trong chính việc chia sẻ đó, nếu bạn tham gia, điều ấy có thể xảy ra cho bạn nữa. Đây là sự truyền nhiễm. Trục giác có sức mạnh chuyển hoá.

Khi tôi nói tri thức là điều nguyên rửa, bạn có thể đồng ý hay không đồng ý - và cả hai trường hợp bạn đều hiểu lầm hết! Bạn chỉ lắng nghe thôi, chỉ nghe lời bàn về

---

<sup>158</sup> Kabbala là sách huyền học của Do Thái.

nó, hãy nghe rõ toàn thể tiến trình của tri thức. Bạn hiểu tri thức tạo ra khoảng cách như thế nào; tri thức trở thành rào chắn như thế nào; tri thức đứng chắn lối như thế nào; tri thức tăng trưởng như thế nào, và khoảng cách tăng trưởng như thế nào; tri thức là sự hỗn nhiên mất đi như thế nào; kỳ quan bị phá hủy, bẻ quặt, tàn sát như thế nào; tri thức làm cuộc sống trở thành đờ đẫn và chán chường như thế nào. Bí ẩn mất đi, và với bí ẩn Thượng Đế cũng mất theo.

Bí ẩn biến mất bởi vì bạn đã có ý tưởng rằng bạn biết. Nếu bạn biết rồi, làm sao còn bí ẩn nữa? Bí ẩn chỉ có thể có khi bạn không biết.

Và hãy nhớ, con người chẳng biết gì hết! Tất cả những cái mà chúng ta đã thu thập đều chỉ là rác rưởi. Điều tối hậu vẫn còn bên ngoài sự hiểu biết. Cái chúng ta thu thập chỉ là sự kiện, chân lý vẫn còn vượt tầm với của chúng ta, dù có nỗ lực đến đâu. Và đó là kinh nghiệm không phải chỉ của Đức Phật, của Krishna, của Krishnamurti hay của Rama;<sup>159</sup> đây là kinh nghiệm ngay cả của Edison,<sup>160</sup> của Newton,<sup>161</sup> của Albert Einstein<sup>162</sup>. Đây là kinh nghiệm của các nhà thơ, họa sĩ, vũ công. Những thiên tài của thế giới - họ có thể là nhà huyền môn, có thể là nhà thơ, có thể là nhà khoa học - tất cả đều hoàn toàn đồng ý về một điều: rằng càng biết nhiều, chúng ta càng hiểu rằng cuộc sống là một bí ẩn hoàn toàn.<sup>163</sup> Tri thức của chúng ta không phá hủy được bí ẩn của đời sống. Chỉ người ngu mới nghĩ rằng vì họ mới biết có chút ít, nên bây giờ

---

<sup>159</sup> Rama là một ông vua thời cổ của Ấn, và là nhân vật chính trong anh hùng ca Ramanuja. Rama được coi là một hiện thân của Thượng Đế trong Ấn Độ Giáo.

<sup>160</sup> Thomas Edison, khoa học gia thiên tài của Mỹ, có nhiều bằng sáng chế nhất.

<sup>161</sup> Isaac Newton, khoa học gia Anh, sáng chế Calculus và Vật lý cổ điển.

<sup>162</sup> Einstein, khoa học gia Đức gốc Do Thái, tác giả thuyết Tương Đối.

<sup>163</sup> Newton là người tìm ra trọng lực. Ông nói có thể diễn tả được sự hoạt động của nó, nhưng không hiểu nó là gì.

không còn bí ẩn nào trong cuộc sống. Chỉ tâm trí tầm thường mới quá gắn bó với tri thức; tâm trí sáng suốt không coi trọng tri thức.<sup>164</sup> Họ dùng nó, chắc chắn phải dùng nó - nó là một lợi ích, nó là một tiện ích - nhưng họ biết rất rõ rằng tất cả những cái đúng đắn đều bị giấu kín, vẫn còn bị giấu kín. Chúng ta có thể biết càng ngày càng nhiều, nhưng Thượng Đế vẫn mãi mãi vô tận.

Hãy lắng nghe với trực giác, một cách chăm chú, với cả con người. Và trong chính tâm trạng đó bạn sẽ thấy điều huyền diệu, và việc đó làm thay đổi bạn. Bạn không hỏi “cách nào” nữa.

Đó là ý nghĩa khi Krishnamurti nói, “Phủ định là im lặng.” Trực giác phủ định tất cả mọi loại tri thức. Và khi một cái gì đó bị phủ định và không có gì được thay thế vào đó, khi một cái gì đó đã bị phá hủy và không có gì khác được đặt vào, được thay thế vào chỗ của nó thì có im lặng. Bởi vì ở đó có khoảng trống. Có im lặng bởi vì cái cũ đã bị ném đi mà cái mới chưa được thay thế. Cái im lặng đó Phật gọi là shunyata. Cái im lặng đó là cái trống không, chân không. Và chỉ chân không đó mới có thể hiện diện trong thế giới của chân lý.

Ý nghĩ không thể hiện diện ở đó. Ý nghĩ chỉ hoạt động trong thế giới của sự vật bởi vì ý nghĩ cũng là sự vật - tinh tế, nhưng nó cũng là vật chất. Đây là lý do tại sao ý nghĩ có thể được ghi lại,<sup>165</sup> đó là lý do tại sao ý nghĩ có thể được chuyển tiếp, được truyền đạt. Tôi có thể phóng một ý nghĩ vào bạn; bạn có thể giữ lấy nó, bạn có thể có nó. Nó có thể được cho và nhận, có thể chuyển tay được, bởi vì nó là một vật. Nó là một hiện tượng của vật chất.

Cái trống không không thể cho đi, không thể nào được dùng để nhắm vào bạn được. Bạn có thể tham gia, có thể

---

<sup>164</sup> Einstein từng nói tưởng tượng quan trọng hơn tri thức.

<sup>165</sup> Các nhà khoa học cho rằng ý tưởng là sản phẩm của óc nên là vật chất. Họ nghĩ ngày nào đó ta có thể có kỹ thuật ghi lại lời của Phật, lời của Chúa.

hòa tan vào trong nó, nhưng không ai có thể trao nó cho bạn. Nó không thể trao đổi được. Và chỉ có cái trống không mới vận hành được trong thế giới chân lý. Chân lý chỉ được biết tới khi tâm trí vắng mặt. Muốn biết chân lý thì tâm trí phải tĩnh chỉ, nó phải chấm dứt hoạt động. Nó phải im lặng, tĩnh lặng, không giao động.

Ý nghĩ không thể nào vận hành trong chân lý, nhưng chân lý thì lại có thể vận hành qua ý nghĩ. Bạn không thể nào đạt tới chân lý bằng suy tư, nhưng khi đắc đạo thì bạn có thể dùng ý tưởng để phục vụ chân lý. Đó là điều tôi đang làm, đó là điều Phật đã làm, đó là điều thánh nhân xưa nay đã làm.

Điều tôi đang nói là một ý nghĩ, nhưng đằng sau đó là chân không. Cái trống không đó không phải là sản phẩm của ý nghĩ; nó nằm ngoài ý nghĩ. Ý nghĩ không thể vươn tới đó được; thậm chí ý nghĩ cũng không thể suy tư về nó.

Bạn đã bao giờ quan sát hiện tượng này chưa? - đó là bạn không thể nghĩ về cái trống không được; bạn không thể nào biến cái trống không thành một ý nghĩ. Bạn không thể nào nghĩ về nó; nó là cái không thể suy nghĩ được. Nếu bạn có thể nghĩ về nó, nó không còn là trống không nữa. Ý nghĩ phải ra đi để nhường chỗ cho cái trống không; chúng chưa gặp nhau bao giờ. Một khi cái trống không đã tới, nó có thể dùng mọi phương tiện để diễn tả về nó.

Trực giác là trạng thái không còn ý nghĩ. Bất kỳ khi nào bạn khám phá cái gì đó, bao giờ bạn cũng nhận được khi không có ý nghĩ.<sup>166</sup> Tại đây cũng vậy, khi nghe tôi nói, đôi khi bạn đạt được trạng thái ấy. Nhưng những khoảnh khắc đó là khoảng trống không có ý nghĩ. Một ý nghĩ đã qua, mà ý nghĩ khác chưa tới thì có khoảng trống; và trong khoảng trống đó cái gì đó lóe lên, cái gì đó bắt

---

<sup>166</sup> Tô Huệ Năng giác ngộ khi tình cờ nghe một câu trong Kinh Kim Cương. Newton tìm ra trọng lực khi bị trái táo trúng vào đầu. Archimedes tìm ra luật tỷ trọng khi nhảy vào bồn tắm.

đầu rung động. Thí dụ như cái trống: nó trống rỗng bên trong. Vì vậy mới có chỗ dụng của nó. Cái âm thanh tạo ra được từ cái trống không. Khi tâm trí bạn không có ý nghĩ, cái gì đó có thể, rất có thể xảy ra. Thế thì bạn có thể hiểu được điều tôi đang nói. Và như vậy điều tôi đang nói không phải chỉ là lời bạn nghe thấy, mà nó trở thành một trực giác, một sự thấu suốt, một mặc khải. Bạn đã thể nghiệm; bạn đã chia sẻ với tôi.

Trực giác là trạng thái không suy nghĩ, không ý nghĩ. Nó là khoảng trống, một khoảng hở trong tiến trình suy nghĩ, và trong khoảng trống đó là chân lý.

Từ ‘empty’ (trống không) trong tiếng Anh bắt nguồn từ một gốc có nghĩa là giải trí, nhàn rỗi. Đó là một từ rất đẹp nếu hiểu từ gốc rễ. Từ gốc ấy rất ý nghĩa: nó có nghĩa là giải trí, nhàn rỗi, buông lỏng. Bất kỳ khi nào nhàn rỗi, giải trí, bạn trống không. Và hãy nhớ, câu ngạn ngữ ‘nhàn cư vi bất thiện’<sup>167</sup> là hoàn toàn vô nghĩa. Chính điều ngược lại mới là đúng: tâm trí bận bịu là chỗ ở của ma quỷ. Tâm trí trống không là đền thờ của Thượng Đế, không phải của quỷ. Nhưng bạn phải hiểu ý tôi nói ‘trống không’ là gì – buông lơi, thanh thoi, không căng thẳng, không vọng động, không ham muốn, không mơ màng, hoàn toàn tỉnh thức. Một tâm trí trống không là sự hiện diện toàn vẹn. Và mọi sự đều có thể xảy ra trong sự hiện diện toàn vẹn đó, bởi vì toàn bộ vạn hữu bắt nguồn từ sự hiện diện tuyệt đối ấy.

Cây cối lớn lên từ sự hiện diện thuần khiết đó, trăng sao này được sinh ra từ sự hiện diện thuần khiết đó; chúng ta và chư Phật, tất cả đều bắt nguồn từ sự hiện diện thuần khiết này. Trong sự hiện diện thuần khiết đó bạn là một với Thượng Đế, bạn là Thượng Đế. Tâm trí bận bịu thì bạn sa ngã; tâm trí bận bịu thì bạn bị đuổi ra khỏi vườn Địa đàng. Khi nhàn rỗi bạn quay trở lại vườn này, khi nhàn rỗi bạn đã trở về nhà.

---

<sup>167</sup> Tạm dịch thành ngữ “the empty mind is the Devil’s workshop”

Khi tâm trí không bận bịu bởi thực tại, bởi sự vật, bởi ý tưởng thì thấy được chân tướng của sự vật. Và chân tướng ấy là chân lý. Chỉ trong chân không mới có sự gặp gỡ, hội nhập. Chỉ trong chân không bạn mới cởi mở với chân lý, và chân lý thâm nhập vào trong bạn. Chỉ trong chân không bạn mới trở thành hàm súc với chân lý.

Tâm trí có ba trạng thái.

Trạng thái thứ nhất là nội dung và tâm thức. Tâm trí bao giờ cũng có nội dung - một ý nghĩ chuyển động, một ham muốn nảy sinh, tham, sân, si. Tâm trí bạn bao giờ cũng có ý tưởng nào đó, không bao giờ nhàn rỗi cả. Giao thông đều đều, ngày này qua ngày khác. Khi bạn tỉnh ngủ nó có mặt; khi bạn ngủ mê, nó cũng có mặt. Khi tỉnh ngủ, bạn gọi nó là suy nghĩ; khi ngủ, bạn gọi là mơ mộng - cả hai chỉ là một tiên trình mà thôi. Mơ mộng đơn giản hơn; đó là sự suy nghĩ bằng hình ảnh. Nó không dùng đến khái niệm, mà dùng hình ảnh. Nó đơn giản hơn; trẻ con cũng suy nghĩ bằng hình ảnh. Cho nên sách cho trẻ con phải có hình lớn, nhiều màu sắc bởi vì chúng nghĩ qua hình ảnh. Qua hình ảnh chúng sẽ học mặt chữ. Dần dần những hình ảnh đó bé dần đi, và cuối cùng không cần nữa.

Người tiền sử cũng nghĩ bằng hình ảnh. Chữ viết lâu đời nhất là chữ tượng hình. Chữ Tàu là tượng hình, không có mẫu tự. Nó là chữ viết cổ đại nhất. Khi ngủ, bạn trở nên đơn giản hơn; bạn quên mất cái phức tạp của ban ngày và suy nghĩ bằng hình ảnh - nhưng chỉ là một.

Và phát kiến của các nhà phân tâm cũng có giá trị - họ nghiên cứu giấc mơ của bạn. Như vậy thì đúng hơn bởi vì bạn đơn sơ hơn trong mộng; bạn không cố gắng lừa dối ai, bạn chân thực hơn. Ban ngày bạn mang nhiều mặt nạ để che dấu mình - hết tầng cá tính nọ đến tầng cá tính kia, rất khó mà tìm ra con người thật. Phải đào sâu qua những mặt nạ ấy, và điều đó chạm tự ái, và bạn sẽ kháng cự. Nhưng trong đêm, ngay khi cởi quần áo ra đi ngủ, bạn cũng cởi bỏ luôn cá tính của mình đi nữa. Bạn không cần nó nữa bởi vì bạn sẽ không giao thiệp với bất kỳ ai, còn

lại chỉ có một mình bạn. Bạn sẽ cắt đứt với thế giới bên ngoài và tuyệt đối đơn độc trong cõi riêng tư của mình. Không cần phải che giấu, không cần giả vờ. Đó là lý do tại sao các nhà phân tâm muốn nghiên cứu giấc mơ của bạn, bởi vì chúng bày tỏ về bạn một cách trung thực hơn. Đây cũng lại là cùng một trò chơi nhưng diễn ra trong ngôn ngữ khác mà thôi. Đây là trạng thái thông thường của tâm trí: tâm trí và nội dung, tâm thức cộng với nội dung.

Trạng thái thứ hai của tâm trí là tâm thức không nội dung; đó chính là ý nghĩa của thiền. Bạn hoàn toàn tỉnh táo, và có khoảng trống, một khe hở. Không ý nghĩ nào hiện lên trong tâm thức của bạn. Bạn không ngủ và hoàn toàn tỉnh thức - nhưng không có ý nghĩ. Đây là thiền. Trạng thái thứ nhất gọi là tâm trí, trạng thái thứ hai được gọi là thiền.

Và còn có trạng thái thứ ba. Khi nội dung đã biến mất, khi khách thể cũng biến mất, chủ thể không thể nào còn lại được - bởi vì chúng nương nhau mà có. Chúng sinh ra lẫn nhau. Khi chỉ còn lại chủ thể, nó chỉ lơ lửng thêm một chút nữa, nhờ cái trốn của quá khứ. Không có nội dung, ý thức không thể nào tồn tại lâu dài được; nó sẽ không có chỗ dùng nữa. Bởi vì ý thức bao giờ cũng là một ý thức về cái gì đó. Khi bạn nói 'ý thức' người ta có thể hỏi "Về cái gì?" Bạn nói, "Tôi đang ý thức về..." Phải cần có khách thể; nó là cái phải có để chủ thể tồn tại. Một khi khách thể đã biến mất, chẳng bao lâu chủ thể cũng sẽ mất theo. Trước hết nội dung ra đi, sau đó là ý thức theo sau.

Trạng thái thứ ba được gọi là thiền định (*samadhi*) - không nội dung, không ý thức. Nhưng hãy nhớ, cái không nội dung này, không ý thức này không phải là trạng thái vô ý thức. Nó là trạng thái của siêu ý thức, của ý thức siêu việt. Tâm thức bây giờ chỉ là ý thức về chính nó. Ý thức đã hướng về chính nó; vòng tròn được kiện toàn. Bạn đã về nhà. Đây là trạng thái thứ ba - *samadhi* - mà Phật gọi chân không.

Trước hết hãy gạt bỏ nội dung - bạn còn trống một nửa, sau đó gạt bỏ tâm thức - bạn trở thành trống không hoàn toàn. Và cái trống không hoàn toàn này là điều đẹp đẽ nhất có thể xảy ra, một phúc lạc lớn nhất.

Trong chân không này, trong cái trống không này, trong cái vô ngã này, bạn sẽ an toàn và hoàn toàn ổn định. Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng sự an toàn và ổn định trọn vẹn khi cái ta không còn. Tất cả mọi lo sợ đều biến mất. Bởi vì cái sợ cơ bản là gì? Cái sợ căn bản là sợ chết. Tất cả các nỗi sợ khác chỉ là phản ánh của cái sợ căn bản này. Tất cả các nỗi sợ khác đều có thể quy về cái sợ này: sợ chết. Sợ rằng ngày nào đó mình biến mất, một ngày nào đó mình phải chết. Mình đang sống đây, rồi một ngày sẽ tới khi mình sẽ không còn nữa. Điều đó rất đáng sợ; đó là nỗi sợ căn bản.

Để tránh cái sợ đó chúng ta tìm mọi cách để có thể sống càng lâu càng tốt. Và chúng ta cố gắng làm cho cuộc sống mình an toàn. Chúng ta sẽ nhượng bộ để được an ninh hơn, an toàn hơn, chỉ vì cái sợ đó. Chúng ta trở nên tê liệt, bởi vì càng an toàn hơn, càng an ninh hơn, bạn sẽ càng kém sống động hơn.

Cuộc sống hiện hữu giữa những thách đố và vuron lên trong khủng hoảng. Cuộc sống cần bất an. Nó trưởng thành trong mảnh đất của bất an. Khi mà bạn thấy bấp bênh, bạn sẽ thấy mình sống động hơn, tinh táo hơn.<sup>168</sup> Đó là lý do tại sao người giàu lại trở thành đờ đẫn: một loại đần độn và ngần ngại bao quanh họ. Họ an toàn quá, chẳng còn thách thức nào nữa. Họ an toàn quá, không cần đến trí thông minh nữa. Họ an toàn quá - vậy họ cần thông minh để làm gì? Thông minh chỉ cần tới khi có thách đố. Thông minh được mài giũa bởi thách đố.

Cho nên vì sợ chết mà chúng ta cố gắng để được an toàn, để có tiền trong ngân hàng, để có bảo hiểm, có hôn

---

<sup>168</sup> Một trong nhiều châm ngôn vàng của Nietzsche là sống một cách nguy hiểm

nhân, để được an cư, để được lạc nghiệp. Chúng ta trở thành công dân của một nước, gia nhập đảng phái chính trị, gia nhập tôn giáo. Đó là những cách để tìm an ninh. Đó là những chỗ chúng ta tìm mà gia nhập - tổ quốc, đạo pháp. Bởi nỗi sợ này nên bạn bị chính khách và thầy tu lợi dụng mãi. Nếu bạn không sợ gì, không chính khách, không thầy tu nào có thể lợi dụng bạn được. Chính vì bạn sợ nên ông ta mới có thể khai thác được, bởi vì ông ta có thể làm cho bạn được an toàn - ít nhất ông ta cũng có thể hứa là làm được: “Điều này sẽ giúp bạn an toàn, bảo đảm trăm phần trăm.” Hàng có thể chẳng bao giờ nhận được - đây lại là việc khác - nhưng cứ hứa đã... Và chính lời hứa ấy làm mọi người bị bóc lột, bị áp bức. Nó đã trói buộc mọi người.

Một khi đã biết cái chân không nội tâm này, bạn không còn sợ gì nữa, bởi vì cái chết đã xảy ra rồi. Trong cái trống không đó nó đã xảy ra. Trong cái trống không đó bạn đã biến mất. Vậy thì sao bạn có thể sợ gì nữa? Sợ cái gì? Sợ ai? Bạn đâu còn nữa để mà sợ? Trong cái trống không này mọi sợ hãi đều biến mất bởi vì cái chết đã xảy ra rồi. Cho nên không còn cái chết nào nữa. Bạn cảm thấy bất tử, vô thời gian. Vĩnh cửu đã tới. Bây giờ bạn không tìm kiếm an ninh nữa, không cần nữa.

Đây là trạng thái của sannyasin. Đây là trạng thái mà một người không cần quốc gia, không cần tôn giáo, hay những nhằm nhĩ như thế.

Chỉ khi đã trở thành chân không bạn mới có thể là chính mình. Nghe có vẻ nghịch lý.

Và bạn không cần phải thỏa hiệp. Bởi vì sợ và tham lam mà người ta phải thỏa hiệp. Và bạn có thể sống bất cần bởi vì không có gì để mất cả. Bạn có thể trở thành bất khuất; không có gì để sợ cả. Không ai có thể giết bạn được vì bạn đã làm điều đó rồi. Không ai có thể lấy bất kỳ cái gì của bạn được vì bạn đã vất bỏ tất cả những cái có thể lấy đi rồi. Bây giờ bạn trụ trong chân không, bạn là chân không. Do đó mới có hiện tượng nghịch lý này: rằng

trong chân không này lại có an ninh lớn, an toàn lớn, ổn định lớn - vì không thể chết thêm một lần nữa được.

Và với cái chết, thời gian biến mất.<sup>169</sup> Và tất cả các vấn đề từng do cái chết và thời gian gây ra cũng mất theo cái chết. Sau tất cả những biến mất này, cái còn lại là bầu trời trong suốt. Bầu trời thuần khiết này là samadhi, là niết bàn. Phật đã nói nhiều về điều này.

Những lời kinh này đã được nói cho Sariputra (Xá Lợi Phất), một trong các đại đệ tử của Phật. Tại sao lại Sariputra?

Ngày đầu tiên tôi đã nói cho các bạn rằng có bảy giai đoạn, bảy bậc của chiếc thang. Bậc thứ bảy là siêu việt: Thiên, Mật tông, Lão. Bậc thứ sáu là siêu việt tâm linh: yoga. Cho tới bậc thứ sáu, phương pháp vẫn còn quan trọng, 'làm sao' vẫn còn là quan trọng. Cho tới bậc thứ sáu, kỷ luật vẫn còn quan trọng, lễ nghi còn quan trọng, kỹ thuật vẫn còn quan trọng. Chỉ khi đạt tới bậc thứ bảy, bạn mới thấy chẳng cần gì nữa.

Sariputra được dạy trong kinh này vì Sariputra đã ở trung tâm thứ sáu, bậc thứ sáu. Ông ấy là một trong những đại đệ tử của Phật. Phật có tám mươi đại đệ tử; Sariputra là một trong số người này. Ông ấy là đệ tử hiểu biết nhất của Phật. Ông ấy cũng là học giả lỗi lạc nhất. Khi đến với Phật, ông ấy đã có năm ngàn đệ tử.

Khi tới gặp Phật lần đầu tiên, ông ấy tới để tranh luận, để đấu lý và đánh bại Phật. Ông ấy tới với năm ngàn đệ tử của mình - để khoa trương. Và khi đối diện với ông ấy, Phật cười to. Ngài nói, "Sariputra, ông biết quá nhiều, nhưng lại chẳng biết gì cả. Tôi biết ông đã thâm nhập rất nhiều tri thức, nhưng ông thì rỗng tuếch. Ông tới để tranh

---

<sup>169</sup> Trong từ Phạn, kal nghĩa là chết và thời gian.

luận và để đánh bại ta, nhưng nếu ông *thực sự* muốn thảo luận với ta, ông sẽ phải đợi ít nhất là một năm.”<sup>170</sup>

Sariputra nói, “Một năm ư? Để làm gì vậy?”

Phật nói, “Ông sẽ phải giữ im lặng trong một năm; đó là cái giá phải trả. Nếu có thể giữ im lặng trong một năm, ông có thể tranh luận với ta bởi vì điều ta định nói với ông sẽ tới từ im lặng. Ông cần có một chút ít kinh nghiệm về nó. Và dưới mắt ta, Sariputra, ông chưa biết im lặng là gì. Ông ngập tràn tri thức; đầu ông nặng nề quá. Ta thấy tội nghiệp cho ông, Sariputra. Ông đã mang của nợ đó trong nhiều kiếp rồi. Không phải ông chỉ là Bà La Môn trong kiếp này. Sariputra, ông đã từng là brahmin trong nhiều kiếp rồi. Và trong nhiều kiếp ông từng mang nặng nào là kinh Vệ Đà và nào là kinh sách. Đó là cách sống của ông trong nhiều kiếp... nhưng ta thấy nhiều hứa hẹn. Ông là một sách, nhưng thế mà lại nhiều triển vọng. Ông là người hiểu biết, nhưng tri thức của ông vẫn chưa che lấp hoàn toàn bản thể ông; một vài cửa sổ vẫn còn mở. Ta muốn, trong một năm, lau sạch những cửa sổ này, để sửa soạn cho sự gặp gỡ, cho việc đàm đạo và sự sống của chúng ta. Hãy ở lại đây trong một năm.”

Điều này thật kì lạ. Sariputra đã từng ngao du khắp nước, đánh bại mọi người. Đó là một truyền thống của Ấn Độ: người trí thức hay du hành khắp nước và đánh bại người khác trong những cuộc tranh luận và thảo luận lớn. Và điều đó được coi là một trong những việc vĩ đại phải làm. Nếu thắng cả nước và đánh bại tất cả các học giả, người đó có một vinh dự rất lớn.<sup>171</sup> Người đó được coi trọng hơn cả vua chúa, hơn cả người giàu có.

Sariputra đã du hành. Và theo lẽ tự nhiên, ông ấy không thể tự tuyên bố là mình thắng khi chưa đánh bại

---

<sup>170</sup> Trong truyền thống của Ấn Độ người bị thách thức bao giờ cũng ra điều kiện. Và khi hai bên thỏa thuận điều kiện thì cuộc đấu bắt đầu.

<sup>171</sup> Osho từng là quán quân hùng biện toàn Ấn Độ khi còn là một sinh viên đại học

được Phật. Cho nên ông ấy đã tới vì điều đó. Ông ấy chấp nhận điều kiện và nói, “Được, nếu phải đợi một năm, tôi sẽ đợi.” Và trong một năm ông ấy đã ngồi trong im lặng. Trong một năm, cái im lặng đã ngấm vào ông ấy.

Một năm sau Phật hỏi ông ta, “Bây giờ chúng ta có thể thảo luận, và ông có thể đánh bại tôi, Sariputra. Ta sẽ sung sướng vô cùng được ông đánh bại.”

Ông ấy cười lớn và quỳ xuống chân Phật mà nói, “Xin thầy hãy điềm đạo cho con. Trong một năm im lặng này, lắng nghe thầy, đã có vài khoảnh khắc được trí huệ mở ra. Mặc dầu tới như một đối thủ, con tự nghĩ, ‘Trong khi ngồi lặng thình suốt một năm, tại sao ta không lắng nghe người này, nghe người ấy nói gì?’ Cho nên từ sự tò mò mà con bắt đầu lắng nghe. Nhưng nhiều lúc thầy đã qui phục con; thầy đã làm tim con rung động; từng phím đàn bên trong con ngân lên, và con đã nghe được tiếng nhạc. Thầy đã đánh bại con mà không phải tranh luận.”

Sariputra trở thành đệ tử Phật, và năm ngàn đệ tử của ông ấy cũng quy y theo Phật. Sariputra là một trong những học giả rất nổi tiếng thời đó. Những lời kinh này nói cho Sariputra.

*Tại đây, này Sariputra, sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc chính là không, không chính là sắc.*

*Thọ, hành, tưởng, thức cũng đều như thế.*

*Tại đây, này Sariputra... Phật muốn nói gì khi nói ‘tại đây’? Ngài muốn nói tới không gian của mình. Ngài nói, “Nhìn từ thế giới của ta, từ quan điểm siêu việt, từ không gian nơi ta hiện hữu và cái vĩnh hằng nơi ta hiện hữu...”*

*Tại đây, này Sariputra, sắc tức là không, không tức là sắc;*

Đây là một trong những tuyên cáo quan trọng nhất. Toàn bộ giáo pháp của Phật giáo nằm gọn trong điều này: rằng cái hiển hiện là cái ẩn tàng; rằng hình sắc chẳng qua là một hình thức của chính cái trống không, và cái trống không cũng chẳng là gì ngoài hình sắc, khả hữu của hình sắc.<sup>172</sup> Phát biểu này là phi logic và thoạt nhìn có vẻ là vô nghĩa. Làm sao hình sắc lại có thể là trống không được? Chúng là những cái đối lập. Sao trống không có thể là hình sắc được? Chúng là hai đối cực.

Một điều cần phải được hiểu trước khi chúng ta bàn về kinh một cách đúng đắn: Phật không dùng logic, mà dùng biện chứng.

Có hai cách để hiểu thực tại. Một cách là logic. Aristotle là tổ sư của phương pháp ấy ở phương Tây.<sup>173</sup> Nó đi theo đường thẳng, chỉ một đường thôi. Nó không bao giờ cho phép cái đối lập; đối lập phải bị loại bỏ. Quy luật này nói A là A và không bao giờ là không A. A không thể là không A được. Đây là một công thức của trường phái logic Aristotle - và nó có vẻ hoàn toàn hợp lý, bởi vì chúng ta đã từng lớn lên với logic đó ở trung học, cao đẳng, đại học. Thế giới này bị Aristotle thống trị: A là A và không bao giờ là không A.<sup>174</sup>

Phương pháp tìm hiểu thực tại thứ hai là biện chứng.<sup>175</sup> Tại trời Tây phương pháp đó được gắn với tên

<sup>172</sup> Vật lý học nói rằng vật chất xuất hiện trong chân không (empty space) là chuyện thường. Đơn vị năng lượng cần thiết để tạo ra hiện tượng ấy là hằng số Plank.

<sup>173</sup> Logic của Aristotle gọi là Formal logic. Ngoài ra còn có logic hiện đại của Russell và Whitehead và Fuzzy logic của Zadeh.

<sup>174</sup> Nguyên tắc triệt tam (excluded middle). Trong Vật lý, hai muons có số quay (spin) khác nhau có thể chiếm cùng một vị trí trong không gian. Điều này vi phạm quy tắc triệt tam.

<sup>175</sup> Còn một phương pháp biện chứng nữa. Xin đọc Nguyễn đình Phong, “Biện Chứng Pháp Osho,” Triết, số 3, San Jose, California.

của Heraclitus,<sup>176</sup> Hegel.<sup>177</sup> Tiến trình biện chứng nói: cuộc sống vận chuyển qua các cực đối, qua những cái đối lập - giống như con sông chảy qua hai bờ đối lập với nhau, nhưng hai bờ đối lập ấy giữ cho con sông ở giữa chúng. Điều này hiện thực hơn. Điện có hai cực, dương và âm. Nếu logic của Aristotle đúng với hiện sinh thì điện là rất, rất phi logic. Thế thì chính Thượng Đế cũng phi logic nốt, bởi vì Ngài tạo ra cuộc sống bằng sự phối hợp giữa người nam và người nữ, vốn là những đối lập - âm và dương, đực và cái. Nếu như Thượng Đế được Aristotle dưỡng dục theo luận lý hình thức, theo logic đường thẳng thì đồng tính luyến ái sẽ là tiêu chuẩn, còn luyến ái khác phái sẽ là truy lạc. Thế thì đàn ông sẽ yêu đàn ông, đàn bà sẽ cặp đàn bà. Thế thì các phía đối lập không thể gặp gỡ.

Nhưng Thượng Đế theo biện chứng. Tại mọi nơi, các đối cực đều gặp gỡ.<sup>178</sup> Trong con người bạn, sinh và tử đang gặp gỡ. Tại mọi nơi, các phía đối lập đều gặp gỡ - ngày và đêm, hè và đông. Gai nhọn và hoa hồng, chúng gặp gỡ; chúng ở trên cùng một cành, chúng phát xuất từ cùng một nguồn. Đàn ông và đàn bà, thanh xuân và tuổi già, đẹp và xấu, thân xác và linh hồn, thế giới và Thượng Đế - tất cả đều là đối cực.<sup>179</sup> Đây là một tấu khúc của các đối cực. Các đối cực không những gặp gỡ mà còn dệt lên một tấu khúc vĩ đại - chỉ đối cực mới *có thể* tạo ra bản hòa tấu. Ngược lại thì cuộc sống sẽ đơn điệu, không phải là bản hòa tấu. Cuộc sống sẽ nhàm chán. Nếu chỉ có một

---

<sup>176</sup> Heraclitus là một hiền triết Hy Lạp, chủ trương rằng mọi sự đều thay đổi, và ông lấy lửa làm biểu tượng của sự thay đổi đó. Câu nói rất nổi tiếng của ông là, “Bạn không thể bước xuống dòng sông hai lần.”

<sup>177</sup> Hegel là một triết gia duy tâm. Ông là người sáng lập khoa triết lý lịch sử, dọn đường cho Karl Marx với duy vật lịch sử. Hegel được nhiều người biết tới với phương pháp biện chứng gồm ba giai đoạn: chính đề, phản đề và hợp đề.

<sup>178</sup> Dịch học cũng nói trong âm có dương, trong dương có âm. Trong Vật lý học âm điện tử vừa là sóng (wave) vừa là hạt (particle).

<sup>179</sup> Lão Tử dạy, “Cao hạ tương khuynh. Trường bản tương hình. Âm thanh tương hình...”

nốt nhạc cứ lặp đi lặp lại, nhất định sẽ chán ngấy. Có các nốt trái nghịch: chính đề bắt tay phản đề mà tạo ra hợp đề. Và đến phiên của nó, hợp đề trở thành chính đề, lại tạo ra phản đề, và hợp đề cao hơn lại xảy ra.<sup>180</sup> Đó là tiến trình của đời sống.

Vậy phương pháp của Phật là biện chứng, và nó hiện thực hơn, đúng hơn, hợp lệ hơn.

Ông yêu bà, bà yêu ông - vậy thì cần phải hiểu thêm một điều nữa. Bây giờ các nhà sinh học (biologist) nói, và các nhà tâm lý cũng đồng ý, rằng đàn ông không chỉ là đàn ông, mà là đàn bà nữa. Và đàn bà không chỉ là đàn bà, mà là đàn ông nữa.<sup>181</sup> Cho nên khi đàn ông và đàn bà gặp nhau, không chỉ có hai người gặp nhau mà là bốn người gặp nhau. Đàn ông gặp với đàn bà, nhưng đàn ông có đàn bà ẩn trong mình; đàn bà cũng có người đàn ông ẩn bên trong; họ cũng gặp nhau nữa. Sự gặp gỡ là trên các hai bình diện. Điều ấy tinh tế hơn, phức tạp hơn, liên hệ hơn. Con người vừa là đàn ông, vừa là đàn bà. Tại sao? - bởi vì hấn từ người nam và người nữ mà ra. Một phần là đóng góp của cha, và phần khác là đóng góp của mẹ, dù bạn là ai cũng vậy. Nam tính và nữ tính cùng chảy trong máu của bạn. Bạn có cả hai bởi vì bạn là sự gặp gỡ của các cực đối. Bạn là sự tổng hợp! Không thể nào chối bỏ cực này mà lấy cực kia. Vậy mà đó là điều đã được làm.

Aristotle đã được tuân theo một cách mù quáng, đủ mọi cách, và điều đó đã tạo ra nhiều phức tạp cho con người - và những vấn đề như thế dường như nan giải nếu Aristotle được tuân theo. Đàn ông đã được dạy phải là đàn ông: không được phép lộ ra một nét nữ tính nào, không bao giờ được phơi ra sự mềm yếu của con tim, không bao giờ được tỏ ra bất kỳ cảm xúc nào, bao giờ

---

<sup>180</sup> Biện chứng pháp của Hegel không giải thích được sự thăng trầm của lịch sử và thiên nhiên. Biện chứng pháp Osho thành công hơn về mặt này.

<sup>181</sup> Carl Jung nói có nam tính trong đàn bà - gọi là animus, và có nữ tính trong đàn ông - gọi là anima.

cũng phải hùng hổ. Đàn ông được dạy không bao giờ được khóc lóc, không bao giờ được than van - bởi vì nước mắt là nữ tính. Đàn bà đã được dạy không được giống như đàn ông: không được tỏ ra hung hăng, không được biểu lộ cảm nghĩ, bao giờ cũng phải thụ động, thụ cảm. Điều này ngược lại thực tại, và đã làm què quặt cả hai. Trong một thế giới tốt đẹp hơn, hiểu biết hơn, đàn ông sẽ là cả hai, đàn bà sẽ là cả hai - bởi vì đôi khi đàn ông cũng cần là đàn bà. Có những khoảnh khắc anh ta cần mềm mỏng - những khoảnh khắc tế nhị, khoảnh khắc yêu đương. Và có những lúc mà đàn bà cần phải diễn đạt và hùng hổ - lúc giận dữ, khi phải phòng ngự, khi nổi loạn. Nếu đàn bà chỉ thụ động, cô sẽ thụ động biến thành nô lệ. Người đàn bà thụ động nhất định trở thành nô lệ; đó là điều đã xảy ra qua nhiều thời đại. Còn người đàn ông chỉ biết hùng hổ và không bao giờ tế nhị, nhất định sẽ tạo ra chiến tranh, diên khùng trong thế giới, bạo động.

Con người đã chinh chiến, đánh nhau liên tục; dường như con người sống trên trái đất chỉ để đánh nhau. Trong ba ngàn năm đã có năm ngàn cuộc chiến tranh! Chiến tranh liên tục hoặc chỗ này, hoặc chỗ khác; trái đất chưa bao giờ nguyên vẹn và lành mạnh... chưa có lúc nào không chiến tranh. Hoặc chiến tranh ở Triều tiên, hoặc Việt Nam, hay Do Thái, Ấn Độ, Pakistan hay Bangladesh; đâu đó việc tàn sát vẫn cứ tiếp tục. Con người phải giết nhau. Để còn là người, hẳn phải chém giết. Bảy mươi năm phần trăm năng lượng được đổ vào chiến tranh, để tạo ra nhiều bom hơn, nhiều bom khinh khí hơn, nhiều bom neutron hơn, vân vân và vân vân. Dường như con người sống trên trái đất này chỉ có một mục đích là chiến tranh. Anh hùng thời chiến được tôn kính nhất. Các chính khách thời chiến trở thành những tên tuổi vĩ đại trong lịch sử: Adolf Hitler, Winston Churchill, Joseph Stalin, Mao Trạch Đông - những tên tuổi này còn lưu danh. Tại sao? - bởi vì họ đã đấu tranh trong những cuộc chiến lớn, họ hủy diệt. Dù là xâm lược hay tự vệ - không thành vấn đề - nhưng họ là những kẻ hiếu chiến.

Và chẳng biết ai là kẻ xâm lược - liệu người Đức có là kẻ xâm lược hay không, tất cả đều phụ thuộc vào người viết ra lịch sử. Kẻ thắng sẽ viết lịch sử, và người ấy sẽ chứng minh kẻ kia là xâm lược. Lịch sử sẽ hoàn toàn khác nếu Adolf Hitler chiến thắng. Đúng vậy, cũng sẽ có toà án Nuremburg, nhưng các tướng lĩnh và chính khách Mỹ, Anh và Pháp sẽ bị ra toà. Và lịch sử sẽ do người Đức viết ra; một cách tự nhiên họ sẽ có cái nhìn khác.<sup>182</sup>

Chẳng ai biết gì là đúng cả. Một điều chắc chắn là con người dồn tất cả năng lượng của mình vào chiến tranh. Lý do ư? - lý do là vì con người đã được dạy chỉ là đàn ông, và phần nữ tính của hắn đã bị chối bỏ. Cho nên không ông nào nguyên vẹn cả. Và đàn bà cũng vậy - không bà nào nguyên vẹn cả. Bà ấy đã được dạy phải chối bỏ phần đàn ông của mình. Khi còn là một trẻ nhỏ cô ấy không được đánh nhau với tụi con trai, cô ấy không được trèo cây; cô ấy phải chơi với búp bê, cô ấy phải chơi trò nấu bếp. Đây là một lối giáo dục rất ư là méo mó.

Đàn ông là cả hai, đàn bà cũng vậy - và cả hai đều cần phải kiến tạo một con người hài hòa, chân thực. Hiện sinh là biện chứng; và các đối cực không chỉ là trái ngược; chúng là phần bù cho nhau nữa.<sup>183</sup>

Phật nói: *Tại đây, này Sariputra* - trong thế giới của ta, Sariputra, trong không gian của ta, trong thời gian của ta, Sariputra, tại bậc thứ bảy của chiếc thang, trong trạng thái tâm không này, trong trạng thái vô niệm này, trong trạng thái của niết bàn này, của chứng ngộ này - *sắc tức là không*. Đàn ông là đàn bà và đàn bà là đàn ông, và sinh là tử, và tử là sinh. Các đối cực không phải là đối nghịch, Sariputra; chúng đang hòa nhập lẫn nhau, chúng nương nhau mà hiện hữu. Để vạch ra trí huệ này Phật nói: *Hình sắc là vô hình sắc, và vô hình sắc là hình sắc; cái ẩn tàng*

---

<sup>182</sup> Người phi công Mỹ thả bom nguyên tử xuống Nagasaki cuối đời nghĩ nếu mà Mỹ thua trận thì chắc ông ta sẽ bị đem ra xử.

<sup>183</sup> Vật lý gia lừng danh Neils Bohr tìm ra quy luật phần bù (principle of complementary). Huy hiệu của ông ấy có hình Thái Cực ở giữa.

trở thành hiển hiện, và cái hiển hiện lại trở thành ẩn tàng. Chúng không khác nhau, Sariputra, chúng là một. Cái nhị nguyên đối đãi chỉ là bề ngoài. Sâu bên trong tất cả chỉ là một.

*Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc chính là không, không chính là sắc. Thọ, hành, tưởng, thức cũng đều như thế.*

Toàn bộ cuộc sống và toàn bộ hiện sinh hợp bởi các cặp đối, nhưng chúng chỉ khác nhau trên bề mặt. Các cặp đối này giống như hai tay tôi: tôi có thể làm chúng chống đối nhau, thậm chí tôi có thể bày ra một loại xung khắc để chúng đánh nhau. Nhưng trái và phải đều là tay tôi. Bên trong tôi, chúng là một. Đây là trường hợp điển hình.

Tại sao Phật nói điều này cho Sariputra? - vì nếu hiểu điều này, lo nghĩ của bạn sẽ biến mất. Thế thì không có lo nghĩ.<sup>184</sup> Sinh là tử, tử là sinh. Sống là một cách hướng tới chết, và chết là cách hướng tới sống. Đây chỉ là một trò chơi. Thế thì không có sợ hãi, không có rắc rối. Với hiểu biết này, một sự chấp nhận lớn phát sinh.

*Tại đây, này Sariputra, hết thấy mọi vật đều có tướng không; chúng không sinh, không diệt; không nhớ, không sạch, không tăng, không giảm.*

Phật nói: vạn pháp đều không. Chân không đó hiện hữu tại ngay cốt lõi của muôn vật: chân không đó nằm trong cây cối; nó nằm trong tảng đá; nó hiện hữu giữa trăng sao.

---

<sup>184</sup> Đại thi hào Y. B Yeats có câu thơ rất nổi tiếng, “Nhìn sống chết bằng con mắt lạnh lùng. Người kỵ mã bước đi hiên ngang.”

Bây giờ các nhà khoa học sẽ đồng ý: họ nói rằng khi một ngôi sao chết, nó trở thành một lỗ đen, chân không. Nhưng chân không đó không chỉ là chân không; nó có sức mạnh mênh mông, nó rất đầy đặn, tràn ngập.<sup>185</sup>

Khái niệm, giả thuyết về lỗ đen, có giá trị mênh mông trong việc hiểu Phật. Một ngôi sao sáng hàng triệu, hàng tỉ năm, nhưng ngày nào đó nó phải chết. Mọi thứ được sinh ra đều phải chết. Con người sống trong bảy mươi năm, thế rồi cái gì xảy ra? Kiệt sức, mệt mỏi, người ấy biến mất; người ấy trở lại với đại thể. Cho nên điều đó xảy ra cho mọi thứ, chẳng chóng thì chầy. Rặng Hy Mã Lạp Sơn sẽ biến mất ngày nào đó, rồi trái đất này cũng sẽ biến mất, và vàng dương này cũng sẽ biến mất một ngày nào đó. Nhưng khi ngôi sao lớn biến mất, nó sẽ biến về đâu?<sup>186</sup> Nó sụp đổ vào trong chính nó. Cả một khối lượng lớn; nó sụp đổ. Giống như một người đang đi - một ông già - ngã quỵ trên phố, nếu để thầy ma ở đây, sớm muộn thì thân xác ấy sẽ biến mất, tan vào cát bụi, biến vào lòng đất. Nếu để nó ở đó nhiều năm, xương cũng biến thành cát bụi. Người ấy đã hiện diện ngày nào đó, bước đi, sống, yêu đương, đánh nhau, và nay tất cả đã biến mất trong lỗ đen. Điều ấy cũng xảy ra cho một ngôi sao: khi ngôi sao sụp đổ, nó trở thành một lỗ đen. Tại sao nó lại được gọi là lỗ đen? - bởi vì bây giờ không còn khối lượng nữa, chỉ còn cái trống không thuần khiết. Đó là điều Phật gọi là shunyata. Và shunyata, cái trống không thuần khiết, mạnh mẽ vô cùng, đến độ nếu bạn tới gần hấp lực của nó, trong vùng lân cận của nó, bạn sẽ bị hút vào trong cái trống không đó, và rồi bạn sẽ sụp đổ và biến mất.

Việc du hành không gian có thể gặp rắc rối trong tương lai vì những lỗ đen này. Bạn không thể thấy được

---

<sup>185</sup> Lỗ đen (black hole). Gọi là lỗ vì hấp lực của nó rất mạnh, mọi thứ chung quanh đều bị hút vào, kể cả ánh sáng. Gọi là đen vì ánh sáng cũng không lọt ra được để ta quan sát.

<sup>186</sup> Các nhà khoa học nghĩ rằng có vô số vũ trụ hiện hữu song song (parallel universes), và lỗ đen có thể là cầu nối giữa các vũ trụ.

bởi vì nó là chân không; nó chỉ là sự vắng mặt. Bạn không thể thấy được nó, và bạn có thể đi qua nó. Nếu một phi thuyền tới gần nó, dưới sức hút của nó, con tàu sẽ bị kéo vào. Thế thì không có cách nào để thoát khỏi, không có cách nào vũng vầy ra được. Sức hút mạnh ấy sẽ hút nó vào, và nó sẽ biến mất và sụp đổ. Và bạn sẽ chẳng bao giờ nghe nói về con tàu ấy nữa; nó đã đi đâu; điều gì đã xảy ra cho nó; điều gì đã xảy ra cho những du khách không gian.

Lỗ đen này rất gần với khái niệm về cái trống không của Phật. Tất cả các hình sắc đều sụp đổ và biến mất vào trong lỗ đen, và sau một thời gian lâu nghỉ ngơi ở đó, chúng lại xuất hiện – một ngôi sao khác lại được sinh ra. Điều này tiếp diễn không ngừng: sống và chết, chết và sống, liên tiếp diễn ra.<sup>187</sup> Đây là cách vận hành của hiện sinh.

Ban đầu nó hiển hiện, thế rồi trở nên mệt mỏi, trở thành ẩn tàng; rồi sau khi phục hồi năng lượng qua nghỉ ngơi, một lần nữa nó lại trở thành hiển hiện. Cả ngày làm việc, bạn trở nên mệt mỏi; ban đêm bạn biến mất trong giấc ngủ, trong lỗ đen. Bạn tắt đèn, chui vào trong chăn, nhắm mắt lại; thế rồi trong vài phút tâm thức biến đi. Bạn đã sụp đổ vào bên trong. Có những lúc ngay cả mộng mơ cũng không có nữa; đó là lúc ngủ say nhất.<sup>188</sup> Trong lúc ngủ say ấy, bạn ở trong lỗ đen, bạn chết. Trong lúc ở trong cái chết, bạn được nghỉ ngơi trong cái chết. Rồi sáng hôm sau bạn trở lại, tràn đầy nhựa sống, khoái trá, đầy sinh khí và tươi trẻ lại. Nếu có một giấc ngủ say, thực sự say mà không mơ mộng, buổi sáng mới tươi mát, sống động, rạng ngời, bạn lại trẻ trung. Nếu biết cách ngủ say,

---

<sup>187</sup> Big Bang là thuyết nói về khởi nguyên của vũ trụ này. Nhưng về mặt khoa học trước Big Bang này có thể đã có vô số Big Bang khác, và sau này nữa.

<sup>188</sup> Các nhà tâm lý chia giấc ngủ ra làm hai: mơ và không mơ. Khi mơ, mắt ta cũng lảo liên như khi tỉnh nên gọi là REM (rapid eye movement).

bạn cũng biết cách phục hồi lại bản thân mình. Tôi đến bạn lại sụp đổ, mệt mỏi, kiệt sức vì quần quật cả ngày.

Mọi thứ đều xảy ra như vậy. Con người là một tiểu vũ trụ. Cái gì xảy ra cho con người cũng xảy ra cho cả vũ trụ trên một qui mô lớn hơn, có vậy thôi. Đêm đêm bạn biến mất trong cái trống không, ngày ngày bạn trở lại hình sắc. Hình sắc, vô hình sắc, hình sắc, vô hình sắc; đây là cách cuộc sống vận hành, đó là nhịp đời.

*Tại đây, này Sariputra, hết thấy mọi vật đều có tướng không; chúng không sinh, không diệt;*

Phật muốn nói: Chẳng phải làm gì cả, chỉ cần hiểu là đủ.

Đây là một tuyên cáo táo bạo. Nó có thể thay đổi toàn bộ cuộc sống của bạn, nếu bạn nhận thức được.

*... Chúng không sinh, không diệt...*

Không ai tạo ra, và không ai tiêu diệt những hình sắc này. Phật không tin vào Thượng Đế như một người điều hành, người điều khiển, một đấng sáng tạo, không. Điều đó nghĩa là nhị nguyên, một giả thuyết không cần thiết. Phật nói điều đó xảy ra theo quy luật riêng của nó; đấy là tự nhiên, không ai làm điều đó. Không phải trước hết Thượng Đế phán, “Hãy có ánh sáng”<sup>189</sup> - như được nói trong Kinh thánh - thế là có ánh sáng. Và rồi một hôm Ngài nói, “Bây giờ, hãy không có ánh sáng,” và ánh sáng biến mất. Tại sao lại đem Thượng Đế vào? Và tại sao bắt Ngài làm việc xấu ấy? Và Ngài sẽ phải làm điều đó mãi mãi và mãi mãi: “Hãy có ánh sáng, hãy không có ánh sáng, hãy có ánh sáng, hãy dựng lên người này, hãy cho

---

<sup>189</sup> Sáng Thế Ký 1.3.

nó chết” - Ngài phải chán ngấy đến độ nào! Phật cho Thượng Đế nghỉ ngơi; Ngài nói điều đó không cần thiết.

Đấy chỉ là sự tự nhiên. Cây sinh ra hạt, rồi hạt lại sinh ra cây, và cây lại sinh ra hạt. Hạt là gì? Sự biến mất của cây; cây đã trở về cái vô hình. Bạn có thể mang một hạt, hay cả ngàn hạt trong túi, nhưng bạn không thể mang được một ngàn cây trong túi. Cây có hình sắc, công kên, nặng nề; hạt chẳng có gì. Và nếu đập hạt ra, bạn sẽ chẳng thấy gì. Nếu bạn chưa hề thấy, và không biết rằng hạt trở thành cây, và ai đó đưa cho bạn một hạt và nói, “Coi này, hạt này rất thần kỳ - nó có thể trở thành một cái cây lớn, và sẽ có nhiều quả trong nhiều năm, có tàn lớn và nhiều hoa lá, rồi chim chóc sẽ tới làm tổ ở đó,” bạn sẽ nói, “Anh nói cái gì vậy? Từ viên sỏi tí xíu này ư? Anh cho rằng tôi ngu lắm hay sao? Làm sao điều đó có thể xảy ra được? Nó không thể xảy ra được.”

Nhưng bạn biết điều đó xảy ra, đó là lý do tại sao bạn không chú ý gì tới nó. Một phép màu đang xảy ra. Hạt bé tí này mang toàn bộ bản thiết kế cho cái cây, cho từng chiếc lá - hình thể, kích thước, chiều cao và chiều rộng, bao nhiêu quả, bao nhiêu hoa sẽ nở ra từ nó, bao nhiêu hạt - mà hạt này sẽ tạo ra. Các nhà khoa học nói rằng chỉ một hạt cũng đủ làm cho cả trái đất thành xanh tươi. Nó có tiềm năng vô tận. Không những chỉ trái đất này thôi - chỉ một hạt cũng có thể làm toàn thể trăng sao xanh tươi, bởi vì một hạt có thể tạo ra hàng triệu hạt khác, thế rồi từng hạt này lại tạo ra hàng triệu hạt nữa, và cứ thế tiếp diễn. Toàn bộ vũ trụ có thể trở thành xanh tươi từ chỉ một hạt. Chân không đó có rất nhiều tiềm năng, rất mạnh mẽ! Mệnh mông! Khổng lồ! Bao la!

Phật nói không ai tạo ra và không ai tiêu diệt nó lại cả. Phật nói không cần phải đến đền thờ và không cần phải cầu nguyện với Thượng Đế rằng, “Hãy làm cái này, đừng làm cái kia” - chẳng có ai nghe cả.

Và thông điệp của Ngài là gì? Ngài nói, “Hãy chấp nhận. Sự việc là như vậy. Bản chất của mọi vật là thế. Đó là luật tự nhiên; mọi vật đến rồi đi.”

Trong sự chấp nhận này, trong chân như (*tathata*) này, mọi khổ ách đều biến mất; bạn thoát khỏi mọi lo âu. Thế thì không có vấn đề gì. Và không có gì có thể bị chặn lại, và không có gì có thể bị thay đổi, và không có gì có thể được tạo ra. Mọi vật vẫn như thế và mọi vật sẽ như thế, cho nên chẳng có gì cho bạn làm cả. Bạn chỉ quan sát những vật này xảy ra. Bạn có thể tham dự vào trong những vật này. Hãy hiện hữu ... trong cái hiện hữu đó có im lặng, trong cái hiện hữu đó có niềm vui sướng. Cái hiện hữu đó là tự do.

*Không nhớ, không sạch,...*

Hiện sinh này không dơ bẩn cũng chẳng trong sạch. Không ai là kẻ tội lỗi và không ai là thánh.

Cái sáng suốt của Phật hoàn toàn cách mạng: Ngài nói không gì có thể là dơ bẩn và không gì có thể là trong sạch; mọi vật theo tánh tự nhiên của chúng mà có. Tất cả chỉ là trò chơi mà chúng ta đặt ra thôi. Chúng ta tạo ra ý tưởng về sự trong sạch - và rồi cái dơ bẩn đến theo. Chúng ta tạo ra ý tưởng về vị thánh - và kéo theo kẻ tội lỗi tới.

Bạn muốn kẻ tội lỗi biến mất ư? Họ có thể biến mất chỉ khi vị thánh của bạn biến mất. Họ hiện hữu cùng nhau. Bạn muốn cái vô đạo đức biến mất đi ư? - thì cái đạo đức cũng phải ra đi. Chính cái đạo đức mới tạo ra cái vô đạo đức. Chính cái ý tưởng đạo đức đã tạo ra sự kết án cho một vài người không tuân theo chúng, không thể chấp nhận chúng.<sup>190</sup> Và bạn có thể biến mọi thứ thành vô đạo

---

<sup>190</sup> Blaise Pascal nói chúng ta tất cả là những tù nhân, và có hai loại người thoát ra được nhà tù ấy là thánh nhân và tội phạm. Thánh nhân trốn ra bằng cửa trước, còn tội phạm trốn ra bằng lối sau.

đức - chỉ cần một ý tưởng: cái này là đạo đức. Bạn có thể làm một con bò linh thiêng từ bất kỳ cái gì, và rồi nhiều vấn đề theo sau..

Phật không nói gì về nợ bản, không nói gì về trong sạch cả. Trong sạch, đơ bản, đều là thái độ của tâm trí.

Bạn có thể nói đây là đạo đức hay vô đạo đức không? Bạn có thể nói một con vật là tội phạm hay vị thánh không? Hãy cố gắng thấy cái nhìn tối thượng này: không có tội phạm, không có thánh, không có đạo đức, không có vô đạo đức. Trong sự chấp nhận này, lấy đâu ra lý do để lo nghĩ? Cũng không có gì để phải cải tiến cả! Và không có mục đích, bởi vì không có giá trị. Cuộc hành trình này là cuộc hành trình không có mục đích nào cả. Nó chỉ là cuộc hành trình; nó là một vở kịch, *leela*.<sup>191</sup> Và không có ai đứng sau nó, điều khiển nó. Tất cả đều xảy ra, và không có ai làm điều đó. Nếu có người làm điều đó, vấn đề sẽ nảy sinh - thế thì van xin người ấy, phải thuyết phục người ấy, phải kết thân với người ấy. Như vậy bạn sẽ được lợi, và những người không thân thiết sẽ bị trừng phạt - họ sẽ phải đau khổ ở địa ngục. Đó là điều mà người Kitô giáo, Hindu giáo, Hồi giáo tin tưởng. Người Hồi nghĩ những ai theo Hồi giáo sẽ lên thiên đường, còn những người không theo Hồi giáo sẽ sa địa ngục. Kitô giáo và Hindu giáo cũng tin như vậy. Người Ấn nghĩ những ai không theo Ấn Độ giáo chẳng có cơ may nào; Ki Tô hữu nghĩ những người không tới qua giáo hội, những người không được rửa tội, đều sẽ phải sa địa ngục đời đời, kiếp kiếp.<sup>192</sup>

Phật nói: Không có kẻ tội lỗi, không có thánh nhân; không có gì là trong sạch, không có gì là đơ bản, mọi sự

---

<sup>191</sup> Ấn Độ giáo coi cuộc đời này là một vở kịch (*leela*) vĩ đại, và mỗi người chúng ta đều có một vai trò trong vở kịch đó. Vậy nên không có thánh nhân, cũng chẳng có tội phạm. Tất cả chỉ là một vở kịch.

<sup>192</sup> Công giáo kể từ Công Đồng Vatican thứ hai tương đối cởi mở hơn. Giáo hội dạy rằng tín đồ các tôn giáo khác cũng có thể được lên thiên đàng, nhưng trọng tâm của cứu chuộc vẫn là Công giáo.

hiện hữu theo tự tánh của chúng. Hãy tìm một cây mà thử thuyết phục nó xem, hãy hỏi nó, “Sao mày lại xanh? Sao không phải màu đỏ?”

Và nếu nó lắng nghe bạn thì nó sẽ điên mất - “Tại sao tôi không phải đỏ ư? Tại sao? Thực vậy, câu hỏi có lý lắm. Tại sao tôi lại xanh nhỉ?” Kết án màu xanh và ca ngợi màu đỏ thì sớm hay muộn bạn sẽ thấy cây nằm trên ghế nhà phân tâm để được phân tích, giúp đỡ.

Trước hết bạn tạo ra vấn đề, và rồi người cứu tinh tới. Quả là một công việc rất lợi lộc.

Phật chặt ngay từ gốc rễ. Ngài nói: Trời đất sinh bạn ra sao thì bạn là vậy. Không có gì phải cải thiện, không phải đi đâu cả.

Và đây là toàn bộ quan điểm của tôi nữa: bạn như thể là toàn hảo rồi, không thể nào hơn nữa. Cái ‘hơn nữa’ chỉ làm rắc rối thêm cho bạn thôi. Cái ý tưởng ‘hơn nữa’ sẽ làm bạn phát điên. Hãy chấp nhận thiên nhiên, hãy sống một cách tự nhiên, đơn giản, tự phát, khoáng khắc nọ sang khoáng khắc kia. Và đó là linh thiêng - bởi vì bạn là đại thể, không phải bởi vì bạn đã trở thành một vị thánh.

*Không dơ, không sạch, không tăng, không giảm.*

Không có gì là đầy đủ, và không có gì thiếu sót cả; những giá trị này hoàn toàn vô ý nghĩa. Phật nói: Tại đây, này Sariputra, nơi ta hiện hữu, không gì là tốt, không gì là xấu. Tại đây, nơi ta hiện hữu, luân hồi và niết bàn là một. Không có sự phân biệt giữa thế giới này và thế giới kia. Không có sự phân biệt giữa trần tục và thiêng liêng. Tại đây, nơi ta hiện hữu, tất cả tất cả mọi sự phân biệt đều đã biến mất, bởi vì sự phân biệt do ý nghĩ tạo ra. Khi ý nghĩ biến mất thì sự phân biệt cũng biến mất.

Tội phạm do ý nghĩ tạo ra, và thánh nhân cũng do ý nghĩ tạo ra. Thiện và ác đều do ý nghĩ tạo ra. Những sự phân biệt này đều do ý nghĩ tạo nên. Phật nói: Khi tri thức

biến mất thì ý nghĩ cũng biến mất. Không có nhị nguyên. Tất cả là nhất thể.

Tổ Tăng Xán có những câu nổi tiếng :

*Cảnh chân như pháp giới*

*Không người cũng không ta.*

*Cùng lý, đạo không hai;*

*Một là tất cả;*

*Tất cả là một.*

*Nếu hiểu được như vậy*

*Đừng lo không hoàn hảo.<sup>193</sup>*

*Một là tất cả, tất cả là một - nếu hiểu điều này thì không còn lo nghĩ về sự không hoàn hảo của bạn. Không có sự hoàn hảo, không có sự không hoàn hảo. Hãy nhận thức điều ấy, và nhận thức ngay bây giờ đi! Sau này đừng tìm tôi mà hỏi làm cách nào. Không có ‘cách nào’ cả. ‘Cách nào’ đưa tri thức tới - và tri thức là cái bị nghiền rủa.*

Nếu không có môi trường méo mó của ý nghĩ, bạn rơi vào sự hiệp nhất với đại thể. Nếu không có ý nghĩ xen kẽ giữa bạn và thực tại, mọi phân biệt đều biến mất, bạn không bị tách biệt. Và đó là điều mà con người khao khát thường xuyên. Bạn cảm thấy bật gốc, cắt đứt với đại thể. Đó là nỗi khổ của bạn. Và bạn bị bật gốc bởi vì cái môi trường méo mó của ý nghĩ này. Hãy vứt bỏ cái môi trường méo mó của ý nghĩ này đi, hãy loại bỏ những môi trường này đi, hãy nhìn vào thực tại một cách trung thực mà không có ý tưởng trong tâm trí, mà không có ý tưởng là nó phải thế nào. Hãy nhìn bằng sự hồn nhiên. Hãy nhìn

---

<sup>193</sup> Tín Tâm Minh

như trẻ thơ thì mọi lo nghĩ sẽ biến mất. Trong sự biến mất của lo nghĩ đó bạn trở thành một vị Phật.

Bạn là một vị Phật! Nhưng bạn không biết bởi vì bạn đang mang những môi trường méo mó quanh mình. Bạn có đôi mắt sáng quắc mà lại đeo kính. Những cái kính đó làm lệch lạc, chúng tô màu, chúng làm mọi vật dường như khác hẳn. Hãy vứt kính đi! Đây là điều được ngụ ý khi nói “Hãy vứt tâm trí đi.” Hãy phủ định tâm trí thì có sự im lặng - và trong cái im lặng đó bạn là thánh linh. Bạn chưa bao giờ là gì khác; lúc nào bạn cũng linh thiêng. Nhưng sự nhận biết lại tới, hiểu biết lại tới. Bỗng nhiên bạn nhận ra vấn đề: rằng bạn đã cố gắng gắn chân cho rắn. Trước hết, việc đó chẳng cần thiết - con rắn đã tuyệt hảo rồi! Không có chân nó vẫn di chuyển dễ dàng. Chỉ vì sự so sánh nên bạn cố gắng gắn chân cho nó. Nếu thành công, bạn sẽ giết chết nó. Cũng may là bạn chẳng bao giờ thành công.

Bạn đang cố gắng để suu tầm tri thức, và đó là lý do tại sao bạn lại làm mất tri giác của mình, trí năng của bạn, khả năng nhận biết của bạn. Đó là điều tôi ngụ ý khi nói ‘gắn chân cho rắn’. Nhận biết là thiên tính của bạn. Không cần phải có tri thức để biết. Thực ra, tri thức là một cản trở, tri thức là cái bị nguyên rửa.

Hãy phủ định tri thức mà hiện hữu - và bạn là một vị Phật. Bao giờ bạn cũng là một vị Phật.



## 4

# Hiểu Biết: Luật Duy Nhất



### Câu hỏi thứ nhất

*Con tới từ một gia đình mà bên ngoài đã có bốn người tự tử, kể cả bà ngoại. Sự gì ảnh hưởng tới cái chết của người ta? Có sự giúp đỡ nào để vượt qua được sự ám ảnh về cái chết vẫn cứ diễn ra thường xuyên trong gia đình?*

Chết là một trong những hiện tượng bí hiểm nhất; tự tử cũng vậy. Đừng kết luận một cách vội vã tự tử là gì. Có rất nhiều yếu tố. Theo tôi, người tự tử là những người nhạy cảm nhất trên thế giới, và rất thông minh. Vì sự nhạy cảm, vì sự thông minh mà họ thấy khó thích hợp được với thế giới bệnh hoạn này.

Xã hội bị thần kinh. Nó xây trên nền móng bệnh hoạn. Lịch sử của nó là lịch sử của điên khùng, của bạo hành, của chiến tranh, của hủy diệt. Có người nói, “Nước của tôi là nước hùng cường nhất thế giới” - đó là bệnh thần kinh. Người khác nói, “Đạo của tôi là đạo lớn nhất và cao siêu nhất thế giới” - đó là bệnh hoạn. Và sự điên khùng này đã ngấm sâu vào máu, vào xương, và đã làm mọi

người đã trở thành rất đờ đẫn, mất nhạy cảm. Họ phải trở thành như vậy, nếu không, khó mà sống yên được.

Bạn phải mất nhạy cảm để thích hợp với cuộc sống lờ đờ này quanh bạn; nếu không bạn sẽ trật trệ với nó. Nếu bạn trật rờ với xã hội, nó sẽ cho làm bạn điên. Xã hội điên, nhưng nếu bạn không chạy theo nó, nó sẽ cho là bạn điên. Cho nên hoặc là bạn phải phát điên, hoặc là bạn phải tìm ra cách thoát khỏi xã hội. Đó chính là tự tử. Cuộc sống trở thành không thể chịu đựng được. Đường như là không thể nào chống đỡ nổi bao nhiêu người quanh bạn - tất cả đều điên khùng hết. Bạn sẽ xử trí thế nào nếu bị ném vào nhà thương điên?

Điều đó đã xảy ra cho bạn của tôi. Anh ta bị giam trong nhà thương điên chín tháng. Sáu tháng sau, một hôm anh ta vớ được chai thuốc lau nhà trong phòng tắm và nốc hết. Trong mười lăm ngày anh ta bị kiết lỵ và nôn mửa, và nhờ bị kiết lỵ và nôn mửa đó mà anh ta trở lại bình thường. Cơ thể của anh ta được thanh lọc; chất độc biến mất. Anh ta nói rằng ba tháng sau cùng là trần ai nhất - “Sáu tháng đầu thì tuyệt vời bởi vì tôi điên, và mọi người cũng điên. Cái gì cũng diễn ra tốt đẹp; không có vấn đề gì hết. Tôi đã nhập bọn với cả lũ điên khùng chung quanh.”

Khi anh ta uống thuốc lau nhà, và mười lăm ngày bị kiết lỵ và nôn mửa, tình cờ cơ thể của anh ta được thanh lọc, dạ dày của anh ta được rửa sạch. Anh ta không ăn được trong mười lăm ngày ấy - vì nôn mửa quá nhiều - cho nên anh ta phải nhịn ăn. Anh ta nằm liệt giường trong mười lăm ngày. Nghi ngơi cộng thêm nhịn ăn và thanh lọc đó thật hữu ích. Do sự tình cờ mà anh ta trở lại bình thường. Anh ta nói với bác sĩ, “Tôi khỏi bệnh rồi!”. Họ đều cười phá lên. Họ nói, “Ai mà chẳng nói vậy.” Anh ta càng quả quyết, họ lại càng khẳng khẳng, “Đúng là anh điên rồi vì người điên đều nói như vậy. Trở về và làm việc đi. Phải có lệnh của tòa mới thả anh ra được.”

“Ba tháng ấy thật không thể nào chịu đựng nổi,” anh ta nói, “thật là ác mộng!” Nhiều lần anh ta nghĩ tới tự tử. Nhưng anh ta là người có ý chí sắt đá, mà chỉ còn ba tháng nữa thôi nên có thể đợi. Thật không thể chịu đựng nổi! Đứa thì kéo tóc, đứa thì kéo chân, đứa thì nhẩy lên mình anh ta. Những cái đó đã diễn ra trong sáu tháng đầu, nhưng anh ta điên như mọi người. Anh ta đã từng làm những việc ấy; anh ta là thành viên trung thành của xã hội điên đó. Nhưng trong ba tháng sau đó thì chịu hết nổi bởi vì anh ta đã lành mạnh, còn mọi người thì điên khùng.

Trong thế giới bệnh hoạn này, nếu bạn lành mạnh, nhạy cảm, thông minh, hoặc là bạn phải phát điên, hoặc phải tự tử - hoặc phải đi tu. Đâu còn cách gì khác nữa?

Câu hỏi này là của Jane Ferber; cô ấy là vợ của Bodhicitta. Cô ấy đã tìm tôi đúng lúc. Cô ấy có thể trở thành một sannyasin và tránh được việc tự tử.

Tại phương Đông, tự tử không nhiều lắm bởi vì đi tu là một lựa chọn khác. Bạn có thể bỏ cuộc chơi một cách đáng kính trọng; phương Đông chấp nhận điều đó. Bạn có thể suy tư về đời mình; phương Đông tôn kính điều đó. Do đó, tỷ lệ giữa Ấn và Mỹ là một với năm: cứ một người Ấn tự tử thì có năm người Mỹ tự tử. Và tự tử là một hiện tượng cứ tăng dần ở Mỹ.<sup>194</sup> Thông minh tăng hơn, nhạy cảm tăng hơn, mà xã hội thì trì trệ. Xã hội không kiến lập được một thế giới thông minh - vậy phải làm gì? Cứ phải chịu đựng một cách không cần thiết mãi sao?

Một số người bắt đầu nghĩ, “Tại sao không loại bỏ hết cho rồi? Sao không dứt điếm nó đi? Tại sao lại không trả vé lại cho Chúa?”<sup>195</sup> Tại Mỹ, nếu sannyas trở thành một phong trào lớn thì tỉ lệ tự tử sẽ giảm đi, bởi vì người ta sẽ

---

<sup>194</sup> Đây là chưa kể những vụ tự sát tập thể tại James Town, Wacco, San Diego.

<sup>195</sup> Trong *The Brother Karamazov*, Ivan nói, “Tôi phải gặp Thượng Đế để trả lại cho Ngài chiếc vé mà Ngài đã dùng để đưa tôi vào thế giới này. Sự hiện hữu của tôi không cần thiết tí nào.”

có một lựa chọn sáng tạo hơn và độc đáo hơn nhiều để bỏ cuộc. Bạn đã bao giờ quan sát điều xảy ra là những tay hippie không tự tử không? Đây là một thế giới công bình, thế giới truyền thống nơi tự tử nhan nhản khắp nơi. Hippie đã bỏ cuộc. Anh ta là một loại sannyasin - mặc dù không thật hoàn toàn ý thức về điều mình làm, nhưng đang đúng đường; xông xáo, dò dẫm, nhưng đúng hướng đi. Hippie là bước đầu của sannyas.<sup>196</sup> Hippie đang nói, “Tôi không muốn tham dự trò chơi thối tha này. Tôi không muốn trò chơi chính trị này. Tôi thấy rõ rồi, và tôi muốn sống đời của riêng tôi. Tôi không muốn làm nô lệ cho ai hết. Tôi không muốn bị giết trong bất kỳ trận chiến nào. Tôi không muốn đánh nhau - còn rất nhiều điều đẹp để phải làm.”

Nhưng đối với hàng triệu người khác thì chẳng có gì cả; xã hội đã tước đi mọi cơ hội để trưởng thành của họ. Họ bị mắc kẹt. Một số tự tử bởi vì họ đang cảm thấy bị kẹt và không thấy lối thoát nào cả. Họ tới bước đường cùng. Và càng thông minh, bạn càng chóng đi tới bước đường cùng đó, ngõ cụt đó. Thế thì bạn định làm gì? Xã hội không cho bạn bất kỳ lối thoát nào khác, không chấp nhận xã hội nào khác.

Sannyas là một lựa chọn khác. Điều có vẻ kì lạ là ở Ấn Độ, tỉ lệ tự tử lại là thấp nhất trên thế giới. Theo logic thì đáng lẽ phải là cao nhất, bởi vì mọi người đều đau khổ, mọi người đều khốn khổ, chết đói. Nhưng hiện tượng kì lạ này đã xảy ra tại mọi nơi: người nghèo không tự tử. Họ chẳng có gì để sống, họ chẳng có gì để chết. Bởi vì họ đói bụng nên họ chỉ quan tâm tới thức ăn, chỗ ở, tiền bạc, và mọi thứ như thế. Họ không còn đầu óc nào để nghĩ về tự tử; họ chưa dư giả như vậy. Mỹ có đủ thứ; Ấn Độ chẳng có gì.

---

<sup>196</sup> Cách đây không lâu Tricycle, a Buddhist Review, có bài nói hầu hết những tay hút cần sa, ma túy tìm đến với Phật giáo.

Mới ngày nào, tôi đọc trên báo... “Mỹ có Jimmy Carter<sup>197</sup> cười tươi, Johnny Cash (tiền) và Bob Hope (hy vọng). Còn Ấn Độ thì có Morarji Desai khô khan, không tiền, và không hy vọng.”

Nhưng người ta không tự tử: họ vẫn cứ sống, họ tận hưởng cuộc sống. Ngay cả ăn mày cũng xúc động, kích thích. Chẳng có gì để kích thích, nhưng họ vẫn hi vọng.

Tại sao điều này lại xảy ra ở Mỹ nhiều thế? - các vấn đề thông thường của cuộc sống đã biến mất, tâm trí không phải bận tâm về những vấn đề thường ngày. Tâm trí có thể vượt qua ngoài thân xác, vượt qua ngoài cả chính nó. Tâm thức sẵn sàng bay bổng, nhưng xã hội không cho phép điều đó. Cứ mười người tự tử, hết chín người nhảy cảm. Nhìn thấy cái vô nghĩa của cuộc sống, nhìn thấy sự sỉ nhục phải chịu trong cuộc sống, thấy những thỏa hiệp vô lý mà người ta phải chấp nhận, thấy tất cả những cái lặng câm chung quanh - hãy nhìn quanh để thấy điều này: “câu chuyện do thẳng ngổ kể lại chẳng có nghĩa lý gì” - họ quyết định từ bỏ thân xác. Nếu như có cánh bay, chắc họ sẽ không quyết định như thế.

Tự tử còn có một ý nghĩa khác nữa; điều đó cần phải được hiểu. Trong cuộc sống mọi thứ dường như đều tầm thường, đua đòi. Bạn không thể nào có một chiếc xe mà người khác không có. Hàng triệu người có cùng chiếc xe như bạn. Hàng triệu người đang sống đời y như bạn, xem cùng phim, coi cùng chương trình ti vi, đọc cùng tờ báo như bạn đọc. Cuộc sống quá tầm thường, chẳng có gì độc đáo dành riêng cho bạn làm, để cho bạn sống. Tự tử dường như là một hiện tượng đặc thù: chỉ bạn mới có thể chết cho mình, không ai chết thay cho bạn cả. Cái chết của bạn là cái chết *của bạn*, không phải của ai khác. Cái chết rất là đặc thù!

---

<sup>197</sup> Jimmy Carter từ 1976-1981 là Tổng Thống Mỹ, trong lúc đó thì Morarji Desai là Thủ Tướng Ấn Độ.

Hãy nhìn vào hiện tượng này: chết là đặc thù - nó xác định bạn như một cá nhân, nó làm cá nhân tính của bạn nổi bật. Xã hội đã lấy đi cá nhân tính của bạn; bạn chỉ là một cái răng trong bánh xe, thay thế được. Nếu bạn chết đi, chẳng ai nhớ bạn cả, bạn sẽ được thay thế. Nếu bạn là một giáo sư đại học, người khác sẽ là giáo sư đại học. Ngay cả nếu bạn có là tổng thống một nước, người khác cũng sẽ là tổng thống của nước đó, ngay lập tức, ngay lúc mà bạn mất đi. Bạn có thể được thay thế.

Điều này đau lắm - rằng bạn chẳng có giá trị gì nhiều, rằng bạn sẽ bị lãng quên, rằng một ngày nào đó bạn sẽ biến mất và rồi chẳng mấy chốc những người quyến luyến bạn cũng sẽ biến mất. Thế thì, khác nào bạn chưa có mặt bao giờ. Hãy nghĩ về ngày đó. Bạn sẽ biến mất... Vâng, trong vài ngày người ta còn nhớ - người yêu của bạn sẽ nhớ tới bạn, con bạn sẽ nhớ tới bạn, có thể một vài người bạn nữa. Dần dần, ký ức của họ sẽ lu mờ, nhạt phai, và rồi biến mất. Cũng có thể những người mà bạn cảm thấy thân thiết, vẫn còn sống, thỉnh thoảng họ nhớ tới bạn. Nhưng đến khi họ đã qua đi, bạn cũng bị lãng quên, dường như bạn chưa có mặt bao giờ. Thế thì cũng chẳng có gì khác biệt, dù bạn đã có mặt hay chưa từng có mặt.

Cuộc sống không tạo cho bạn sự kính trọng thích đáng. Nó đưa lại sự nhục nhã. Nó xua bạn xuống hố, nơi bạn chỉ là một chiếc răng trong bánh xe, một con ốc trong guồng máy bao la. Nó làm cho bạn thành vô danh.

Cái chết, ít nhất, cũng có điểm nổi bật. Và tự tử lại còn nổi bật hơn cái chết nữa. Tại sao? - bởi vì cái chết tự đến, còn tự tử là cái mà bạn tự định đoạt. Cái chết nằm ngoài tầm tay của bạn: khi nó tới thì nó tới. Nhưng tự tử thì bạn có thể điều khiển được, bạn không phải là nạn nhân. Tự tử thì bạn nắm quyền quyết định. Với cái chết bạn là nạn nhân, với tự tử bạn có toàn quyền. Bạn đã sinh ra - bây giờ bạn không thể làm gì được về sự sinh của bạn nữa, và bạn đã không làm gì trước khi bạn được sinh ra - chỉ là ngẫu nhiên.

Có ba điều rất chủ chốt trong cuộc sống: sinh, yêu và chết. Sinh đã xảy ra; chẳng có gì phải làm về nó cả. Bạn cũng không được hỏi ý kiến liệu bạn có muốn được sinh ra hay không. Bạn là nạn nhân. Tình yêu cũng xảy đến với bạn; bạn chẳng làm được gì cả, bạn bất lực. Một hôm nào đó bạn phải lòng người nào, bạn chẳng làm được gì về điều đó. Nếu bạn muốn yêu ai, bạn cũng chẳng thể điều khiển được; điều ấy không nằm trong khả năng của bạn. Và khi đã bạn yêu ai, dù bạn không muốn yêu - dù bạn muốn bỏ chạy - điều đó dường như cũng khó khăn. Sinh là một ngẫu nhiên, yêu cũng vậy. Còn lại là cái chết là cái mà bạn có thể làm được: hoặc bạn là nạn nhân, hoặc bạn có thể quyết định theo ý riêng mình.

Người tự tử là người dám quyết định. Người ấy nói, “Ít nhất hãy để cho tôi *làm* một việc trong đời sống mà trong đó tôi chỉ là một ngẫu nhiên: tôi sẽ tự tử. Ít nhất tôi cũng có thể làm được một việc!” Sinh đã không làm được gì rồi. Yêu thì có mời nó cũng không tới. Nhưng chết... cái chết có thể lựa chọn. Hoặc bạn là một nạn nhân, hoặc là bạn tự quyết định.

Xã hội này đã cướp đoạt tất cả phẩm giá của bạn. Đó là lý do tại sao người ta tự tử - bởi vì qua việc tự tử họ đòi lại một loại phẩm giá nào đó. Họ có thể nói với Thượng Đế, “Tôi đã từ bỏ thế giới của Ngài và cuộc sống Ngài ban cho. Nó chẳng đáng giá gì!” Những người tự tử hầu như bao giờ cũng nhạy cảm hơn những người cứ kéo lê cuộc sống. Và tôi không xúi bạn tự tử. Tôi đang nói về một triển vọng cao hơn. Mỗi khoảnh khắc trong cuộc sống đều rất đẹp, độc đáo, không bắt chước ai, không lặp lại máy móc. Mỗi phút đều quý giá như thế thì nói đến tự tử làm gì. Mỗi khoảnh khắc đều là một ân sủng, và mỗi khoảnh khắc đều khoe vẻ đặc thù của bạn - bởi vì bạn độc nhất! Trước đây chưa hề có một người như bạn, và sau này sẽ chẳng có người như bạn nữa.

Nhưng xã hội buộc bạn phải gia nhập đạo bình lớn. Nó không thích người đi theo đường riêng của mình. Xã

hội muốn bạn là một phần của đám đông: là người đạo Ấn, là một Ki Tô hữu, là người Do Thái, là người Mỹ, là người Ấn - nhưng là một phần của đám đông; đám đông nào cũng được, nhưng phải thuộc một đám đông. Đừng bao giờ đứng lẻ loi. Và những người muốn đi theo đường của họ... là những tinh hoa của trái đất, những người chỉ muốn là chính họ. Họ là những người giá trị nhất trên thế gian này. Trái đất còn ít phẩm giá và hương thơm cũng vì những người này. Thế thì họ tự tử.

Sannyas (đi tu) và tự tử là hai lựa chọn. Đây là kinh nghiệm của tôi: bạn có thể trở thành một sannyasin (người đi tu) chỉ khi bạn đã tới điểm phải lựa chọn - hoặc sannyas, hoặc tự tử. Sannyas có nghĩa là, “Tôi sẽ cố gắng trở thành một cá nhân khi đang còn sống! Tôi sẽ sống đời theo cách riêng của mình. Tôi không muốn bị sai khiến, không bị áp đảo. Tôi sẽ không hành động như cái máy, như một người máy. Tôi sẽ không có một lý tưởng nào, không có mục đích nào. Tôi sẽ sống trong từng khoảnh khắc, và tôi sẽ đáp ứng mọi đòi hỏi của tình thế. Tôi sẽ tự phát, và tôi sẽ chấp nhận mọi hậu quả của nó!”

Sannyas là mạo hiểm.

Jane, tôi muốn nói với chị: tôi đã nhìn vào mắt chị; tự tử có thể xảy ra. Nhưng tôi nghĩ chị sẽ không tự tử - sannyas sẽ đến với chị! Chị còn may mắn hơn bốn người trong gia đình đã tự tử. Thực ra, những người thông minh đều có thể tự tử, chỉ kẻ ngu dốt mới không tự tử. Chị đã bao giờ nghe có kẻ dốt độn nào tự tử chưa? Nó chẳng bận tâm về cuộc sống thì sao nó phải tự tử? Chỉ người ít thông minh mới thấy cái cần phải làm, bởi vì sống như những người chung quanh thì không đáng sống.

Cho nên, hoặc phải làm điều gì đó để thay đổi cuộc sống của bạn - sáng tạo một hình thức mới, một chiều kích mới, một hướng đi mới - hoặc sao cứ phải mang mãi cơn ác mộng nặng nề này, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác? Mà gánh nặng ấy mãi tiếp tục... Và y học lại giúp bạn sống dai hơn nữa - một trăm năm, một

trăm hai mươi năm. Nhiều y sĩ còn nói rằng con người có thể sống tới gần ba trăm năm, rất dễ dàng. Hãy thử nghĩ nếu người ta phải sống ba trăm năm, số người tự tử chắc sẽ rất cao - vì nếu thế, ngay cả một tâm trí tầm thường cũng sẽ nghĩ rằng điều ấy là vô ích.

Thông minh có nghĩa là xem xét sâu sắc mọi việc. Cuộc sống có ý nghĩa gì không? Cuộc sống có đem lại niềm vui nào không? Cuộc sống có thi vị không? Cuộc sống có chút sáng tạo nào không? Bạn có cảm thấy phải đội ơn trời đất là bạn đang sống không? Bạn có cảm thấy biết ơn rằng bạn đã được sinh ra không? Bạn có cảm ơn trời đất không? Bạn có thể nói với cả tâm lòng rằng mình thật diễm phúc không? Nếu không thể nói được thì sao cứ phải sống mãi làm gì? Hoặc biến cuộc sống mình thành niềm phúc lạc... hoặc cứ sống làm gì cho chặt đất này? Chết cho rồi. Người khác có thể lấy chỗ bạn và có thể làm khá hơn. Ý tưởng này đến với tâm trí thông minh một cách tự nhiên. Ý tưởng này rất tự nhiên khi bạn thông minh. Người thông minh tự tử.<sup>198</sup> Còn những người thông minh hơn nữa chọn sannyas. Họ tự sáng tạo ra ý nghĩa, họ vui sống. Sao lại bỏ lỡ cơ hội này?

Heidegger nói: “Cái chết cô lập tôi và làm tôi thành một cá nhân.” Đây là cái chết của tôi, không phải là của đám đông đang bao quanh tôi. Mỗi người trong chúng ta đều chết cái chết của riêng mình. Chết không thể lặp lại được. Bạn có thể dự thi hai lần, ba lần; so sánh vợ thứ hai với vợ đầu, vân vân và vân vân. Nhưng bạn chỉ chết có một lần. Bạn có thể lập gia đình bao nhiêu lần tùy ý thích; bạn có thể đổi việc làm bao nhiêu lần cũng được; bạn có thể thay đổi chỗ ở bao nhiêu lần tùy thích... nhưng bạn chỉ chết có một lần. Cái chết là một thách đố vì nó vừa chắc chắn vừa không chắc chắn. Điều nó sẽ tới là chắc chắn, nhưng khi nào nó sẽ tới lại không chắc chắn.

---

<sup>198</sup> Thí dụ về những nhân vật nổi tiếng đã tự tử gồm có Ernest Hemingway, Virginia Wolf, Vincent van Gogh, Goethe.

Do đó nhiều người tò mò về cái chết, muốn biết nó là gì. Người ta muốn biết về nó. Và chẳng có gì không lành mạnh khi suy tư về cái chết của chính mình.<sup>199</sup> Những lời kết tội đó thường là cách của đám đông vô danh - để ngăn cản người khác thoát khỏi sự độc đoán của cái chết và để trở thành cá nhân. Điều cần thiết là nhìn vào cuộc sống của mình như một người sắp chết. Được như vậy mới hy vọng tránh khỏi sự nhầm chán của cuộc sống thường ngày và sự nô dịch cho những quyền lực vô danh. Chỉ có người dám đương đầu với cái chết của mình như vậy mới bị bắt buộc tỉnh thức. Người ấy nhận ra bản thân mình như một cá nhân biệt lập với đám đông, và đã sửa soạn để nhận lãnh trách nhiệm cho đời mình. Bằng cách này, chúng ta có thể nhận ra đâu là cuộc sống đích thực và không đích thực. Chúng ta bỏ rơi đám đông và trở thành con người đích thực của mình.

Chỉ cần suy tư về cái chết cũng làm cho bạn khác người - một hình hài, một khuôn mẫu, một nét đặc thù - bởi vì đây là cái chết *của bạn*. Đây là điều độc đáo duy nhất còn sót lại trên thế giới này. Và khi bạn nghĩ về tự tử, nó còn độc đáo hơn nữa; đây là quyết định của bạn.

Và hãy nhớ, tôi không nói rằng bạn nên tự tử. Tôi muốn nói rằng cuộc sống hiện nay của bạn đang thúc đẩy bạn tự tử. Hãy thay đổi nó đi.

Và hãy suy tư về cái chết. Nó có thể tới bất kỳ lúc nào, cho nên đừng cho rằng nghĩ tới cái chết là không lành mạnh. Không phải vậy, bởi vì cái chết là đỉnh cao của cuộc sống, là cao điểm nhất của cuộc sống. Bạn phải lưu ý về nó. Nó đang tới - hoặc là bạn tự tử, hoặc tự nó tới, ... nhưng nó đang tới. Nhất định phải xảy ra. Bạn phải chuẩn bị cho nó, và cách duy nhất, đúng đắn nhất để chuẩn bị cho cái chết không phải là tự tử. Cách đúng đắn để chết là chết từng khoảnh khắc cho qua khứ. Đó là cách

---

<sup>199</sup> Sigmund Freud nói con người có hai bản năng căn bản là bản năng sống (euranos) và bản năng chết (thanatos).

đúng đắn. Đó là phong cách của một sannyasin: chết từng khoảnh khắc cho quá khứ, không bao giờ bận tâm về quá khứ dù chỉ một khoảnh khắc. Từng khoảnh khắc, chết đi quá khứ và sinh ra trong hiện tại. Điều đó sẽ giữ bạn tươi mát, trẻ trung, sống động, rạng ngời; điều đó sẽ giữ cho bạn sinh động, đầy sức sống, kích động, sáng khoái. Và một người biết cách chết từng khoảnh khắc cho quá khứ cũng biết cách chết. Đó là tài năng và nghệ thuật vĩ đại nhất. Cho nên khi cái chết tới với một người như vậy, người ấy nhảy múa với nó, ôm choàng lấy nó! Nó là bạn, không phải kẻ thù. Đây là Thượng Đế đến với bạn qua cái chết. Đây là sự qui phục hoàn toàn trong hiện sinh. Đây là sự trở về với đại thể, một lần nữa trở thành đại thể.

Cho nên đừng gọi điều này là bệnh hoạn.

Bạn nói: *“Con tới từ một gia đình có bốn người bên ngoài tự tử, kể cả bà ngoại.”*

Đừng kết án những người đáng thương đó, và đừng bao giờ nghĩ rằng họ bệnh hoạn.

*“Sự gì ảnh hưởng tới cái chết của người ta? Có sự giúp đỡ nào để vượt qua được sự ám ảnh về cái chết vẫn cứ diễn ra thường xuyên trong gia đình?”*

Đừng gọi nó là bệnh hoạn. Không phải vậy. Những người đó chỉ là nạn nhân. Họ không thích hợp với xã hội thần kinh, và họ đã quyết định biến mất vào hư không. Hãy tội nghiệp cho họ, đừng kết án. Đừng khinh họ, đừng chửi bới. Đừng gọi đó là bệnh hoạn hay dị chứng. Hãy thông cảm và yêu mến họ.

Không cần phải bắt chước họ, nhưng hãy thông cảm cho họ. Họ đã đau khổ nhiều rồi. Tìm cái chết không phải là quyết định dễ dàng đâu. Nhất định họ phải đau khổ ghê gớm lắm; họ đã thấy địa ngục của trần gian. Chết không phải là quyết định dễ dàng, bởi vì sinh tồn là bản năng tự nhiên. Người ta chống chọi để sống còn trong mọi tình

hưởng và điều kiện. Người ta phải chấp nhận - chỉ để sống còn. Khi một người loại bỏ cuộc sống của mình, điều đó chứng tỏ rằng người ấy không còn khả năng để chịu đựng nữa; sự đòi hỏi quá đáng. Đòi hỏi quá đáng đến mức cuộc sống không còn giá trị gì nữa; vì thế người ấy mới quyết định tự tử. Hãy thương lấy những người này.

Và nếu bạn cảm thấy rằng có gì sai lầm, sai lầm ấy là của xã hội chứ không phải của những người đó. Xã hội bệnh hoạn! Trong xã hội sơ khai không ai tự tử cả. Tôi đã từng tới các bộ lạc sơ khai ở Ấn Độ: trong nhiều thế kỷ họ chẳng có người nào tự tử cả. Ký ức của họ không ghi lại bất kỳ ai đã tự tử. Tại sao vậy? Họ sống theo thiên nhiên; xã hội chưa bị hư hỏng. Nó không bắt người ta sống trái tự nhiên. Xã hội chấp nhận. Nó cho phép mọi người sống theo ý mình, theo cách sống của mình. Đó là quyền của mọi người. Ngay cả người điên cũng được xã hội chấp nhận. Phát điên là quyền của người đó. Không ai kết án cả. Thực ra, trong xã hội sơ khai, người điên được kính trọng như thánh - và họ có một loại bí ẩn quanh mình. Nếu nhìn vào trong mắt người điên và vào trong mắt nhà huyền môn, thì có điều gì đó tương tự nhau - một cái gì bao la, một cái gì khó hiểu, một cái gì âm u, một cái gì đó giống như sự hỗn loạn đã sinh ra trăng sao. Nhà huyền môn và người điên có nhiều điểm tương đồng.<sup>200</sup>

Nhưng người điên không nhất thiết là nhà huyền môn, nhưng nhà huyền môn bắt buộc phải điên. Nói 'điên' là tôi muốn nói họ đã vượt qua ngoài tâm trí. Người điên đã tụt xuống bên dưới tâm trí, còn nhà huyền môn đã vượt bên trên tâm trí. Nhưng một điều là tương tự là cả hai không còn trong tâm trí nữa. Trong xã hội sơ khai ngay cả người điên cũng được kính trọng, cực kì kính trọng. Nếu người ấy điên cũng chẳng sao. Xã hội cho người ấy ăn, cho người ấy chỗ ở. Xã hội yêu mến người ấy, yêu cái

---

<sup>200</sup> Zarathustra được coi là thằng khùng. Thằng khùng cũng là nhân vật chính trong tiểu thuyết nổi tiếng của Dostovesky. Thằng khùng cũng là lá bài quan trọng nhất trong bài Tarot.

điên khùng của người ấy. Xã hội không có luật lệ cố định; thế thì không ai phải tự tử cả, bởi vì tất cả đều được tự do.

Khi xã hội đòi hỏi nô lệ và hạn chế tự do của bạn, làm què quặt bạn từ mọi phía, làm tê liệt linh hồn bạn và biến con tim bạn thành gỗ đá... bạn cảm thấy thà chết chứ không chịu thỏa hiệp.

Đừng gọi họ là bệnh hoạn. Hãy thương lấy họ; họ đau khổ đã nhiều, họ là nạn nhân. Và hãy cố gắng hiểu điều gì đã xảy ra cho họ; điều đó sẽ giúp bạn hiểu rõ cuộc sống riêng của mình. Và không cần phải đi vào vết xe cũ ấy, bởi vì chị đã có cơ hội nhìn thấy vấn đề rõ hơn. Tôi mở ra cánh cửa cho chị. Nếu hiểu, chị sẽ thấy ra vấn đề của nó, nhưng nếu chị không hiểu thì rất khó khăn. Tôi có thể tiếp tục hô to, còn chị thì chỉ nghe được cái mà chị có thể nghe, và chị chỉ nghe được cái chị muốn nghe thôi - cái mà chị muốn nghe.

### Câu hỏi thứ hai

*Con đã từng gặp nhiều thánh nhân của nhiều tôn giáo và họ đều có bản ngã. Tại sao thầy cứ nói mãi về loại bỏ bản ngã? Chẳng ai có thể loại bỏ được bản ngã cả. Osho, tôi thấy thầy cũng có một bản ngã to tướng.*

Câu hỏi này của một nhà tâm lý.

Làm sao anh ta biết được điều đó - rằng chẳng ai có thể loại bỏ được bản ngã? Anh ta nói chẳng có ai thành công. Làm sao anh ta biết được? Điều đó *đã* làm được, mặc dầu rất hiếm hoi và rất ít người. Nhưng điều đó *đã* làm được, và chỉ một số hiếm hoi mới thành công bởi vì

họ cho phép nó thành công. Mọi người đều có thể thành công, nhưng người ta không cho phép nó thành công. Họ không sẵn sàng để làm mất bản ngã của mình.

Anh ta là một nhà tâm lý. Và anh ta nói, “Osho, tôi thấy thầy cũng có một bản ngã to tướng.” Là một nhà tâm lý, anh ta nói, “Tôi thấy bản ngã lớn của thầy.”

Thế thì bạn chẳng thấy tôi chút nào cả. Thế thì cái bạn đã thấy đó chính là sự suy bụng ta ra bụng người của bạn.

Bản ngã cứ phóng họa chính nó. Bản ngã cứ tạo ra thực tại của riêng nó, sự phản chiếu của chính nó.

Này, nếu bạn có thể thấy sâu vào bên trong tôi đến thế, tại sao bạn còn phải tới đây? Bạn có thể thấy sâu vào trong chính bạn. Nếu bạn đã có cái nhìn thấu suốt như thế, có ích gì mà tới đây? Điều đó vô ích. Và nếu đã quyết định rằng bản ngã không thể bị loại bỏ được, rằng điều đó là không thể làm được, bạn đã quyết định không cố gắng nữa.

Mà tôi không nói rằng bản ngã có thể bị loại bỏ! Tôi đang nói *bản ngã không hiện hữu!* Làm sao bạn có thể loại bỏ cái không hiện hữu được? Phật cũng chẳng nói phải loại bỏ bản ngã. Ngài nói chỉ phải nhìn vào bản ngã thôi - và khi không tìm thấy nó đâu cả, nó biến mất.

Thế thì bạn có thể làm gì được? Khi đi sâu vào nội tâm mình và bạn không thấy bản ngã nào, bạn thấy cái im lặng ở đấy; không cái ta nào thống trị cả, không trung tâm nào giống như bản ngã ở đấy? Việc loại bỏ bản ngã không có nghĩa là bạn phải *loại bỏ* nó. Việc loại bỏ bản ngã chỉ là một cách nói văn hoa. Nó chỉ có nghĩa là khi bạn đi vào trong, lục lợi khắp nơi mà chẳng tìm thấy gì cả, bản ngã biến mất. Thực ra, nói ‘biến mất’ cũng không đúng bởi vì ngay từ đầu nó đã không có. Đó là sự hiểu lầm.

Bây giờ, thay vì đi vào nội tâm của bạn, bạn lại nhìn vào tôi, và nghĩ bạn đã nhìn được vào tôi! Và bởi vì bạn là một nhà phân tâm hay nhà tâm lý, nên bạn đã quyết

định. Và quyết định của bạn sẽ trở thành rào chắn - bởi vì bản ngã không có trong tôi! Và tôi muốn tuyên bố: bản ngã không hiện hữu trong bạn! Ngay cả với nhà tâm lý này tôi sẽ nói: bản ngã không có trong anh ta. Bản ngã không hiện hữu! Nó là một ý tưởng không có thực, chỉ là một ý tưởng.

Cũng giống như khi thấy một sợi dây thừng trong bóng tối, và bạn nghĩ đấy là con rắn, rồi bạn bắt đầu chạy, chạy hết hơi, và vấp vào hòn đá, bị gãy xương, rồi sáng hôm sau bạn mới nhận ra là đấy chỉ là sợi dây thừng. Nhưng nó đã có tác dụng ghê gớm! Con rắn không có thực, nhưng nó ảnh hưởng vào thực tại của bạn. Hiểu lầm cũng hiện thực như hiểu đúng vậy. Điều đó không đúng, nhưng nó hiện thực! Đó là sự khác biệt giữa thực tại và chân lý. Con rắn được thấy qua sợi dây là thực, bởi vì kết quả của nó, hậu quả của nó có thực. Nếu bạn yếu tim, có thể rất nguy hiểm khi nhìn dây thừng ra con rắn. Bạn có thể chạy nhanh đến mức bạn có thể bị đứng tim. Nó có thể ảnh hưởng tới cả cuộc sống của bạn. Và mới kỳ cục làm sao; đấy chỉ là sợi dây thừng.

Điều tôi đang nói, và Phật cũng nói là: hãy cầm lấy chiếc đèn và đi vào trong. Hãy nhìn cho kỹ xem có rắn hay không. Phật đã thấy nó không có thực trong Ngài. Tôi đã thấy nó không hiện hữu trong tôi. Và cái ngày tôi thấy nó không có trong tôi, tôi đã nhìn quanh vào mắt mọi người và tôi chẳng bao giờ thấy nó cả. Đấy chỉ là một ý tưởng không có thực. Đấy chỉ là một giấc mơ.

Nhưng nếu có quá nhiều mơ mộng, bạn còn có thể phóng họa nó lên tôi. Và tôi cũng chịu thua luôn. Nếu bạn phóng họa thì cứ phóng họa. Tựa như khi bạn đang đeo kính màu xanh, cả thế giới trông xanh rờn. Và bạn tìm tới tôi và nói, "Osho, thầy đang mặc bộ quần áo màu xanh." Tôi làm gì được nào? Tôi chỉ có thể nói, "Hãy bỏ kính ra." Và bạn nói, "Chẳng ai có thể bỏ kính của mình ra được. Điều ấy chưa bao giờ xảy ra!" Thế thì rắc rối to.

Nhưng đây không phải là vấn đề của tôi; đây là vấn đề đối với bạn. Tôi thấy tiếc cho bạn, bởi vì nếu đây là ý tưởng của bạn, bạn sẽ phải đau khổ cả đời - bởi vì tự ngã tạo ra đau khổ. Một ý tưởng không có thật, được coi là thật, sẽ tạo ra đau khổ. Đau khổ thực sự là gì? Đau khổ là khi bạn có một ý tưởng nào đó mà nó không hợp với sự thật. Thế thì có đau khổ.

Chẳng hạn, bạn nghĩ đá là thức ăn và bạn ăn thì bạn đau khổ, bạn bị đau dạ dày. Nhưng nếu đúng là thức ăn, bạn không đau khổ, và bạn được thỏa mãn. Đau khổ tạo ra bởi những ý tưởng không đi đôi với thực tại; phúc lạc được tạo ra khi bạn có ý tưởng hợp với thực tại. Phúc lạc là sự kết cấu giữa bạn và chân lý; đau khổ là sự phân đôi, sự rạn nứt giữa bạn và chân lý. Khi không cùng đường với chân lý, bạn sống trong địa ngục; khi cùng với chân lý, bạn vào trong thiên đường. Chỉ vậy thôi. Và đó là tất cả vấn đề cần phải hiểu.

Người bạn này tới từ nước Mỹ xa xôi. Khi nghe bằng của tôi, anh ta có cảm tình với tôi. Anh ta đã tới đây, nhưng nếu đây là cách anh ta nhìn sự việc, anh ta sẽ lỡ dịp may. Và hãy nhớ, đây không phải là vấn đề cho tôi. Nếu nghĩ là tôi có cái ta lớn, xin cảm ơn bạn - đây không phải là vấn đề cho tôi. Đây là ý tưởng của bạn, và bạn hoàn toàn có quyền có ý tưởng. Nhưng nếu bạn đã biết chắc như thế, điều gì sẽ xảy ra?

Anh ta nói, “Con đã từng gặp nhiều thánh nhân của nhiều tôn giáo và họ đều có bản ngã.”

Bạn phải đeo cùng chiếc kính ở mọi nơi rồi. Bạn cứ tạo ra thực tại riêng của mình, mà lại không đúng. Đó là lý do tại sao Phật nhấn mạnh rất nhiều vào chân không, vào tâm không - bởi vì khi tâm trí không có ý nghĩ, bạn không thể phóng họa điều gì. Thế thì bạn sẽ thấy rõ thực hư. Khi bạn không có một ý tưởng nào, khi tâm trí trống không, như một tấm gương đang phản chiếu, bất kỳ cái gì xuất hiện cũng đều được phản chiếu trung thực. Và nó phản chiếu một cách trung thực. Nhưng nếu có ý tưởng,

cái nhìn của bạn bị méo mó. Ý nghĩ là môi trường cho sự bóp méo.

Nếu có thể thấy bản ngã trong tôi, bạn thực sự đang làm một phép màu đấy. Nhưng cũng có thể có... bạn cứ thỏa thích. Nhưng chính bạn sẽ bị hại bởi ý tưởng của mình, không ai khác. Nếu cứ có ý tưởng này thì sẽ không thể tạo cầu nối với tôi. Ít nhất thì trong vài ngày bạn lưu lại đây, hãy gạt các ý tưởng của mình sang một bên. Và có một điều chắc chắn: cái học tâm lý đã chẳng ích gì cho bạn, nếu không, bạn đã chẳng phải tới đây làm gì.

Mới hôm nọ anh ta ngồi với tôi và nói về vấn đề của mình. Và đôi khi tôi tự hỏi ... anh ta sao có lắm vấn đề thế, mà lại là trưởng nhóm. Anh ta sẽ làm gì với mọi người? Anh ta có thể giúp đỡ mọi người bằng cách nào? Và anh ta mập thù lù mà cũng còn chẳng thay đổi được. Đã vậy mà anh ta cứ ăn như heo. Đây là vấn đề của anh ta. Và anh ta lại sợ hãi đến phải nài nỉ mãi với Laxmi,<sup>201</sup> rằng anh ta cần một cuộc nói chuyện riêng tư, bởi vì, “Tôi không thể nào nói trước công chúng.” Tại sao? Người ta sẽ nhận ra bạn, rằng bạn phì nộn. Bạn có nói hay không cũng chẳng thành vấn đề. Mọi người đều có mắt và họ có thể thấy rằng bạn phì lù, và rằng bạn cứ tọng mãi vào. Làm sao bạn tránh khỏi đám Vrindavan được? Họ sẽ biết.

Anh ta muốn nói chuyện riêng để nói vấn đề của mình, và vấn đề là về việc béo phệ - “Con cứ ăn hoài mà ngừng không được; con phải làm gì đây?” Cái nghề tâm lý của bạn cũng chẳng giúp ích gì nhiều lắm, và bạn nghĩ nghề tâm lý của bạn lại có khả năng biết được tôi, thấy được tôi ư? Đừng bị lừa bởi trò chơi của chính mình.

Và bạn cũng chưa ở cạnh bất kỳ thánh nhân nào đâu. Tôi không nói rằng họ không là thánh; tôi chỉ nói rằng bạn có thể đã đến với họ, nhưng bạn chưa ở cùng với họ. Nếu bạn không thể ở cùng tôi, sao bạn ở với họ được? Bạn chưa ở cùng với bất kỳ thánh nhân nào. Dù đến đâu,

---

<sup>201</sup> Laxmi từng là thư ký của Osho.

bạn cũng đến với cái nghề tâm lý của mình, với tất cả những tri thức mà bạn đã thu thập quanh mình. Và nó chẳng có ích gì cho bạn cả. Hoàn toàn vô ích! Mà bạn cứ đi cố vấn mọi người. Bạn sẽ tạo ra cùng loại chấn thương, mặc cảm cho người khác nữa. Một nhà trị liệu chỉ hữu ích khi lời khuyên của ông ta không chỉ dành cho kẻ khác, mà chính là cuộc sống của ông ta, khi ông ta đã sống qua những lời khuyên ấy và đã thấy chân lý của nó.

Bạn nói rằng giáo huấn qua các thời đại về loại bỏ bản ngã, loại bỏ tâm trí, không thành công. Thành công lắm chứ! Nó đã được việc cho tôi; đó là lý do tôi nói nó được việc. Tôi biết nó không hữu ích cho bạn. Nhưng chẳng có gì sai trong giáo huấn cả, cái gì sai đó là từ phía bạn; đó là lý do tại sao nó không được việc cho bạn. Nó đã được việc cho hàng triệu người. Và đôi khi người lảng giềng của bạn là người chứng ngộ mà bạn có thể không thể nào thấy được.

Một câu chuyện...

Một người tìm đạo tới từ Mỹ. Anh ta đã nghe nói có một nhà huyền môn Sufi nổi tiếng ở Dacca, Bangladesh, cho nên anh ta nhào tới – kiểu Mỹ mà. Anh ta nhào tới; anh ta tới thẳng Dacca! Anh ta gọi taxi và nói, “Hãy đưa tôi tới nhà huyền môn này!”

Người lái taxi cười to và nói, “Ông có thực sự quan tâm không đấy? Thế thì ông đã tìm đúng người rồi. Nếu ông hỏi tài xế taxi nào khác, chẳng ai biết đâu. Tôi biết người này. Tôi đã sống với người này gần năm mươi năm rồi.”

“Năm mươi năm cơ à? Ông ấy bao nhiêu tuổi rồi?” người Mỹ hỏi.

Người lái tắc xi nói, “Ông ấy cũng năm mươi tuổi.”

Anh ta nghĩ, “Tên này dường như khùng!” Anh ta đi hỏi những người lái taxi khác, nhưng chẳng ai biết gì cả, cho nên anh ta đành phải trở lại với tên khùng này.

Và người lái taxi nói, “Tôi đã bảo ông rồi là không ai biết người đó đâu. Lên xe đi. Tôi sẽ đưa ông tới.” Và ông ta đưa người Mỹ đi. Dacca là thành phố cổ với phố xá chật hẹp - và ông ta phải đi zic zác đây đó hàng giờ. Người Mỹ thì rất sung sướng vì mục tiêu mỗi lúc càng gần hơn. Sau ba, bốn giờ họ dừng lại trước một ngôi nhà nhỏ, nhà của người rất nghèo. Và người lái taxi nói, “Ông cứ đợi nhé. Tôi sẽ thu xếp cho ông gặp thầy.”

Thế rồi một phụ nữ tới nói với anh ta, “Thầy đang đợi ông đấy.” Anh ta đi vào và thấy người tài xế taxi ngồi đó.

Và ông ta nói, “Lại gần đây. Con có việc gì cần hỏi?”

Người Mỹ không thể nào tin điều đó. Anh ta nói, “Ông là thầy ư?”

Người này nói, “Ta là thầy đây, và ta đã sống với người này trong năm mươi năm; không ai biết về điều đó cả.” Thì ra là ông ấy là thầy.

Nhưng bạn có ý tưởng của mình: “Làm sao mà người lái taxi lại có thể là thầy được?” Hãy thử nghĩ về tôi như người lái taxi... Bạn sẽ không tin – phải không? Nhà tâm lý này có tin được không? Khó mà tin được.

Bạn có ý tưởng. Bởi ý tưởng của mình nên bạn không nhận ra nhiều điều chung quanh. Thánh nhân đời nào cũng có. Họ ở mọi nơi, nhưng bạn không thể thấy được! Và khi bạn muốn thấy họ, bạn tới Vatican vì bạn nghĩ rằng giáo hoàng là người chứng ngộ. Thực ra, làm sao một người đã chứng ngộ lại có thể là giáo hoàng được? Không người chứng ngộ nào chịu giam hãm trong cái vỏ nghĩa ấy. Thà làm tài xế taxi còn hơn.

Xin hãy loại bỏ ý tưởng của bạn đi trong khi lưu lại đây, trong vài ngày này. Hãy mở rộng cửa. Đừng cố định kiên từ ngay từ đầu rằng, “Điều này chưa bao giờ xảy ra.” Nó *đã* xảy ra rồi! Nó đã xảy ra trong tôi. Hãy nhìn vào mắt tôi, hãy cảm nhận tôi, và điều này có thể xảy ra cho bạn nữa. Chẳng có gì cản trở, ngoại trừ những ý tưởng

này, tri thức này. Đó là lý do tại sao tôi nói tri thức là cái bị nguyên rủa. Hãy vứt bỏ tri thức thì bạn sẽ loại bỏ được tâm bệnh của mình!

### Câu hỏi thứ ba

*Con là người yếu đuối. Vậy mà lần đầu tiên con cảm thấy thu thái trong sự yếu ớt của con ở đây. Có cần phải mạnh mẽ và dũng cảm không?*

*Không có chữ ‘phải’ ở đây. Tất cả những phải, nên, bắt buộc, đều phải loại bỏ. Có vậy bạn mới tự nhiên được.*

Yếu ớt thì có sao đâu? Ai cũng yếu ớt cả. Làm sao bộ phận có thể mạnh được? - bộ phận phải yếu chứ. Và chúng ta là những bộ phận tí xíu, những giọt nước trong đại dương bao la. Làm sao chúng ta có thể mạnh được? - mạnh với ai, mạnh để làm gì? Đúng, tôi biết, bạn đã được dạy phải mạnh mẽ, bởi vì bạn đã được dạy phải bạo động, hung hăng, chiến đấu. Bạn đã được dạy phải mạnh mẽ bởi vì bạn đã được dạy phải cạnh tranh, tham vọng, ích kỷ. Bạn đã được dạy về đủ loại hung hăng bởi vì bạn đã được dạy để cưỡng hiếp người khác, cưỡng hiếp thiên nhiên. Bạn chưa được dạy để yêu bao giờ.

Tại đây, thông điệp là tình yêu - cho nên bạn cần sức mạnh để làm gì? Thông điệp ở đây là qui phục. Thông điệp ở đây là chấp nhận, chấp nhận trọn vẹn tất cả những gì thích đáng.

Yếu đuối là cái đẹp. Hãy thành thoi trong nó, hãy chấp nhận, hãy tận hưởng. Nó có vẻ đẹp riêng, có niềm vui riêng.

*“Con là người yếu đuối...”*

Xin đừng dùng từ “yếu đuối”, vì có sự kén án trong từ ấy. Hãy nói “Con là một bộ phận,” và bộ phận nhất định không thể tự lực được. Bộ phận thì bắt buộc phải bắt lực rồi. Bộ phận chỉ có sức mạnh khi cùng với đại thể. Sức mạnh của bạn là khi hợp làm một với chân lý; không có sức mạnh nào khác. Chân lý mạnh mẽ, chúng ta yếu đuối. Thượng Đế mạnh mẽ, chúng ta yếu đuối. Cùng với Ngài chúng ta cũng mạnh mẽ; chống lại Ngài, không cùng với Ngài, chúng ta yếu ớt. Tranh đấu với dòng sông, cố lội ngược dòng, bạn sẽ thấy cái yếu đuối của mình. Lênh đênh với dòng sông và xuôi theo dòng nước – cũng không cần bơi nữa, hãy buông lơ và để dòng sông đưa bạn về bến - thì không thấy yếu đuối. Khi cái ý tưởng mạnh mẽ đã bị loại bỏ, sự yếu đuối cũng chẳng còn. Hai ý tưởng ấy theo nhau mà biến đi. Bỗng nhiên bạn chẳng yếu mà cũng chẳng mạnh. Thực ra, bạn đâu còn nữa; chỉ còn Thượng Đế - chẳng yếu cũng chẳng mạnh.

Bạn nói: “Vậy mà lần đầu tiên con cảm thấy thư thái trong sự yếu đuối của con ở đây.”

Cảm giác rất tốt; đừng để mất đi. Thành thoi là toàn bộ giáo huấn của tôi. Thư giãn trong bản thể của bạn, dù bạn là ai. Đừng áp đặt ý tưởng nào. Đừng tự biến mình thành điên khùng; không cần thiết. Hãy vui sống – hãy loại bỏ sự trở thành. Chúng ta không đi đâu cả, chúng ta chỉ hiện hữu ở đây thôi. Và khoảnh khắc này mới đẹp làm sao, sung mãn làm sao. Đừng để tương lai chen vào, nếu không bạn sẽ phá hủy nó. Tương lai là chất độc. Hãy thành thoi và tận hưởng. Nếu có thể giúp bạn được thành thoi và tận hưởng, công việc của tôi đã hoàn tất. Nếu tôi có thể giúp bạn loại bỏ mọi lý tưởng của mình, và những ý tưởng là bạn phải sống như thế nào và không sống như thế nào, nếu có thể lấy đi tất cả những điều răn đã từng dạy cho bạn, công việc của tôi đã hoàn thành. Và khi bạn không có bất cứ điều răn nào, và khi bạn sống trong sự

thôi thúc của từng khoảnh khắc - tự nhiên, tự phát, đơn giản, bình thường - thì có sự hoan lạc lớn - bạn đã về nhà.

Đừng lập lại điều ấy nữa... “*Con có cần phải mạnh mẽ và dũng cảm không?*” Đề làm gì? Thực ra, chính sự yếu đuối mới muốn được mạnh mẽ.

Hãy ráng hiểu điều này; vấn đề khá phức tạp, nhưng chúng ta hãy bàn về nó. Chính cái yếu đuối mới muốn được mạnh mẽ, chính cái thấp kém mới muốn được tự tôn, chính cái dốt nát mới muốn được thông thái - để có thể được che mắt bằng tri thức, để có thể che dấu cái yếu đuối của mình trong cái-gọi-là quyền lực. Vì mặc cảm thấp kém mới nảy sinh sự ham muốn được tôn vinh.<sup>202</sup> Đây là toàn bộ nền móng của chính trị trên thế giới, chính trị quyền lực. Chính những người cảm thấy thấp kém mới trở thành chính khách: vì sự thôi thúc của quyền lực, bởi vì họ biết là họ thấp kém. Nếu họ không trở thành tổng thống của một nước, hay thủ tướng của một nước, họ không thể nào chứng minh cho người khác về con người của họ. Trong thâm tâm họ cảm thấy yếu đuối nên họ cố gắng tranh đoạt quyền lực.

Nhưng làm sao trở thành tổng thống mà bạn có thể có quyền lực được? Bạn biết rất rõ rằng sự yếu đuối của bạn vẫn còn nằm sâu bên trong. Thực ra, điều đó còn được cảm thấy rõ hơn, nhiều hơn trước nữa, bởi vì đã có sự tương phản. Nhìn bề ngoài thì có quyền lực, và ở bên trong lại yếu đuối - rõ ràng hơn, giống như tia chớp loé lên giữa mây đen. Tất cả đều vậy hết. Bên trong cảm thấy nghèo túng nên bạn tranh dành, bạn trở nên tham lam, bạn chiếm hữu mọi thứ, và bạn cứ tiếp tục mãi và không bao giờ ngừng. Và toàn bộ cuộc sống của bạn bị lãng phí trong mọi thứ, trong sự tích lũy.

Nhưng càng tích lũy bạn càng cảm thấy sâu sắc cái nghèo khó bên trong. Ngược hẳn cái giàu có, điều ấy có

---

<sup>202</sup> Điều này cũng là chủ trương của Tâm lý học Cá nhân của Alfred Adler.

thể thấy rất dễ dàng. Khi bạn hiểu điều này - rằng cái yếu đuối cố gắng trở thành cái mạnh mẽ - thì thật là vô lý. Làm sao yếu lại trở thành mạnh được? Khi thấy được điều đó, bạn không còn muốn trở thành mạnh mẽ nữa. Và khi bạn không muốn trở thành mạnh, cái yếu cũng không thể tồn tại nữa. Nó chỉ có thể tồn tại cùng với ý tưởng mạnh mẽ - chúng đi đôi với nhau, như hai cực điện âm-dương. Chúng tồn tại cùng nhau. Nếu bạn loại bỏ tham vọng muốn trở thành mạnh, ngày nào đó bỗng nhiên bạn sẽ thấy cái yếu cũng biến mất. Nó không thể bám rễ được trong bạn. Nếu vứt bỏ được ý tưởng giàu có, sao bạn có thể nghĩ là mình nghèo được? Bạn so sánh bằng cách nào, và làm sao bạn đánh giá được rằng bạn nghèo? So với cái gì? Sẽ chẳng có cách nào để đo cái nghèo của bạn cả. Khi vứt bỏ cái ý tưởng về sự giàu có, về cái giàu, một ngày nào đó cái nghèo cũng biến mất.

Khi bạn không còn khao khát tri thức và bạn vứt bỏ sự tích lũy tri thức, sao bạn có thể cảm thấy dốt nát được? Khi tri thức biến mất, và ngay lúc biến mất ấy, giống như cái bóng của nó, dốt nát cũng biến mất. Người như vậy thì khôn ngoan. Khôn ngoan không phải tri thức; nó là sự vắng mặt cả tri thức lẫn dốt nát.<sup>203</sup>

Ba trường hợp có thể xảy ra: bạn có thể dốt nát, bạn có thể vừa dốt vừa biết nhiều, và bạn có thể không dốt cũng không biết nhiều. Trường hợp thứ ba chính là trí huệ. Đó là điều Phật gọi là *prajnaparamita* - trí huệ vượt ra ngoài; trí huệ siêu việt. Nó không phải là tri thức.

Trước hết, hãy vứt bỏ ham muốn về sức mạnh và quan sát. Rồi một ngày bạn sẽ ngạc nhiên, bạn sẽ bắt đầu hoan ca: cái yếu đuối đã biến mất. Chúng là hai mặt của cùng một đồng tiền: chúng có cùng nhau, chúng mất với nhau.

---

<sup>203</sup> Khi nghe bà tiên tri Delphi thành Athens nói Socrates là người khôn ngoan nhất, ông ấy nói rằng ông biết rõ là ông không biết gì hết. Bà ấy mới nói vì vậy ông ấy mới là người khôn ngoan nhất.

Một khi điều này lắng sâu trong bản thể mình, sẽ có một sự chuyển biến vĩ đại.

### Câu hỏi thứ tư

*Tại sao và làm sao mà mọi người tới với Thầy từ khắp nơi trên trái đất này?*

Nếu người nào nói về chân lý, sớm hay muộn chắc chắn sẽ được mọi người tìm tới - đó là lý do tại sao.

Không thể không thể xảy ra được... nếu bạn đã thốt ra chân lý, không thể nào người khác lại không tới. Họ đang ao ước điều đó, họ đang khát về điều đó, họ đang đói về điều đó; và họ đã đói trong nhiều kiếp. Một khi những cơn sóng của chân lý phát khởi ở bất kỳ đâu, một bài ca, hay một cái gì đó trong tiềm thức của những người đang đói khát chân lý, sẽ bắt đầu xảy ra - họ có thể ở bất kỳ đâu trên hành tinh này. Chúng ta được nối với nhau trong vô thức.<sup>204</sup> Trong cõi giới sâu thẳm nhất của bản thể chúng ta, chúng ta là một. Nếu một người trở thành Phật, vô thức của mọi người đều kích động. Về mặt ý thức có thể bạn không biết, nhưng vô thức của mọi người đều kích động. Giống như màng nhện vậy. Đụng vào nó từ bất kỳ đâu, toàn bộ mạng nhện rung rinh. Chúng ta là một trong cốt lõi. Chúng ta giống như một cái cây mạnh mẽ, cứng cáp, đứng sừng sững giữa đồng - to lớn, khổng lồ, với cành lá lớn. Lá có hàng triệu, cành có rất nhiều, nhưng tất cả đều phụ thuộc vào một thân cây vững chắc, và tất cả

---

<sup>204</sup> Nhà Tâm lý lừng danh Carl Jung tìm ra Vô Thức Tập Thể. Trong vô thức ấy có những khao khát, những mộng mơ của cả nhân loại.

đều bắt rễ vào trong lòng đất. Nếu một chiếc lá chứng ngộ, toàn bộ cây sẽ biết điều đó một cách vô ý thức ... “một điều gì đó đã xảy ra.”

Những người tìm kiếm chân lý một cách có ý thức sẽ là người đầu tiên chuyển động. Những người còn ngủ mê chỉ thấy gợn sóng.

Một người bạn mới viết cho tôi. Anh ấy hiện đang ở California... Và California là chỗ có thể xảy ra dễ dàng hơn bất kỳ chỗ nào khác. California là tương lai; tâm thức có nhiều triển vọng nhất đang xảy ra ở đó. California là nơi trọng yếu nhất, cho nên điều đó chỉ có thể xảy ra ở California. Không thể xảy ra ở Nga Sô được - ở đó mọi thứ rất trì trệ và tàn lụi.

Một người bạn tới thăm một phụ nữ. Họ cùng ăn và uống với nhau, rồi bỗng nhiên anh ấy nhìn vào trong mắt người phụ nữ và có một sức mạnh mê mông trong đôi mắt đó. Có thể là rượu, nước uống, âm nhạc, sự riêng tư của hai người này, không khí yêu thương, đã nhấn cái nút nào đó. Anh ấy thấy sức mạnh mê mông trong mắt người phụ nữ, và anh ấy bị dán chặt vào đôi mắt ấy, gần như bị nam châm hút, bị thôi miên. Và anh ấy nhìn, và khi anh ấy nhìn, thân người phụ nữ bắt đầu đung đưa, một cái gì đó chuyển động, một cái gì đó trong vô thức. Và sau vài phút người phụ nữ nói, “Rau-neesh, Rau-neesh, Rau-neesh” - mà bà ấy chẳng biết tôi chút nào, chưa từng nghe nói về tôi. Khi cô ấy tỉnh lại, người đàn ông nói, “Em vừa lầm bầm cái tên nào đó - Rau-neesh - có vẻ rất là kì lạ. Anh chưa bao giờ nghe thấy tên ấy.”

Người phụ nữ thì nói, “Em không nghe gì hết. Em không biết.” Hai người đến tiệm sách để tìm tên này. Tất nhiên, đây không phải là Rau-neesh, mà là Rajneesh.<sup>205</sup> Và anh ấy đọc sách của tôi thì đó là điều anh ấy đã tìm kiếm trong rất nhiều năm. Tháng sau anh ta tới đây. Làm

---

<sup>205</sup> Rajneesh là tên cúng cơm của Osho. Tên thật của Ngài là Rajneesh Chandra Mohan.

sao điều đó xảy ra được? Cái gì đó nằm sâu trong người phụ nữ...

Đàn bà nhận tín hiệu dễ dàng hơn, bởi vì các bà gần vô thức hơn các ông. Đàn ông đã rời xa vô thức. Anh ta đã nghiêng quá nhiều về cái đầu, về ý thức. Đàn bà vẫn còn nhiều linh cảm. Cái gì đó khuấy động trong vô thức bà ấy khi người đàn ông nhìn vào mắt. Và người đàn ông này là người tìm đạo rất hăng say. Bà ta thì không. Bà ta chưa bao giờ tìm thầy học đạo. Bà ta sẽ không tới. Bà ta lấy có rằng điều đó chỉ là sự trùng hợp. Bà ta chưa bao giờ quan tâm việc tìm đạo, nhưng vô thức của bà ta dễ tiếp nhận hơn. Là một phụ nữ, rời rạc, rời mắt người đàn ông này bị mắt bà ta thu hút - tất cả những điều này cùng tác động, và cái gì đó nổi lên bề mặt. Và người đàn ông này ý thức được việc tìm kiếm của mình. Nghe thấy tên này anh ta bị thu hút lập tức. Anh ta bị thu hút bởi từ này nên không thể quên được. Anh ấy phải tới tiệm sách để tìm cho ra, tới thư viện, và hỏi bạn bè để biết từ này là gì.

Đây không phải là phép màu. Đây là một tiến trình đơn giản về cách mọi việc xảy ra.

Bạn hỏi: “Tại sao và cách nào mà mọi người tới với Thầy từ khắp nơi trên trái đất này?”

Khoảng cách không phải là vấn đề; tìm kiếm, đói khát mới là vấn đề. Nếu người đang tìm kiếm, chẳng chóng thì chầy người ấy sẽ nghe về tôi - đôi khi tình cờ - và người ấy sẽ bị thu hút về phía tôi. Hàng triệu người đang tìm kiếm, và càng nhiều người đến với tôi, và càng nhiều đi sâu vào bản thể mình, càng nhiều người sẽ trở nên bị hút về chỗ này. Mà đây không phải chỉ mình tôi kéo họ, không phải một mình tôi khuấy động chiều sâu của họ - hết cả chỗ này ở đây cũng thu hút. Nó có thể trở thành một trung tâm hấp lực.

Điều ấy tùy thuộc vào bạn, vào bao xa bạn có thể đi vào trong bản thể mình, bao xa bạn có thể hòa nhập với tôi, sự qui phục của bạn sâu đến đâu.

Câu hỏi cuối cùng:

*Phải làm gì với cái sợ? Con cảm thấy mệt mỏi vì bị nó lôi kéo. Nó có thể bị chinh phục hay bị tiêu diệt không? Có cách nào không?*

Câu hỏi này là của Ramananda.

Nó không thể bị tiêu diệt và không thể bị chinh phục; nó chỉ cần được hiểu rõ. ‘Hiểu biết’ là chìa khóa. Và chỉ hiểu biết mới đem lại thay đổi, không có gì khác. Nếu bạn cố gắng chinh phục nỗi sợ của mình, nó sẽ bị đè nén; nó sẽ lẩn trốn sâu bên trong bạn. Làm như vậy không có lợi và sẽ làm vấn đề phức tạp hơn. Nó đang trên bề mặt thì bạn có thể đè nén nó – nghĩa là chinh phục nó. Bạn có thể đè nén nó; bạn có thể đè nó xuống sâu đến mức nó biến mất hoàn toàn khỏi ý thức của bạn. Thế thì bạn sẽ chẳng bao giờ nhận ra nó nữa, nhưng nó sẽ lẩn trong vô thức, và nó sẽ có sức lôi kéo. Nó sẽ lèo lái, nó sẽ quấy rối bạn, nhưng nó sẽ điều khiển bạn một cách gián tiếp mà bạn không bao giờ ngờ đến. Nhưng thế thì sự nguy hiểm đã đi sâu hơn rồi. Bây giờ bạn không thể hiểu được nữa.

Cho nên cái sợ không cần phải được chinh phục - nó không cần phải tiêu diệt. Nó cũng không thể bị tiêu diệt được nữa, bởi vì nỗi sợ là một loại năng lượng và không năng lượng nào có thể bị phá hủy. Bạn có biết rằng trong khi sợ bạn có thể có sức mạnh khủng khiếp không? Cũng hết như trong cơn giận dữ; cả hai đều là hai khía cạnh của cùng một hiện tượng năng lượng. Giận dữ là năng lượng hung hăng, còn sợ hãi là năng lượng không hung hăng. Sợ hãi là giận dữ trong trạng thái tiêu cực, còn giận dữ là sợ hãi trong trạng thái tích cực. Khi giận dữ bạn chẳng thấy là bạn trở nên mạnh mẽ nhường nào chẳng, bạn chẳng biết là bạn có năng lượng lớn đến đâu sao? Bạn có thể

ném một tảng đá lớn khi bạn đang giận dữ mà bình thường bạn không thể nào lay nổi nó. Bạn trở nên mạnh gấp ba, gấp bốn lần khi bạn giận dữ. Có nhiều điều bạn không thể làm nổi nếu không giận dữ.

Và trong khi sợ bạn có thể chạy nhanh đến độ ngay cả lực sĩ Olympic cũng cảm thấy ghen tị. Sợ tạo ra năng lượng; nỗi sợ là năng lượng, và năng lượng thì không thể bị hủy diệt. Dù nhỏ đến đâu chẳng nữa, năng lượng cũng không thể bị hủy bỏ khỏi hiện sinh cả.<sup>206</sup> Điều này cần phải được ghi nhớ thường xuyên, nếu không bạn sẽ hành động sai lầm. Bạn không thể phá hủy được bất kỳ cái gì, bạn chỉ có thể làm thay đổi hình thức của nó. Bạn không thể phá hủy một hạt sỏi nhỏ; một nguyên tử cát nhỏ bé cũng không thể nào bị hủy diệt, nó sẽ thay đổi hình thức. Bạn không thể hủy diệt một giọt nước. Bạn có thể biến nó thành băng, bạn có thể làm nó bay hơi, nhưng nó vẫn còn. Nó sẽ còn ở đâu đó, nó không thể nào thoát ra ngoài hiện sinh được.

Nỗi sợ nữa cũng không thể bị hủy diệt. Và điều đó đã được làm qua nhiều thời đại - người ta đã cố gắng hủy diệt nỗi sợ, cố gắng hủy bỏ giận dữ, cố gắng hủy bỏ dục tình, cố gắng hủy bỏ tham lam, cái này và cái khác. Toàn bộ thế giới cứ liên tục cố gắng, và được kết quả gì? Con người đã trở thành hỗn loạn. Không có gì bị hủy diệt cả, vẫn còn nguyên vẹn, chỉ bị lẫn lộn hết thôi. Không cần phải hủy bỏ thứ gì, bởi vì trước hết chẳng cái gì có thể bị hủy bỏ cả.

Thế thì phải làm gì đây? Bạn phải hiểu nỗi sợ.<sup>207</sup> Sợ là gì? Nó nảy sinh như thế nào? Nó từ đâu đến? Nó muốn nói gì? Quan sát nó và không phê phán. Chỉ như thế bạn mới hiểu được. Nếu bạn đã có một ý tưởng rằng nỗi sợ là sai, rằng không nên làm như thế - “Ta không nên sợ” - thế

---

<sup>206</sup> Năng lượng  $E=MC^2$ .

<sup>207</sup> Sợ là đặc tính chung của nhân loại. Làm cho người hết sợ là một trong ba loại bố thí của Phật giáo (thí bất cụ).

thì bạn không thể quan sát được. Làm sao bạn có thể chống lại nỗi sợ được, làm sao bạn có thể nhìn thẳng vào mắt của nỗi sợ khi đã quyết định rằng nó là kẻ thù của bạn? Không ai nhìn vào mắt của kẻ thù. Nếu bạn nghĩ nó là sai, bạn sẽ cố gắng bỏ qua nó, tránh né nó, lờ nó đi. Bạn sẽ cố gắng không gặp nó, nhưng nó vẫn còn đó. Điều này chẳng ích gì.

Trước hết, hãy vứt bỏ mọi kết án, phê phán, đánh giá. Sợ là một thực tại. Nó phải được đối diện, nó phải được hiểu. Và chỉ qua sự hiểu biết nó mới có thể được biến đổi. Thực ra, nó được biến đổi qua sự hiểu biết. Không cần phải làm gì khác; hiểu biết sẽ biến đổi nó.

Sợ là gì? Trước hết: *sợ bao giờ cũng từ ham muốn nào đó*. Bạn muốn trở thành một người nổi tiếng, người nổi tiếng nhất trên thế giới - thì có nỗi sợ. Nếu bạn không làm được thì sao? - nỗi sợ sẽ tới. Nỗi sợ là một sản phẩm phụ của ham muốn: bạn muốn trở thành người giàu nhất trên thế giới. Nếu bạn không thành công thì sao? Bạn bắt đầu run rẩy; nỗi sợ tới. Bạn làm chủ một người đàn bà: bạn sợ rằng ngày mai bạn có thể không còn giữ được nữa, cô ấy có thể đi với người khác. Cô ấy vẫn còn hấp dẫn, cô ấy có thể đi. Chỉ người chết rồi mới không ra đi; cô ấy vẫn còn sống động. Bạn có thể làm chủ cái xác - vậy thì không có gì sợ, xác vẫn còn đấy. Bạn có thể làm chủ đồ đạc, và không có gì sợ. Nhưng khi bạn cố gắng làm chủ một người thì nỗi sợ tới. Ai mà biết được? Hôm qua cô ấy chưa thuộc về bạn, hôm nay cô ấy là của bạn... Ai mà biết được - ngày mai cô ấy sẽ vào tay người khác. Nỗi sợ nảy sinh. Nỗi sợ nảy sinh từ ham muốn chiếm hữu, nó là một pho sản. Bởi vì bạn muốn sở hữu, do đó mới sợ. Nếu bạn không muốn làm chủ thì không có gì sợ. Nếu bạn không có ham muốn rằng bạn sẽ thích được là cái này, hay cái nọ trong tương lai thì không có nỗi sợ. Nếu bạn không muốn lên thiên đường thì chẳng sợ; thế thì thầy tu không thể làm cho bạn sợ được. Nếu bạn không muốn đi bất kỳ đâu thế thì không ai có thể làm bạn sợ được.

Nếu bạn biết sống trong từng khoảnh khắc một, nỗi sợ biến mất. Sợ hãi có vì ham muốn. Cho nên, nói tóm tắt là *ham muốn tạo ra sợ hãi*.

Bạn thử nghĩ xem. Mỗi khi có nỗi sợ, hãy để ý xem nó từ đâu tới - ham muốn nào đang tạo ra nó - và hãy thấy cái vô ích của nó. Làm sao bạn có thể làm chủ một người đàn bà hay đàn ông được? Đây là một ý tưởng rất ngu dốt, rất ngu xuẩn. Chỉ có đồ vật mới làm chủ được, không làm chủ con người được.

Con người là tự do. Cái đẹp của con người ở chỗ tự do. Con chim chỉ đẹp khi tung cánh trên bầu trời: bạn nhốt nó vào lồng - nó không còn là cùng con chim đó nữa. Bầu trời đâu rồi? Mặt trời đâu rồi? Gió đâu rồi? Mây đâu rồi? Tự do vùng vẫy trên đôi cánh đâu rồi? Tất cả đã biến mất. Con chim trong lồng không giống chim ngày xưa nữa.

Bạn yêu một bà bởi vì bà ấy tự do. Thế rồi bạn nhốt bà ấy lại: thế rồi bạn đến toà án và cưới nhau, và bạn làm một cái lồng son, gắn cả kim cương, để nhốt bà ấy, nhưng bà ấy không còn như thuở trước nữa. Và bây giờ nỗi sợ tới. Bạn sợ, sợ bởi vì bà ấy có thể không thích cái lồng đó. Bà ấy có thể ao ước được tự do trở lại. Và tự do là giá trị cuối cùng, không thể loại bỏ được.

Con người hợp bởi tự do, tâm thức hợp bởi tự do. Cho nên chẳng chóng thì chầy bà ấy sẽ cảm thấy chán ngấy, chịu hết nổi. Bà ấy sẽ tìm người khác. Bạn sợ. Sợ vì bạn muốn chiếm hữu - nhưng tại sao bạn lại muốn chiếm hữu chứ? Đừng sở hữu thì không có gì sợ. Và khi không có gì để sợ, những năng lượng liên kết với nỗi sợ, và bị nỗi sợ kiềm chế, sẽ được thả tự do để dùng vào sự sáng tạo của bạn. Nó có thể trở thành một điệu vũ, một bài ca.

Sợ chết ư? Phật nói: Bạn không thể chết được, bởi vì ngay từ đầu, bạn không hiện hữu. Làm sao bạn có thể chết được? Hãy nhìn vào bản thể mình, hãy đi sâu vào trong. Thấy chưa, có ai ở đó để mà chết? - và bạn sẽ

chẳng tìm thấy bản ngã nào ở đó cả. Không thể chết được. Chính cái ý tưởng về bản ngã tạo ra sự sợ chết. Khi không có bản ngã, không có cái chết. Bạn là sự im lặng tối cao, bất tử, vĩnh cửu - không phải như bạn tưởng, mà là bầu trời thênh thang, không bị vắn đục bởi bất kỳ ý tưởng nào về cái 'tôi' cả, về tự ngã - vô giới hạn, không xác định nổi. Thế thì không có gì mà sợ.

Nỗi sợ tới bởi vì những yếu tố khác, Ramananda. Phải nhìn thẳng vào trong những yếu tố này, và việc đối đầu với chúng sẽ thay đổi tất cả.

Cho nên xin đừng hỏi làm sao có thể chinh phục hay tiêu diệt nó. Nó không thể bị chinh phục, không thể bị tiêu diệt đâu. Nó không thể bị chinh phục và không thể tiêu diệt nó được; nó chỉ cần được hiểu. Hãy để hiểu biết là luật duy nhất của bạn.





## 5

# Hương Vị Của Chân Không



Vì vậy, này Xá Lợi Phất,<sup>222</sup> trong không,  
không có sắc,<sup>223</sup> thọ,<sup>224</sup> tưởng;<sup>225</sup>  
cũng không có hành,<sup>226</sup> thức;<sup>227</sup>  
không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý;  
không có sắc, thanh,<sup>228</sup> hương,<sup>229</sup> vị,<sup>230</sup> xúc,<sup>231</sup>  
pháp;<sup>232</sup>  
không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới;  
không có vô minh, cũng không có hết vô minh;  
không có già chết cũng không có hết già chết;  
không khổ, tập, diệt, đạo;  
không có trí huệ, không có chứng đắc, cũng không  
có không chứng đắc.

---

<sup>222</sup> Xá Lợi Phất = Sariputra

<sup>223</sup> Sắc= hình dạng = form

<sup>224</sup> Thọ = cảm giác = feeling

<sup>225</sup> tưởng = cảm nhận= perception

<sup>226</sup> hành = hành động vô ý thức = impulse

<sup>227</sup> thức = ý thức= consciousness

<sup>228</sup> thanh = âm thanh = sound

<sup>229</sup> hương = mùi = smells

<sup>230</sup> vị = cảm giác của lưỡi = tastes

<sup>231</sup> xúc = đụng chạm, đối tượng của tay chân = touchables

<sup>232</sup> pháp = đối tượng của tâm trí = objects of mind

Chân không là hương vị của bờ bên kia. Nó là sự hướng trái tim về cõi siêu việt. Nó là sự nở hoa của sen một ngàn cánh; đó là cứu cánh của con người. Con người chỉ viên mãn khi đạt tới hương thơm này, khi đã đạt tới chân không tuyệt đối này bên trong bản thể mình, khi chân không này đã bao trùm khắp người đó, khi người đó chỉ là bầu trời trong suốt, không mây.

Chân không này Phật gọi là niết bàn. Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ chân không này là gì, bởi vì nó không chỉ là cái trống không - mà đầy tràn, tràn ngập. Bạn đừng bao giờ nghĩ rằng chân không là một trạng thái tiêu cực, hay một sự thiếu vắng, không. Chân không chỉ là trạng thái không có vật chất. Mọi vật đều biến mất, chỉ còn lại bản chất tối thượng. Hình thể biến mất, chỉ còn lại cái vô hình thể. Các xác định biến mất, chỉ còn lại cái bất định.

Cho nên chân không không phải là không có gì. Nó chỉ có nghĩa là không có cách nào để xác định nổi cái gì đó. Giống như bạn khuôn hết đồ đạc ra khỏi nhà. Có người đến và nói, “Ồ đây không có gì.” Người ấy trước đó đã thấy đồ đạc; bây giờ đồ đạc không còn nữa nên mới nói, “Tại đây không còn gì nữa. Chỉ còn trống không.” Anh ta chỉ đúng có một phần. Thực ra, khi khuôn đồ đạc đi, bạn chỉ loại bỏ các chướng ngại trong nhà. Bây giờ chỉ còn lại không gian thuần khiết, bây giờ chẳng còn gì chướng ngại nữa. Bây giờ bầu trời không còn một cụm mây; nó chỉ là một bầu trời trong xanh. Đó không phải là không có gì, mà là trạng thái thuần khiết, không có vật chất, không phải là sự thiếu vắng, mà là một sự hiện diện.

Bạn đã thấy một căn nhà trống trơn bao giờ chưa? Bạn sẽ thấy cái trống không như thể có mặt; nó rất hiện thực, gần như có thể sờ vào được. Đó là cái đẹp của đền thờ hay giáo đường – tuyệt đối trống không, trống không hoàn toàn. Khi bạn đi vào đền thờ, cái bao quanh bạn là cái trống không. Đó là sự trống không của mọi thứ, nhưng không phải không có gì. Trong cái trống không ấy có hiện diện một cái gì đó - nhưng chỉ hiện diện cho những người

có linh cảm, những người đu nhay cảm để cảm thấy nó, những người tỉnh táo để nhận ra nó.

Những người chỉ thấy được đồ vật sẽ nói, “Có gì đâu? Chẳng có gì cả.” Những người nhận ra được trống không sẽ nói, “Ở đây có tất cả, bởi vì ở đây có cái không.”

Sự đồng nhất của ‘có’ và ‘không’ là bí mật của chân không. Hãy để tôi nhắc lại; đó là căn bản của quan điểm của Phật: chân không không tương đương với ‘không’; chân không là sự đồng nhất của cả ‘có’ lẫn ‘không’, nơi các đối cực không còn là đối cực nữa, nơi các đối lập không còn là đối lập nữa.

Trong tình yêu nam nữ, tột đỉnh của yêu đương chính là chân không. Vào khoảnh khắc đó người đàn bà không còn là đàn bà nữa, và người đàn ông cũng không còn là đàn ông nữa. Những hình thể đó đã biến mất. Sự phân cực giữa đàn ông và đàn bà không còn nữa, sự căng thẳng đó không còn nữa; đây là sự thư thái hoàn toàn. Hai người đã tan biến vào lẫn nhau. Họ đã bỏ lại hình thể bên ngoài; họ đã đi tới một trạng thái không thể nào xác định được. Cái ‘tôi’ của người đàn ông đã bị gác lại một bên; cái ‘tôi’ của người đàn bà cũng bị lãng quên; họ không còn cái ‘tôi’ nữa; họ không còn bản ngã nữa - bởi vì bản ngã là đầu mối của mọi xung khắc; bản ngã tồn tại vì xung khắc; nó không thể nào hiện hữu mà không có xung khắc. Trên tột đỉnh của yêu đương bản ngã không còn nữa. Đó là cái đẹp của tình yêu, do đó mới có sự ngây ngất của nó, do đó nó mới có kinh nghiệm tựa *samadhi* (đại định).

Nhưng cảm giác đó chỉ thoáng qua. Nhưng dù chỉ một khoảnh khắc nhỏ, dù chỉ một chút thôi, cũng còn giá trị hơn cả cuộc đời dài của bạn - bởi vì trong khoảnh khắc đó bạn gắn với chân lý nhất. Đàn ông và đàn bà không còn tách biệt nữa; đây là phân cực. Âm và dương, tích cực và tiêu cực, ngày và đêm, hè và đông, sống và chết - đây là các đối cực. Khi ‘có’ và ‘không’ gặp nhau, khi các phía đối lập gặp nhau và không còn đối lập nữa, khi chúng hợp nhau và tan biến vào nhau thì có hòa điệu. Hòa điệu là sự

gặp gỡ của có và không. Nó không phải là không; nó vượt trên cả có và không.

Có thể hiểu rằng nó vượt qua ngoài cả hai; cũng có thể hiểu rằng nó là cả hai, cùng một lúc. Việc hội nhập của âm và dương là ý nghĩa của chân không. Đó cũng là định nghĩa của tốt đỉnh của yêu đương, và cũng là định nghĩa của thiên định nữa. Hãy nhớ kỹ điều đó.

Việc đồng nhất của có và không là bí mật của cái trống không, chân không, niết bàn. Cái chân không không chỉ là trống không; nó là sự hiện diện, một sự hiện diện rất vững chắc. Nó không trừ khử phần đối lập của nó; nó chứa cả cái đối lập của nó, nó bao trùm tất cả. Nó là cái trống không tràn đầy, nó là cái trống không viên mãn. Nó sống động, dào dạt sống động, cực kì sống động. Cho nên đừng bao giờ bị lừa bởi từ điển, nếu không bạn sẽ hiểu lầm Phật.

Nếu bạn tra từ điển để tìm ý nghĩa của ‘chân không’ thì bạn sẽ chẳng hiểu Phật. Từ điển chỉ định nghĩa chân không bình thường, cái trống không bình thường. Phật nói về cái gì rất phi thường. Nếu muốn hiểu nó, bạn sẽ phải đi vào trong cuộc sống, trong một cảnh ngộ nào đó mà có và không gặp nhau.<sup>233</sup> Khi thân xác và linh hồn gặp nhau, khi vũ trụ và Thượng Đế<sup>234</sup> gặp nhau, khi các phía đối lập không còn đối lập nữa - chỉ thể thì bạn mới kinh nghiệm được. Kinh nghiệm của nó là kinh nghiệm của Đạo gia, của Thiên, của Hasidism,<sup>235</sup> của Yoga.

Từ “yoga” có ý nghĩa đặc biệt - nghĩa là kết hợp lại. Khi nam và nữ gặp nhau, đây là yoga: kết hợp nhau; họ

---

<sup>233</sup> Theo các nhà khoa học thì chân không (empty space) hợp bởi vật chất (matter) và phản vật chất (anti-matter).

<sup>234</sup> Một số nhà khoa học quan niệm rằng Thượng Đế là một phần của vũ trụ vì vũ trụ được định nghĩa là toàn thể của những gì hiện hữu, và nếu Thượng Đế hiện hữu thì, theo định nghĩa đó, Thượng Đế nếu hiện hữu cũng là một phần của vũ trụ.

<sup>235</sup> Hasidism là huyền học của Do Thái.

thực sự đến gần, họ bắt đầu tương thông và rồi họ biến mất vào nhau. Thế thì họ không còn là các trung tâm tách biệt nữa. Sự xung khắc của các phía đối lập đã biến mất và chỉ còn sự thanh thoi hoàn toàn.

Sự thanh thoi này chỉ xảy ra trong khoảnh khắc giữa nam và nữ. Nhưng sự thanh thoi này có thể xảy ra với toàn thể vũ trụ, với đại thể, một cách vượt thời gian. Nó có thể xảy ra một cách vĩnh hằng. Trong tình yêu bạn chỉ ngây ngất được một tí. Trong sự ngây ngất bạn có cả đại dương tình yêu.

Chân không này có thể được đạt tới nếu bạn không bị ý nghĩ che lấp. Những ý nghĩ đó là áng mây đang che phủ không gian bên trong của bạn, làm chướng ngại không gian bên trong của bạn. Bạn đã quan sát bầu trời bao giờ chưa? Vào mùa hè nó vô cùng sạch sẽ và trong trẻo, trong như pha lê, không một gợn mây. Về mùa mưa có cả ngàn đám mây, và cả không gian bị mây che kín. Mặt trời lánh mặt, bầu trời trong vắt ấy không còn nữa. Đây là trạng thái của tâm trí: tâm trí thường xuyên bị ý tưởng bao phủ. Đó là mùa mưa của tâm thức bạn; mặt trời không hiện rõ, ánh sáng bị che dấu, cản trở, và tính thuần khiết của không gian và sự thanh thoi của không gian không còn nữa. Lúc nào bạn cũng bị những đám mây lôi kéo.

Khi nói, “Tôi là người Hindu,”<sup>236</sup> thì bạn đang nói gì vậy? Bạn đang bị một đám mây níu kéo - cái ý nghĩ rằng bạn là người Hindu. Khi nói, “Tôi là người Hồi giáo” - hay Ki Tô Giáo hay Jaina<sup>237</sup> - bạn đang nói gì vậy? Bạn đang bị đồng nhất với một đám mây của ý nghĩ, bạn đang làm mất cái tinh khiết của mình. Đó là lý do tại sao tôi nói một người có tâm đạo không phải Hindu, không Hồi giáo, không Ki Tô Giáo - người ấy không thể bị trói buộc. Đây là mùa hè của tâm thức, không có đến một gợn mây: mặt

---

<sup>236</sup> Hindu = người theo Ấn Độ giáo

<sup>237</sup> Jain = Kỳ Na giáo. Mahavira, tổ thứ 24 của Kỳ Na giáo, sống cùng thời với Phật, là một trong lục sư ngoại đạo.

trời hiện rõ, chói lọi, không bị cản trở, và một không gian vô tận bao quanh người đó, một sự tĩnh lặng bao quanh người đó. Bạn không thấy một rung động nào của tâm thức mây mờ.

Khi nói, “Tôi là người cộng sản,” bạn đang nói gì vậy? Bạn đang nói rằng bạn đã đọc Karl Marx, Lenin, Stalin, Mao; rằng bạn đã quá gắn bó với Tư Bản Luận,<sup>238</sup> rằng bạn bị thu hút bởi ý tưởng đấu tranh giai cấp – nghèo, giàu và sự xung đột; rằng bạn đã bị hấp dẫn, bị thôi miên về một giấc mơ, một xã hội không tưởng: rằng một ngày nào đó trong tương lai một xã hội phi giai cấp sẽ được kiến lập; rằng bạn đã bị ám ảnh với xã hội ấy và bạn sẵn sàng làm tất cả cho nó. Mà nếu phải giết hàng triệu người, bạn cũng sẵn sàng - vì nhân danh của họ, vì lợi ích của chính họ. Đây là trạng thái bị mây che phủ.

Khi nói, “Tôi là người Ấn Độ,” thì cũng y như vậy. Khi nói, “Tôi là người Tàu,” thì cũng y như vậy. Nếu thực sự muốn là người có tâm đạo, bạn sẽ phải loại bỏ những sự đồng nhất này dần dần. Không ý tưởng nào níu kéo bạn được. Bạn sẽ không theo một thánh thư nào! Bạn sẽ không rập khuôn theo kinh Veda<sup>239</sup> nào; không Gita<sup>240</sup> nào trói buộc được bạn. Bạn không để bất kỳ triết lý nào, thần học nào, giáo điều nào, lý thuyết nào, giả thuyết nào làm chủ bạn được. Bạn không nên để bất kỳ mây mờ nào che phủ ngọn lửa tâm thức của bạn. Vậy thì bạn mới là người có tâm đạo.

Nếu hỏi một người có tâm đạo rằng anh ta là ai, anh ta chỉ có thể nói, “Tôi chẳng là gì cả,” bởi vì trống không, chân không không phải là một ý tưởng, không phải là một lý thuyết. Nó chỉ ra một trạng thái tinh khiết.

---

<sup>238</sup> Tư Bản Luận=Das Kapital của Karl Marx là thánh kinh của cộng sản.

<sup>239</sup> Veda là thánh thư của Ấn độ cổ, gồm 4 cuốn: Samhita, Rig-veda, Sama-veda và Atharva-veda.

<sup>240</sup> Gita là một thánh thư quan trọng của Ấn Độ giáo được Krishna đọc cho Arjuna trong giữa trận Mahabrata.

Và hãy nhớ, tri giác chẳng liên quan gì tới tri thức. Thực ra, khi cảm nhận qua tri thức, bạn không cảm nhận đúng. Mọi tri thức đều tạo ra phóng họa. Tri thức bị thiên lệch, tri thức là định kiến. Tri thức là kết luận - bạn đã kết luận ngay trước khi bạn tìm hiểu nó.

Chẳng hạn, có thể bạn đến với tôi bằng một kết luận sẵn có trong tâm trí – hoặc ủng hộ, hoặc chống tôi, điều đó chẳng thành vấn đề. Nếu đến với tôi bằng một kết luận, bạn đến cùng với một đám mây. Thế thì bạn sẽ nhìn tôi qua đám mây của bạn, và theo lẽ tự nhiên, đám mây ấy sẽ in bóng tối lên tôi. Nếu tới với một ý tưởng, “Đây là một chân sư,” bạn sẽ tìm ra sự hỗ trợ cho ý tưởng này của bạn. Nếu bạn đến với ý tưởng, “Đây là một huyền sư, nguy hiểm, quý quái,” bạn cũng tìm ra lý do để hỗ trợ cho ý tưởng này của bạn.

Bất kỳ ý tưởng nào bạn đem tới cũng đều cố tồn tại mãi mãi; nó sẽ tìm đủ lý do cho chính nó. Và người đã đến với sẵn một định kiến sẽ ra đi với định kiến ấy mạnh hơn nữa. Thực ra, người ấy chưa đến với tôi bao giờ.

Đến với tôi, cần nhất là bạn không bị mây che phủ, không có định kiến nào, dù ủng hộ hay chống đối, không thiên kiến. Bạn chỉ tới để quan sát, đừng mang theo bất kỳ ý kiến nào. Bạn đã nghe kể nhiều điều, nhưng đừng tin gì hết. Hãy đến nhìn bằng chính mắt mình, hãy lắng nghe bằng chính con tim mình. Đó là phẩm chất của người có tâm đạo.

Và, nếu muốn biết về chân lý, bạn sẽ phải loại bỏ mọi tri thức mà bạn đã thu thập qua nhiều thời đại, trong rất nhiều kiếp sống. Bất kỳ người nào tìm tới chân lý với tri thức, người ấy không thể nào thấy được, người ấy mù loà. Tri thức làm bạn mù. Nếu bạn muốn có đôi mắt sáng tỏ, hãy loại bỏ tri thức. Tri giác chẳng liên quan gì với tri thức cả.

Chân lý và tri thức không đi đôi với nhau. Tri thức không thể chữa nỗi sự mênh mông của cuộc sống và hiện

sinh. Tri thức quá nhỏ bé, quá nhỏ nhoi, còn hiện sinh thì rất bao la, rất vĩ đại - làm sao nó có thể chứa nổi hiện sinh được? Nó không thể chứa được. Và nếu ép hiện sinh theo khuôn mẫu của tri thức mình, bạn sẽ phá hủy cái đẹp của nó, và bạn sẽ phá hủy chân lý của nó. Một khi hiện sinh bị biến thành tri thức, nó không còn là hiện sinh nữa.<sup>241</sup> Tựa như một người đang mang tấm bản đồ Ấn Độ và nghĩ rằng mình đang mang Ấn Độ. Không bản đồ nào có thể chứa nổi Ấn Độ.

Bức tranh của mặt trăng không phải mặt trăng. Từ “Thượng Đế” không phải là Thượng Đế; từ “tình yêu” cũng không phải tình yêu. Không từ nào có thể hàm chứa nổi những cái bí ẩn của đời sống. Và tri thức chẳng qua là lời, lời và lời. Tri thức là một ảo tưởng lớn. Đó là lời khuyên của Phật: hãy để chân không lắng sâu trong bạn.

Chân không là trạng thái không biết, một trạng thái không có mây trôi trên tâm thức của bạn. Khi tâm thức không bị mây che, bạn là chân không. Chân không đi với chân lý một cách hoàn hảo - chỉ chân không mới có thể hợp làm một với chân lý. Tri thức không thể chứa nổi những bí ẩn của hiện hữu; tri thức phá vỡ bí ẩn. ‘Bí ẩn’ có nghĩa là cái không biết được, cái không thể biết được; cái mà ngay từ bản chất, ngay từ nền tảng, ngay trong nội tại, ngay từ yếu tính, không thể biết được - không phải chưa biết, mà không thể nào biết nổi.<sup>242</sup> Làm sao cái không thể biết được lại có thể được thu gọn thành tri thức? Tri thức đi tìm sỏi đá trên bờ biển mà không nhận ra kim cương. Tri thức là cái tầm thường, vay mượn, chưa bao giờ là chân thực, không bao giờ nguyên bản. Muốn biết chân lý,

---

<sup>241</sup> Toán học thường được nói là khoa học chính xác. Albert Einstein nói, “Nếu toán học diễn tả được hiện sinh thì nó không chính xác, mà nếu chính xác thì nó không phải hiện sinh.”

<sup>242</sup> Biết có ba loại: đã biết, chưa biết và không thể biết được. Đã biết là cái hôm qua chưa biết, nhưng hôm nay đã biết. Chưa biết là cái hôm nay chưa biết, nhưng ngày mai có thể biết. Nhưng có những cái muốn đời không bao giờ biết được - gọi là bí ẩn.

bạn cần một trực giác, cái sáng suốt uyên nguyên; bạn cần đôi mắt có thể thấu suốt tất cả; bạn cần cái nhìn trong suốt.

Cho nên chỉ khi tâm trí đã lột bỏ hết trí thức, không còn tri thức nữa, nó mới biết được. Khi không có tri thức, lại có tri thức, bởi vì khi không có tri thức, bạn mới nhìn thấu triệt được. Khi tâm trí trần trụi, hoàn toàn không tri thức, không che đậy, im lặng, không vận hành... khi tâm trí chờ đợi, chờ đợi nhưng không có ý tưởng là cái gì sẽ tới, chỉ là một sự chờ đợi thuần khiết, trông đợi nhưng không biết về cái gì, chờ đợi khách tới nhưng không có ý tưởng nào, chờ tiếng gõ với cửa rộng mở mà không có ý tưởng vị khách này là ai. Sao bạn có thể biết trước được?

Nếu mang một lý thuyết về Thượng Đế, bạn sẽ không nhận ra Ngài - bởi vì bạn chưa từng biết Ngài bao giờ. Quả vậy, có người đã biết, nhưng những điều họ nói đều chỉ là bản đồ.<sup>243</sup> Cái mà tôi có thể trao cho bạn chỉ là bản đồ. Mọi tri thức đều là bản đồ. Đừng tôn thờ bản đồ, đừng xây đền đài quanh bản đồ.<sup>244</sup> Đây chính là cách mà đền đài đã được tạo ra. Đền này được dành cho Veda, đền kia cho Kinh thánh, đền nọ cho Koran<sup>245</sup> - toàn những bản đồ! Đây không phải là những lãnh thổ thực sự, chúng chỉ là các họa đồ. Khi nói điều gì với bạn, tôi phải dùng lời. Bạn nghe được lời, bạn nhảy xổ vào lời, bạn tích trữ lời - tâm trí chỉ biết tích trữ - rồi bạn nghĩ rằng bạn biết.

Đây không phải là cách để biết. Cách để biết là vứt bỏ hẳn tri thức. Và dứt điểm nó bằng một cú đấm! Đừng chậm chạp, đừng dần dần. Nếu bạn hiểu được, nó có thể xảy ra ngay trong khoảnh khắc này. Thực ra, thấy được

---

<sup>243</sup> Trang từ nói, “Thánh nhân khi chết mang cái họ biết theo xuống tuyền đài. Sách của thanh hiền như vậy chỉ là căn bã của người xưa.” Xin xem ‘Cổ Nhân Tao Phách’

<sup>244</sup> Kinh Kim Cang dạy, “Pháp của ta như chiếc bè để qua sông. Qua sông rồi thay hãy bỏ lại chiếc bè.” Trang Từ nói, ‘Được cá quên nom; được thỏ quên dò. Lời dùng để chờ ý. Được ý quên lời.’

<sup>245</sup> Koran là thánh thư của Hồi giáo.

vấn đề là để nó tự xảy ra. Bạn chẳng phải làm gì đặc biệt cả, bạn cũng không cần phải loại bỏ tri thức. Chỉ nhìn thấy vấn đề rằng tri thức không thể giúp cho bạn biết - thực ra, nó sẽ cản trở bạn - hiểu được điều này là cuộc cách mạng... hiểu được điều này là sự chuyển hóa.

Cho nên khi tâm trí trần trụi, im lặng, không vận hành, trong thao thức chờ đợi thì chân lý tới. Chân lý đã ở đó. Nó không cần đến từ đâu cả, nó bao giờ cũng ở đó. Nhưng bạn đã quá nặng trĩu với tri thức, do đó bạn không nhận ra nó.

Chân không có thể nhận ra chân lý, bởi vì trong chân không tri thức vận hành toàn vẹn. *Chỉ* trong chân không tri thức mới vận hành toàn bộ. Đó là lý do tại sao trẻ con rất thông minh, còn người già thì dần dần trở nên đờ đẫn. Trẻ con học rất nhanh! Bạn càng già hơn càng khó học hơn. Nếu đã già mà bạn muốn học tiếng Tàu, bạn sẽ mất ba mươi năm; một đứa trẻ chỉ học trong hai hay ba năm.

Các nhà khoa học nói rằng một đứa trẻ có thể học ít nhất bốn thứ tiếng rất dễ dàng, nếu nó được tiếp xúc với bốn ngôn ngữ - rất dễ dàng! Đây là tối thiểu. Tôi đa thì chưa quyết định được: một đứa trẻ có thể học được bao nhiêu ngôn ngữ cùng một lúc nếu nó được tiếp xúc với các ngôn ngữ đó. Điều này đã xảy ra! Trong một gia đình đa ngữ điều này xảy ra rất dễ dàng. Trong thành phố đa ngữ điều đó xảy ra rất dễ dàng. Tại Bombay điều đó xảy ra rất dễ dàng: trẻ con sẽ học tiếng Hindu, tiếng Anh, tiếng Marathi, Gujarati, rất dễ dàng. Trẻ con chỉ cần được tiếp xúc. Nó thông minh tới mức nó hiểu lập tức và học được ngay. Bạn càng già thêm, càng khó khăn hơn.

Người ta thường nói rất khó dạy con chó trò chơi mới. Không hẳn là như vậy! Nếu bạn vẫn còn trống không thì không nhất thiết phải như vậy - bởi vì như thế thì bạn vẫn còn là một đứa trẻ trong cả cuộc sống của mình.<sup>246</sup>

---

<sup>246</sup> Tuân tử nói, “Không nghĩa là cái đã có không cản trở cái mới đến.”

Socrates là một đứa trẻ ngay đến lúc chết, bởi vì ông ấy vẫn còn hăng say, cởi mở, sẵn sàng học hỏi; sẵn sàng học ngay cả từ cái chết! Khi nằm chờ chết và thuốc độc đang được chuẩn bị - vào lúc sáu giờ ông sẽ phải uống thuốc độc,<sup>247</sup> ngay khi mặt trời lên - ông rất kích động, giống như một đứa trẻ. Môn đệ của ông than khóc; ông thì lại kích động. Ông cứ hỏi đi hỏi lại người pha thuốc độc: “Phải mất bao lâu mới xong?” - con mắt tò mò của ông sáng rực. Mà ông thì sắp chết! - đây không phải là lúc để tò mò thế. Chỉ trong vài phút nữa ông sẽ trút hơi thở cuối cùng, thế mà ông ấy vẫn còn kích động, vẫn còn ngây ngất. Một môn đệ hỏi, “Thầy kích động vì cái gì vậy? Thầy sắp chết rồi mà!” Socrates trả lời, “Ta đã biết lẽ sống, và ta đã học nhiều từ cuộc sống. Bây giờ ta muốn biết cái chết và học từ cái chết. Đó là lý do tại sao ta bị kích động.”

Ngay cả cái chết cũng trở thành một kinh nghiệm lớn cho người hồn nhiên. Socrates hồn nhiên. Tây phương chưa tạo ra được một người khác có tầm vóc như Socrates. Socrates là Phật của phương Tây.

Lúc nào bạn cũng có thể học được nếu bạn vẫn còn là một đứa trẻ. Điều gì đã làm bạn trì trệ, đần độn, tầm thường? Tri thức. Bạn tích lũy tri thức; trí năng của bạn ngày càng cùn lụt đi.

Hãy từ bỏ tri thức! Tôi dạy từ bỏ tri thức. Tôi không dạy bạn từ bỏ thế giới; đó là điều đần độn, ngu xuẩn, vô nghĩa! Tôi dạy từ bỏ tri thức.

Và một điều kì lạ xảy ra. Tôi đã gặp những người từ bỏ thế giới. Trên Hi Mã Lạp Sơn tôi đã gặp một tu sĩ Hindu - rất già, ít nhất là chín mươi tuổi hay hơn nữa. Ông ấy thiên trong suốt bảy mươi năm; trong bảy mươi năm ông ấy đã sống bên ngoài xã hội. Ông ấy đã xa lánh xã hội, ông ấy đã tránh đời trong bảy mươi năm. Khi mới hai mươi tuổi ông ấy bỏ lên Hi Mã, và từ đó ông ấy

---

<sup>247</sup> Socrates bị kết án tử hình bằng thuốc độc vì tội đầu độc giới trẻ.

không trở lại nữa. Mặc dù chưa bao giờ trở lại với đám đông, ông ấy vẫn là một người Hindu. Ông ấy vẫn nghĩ mình là một người Hindu.

Tôi bảo ông ấy, “Ông từ bỏ xã hội, nhưng ông lại không từ bỏ tri thức của ông, mà tri thức do xã hội mà có. Ông vẫn là một người Hindu. Ông vẫn thuộc đám đông - bởi vì nhận mình là người Hindu nghĩa là thuộc đám đông. Ông vẫn chưa là một cá nhân; ông vẫn chưa thành cái không.”

Ông chợt hiểu ra và khóc. Ông ấy nói, “Chẳng ai nói điều này cho tôi cả.”

Bạn có thể xa lánh xã hội, bạn có thể từ bỏ của cải, bạn có thể từ bỏ vợ, con, chồng, gia đình, cha mẹ - điều ấy rất dễ dàng, chẳng có gì đáng kể cả. Từ bỏ tri thức mới quan trọng. Những điều này nằm ngoài bạn; bạn có thể thoát ly chúng - nhưng cái nằm bên trong, cái theo bạn như hình với bóng thì bạn sẽ trốn đi đâu và trốn bằng cách nào? Bạn đi đâu nó cũng theo. Dù có trốn trong hang trên Hi Mã bạn vẫn còn là một Hindu, một người Hồi, hay một người Ki Tô. Thế thì bạn sẽ không thể nào thấy được vẻ đẹp và chân lý của Hi Mã. Bạn sẽ không thể thấy được cái trình trắng của Hi Mã. Người Hindu không thể thấy được nó, người Hindu là mù quáng.

Là người Hindu có nghĩa là mù quáng; là người Hồi có nghĩa là mù quáng. Bạn có thể dùng các phương tiện khác nhau để trở thành mù quáng, điều đó cũng chẳng thành vấn đề. Có người mù vì kinh Koran, người khác mù vì Gita, và lại có người mù vì Kinh thánh - nhưng mắt họ thì đầy tri thức.

Phật nói: Chân không giúp trí huệ vận hành.

Từ Bụt (Phật)<sup>248</sup> bắt nguồn từ *buddhi* - có nghĩa là trí huệ. Khi bạn không là gì cả, khi không có gì giam hãm

---

<sup>248</sup> Người Việt xưa kia gọi Phật là Bụt, do phiên âm của từ *buddhi*. Nay ta dùng từ Phật là nói theo người Tàu.

bạn, khi không có gì xác định bạn, khi không có gì bao bọc bạn, khi bạn chỉ là một sự rộng mở thì có trí huệ. Tại sao? - vì khi bạn không gì cả, nỗi sợ tan biến, và khi nỗi sợ biến mất, bạn hành động rất thông minh. Nếu sợ, bạn không thể hành động một cách sáng tạo được. Sợ làm bạn què quặt, làm bạn tê liệt.

Bạn làm mọi thứ bởi vì sợ; đó là lý do tại sao bạn không thể thành Phật được, mà vốn là quyền bẩm sinh của bạn! Bạn đức hạnh vì sợ; bạn đi lễ, đi chùa vì sợ; bạn tuân theo một lễ nghi nào đó bởi vì sợ, bạn cầu nguyện vì sợ. Và một người sống trong sợ hãi thì không thể thông minh được. Sợ là chất độc giết chết trí huệ. Làm sao có thể sáng tạo được nếu bạn sợ? Nỗi sợ lôi kéo bạn đủ mọi cách. Nó không cho phép bạn dừng cảm được; nó sẽ không cho phép bạn bước vào nơi xa lạ; nó sẽ không cho phép bạn phiêu lưu; nó sẽ không cho phép bạn tách rời đám đông. Nó sẽ không cho phép bạn độc lập, tự do; nó chỉ muốn bạn là nô lệ.

Và sự nô lệ của chúng ta có biết bao nhiêu kiểu. Sự nô lệ của chúng ta có nhiều mặt: chính trị, tâm linh, tôn giáo; trong mọi phương diện chúng ta đều là nô lệ,<sup>249</sup> và sợ là cội rễ của nó.

Bạn không biết liệu Thượng Đế có thật hay không mà bạn vẫn cầu nguyện ư? Điều này thật chẳng thông minh, thật là ngu ngốc. Bạn cầu nguyện với ai? Bạn không biết Thượng Đế có thật hay không. Bạn không có niềm tin nào thì làm sao bạn có thể tin được? - bạn chưa biết mà. Cho nên vì sợ mà bạn phải bám lấy ý tưởng về Thượng Đế. Bạn có để ý điều này không? - khi nào sợ hãi, bạn cầu nguyện nhiều hơn. Khi có người chết, bạn cầu nguyện.

Tôi biết một người theo J. Krishnamurti; ông ấy là một học giả rất nổi tiếng, cả nước ai cũng biết. Trong ít

---

<sup>249</sup> Jean-Jacques Rousseau mở đầu *Social Contracts* với câu, “Con người sinh ra trong tự do, nhưng đâu đâu cũng chỉ thấy xích xiềng.”

nhất bốn mươi năm theo Krishnamurti, nên ông ấy không tin Thượng Đế, không tin thiên, không tin cầu nguyện.

Thế rồi một hôm ông ấy ngã bệnh, bị đau tim. Ngẫu nhiên tôi cũng ở thành phố đó. Con trai ông ấy điện thoại cho tôi và nói, “Cha con đang trong tình trạng nguy ngập. Nếu thầy có thể đến thì sẽ an ủi cho cha con nhiều lắm. Rất có thể cha con không qua khỏi lần này.”

Thế là tôi tới ngay. Khi tôi vào phòng, ông ấy đang nằm trên giường, mắt nhắm nghiền và niệm, “Rama, Rama, Rama.”<sup>250</sup>

Tôi không thể nào tin điều đó được! Suốt bốn mươi năm ông ấy đã liên tục nói, “Không có Thượng Đế, và tôi không tin...” Và điều gì đã xảy ra cho ông già này? Tôi lay ông ấy dậy và hỏi, “Ông đang làm gì vậy?”

Ông ấy nói, “Đừng quấy rầy tôi. Hãy để tôi làm theo ý tôi muốn.”

Nhưng tôi nói, “Thế này thì đi ngược lại Krishnamurti rồi.”

Ông ấy nói, “Hãy quên Krishnamurti đi! Tôi sắp chết mà ông lại nói về Krishnamurti sao?”

“Nhưng bốn mươi năm qua thì sao, vát đi à? Và ông chưa bao giờ tin rằng niệm Phật là ích lợi, hay cầu nguyện là ích lợi.”

Ông ấy nói, “Vâng, điều đó đúng. Tôi đã chưa bao giờ tin cả, nhưng tôi sắp chết rồi. Tôi sợ lắm. Mà ai biết được – có thể Thượng Đế có thật, và trong vài phút tôi sẽ gặp Ngài. Nếu Ngài không có thật thì huê cả làng; tôi tụng, ‘Rama, Rama’ cũng chẳng mất mát gì. Nếu Ngài có thật thì càng tốt. Ít nhất tôi cũng có thể nói với Ngài, ‘Vào phút cuối con đã nhớ tới Ngài.’”

---

<sup>250</sup> Rama là danh hiệu của Thượng Đế trong Ấn Độ giáo.

Bạn có thấy vậy không? - khi bị xui xẻo, bạn cầu nguyện nhiều hơn. Trong cơn nguy hiểm, bạn cầu nguyện. Trong lúc hạnh phúc và mọi việc trôi chảy, bạn chẳng thèm cầu nguyện. Bạn cầu nguyện cũng chỉ vì sợ mà ra.

Phật nói: trí huệ không thể sanh ra từ nỗi sợ. Và có một lý do rất nên tảng cho nỗi sợ - vì *bạn nghĩ bạn hiện hữu!* Đó là lý do tại sao có nỗi sợ. Nỗi sợ đi theo bản ngã như một cái bóng. Tự nó là một ảo tưởng, nhưng bản ngã phủ một cái bóng lớn lên cuộc sống bạn. Bởi vì bạn nghĩ ‘tôi hiện hữu’, nên mới có nỗi sợ: “Có thể nếu làm điều gì không phải, mình sẽ bị ném vào địa ngục, thế thì mình sẽ đau khổ.” Nếu bạn nghĩ ‘tôi hiện hữu,’ tự nhiên bạn nghĩ tới việc sửa soạn cho kiếp sau, cho thế giới bên kia - làm điều tốt lành, tích lũy thêm một chút đức hạnh (*punja*).

Bạn biết không, tên của thành phố này - Poona<sup>251</sup> - bắt nguồn từ *punya*, đức hạnh.

Kiểm thêm một chút đức hạnh, tích lũy thêm một ít trong hồ sơ, trong trương mục để cho bạn có thể khoe với Thượng Đế: “Con đây, con thực là một người tốt. Con đã làm những điều này: ăn chay trường, chưa bao giờ nhìn một người đàn bà nào với cặp mắt thèm thuồng, chưa bao giờ trộm cắp, đã công đức bao nhiêu tiền của cho đền thờ này và nhà thờ nọ. Bao giờ con cũng hành xử như đã được răn dạy.” Người ta tích lũy đức hạnh phòng khi phải dùng tới ở thế giới bên kia.

Nhưng những việc ấy xuất phát từ cái sợ. Những người tốt, những người xấu của bạn, tất cả đều sống trong sợ hãi. Người thông minh sống không sợ hãi. Nhưng để sống không sợ hãi, bạn phải nhìn thẳng vào sự kiện của bản ngã. Nếu không có bản ngã, nếu ‘tôi không có’ sao nỗi sợ có thể tồn tại được? Thế thì bạn không thể sa địa ngục được bởi vì ngay từ đầu bạn đã không có rồi, và bạn cũng không được phần thưởng trên thiên đường bởi vì

---

<sup>251</sup> Thiên đường của Osho nằm tại Poona, cách Bombay khoảng 200 dặm.

ngay từ đầu bạn đã không có rồi. Bạn không có, chỉ Thượng Đế có, cho nên làm sao bạn có thể là kẻ có tội hay là thánh được? Nếu chỉ Thượng Đế là có, bạn phải sợ gì chứ? Bạn không được sinh ra, bởi vì ngay từ đầu bạn đã không có; và bạn sẽ không chết, bởi vì ngay từ đầu bạn đã không có. Cho nên chẳng có sinh, không có tử. Bạn không tách biệt, bạn là một với hiện sinh này. Nếu là một ngọn sóng, bạn có thể biến mất, nhưng là đại dương, bạn sẽ sống. Và đại dương là thực tại, sóng đến rồi đi.”

Chân không không biết sợ là gì, không tham lam, không tham vọng, không bạo động. Chân không không biết gì là tầm thường, là ngu si, là ngu ngốc. Chân không không biết địa ngục, không biết thiên đường. Và bởi vì không có nỗi sợ, cho nên có trí huệ.

Đây là một trong những tuyên cáo vĩ đại cần phải ghi nhớ: Trí huệ này sinh khi không sợ. Thế thì hành động có một phẩm chất hoàn toàn khác. Đây là thiêng liêng, đây là thần thánh. Tại sao? - bởi vì khi bạn hành động từ chân không thì đây không phải là một phản ứng. Khi hành động từ chân không, bạn không có sẵn một kế hoạch. Khi hành động từ chân không, bạn không tập dượt trước. Khi bạn hành động từ chân không, bạn tự phát; thế thì bạn sống từng phút nọ sang phút kia. Bạn là chân không: khi thách đố xảy ra, bạn vươn lên để đáp ứng lại. Nếu là bản ngã, chẳng bao giờ bạn đáp ứng, bạn luôn luôn phản ứng.

Hãy để tôi giải thích rõ hơn. Khi là bản ngã, bao giờ bạn cũng phản ứng. Chẳng hạn, nếu bạn nghĩ bạn là người rất tốt, nếu bạn nghĩ bạn là một vị thánh, và rồi một cái gì đó xảy ra – người nào đó xúc phạm bạn – vậy thì bạn sẽ đáp ứng lại sự xúc phạm ấy, hay phản ứng lại? Nếu nghĩ bạn là một vị thánh, bạn sẽ nghĩ ba lần trước khi phản ứng, và bạn phải làm gì để chứng tỏ mình là vị thánh nữa; nếu không, người này có thể làm mất tăm tiếng của bạn bằng cách xúc phạm bạn. Bạn không thể tự phát được, bạn phải đắn đo, bạn phải cân nhắc. Và thời gian cứ qua đi. Có thể chỉ là một khoảnh khắc nhỏ, nhưng

thời gian không ngừng trôi. Bạn không thể nào tự phát, bạn không thể bắt kịp thời gian. Và bạn hành động từ quá khứ. Bạn nghĩ, “Thế này thì quá lắm. Nếu mình mà nổi nóng - và giận dữ đang sôi lên - nếu mình giận dữ, tâm tiếng của mình còn gì nữa. Thế thì phải trả giá quá đắt”... cho nên bạn mỉm cười. Để giữ lấy tiếng tăm của mình, bạn mỉm cười.

Nụ cười này là giả tạo; không phải bạn muốn vậy, nó không phát từ trái tim. Bạn cười gượng gạo, như sơn vẽ lên môi. Nó giả tạo. Bạn không mỉm cười, đây chỉ cái mặt nạ của bạn mỉm cười mà thôi. Bạn đang lừa dối. Bạn là một người giả hình! Bạn giả dối! Bạn chỉ đóng kịch! Nhưng bạn đã giữ được tiếng tăm của mình: bạn hành động từ quá khứ, từ hình ảnh nào đó của mình và từ một ý tưởng về con người mình. Đây là phản ứng.

Con người của tự phát thì không phản ứng, mà đáp ứng. Có gì khác biệt chứ? Người ấy để cho tình cảnh tự diễn ra, và người ấy cho phép sự đáp ứng xảy ra, bất chấp mọi hậu quả.

Người sống trong quá khứ có thể đoán trước được, còn người sống từ phút nọ sang phút kia thì không dự đoán được. Và người có thể dự đoán được có khác chi đồ vật. Không thể dự đoán được mới là tự do - đó là nhân phẩm của con người. Cái ngày mà bạn không thể dự đoán được... chẳng ai đoán được, kể cả bạn; nhắc lại, kể cả bạn... Nếu đã biết bạn sẽ làm cái gì thì không còn là đáp ứng nữa. Bạn đã sẵn sàng, đây là sự tập dượt.

Chẳng hạn, bạn sắp đi phỏng vấn. Bạn tập dượt: bạn nghĩ cái gì sẽ được hỏi và bạn sẽ trả lời ra sao. Điều ấy xảy ra hàng ngày, rõ ràng quá rồi. Tối nào tôi cũng thấy mọi người - cả hai loại người: khi có người tới đây mà đã sẵn sàng, đã nghĩ sẵn về điều sẽ nói với tôi, đã chuẩn bị sẵn sàng; câu hỏi đã viết, anh ta chỉ việc đọc lại, anh ta đã quyết định tất cả những gì sẽ hỏi. Và tôi có thể thấy cái lúng túng của người ấy, bởi vì khi đến trước mặt tôi, khi ngồi gần tôi, tình cảnh thay đổi hẳn. Và sự thay đổi bất

đầu xảy ra. Bầu không khí, sự hiện diện, tình yêu của người ấy với tôi, tình yêu của tôi với người ấy, sự hiện diện của người khác, sự tin tưởng có thể cảm thấy được, tình yêu đang lan tràn, một trạng thái siêu thoát - và điều đó khác hẳn với cái anh ta đã nghĩ từ trước. Bây giờ bất kỳ những gì anh ta đã chuẩn bị từ trước chẳng dùng được nữa, trật khớp hết trơn. Anh ta trở nên bồn chồn, bất an - “Phải làm gì đây?” Và anh ta chẳng biết cách nào để hành động một cách tự phát, làm sao hành động trong tình cảnh này.

Anh ta đến trước mặt tôi, nhưng tôi thấy cái giả tạo của nó. Câu hỏi của anh ta không xuất phát từ trái tim. Nó chỉ thoát ra từ cổ họng, thiếu hẳn chiều sâu. Tiếng nói của anh ta không có chiều sâu. Ngay chính anh ta cũng không chắc chắn có muốn hỏi thêm nữa hay không, nhưng anh ta đã chuẩn bị sẵn, có thể nhiều ngày. Cho nên tâm trí thúc dục, “Hỏi đi. Mình đã chuẩn bị sẵn rồi mà.” Và anh ta thấy nó chẳng thích hợp nữa. Có thể nó đã được trả lời rồi. Có thể khi trả lời người khác tôi đã trả lời nó rồi. Cũng có thể là tâm trí anh ta đã thay đổi, và câu hỏi không còn ý nghĩa nữa. Nhưng anh ta hành động từ quá khứ: đó là phản ứng. Anh ta có vẻ vụng về. Anh ta cảm thấy bối rối nếu không có gì để hỏi. Và anh ta cũng không thể khóc lên được bởi vì anh ta giả dối, và chỉ hai từ, “Chào thầy,” cũng không nói được; mà anh ta cũng không thể nói, “Con muốn chỉ ngồi đây một phút thôi, và con chẳng có gì để nói cả.” Anh ta không thể nào hành động tức thì như vậy. Anh ta không thể ở đây và bây giờ;<sup>252</sup> anh ta cảm thấy bẽn lễn. Anh ta phải hỏi, nếu không mọi người sẽ nghĩ gì? - “Thế thì tại sao, ngay từ lúc đầu, anh đã yêu cầu được tham vấn nếu chẳng có gì để hỏi cả?” Cho nên anh ta phải hỏi. Tâm trí của anh ta không còn ở

---

<sup>252</sup> Herenow- ở đây và ngay bây giờ. Đặc tính của tâm trí là lúc nào nó cũng nghĩ về một không gian nào khác – không phải ở đây, và một thời gian nào khác hoặc trong tương lai, hoặc quá khứ - không phải bây giờ.

đó nữa. Đây là câu hỏi cũ rích, chẳng có ý nghĩa gì nữa - nhưng anh ta cứ hỏi.

Và đôi khi - có thể bạn cũng đã thấy - đối với vài người tôi trả lời và dành khá nhiều thời gian, còn đối với một vài người tôi trả lời rất ngắn ngủi. Mỗi khi tôi thấy người nào là giả tạo, câu hỏi của người ấy là giả tạo, câu hỏi đã được chuẩn bị sẵn, thế thì trả lời người ấy cũng chẳng ơn ích gì. Chỉ vì tôn trọng người ấy mà tôi nói một chút, nhưng tôi không còn quan tâm nữa. Và con người giả tạo ấy cũng chẳng quan tâm tới điều tôi đang nói - bởi vì người ấy cũng chẳng quan tâm tới câu hỏi của mình, vậy thì sao người ấy có thể quan tâm tới câu trả lời được?

Nhưng lại có những người khác... dần dần sự giả tạo đó biến mất và càng ngày sự tu đạo của họ càng thành thực hơn, chân thực hơn. Đến lúc đó họ chỉ ngồi mà cười vui vẻ. Đó là điều xảy ra trong khoảnh khắc đó. Người ấy không cảm thấy bề mặt, không cảm thấy mình đi lộn chỗ. Không phải vậy. Câu hỏi viết sẵn mới là không đúng chỗ.

Đối diện với chân không, bạn cũng phải trống không. Chỉ thế mới có thể có sự gặp gỡ, bởi vì chỉ những gì tương tự mới có thể gặp nhau. Thế thì có niềm vui lớn, thế thì có nhiều vẻ đẹp. Thế thì mới có đối thoại. Có thể không một lời nào thốt ra, nhưng có đối thoại. Đôi khi có người tới và chỉ ngồi và lắng lắng thân thể, nhắm mắt lại, đi vào bên trong - đó là cách đến với tôi; người ấy đi vào nội tâm và hội nhập với tôi và cho phép tôi hội nhập với người ấy, hoặc nắm lấy chân tôi,<sup>253</sup> hay chỉ nhìn vào mắt tôi. Hay đôi khi một câu hỏi quan trọng cũng có thể nảy sinh trong khoảnh khắc đó - thế thì nó là chân thực, thế thì nó có sức mạnh mênh mông, thế thì nó xuất phát từ chính cốt lõi sâu xa nhất của bạn. Nó có liên quan.

Khi bạn hành động từ chân không thì bạn đáp ứng; nó không còn là một phản ứng nữa. Nó có chân lý, nó rất là

---

<sup>253</sup> Trong truyền thống Ấn Độ, đệ tử chào thầy bằng cách phục xuống dưới chân thầy, trán chạm vào chân thầy.

thích đáng, rất chân thực. Nó rất hiện thực, tức khắc, tự phát, đơn giản, hồn nhiên. Và hành động này không tạo ra *nghiệp báo* nào.

Đừng quên rằng *nghiệp có nghĩa là hành động*, một hành động nào đó. Không phải hành động nào cũng tạo ra nghiệp. Hãy nhớ. Phật đã sống sau sự chứng ngộ của mình trong bốn mươi hai năm. Không phải lúc nào Ngài cũng ngồi dưới cây bồ đề mà không làm gì cả. Ngài đã làm cả ngàn lẻ một việc, nhưng nghiệp không được tạo ra. Ngài *hành động!* - nhưng đây không còn là phản ứng nữa, mà là đáp ứng.

Nếu bạn đáp ứng từ chân không, chẳng có hành động dư thừa; bạn không để lại dấu vết nào. Nghiệp không được tạo ra. Bạn vẫn còn tự do. Bạn hành động mà bạn vẫn còn tự do. Tựa như là một con chim bay ngang trời không để lại dấu vết nào, không để lại dấu chân nào. Người sống trong bầu trời của chân không cũng không để lại dấu chân nào, không để lại nghiệp nào, không để lại dư thừa. Hành động của người đó toàn vẹn. Và một hành động trọn vẹn thì kết thúc, trọn vẹn. Và một hành động trọn vẹn thì không đeo quanh bạn như một đám mây; chỉ những hành động không trọn vẹn mới lớn vờn quanh bạn.

Có người xúc phạm bạn - bạn muốn đánh người đó nhưng bạn không làm. Bạn cứu cái thánh thiện của mình, bạn mỉm cười và ban phúc cho người đó rồi về nhà. Bây giờ vấn đề thành khó khăn: cả đêm bạn sẽ mơ rằng bạn đang đánh người đó. Thậm chí bạn có thể giết người đó trong giấc mơ. Trong nhiều năm điều đó sẽ lớn vờn quanh bạn vì nó không trọn vẹn. Bất kỳ cái gì không trọn vẹn cũng đều nguy hiểm cả. Khi bạn giả tạo, mọi thứ đều trở thành không trọn vẹn. Bạn yêu một bà nhưng không yêu đủ để làm cho nó thành trọn vẹn. Ngay cả trong khi ân ái bạn cũng không hết mình; có thể bạn vẫn đang tập dượt. Có thể bạn đã đọc sách vở khiêu dâm. Có thể bạn đã đọc Kama Sutra của Vatsyayana, hay của Masters và

Johnson<sup>254</sup> hay Báo Cáo của Kinsey,<sup>255</sup> và bạn đã học nhiều kiểu cách. Và bạn đã sẵn sàng! Biết đủ kiểu! Bây giờ bạn dùng người đàn bà này chỉ để thực tập điều đã biết của bạn. Cho nên bạn đang thực hành cái biết của mình, nhưng nó sẽ không trọn vẹn vì bạn không làm hết mình. Và vậy thì bạn cũng không thỏa mãn. Thế thì bạn cảm thấy thất vọng - và nguyên nhân là do trí thức bạn.

Tình yêu không phải là cái để thực tập. Đời sống không cần thực tập; cuộc sống phải được sống, trong sự hồn nhiên tốt mức. Cuộc sống không phải là một bi kịch - bạn không cần phải chuẩn bị, không cần phải tập dượt. Hãy để nó tới một cách tự nhiên, và hãy tự phát.

Nhưng làm sao bạn có thể tự phát nếu có bản ngã dính vào? Bản ngã rất giỏi đóng kịch. Bản ngã là một chính khách lớn; nó luôn luôn thao túng bạn. Bản ngã nói, “Nếu mình thực sự muốn hành động một cách lịch lãm, bắt buộc phải chuẩn bị. Nếu mình muốn hành động một cách trí thức, phải tập dượt trước.” Bản ngã giỏi đóng kịch, và vì sự kịch cỡm này mà bạn bị mất niềm vui sướng, sự hoan lạc, và ân huệ của cuộc sống.

Phật nói: Khi hành động phát xuất từ chân không, nó không tạo ra nghiệp. Thế thì nó toàn vẹn đến đổi chính vì sự toàn vẹn của nó... mà vòng tròn ấy trọn vẹn và kết thúc. Bạn chẳng bao giờ nhìn lại. Tại sao bạn cứ nhìn lại như thế? - bởi vì sự việc chưa được kết thúc. Khi nào cái gì đó toàn vẹn, bạn không nhìn lại nữa. Nó đã kết thúc! Toàn bộ vấn đề đã hoàn tất, không còn gì nữa để phải làm. Hãy hành động từ chân không và hành động của bạn là toàn vẹn, và hành động trọn vẹn không để lại ký ức nào - tôi muốn nói không có ký ức tâm lý nào.

---

<sup>254</sup> Masters và Johnson là hai nhà tâm lý nổi danh về tình dục học.

<sup>255</sup> Báo cáo của Kinsey - Kinsey's report - xuất bản năm 1955, là một nghiên cứu rộng lớn đầu tiên về tình dục. Kinsey phỏng vấn học sinh rồi đúc kết lại mà thành.

Ký ức ghi lại trong óc não, nhưng không có ràng buộc về tâm lý. Và một người không có ràng buộc nào thì, theo định nghĩa của tôi, là một người tu đạo.

Khi hành động là hoàn toàn trọn vẹn, bạn không bị nó ám ảnh. Khi hành động là toàn vẹn, bạn thoát khỏi sự kềm tỏa của nó - giống như con rắn thoát xác và để lại lớp da cũ sau lưng. Chỉ những hành động không trọn vẹn mới trở thành nghiệp. Hãy nhớ điều đó.

Nhưng muốn có một hành động trọn vẹn, nó phải xuất phát từ chân không.

Có ba loại nhận biết: nhận biết về cái ta, nhận biết về thế giới, và nhận biết về sự mộng tưởng giữa cái ta và thế giới. Fritz Perls<sup>256</sup> gọi loại trung gian này là DMZ<sup>257</sup> - vùng phi quân sự - và mục đích của nó là không cho chúng ta tiếp xúc thẳng với chính mình và với thế giới. DMZ chứa các định kiến của ta, các thiên kiến mà chúng ta dùng để đánh giá thế giới, người khác và chính chúng ta. Nếu chúng ta nhìn thế giới qua thành kiến của mình, chúng ta không thể nào thấy chân lý. Chúng ta không thể thấy thực tướng của sự việc. Chúng ta tạo ra một ảo tưởng - đó là điều người Hindu gọi là *maya* (ảo tưởng).

Nếu chúng ta nhìn ra ngoài để phán xét, với thiên kiến sẵn có, chúng ta tạo ra thế giới của riêng mình, đó là *maya*, ảo tưởng, một sự phóng họa. Nếu chúng ta nhìn vào chính mình qua những phán xét này cùng với tri thức và ý kiến, chúng ta tạo ra một ảo tưởng khác - bản ngã. Thế thì chúng ta không thể thấy được thực tại bên trong của chúng ta. Chúng ta đã không nhận ra cái bên ngoài kia, còn bên trong thì ta cũng mù tịt luôn. Khi không nhận ra cái bên ngoài, chúng ta tạo ra ảo tưởng, ảo vọng; khi bên trong không nhận ra, chúng ta tạo ra bản ngã, *ahankar*. Và cả hai điều này đều xảy ra qua DMZ - vùng phi quân sự .

---

<sup>256</sup> Fritz Perls là người sáng lập khoa tâm lý Gestalt Therapy.

<sup>257</sup> DMZ = De-Militarized Zone, vùng phi quân sự.

Gurdjieff<sup>258</sup> gọi vùng này là ‘vùng trái độn’. DMZ là một cái tên đầy ý nghĩa. DMZ càng lớn, tâm bệnh người này càng nặng, càng bị mát. DMZ càng nhỏ, người này càng lành mạnh, càng quân bình về tâm lý. Và khi DMZ hoàn toàn biến mất và không còn ý nghĩ nào chen vào giữa bạn và thế giới - không một ý nghĩ - thì đó là cái mà Phật gọi là chân không. Thế thì người này hoàn toàn lành mạnh, linh thiêng, trọn bộ.

Trước khi chúng ta bàn về câu kinh này, đôi điều về bản ngã cần phải nói thêm. Áo tưởng của cái ta cần phải được hiểu rõ.

Trước hết: *bản ngã không phải là một thực tại*, nó chỉ là một ý tưởng. Nó không có khi bạn sinh ra, bạn không mang nó theo với mình. Nó không phải là một phần của con người bạn. Khi một đứa trẻ được sinh ra, nó không mang theo bản ngã vào trong thế giới. Bản ngã là một cái gì đó mà người đó học được, nó không được di truyền.

Gordon Alport gọi cái ngã là *proprium*, và nó được đặt ra bằng cách cắt từ *propriate* của từ appropriate (thích hợp). ‘Proprium’ nghĩa là cái gì đó của ai, hay là cái gì độc đáo của người ấy. Cái ta được tạo ra vì chân không nào cũng đặc thù; mỗi chân không có cách riêng của nó để thăng hoa. Bởi sự độc đáo này mới đưa đến sự tạo ra bản ngã.

Tôi yêu theo cách của tôi; bạn yêu theo cách của bạn. Tôi hành xử theo cách của tôi; bạn hành xử theo cách của bạn. Có một sự khác biệt giữa mọi người, nhưng chỉ là khác biệt. Hoa hồng nở hoa theo cách này, còn vạn thọ trở theo cách khác, nhưng cả hai đều nở hoa. Sự nở hoa chỉ là một, chân không là một. Những mỗi chân không lại vạn hành một cách khác nhau. Vì vậy mới đưa đến sự tạo ra bản ngã.

---

<sup>258</sup> Gurdjieff là một đạo sư nổi tiếng người Nga. Sau khi Nga bị nhuộm đỏ, Ngài qua tạm trú tại Fountainbleau, Pháp.

*Có bầy cánh cửa mà từ đó bản ngã đi vào, bầy cánh cửa mà từ đó chúng mở cho bản ngã. Những cánh cửa đó cần phải được hiểu, bởi vì nếu hiểu chúng, bạn sẽ có thể loại trừ bản ngã. Bởi vì những cánh cửa này, khi được hiểu rõ ràng, có thể được khép lại. Thế thì bản ngã không còn được tạo ra nữa. Nếu nhìn thấy rõ, hiểu thật rõ - rằng bản ngã chỉ là một cái bóng - nó sẽ tự biến mất.*

Cánh cửa thứ nhất Alport gọi là ‘cái ta thân xác’ (the bodily self). Chúng ta không được sinh ra với một cảm giác về cái ta. Đứa trẻ trong bụng mẹ không có cảm giác về cái ta. Nó là một với mẹ; nó chỉ là một, được nối liền, được kết hợp với người mẹ. Người mẹ là toàn thể hiện sinh của nó, vũ trụ của nó. Nó không biết rằng nó là tách biệt. Sự tách biệt xảy ra khi nó ra khỏi bụng mẹ, khi chiếc cầu nối với người mẹ bị cắt đứt, và nó phải tự hít thở một mình. Thực ra, hô hấp không phải là điều đứa trẻ phải làm. Làm sao nó làm được? Nó chưa thể thở được, cho nên nó chưa đến giai đoạn đó. Thở tự xảy ra. Không phải là điều nó sẽ làm. Việc đó tự xảy ra. Nó đi ra từ chân không: nó bắt đầu thở. Giây phút đó rất có giá trị, quan trọng, nguy hiểm. Cha mẹ, bác sĩ, y tá, những người đỡ đẻ tất cả đều náo nức chờ đợi; liệu đứa trẻ có thở hay không.

Đứa trẻ không thể bị bắt buộc, không thể bị thuyết phục, và chính nó cũng không thể làm gì hơn. Nếu việc sẽ xảy ra, nó sẽ xảy ra. Nó có thể không xảy ra, mà cũng có thể xảy ra. Đôi khi có đứa chẳng bao giờ thở, thế thì chúng ta nghĩ chúng chết trước khi sinh ra.

Việc đứa trẻ thở hơi thở đầu tiên quả là một phép màu: nó chưa bao giờ làm điều đó bao giờ, nó không thể nào được chuẩn bị được. Nó không biết có bộ phận hô hấp. Phổi của nó trước đây chưa hoạt động, nhưng hơi thở tới và phép màu xảy ra. Nhưng việc thở tới từ chân không, hãy nhớ như vậy. Về sau bạn sẽ nói, ‘Tôi đang thở.’ Thật là vô lý. Bạn không thở: việc thở xảy ra. Đừng tạo ra ý tưởng về cái ‘tôi’, chớ nói, ‘tôi đang thở.’ Không

ai thở cả! Điều đó không phải uy quyền của bạn để làm hay không làm.

Hãy thử coi: ngừng thở vài giây, bạn sẽ biết rằng ngừng thở cũng gai góc lắm. Trong vài giây một sự xô đẩy không biết từ đâu đến, và bạn bắt đầu thở lại. Hay bịt mũi lại; thử vài giây xem, và bỗng nhiên bạn thấy một sự xô đẩy lớn. Nó nằm ngoài khả năng của bạn. Hơi thở muốn đi vào.

Chính là ‘chân không’ đang thở trong bạn... hay bạn có thể gọi nó là Thượng Đế - chẳng có gì khác, chỉ là một. Chân không hay Thượng Đế, đều cùng một nghĩa. ‘Chân không’ trong Phật giáo có nghĩa y hệt như Thiên Chúa của Ki Tô Giáo, Do Thái giáo, Ấn Độ giáo. Thiên Chúa là chân không.

Chúng ta không sinh với cảm giác về cái ta. Nó không phải là một phần di truyền của chúng ta. Trẻ sơ sinh không thể nào phân biệt được giữa cái ta và thế giới bao quanh nó. Ngay cả sau khi nó thở được cũng phải mất nhiều tháng nó mới biết rằng có một sự khác biệt giữa bên trong và bên ngoài nó. Dần dần, qua việc học tập phức tạp tăng dần và kinh nghiệm của giác quan, một sự phân biệt mơ hồ đã nảy sinh giữa một cái gì đó ‘trong tôi’ và các cái khác ‘ngoài kia’.

Đây là cánh cửa đầu tiên mà từ đó bản ngã đi vào: sự phân biệt rằng có một cái gì đó ‘trong tôi’. Chẳng hạn: đứa trẻ cảm thấy đói, nó cảm thấy điều đó tới từ bên trong. Và khi bị mẹ đét đít, nó cảm thấy điều đó tới từ bên ngoài. Một sự phân biệt bắt buộc phải được cảm thấy dần dần - rằng có những cái tới từ bên trong, và có những cái tới từ bên ngoài. Khi mẹ nó mỉm cười, nó có thể thấy nụ cười tới từ mẹ nó, và rồi để đáp ứng, nó cũng mỉm cười. Bây giờ nó cảm thấy nụ cười tới từ bên trong, đâu đó bên trong. Cái ý tưởng về bên trong và bên ngoài nảy sinh. Đây là kinh nghiệm đầu tiên về bản ngã.

Thực ra, không có sự phân biệt giữa bên ngoài và bên trong. Bên trong là một phần của bên ngoài, và bên ngoài là một phần của bên trong. Không gian bên trong và bên ngoài nhà của bạn không phải là hai không gian, hãy nhớ điều ấy; chúng là một không gian. Và cũng tương tự như thế. Bạn ở đó và tôi ở đây không phải là hai. Chúng ta là hai khía cạnh của cùng một năng lượng, hai mặt của cùng một đồng tiền. Nhưng bằng cách đó đứa trẻ có ý tưởng về bản ngã.

Cánh cửa thứ hai là tự đồng nhất (self-identity). Đứa trẻ học về tên của nó, hiểu rằng cái hình trong gương hàng ngày là của cùng một người như đã thấy hôm qua, và tin rằng cảm giác về cái ta vẫn còn mãi giữa biết bao đổi thay. Nó nhận thấy rằng mọi thứ đều thay đổi. Đôi khi nó đói, đôi khi không; đôi khi nó ngủ, đôi khi thức; đôi khi nó giận dữ, đôi khi yêu thương - mọi thứ tiếp tục thay đổi. Hôm nay trời đẹp, hôm khác thì âm u và ảm đạm. Nhưng đứng trước gương nó không thấy thay đổi...

Bạn có bao giờ thấy một đứa nhỏ ngồi trước gương chưa? Nó cố gắng nắm lấy đứa trẻ trong gương bởi vì nó nghĩ đứa trẻ ấy 'ở đằng kia'. Nếu không bắt được, nó đi vòng ra sau và nhìn sau gương - hay là thặng nhóc đó trốn ở đâu chẳng? Nhưng dần dần nó nhận ra rằng người trong gương là bóng của nó. Từ đó nó cảm thấy một sự liên tục nào đó: khuôn mặt trong gương hôm qua cũng là khuôn mặt hôm nay. Khi trẻ con lần đầu tiên nhìn vào gương, chúng trở nên say mê. Chúng bỏ đi không được. Chúng trở lại gương hoài hoài để nhìn chúng là ai.

Mọi thứ cứ thay đổi mãi. Một thứ dường như không đổi: hình ảnh của chính mình. Bản ngã có một cánh cửa khác mà từ đó nó đi vào: hình ảnh của chính mình.

Cánh cửa thứ ba là sự tự trọng (self-esteem). Điều này liên quan tới cảm giác tự hào của đứa trẻ qua sự thành công của nó, khi nó làm gì đó một mình: làm, thám hiểm, sáng tạo. Khi nó học bất kỳ cái gì - chẳng hạn nó học từ 'cha' thì nó cứ liên tục nói, "cha, cha," cả ngày. Nó không

bỏ lỡ cơ hội nào để dùng từ này. Khi nó bắt đầu tập đi, nó cố gắng cả ngày. Nó ngã lên ngã xuống, nó loạng quạng, nó té đau, nhưng nó lại đứng dậy bởi vì điều đó cho nó sự tự hào: “Ta cũng đâu có dở! Ta đi được! Ta đi được rồi! Ta có thể mang đồ từ đây sang kia!”

Cha mẹ rất lo âu bởi vì đứa trẻ là sự quấy rối. Nó đảo lộn hết mọi thứ. Họ không thể nào hiểu nổi: “Tại sao? Để làm gì? Nó lại đem cuốn sách đó đi đâu rồi?” Nó đâu có quan tâm gì tới cuốn sách! Điều đó vô nghĩa với nó. Nó không thể hiểu được tại sao bạn lại cứ dán mắt vào thứ này, “Cha tìm cái gì ở đó?” Nhưng sự quan tâm của nó lại khác: nó có thể mang được một thứ.

Đứa trẻ thích giết giống vật. Thấy một con kiến, nó sẽ lập tức dẫm lên và giết liền. Nó có thể làm được cái gì đó! Nó thích thú làm đủ chuyện; nó có thể rất tàn bạo. Nếu thấy chiếc đồng hồ, nó sẽ mở ra - nó muốn biết cái gì bên trong. Nó trở thành nhà thám hiểm, một người tìm hiểu.

Nó thích thú hoạt động bởi vì điều đó mở ra cánh cửa thứ ba cho bản ngã của nó: nó cảm thấy tự hào, nó có thể làm được. Nó có thể hát được; nó sẵn sàng hát cho mọi người. Nếu có khách tới, nó sẽ chào chực ở đó để nếu có ai yêu cầu, nó sẽ hát ngay. Hay nó có thể nhảy múa, có thể bắt chước, hay làm gì đó! Dù điều đó là gì đi nữa, nó muốn làm để chứng tỏ rằng nó không chỉ là kẻ vô dụng, rằng nó cũng có thể làm được nữa. Việc làm này đem bản ngã vào.

Cánh cửa thứ tư là sự tự nói rộng (self-extension), của riêng, sở hữu. Đứa trẻ nói về cái nhà *của tôi*, cha *tôi*, mẹ *tôi*, trường *của tôi*. Nó từ từ tăng vòng đai cái ‘của tôi’. ‘Của tôi’ là từ nằm lòng của nó. Nếu bạn lấy đồ chơi của nó, nó chẳng quan tâm nhiều lắm tới đồ chơi ấy; nó quan tâm nhiều hơn về, “Đồ chơi này là của tôi, bác không được lấy nó!” Nói rõ hơn là nó không quan tâm nhiều lắm tới đồ chơi đâu. Khi không ai hỏi tới, nó sẽ ném đồ chơi vào góc nhà và chơi cái khác. Nhưng nếu có ai đó muốn

lấy đồ chơi, nó sẽ không muốn cho đi. Đây là cái ‘của tôi’ của nó.

‘Của tôi’ sinh ra cảm giác về ‘tôi’; cảm giác ấy tạo ra cái ‘tôi’. Và hãy nhớ, những cánh cửa này không áp dụng cho trẻ con thôi, chúng mãi mãi là lẽ lối cho toàn bộ cuộc sống của bạn. Khi bạn nói nhà *tôi*, bạn cũng còn ấu trĩ vậy. Khi bạn nói vợ *tôi*, bạn cũng ấu trĩ như vậy. Khi bạn nói đạo của *tôi*, bạn cũng trẻ con vậy.

Khi một người Hindu tranh chấp với người Hồi về tôn giáo, họ đều là trẻ con cả. Họ không biết họ đang làm gì. Họ chưa thực sự chín chắn và trưởng thành. Trẻ con thường xuyên cãi nhau, “Cha tao mới là người vĩ đại nhất trên thế giới!” Các thầy tu cũng cứ cãi nhau như vậy, “Thượng Đế của tôi tốt nhất, mạnh mẽ nhất, thú thiệt! Tất cả các quan niệm khác chỉ thường thôi.”

Đây là những thái độ rất trẻ con, nhưng chúng cứ nán ná theo bạn cả đời. Bạn rất quan tâm tới tên tuổi mình. Khi tôi đặt cho một pháp danh mới, một vài người rất bướng bỉnh; họ không muốn điều đó. Một vài người viết cho tôi: “Con muốn thành quy y, nhưng xin đừng đổi tên con.” Tại sao? Tên *con*! Nghe có vẻ như một cửa cải lớn lao lắm. Và chẳng có gì trong cái tên cả. Nhưng trong ba mươi năm, bốn mươi năm, bản ngã bạn đã sống còn với cái tên đó. Rất khó cho bản ngã đóng lại cánh cửa. Vì lý do nên tên phải được đổi - để cho bạn thấy rằng tên chỉ là cái gì bất kỳ: nó có thể bị thay đổi vào bất cứ ngày nào. Và đó là lý do tại sao tôi lại đổi tên bạn mà không làm ồn ào về nó cả. Trong các tôn giáo khác cái tên cũng bị thay đổi.<sup>259</sup> Nếu bạn trở thành một nhà sư Jaina,<sup>260</sup> họ sẽ rất ồn ào về điều đó - một đám rước và ăn mừng lớn; có người đang trở thành một nhà sư! Bây giờ người ấy sẽ trở nên rất gắn bó với cái tên mới này! Tiệc tùng rất nhiều và hội hè rất nhiều, rất nhiều danh dự và rất nhiều kính trọng,

<sup>259</sup> Người Công giáo gọi là ‘tên thánh’; Phật tử gọi là ‘pháp danh’.

<sup>260</sup> Jain = Kỳ Na giáo bên Ấn Độ.

ngẫu xạ quá nhiều đến nỗi ý nghĩa của nó bị mất hẳn. Tôi cho bạn một cái tên mới là để cho bạn hiểu rằng chẳng có gì quan trọng trong cái tên; nó bất kỳ, nó có thể bị thay đổi rất dễ dàng. Bạn có thể được gọi là A, bạn có thể được gọi là B, bạn có thể được gọi là C - cũng chẳng thành vấn đề. Thực ra, bạn vốn vô danh; đó là lý do tại sao nó lại chẳng thành vấn đề. Bất kỳ tên nào cũng được, đây chỉ là sự tiện dụng.

Cánh cửa thứ năm là tự hình dung (self-image). Điều này nói về cách thức trẻ con nhìn thấy nó. Qua sự tiếp xúc, tương tác với cha mẹ, qua thưởng và phạt, một hình ảnh nào đó về chính nó được tạo thành - tốt hay xấu.

Trẻ con bao giờ cũng nhìn vào cách cha mẹ đối xử với nó. Nó đang làm một điều gì đó; nó tự hỏi không biết cha mẹ khen hay phạt nó? Nếu cảm thấy bị trừng phạt, nó nghĩ, “Mình đã làm điều gì sai rồi. Mình hư quá.” Nếu làm điều gì đó tốt và được khen ngợi, nó nghĩ, “Mình giỏi thật, mình được đánh giá tốt.” Nó sẽ cố gắng làm ngày càng nhiều việc tốt, để được đánh giá tốt. Hay, nếu cha mẹ thực sự là những người rất khó tính và quá khắc nghiệt, và đòi hỏi của họ quá đáng đến nỗi nó không thể thực hiện được, tất cả những gì nó làm đều bị cha mẹ coi là ‘xấu’. Nó phản ứng và nổi loạn.

Đây là hai cách - mà cánh cửa là một - hoặc bạn khen ngợi nó và nó cảm thấy thoải mái là nó được coi trọng; hoặc nếu bạn không để ý đến nó, sẽ nó nói, “Được, để tôi cho biết tay.” Thế thì nó sẽ làm cho mọi người phải quan tâm đến nó. Nó sẽ phá phách, nó sẽ hút thuốc, nó sẽ bắt đầu làm những điều mà bạn không thích. Và nó sẽ nói, “Đã thấy chưa? Đừng coi thường tôi như vậy; hãy để ý đến tôi một chút. Tôi cũng là người và cũng là con vậy, và đừng có ghét tôi như vậy.” Người tốt và người xấu sinh ra theo cách này, cả thánh nhân lẫn tội phạm.

Cánh cửa thứ sáu là cái ta như một lý lẽ.

Đứa trẻ học cách lý luận, logic, biện luận. Nó biết rằng nó có thể giải quyết vấn đề. Lý lẽ trở thành một phương tiện cho cái ta của nó - đó là lý do tại sao người ta tranh luận. Đó là lý do tại sao những người có học lại nghĩ rằng họ quan trọng. Thất học ư? - bạn cảm thấy đôi chút xấu hổ rồi. Bạn có bằng cấp lớn. Bạn là một tiến sĩ hay tiến sĩ văn chương, và bạn cứ trưng bày, khoe khoang bằng của mình: bạn đoạt giải huy chương vàng, bạn đỗ đầu đại học, được cái này và cái nọ. Tại sao? - vì bạn đang khoe rằng bạn đã trở thành một người có lý trí, học cao, tốt nghiệp từ những đại học nổi tiếng nhất, được học với những giáo sư giỏi nhất: “Tôi có thể lý luận giỏi hơn mọi người khác.” Lý lẽ trở thành một hỗ trợ lớn.

Và cánh cửa thứ bảy là cố gắng chính đáng, như sống có mục tiêu, tham vọng, trở thành: người ta muốn trở thành cái này hay cái kia, ông nọ hay ông kia. Sự quan tâm cho tương lai, ước muốn và các mục tiêu dài hạn xuất hiện - giai đoạn cuối của bản ngã. Thế thì người ta nghĩ về việc phải làm trong thế giới này để lưu lại dấu vết trong lịch sử, ghi lại dấu trên dòng thời gian. Trở thành một thi sĩ? Trở thành một chính khách? Trở thành một vị thánh? Làm điều này hay điều nọ? Cuộc sống đang chạy rất nhanh, lướt qua nhanh chóng, và người ta phải làm gì đó, nếu không chẳng mấy chốc người ta sẽ trở về hư không và chẳng ai biết rằng bạn đã có mặt. Người ta muốn trở thành một Alexander hay một Napoleon. Nếu có thể được, người ta muốn trở thành một người tốt, nổi danh, nổi tiếng, một vị thánh. Nếu điều ấy không thực hiện được, người ta sẽ tìm cách khác.

Nhiều tên sát nhân đã thú nhận rằng chúng không giết người chỉ vì chúng muốn giết người đó, mà vì chúng muốn tên tuổi xuất hiện trên trang nhất của các báo.<sup>261</sup>

---

<sup>261</sup> Cách đây vài năm, tại Mỹ, có người thú tội đã giết hơn ba chục người. Cảnh sát điều tra và kết luận rằng nó chỉ nhận bùa để được nổi tiếng.

Một tên giết người từ sau lưng. Hấn đến và đâm người này, và thậm chí hấn cũng chẳng gặp người này trước đó. Hấn hoàn toàn không biết gì về người này; họ không quen nhau, không phải bạn bè cũng chẳng phải kẻ thù. Hấn chưa bao giờ gặp người đó. Và lần này cũng thế, hấn cũng không thấy mặt của người mà hấn đã giết. Hấn chưa từng thấy người đó, hấn chỉ giết người đó từ phía sau. Người này đang ngồi trên bãi biển nhìn ra sóng nước, và tên này tới và giết người ấy.

Toà án rất sùng sốt, nhưng người này nói, “Tôi không quan tâm tới người ấy, người tôi đã giết. Điều ấy chẳng quan trọng, ai bị giết cũng được. Tôi đến đó kiếm người để giết. Nếu người này không ở đó, sẽ có người khác.” Nhưng tại sao? Và hấn ta nói, “Bởi vì tôi muốn hình của tôi và tên tôi được đăng trên tranh nhất các báo. Tôi được toại nguyện. Cả nước đều bàn tán về tôi; tôi thấy sung sướng. Bây giờ tôi sẵn sàng chết. Nếu quý vị xử tử tôi, tôi cũng có thể chết một cách sung sướng: tôi đã nổi tiếng, tôi đã nổi danh.”

Nếu không thể được tiếng thơm, bạn sẽ cố gắng được tiếng xấu. Nếu bạn không thể trở thành Gandhi,<sup>262</sup> bạn sẽ thích trở thành Adolf Hitler, nhưng không ai muốn là vô danh tiểu tốt cả.<sup>263</sup>

Trên đây là bảy cánh cửa qua đó ảo tưởng về bản ngã được củng cố, trở thành ngày càng mạnh hơn. Và đây cũng là bảy cánh cửa - nếu bạn hiểu - qua đó bản ngã phải bị tổng ra. Dần dần, qua mỗi cánh cửa, bạn phải nhìn sâu vào trong bản ngã của mình mà tiến đưa nó. Thế thì phát khởi chân không.

---

<sup>262</sup> Mahatma Gandhi đã buộc người Anh phải trở lại độc lập cho Ấn Độ bằng phương pháp tranh đấu bất bạo động.

<sup>263</sup> Ngô Khởi từng làm Tướng quốc nước Sở, và là tác giả của bộ Ngô Khởi Bình Pháp. Khi còn thiếu thời ông bị mẹ chửi là vô dụng. Từ đó ông quyết chí nếu không thành danh sẽ không nhìn mặt mẹ nữa. Khi ông đang đọc sách và hay tin mẹ chết, ông bỏ sách xuống khóc một hồi rồi cầm sách đọc tiếp chứ không về chịu tang mẹ.

Lời kinh:

*Vì vậy, này Xá Lợi Phất,  
 trong không, không có sắc, thọ, tưởng; cũng không có  
 hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý;  
 không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;  
 không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới;  
 không có vô minh, cũng không có hết vô minh;  
 không có già chết cũng không có hết già chết;  
 không khô, tập, diệt, đạo;  
 không có trí huệ, không có chứng đắc  
 cũng không có không chứng đắc.*

Một phát biểu cách mạng vô cùng.

*Do đó, này Xá Lợi Phất...*

Trước hết, chúng ta phải hiểu từ ‘do đó’. ‘Do đó’ là hoàn toàn thích hợp trong tam đoạn luận, trong mệnh đề logic. Ở đây không tiền đề nào nêu ra mà Phật kết luận: *Do đó, này Xá Lợi Phất.*

Các học giả đã bàn tán lý do tại sao Ngài lại dùng ‘do đó’. ‘Do đó’ là một phần của phép tam đoạn luận: Tất cả mọi người đều chết. Socrates là người, do đó Socrates phải chết. Nó là một phần của logic. Nhưng đã không có mệnh đề nào, không có lý luận nào, mà bỗng nhiên Phật nói, “Do đó...” Tại sao?

Các học giả không thể nào hiểu được, bởi vì không có lý luận nào trên bề mặt. Nhưng đã có đối thoại giữa mắt của Phật và Xá Lợi Phất. Một sự hiểu biết đã nảy sinh. Lắng nghe Phật nói về cái trống không, chân không, Xá Lợi Phất đã vươn lên tầm mức chân không đó.

Nó có thể nảy sinh trong bạn ngay tại đây, bạn có thể cảm thấy nó... cánh nó đang vỗ quanh bạn.

Nhìn vào trong mắt Xá Lợi Phất, Phật cảm thấy, nhận thấy Xá Lợi Phất đã hiểu: bây giờ lý lẽ có thể đi xa thêm. Trên bề mặt thì không có lý lẽ nào hết cả. Đã không có tranh luận, thảo luận, nhưng đã có đối thoại. Đối thoại này là giữa hai năng lượng - Phật và Xá Lợi Phất. Đã có một sự hợp nhất; họ đã kết nối với nhau. Trên chiếc cầu nối ấy, trong khoảnh khắc đó, Xá Lợi Phất đã tham dự vào chân không của Phật. Bây giờ Phật nói với Xá Lợi Phất, “Do đó... Ông đã hiểu, Xá Lợi Phất, bây giờ ta có thể đi xa hơn nữa, nhiều chi tiết hơn. Bây giờ ta có thể nói những gì cho ông mà trước đây không thể nói được.”

*Vì vậy, này Xá Lợi Phất, trong không không có sắc, thọ, tưởng;*

... Bởi vì không có ai để cảm thấy, vậy làm sao có thể có cảm giác (thọ)? Khi không có bản ngã thì không có cảm giác, không tri thức, không cảm nhận. Không hình tướng nào nảy sinh bởi vì bầu trời hoàn toàn không có mây. Bạn có thể thấy một hình sắc trong một đám mây. Đôi khi bạn có thấy điều đó không? - một đám mây trông giống voi, và sau nó đổi thành ngựa và rồi lại thành cái gì đó khác, và nó cứ thay đổi mãi, muôn hình vạn trạng.

Nhưng đã bao giờ bạn thấy hình sắc nào trên bầu trời không mây chưa? Không có hình sắc nào nảy sinh cả.

*... Vì vậy trong không, không có sắc, thọ, tưởng...*

Và khi không có ai bên trong, làm sao thọ nào có thể nảy sinh được? Làm sao ham muốn có thể có được?

*... không ý thức ...*

Khi không có nội dung, khi không có khách thể, chủ thể cũng biến mất. Còn ý thức, vì vốn phải nương vào khách thể, cũng không thể tìm thấy đâu nữa.

*... Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý...*

Phật nói, “Mọi thứ đều biến mất trong chân không đó, Xá Lợi Phất. Và bây giờ ông có thể hiểu, Xá Lợi Phất; do đó ta đang nói về nó. Ông đã thấy nó! Ông đã nhìn vào ta! Ông đã từng ở ngay bên lề ranh giới. Ông đã hé nhìn vào trong cái vực thẳm này, cái vĩnh hằng này, cái chiều sâu thẳm thẳm này.”

*... không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới;*

Khi ở trong trạng thái đó, bạn cũng không thể nói rằng, “Tôi đang trong trạng thái chân không,” bởi vì nếu bạn nói điều này, bạn đã quay lại.

*... không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới...*

Nếu bạn nói, “Tôi đã kinh nghiệm chân không,” nghĩa là bạn đã quay lại với thế giới hình tướng. Tâm trí đã bắt đầu hoạt động trở lại. Trong khoảnh khắc đó bạn không tách biệt với chân không, sao bạn có thể nói, “Tôi đang kinh nghiệm chân không?” Chân không không phải đồ vật: nó không tách biệt khỏi bạn, bạn không xa lìa nó.<sup>264</sup> Người quan sát và cái được quan sát chỉ là một; khách thể chính là chủ thể. Nhị nguyên đối đãi đã biến mất.

*... không có vô minh, Phật nói.*

Không có tri thức, cũng không có vô minh nữa vì ngu dốt chỉ có thể có khi bạn dựa vào tri thức, khi được so sánh với tri thức. Khi nói một người là dốt nát, bạn ngụ ý gì? Bạn đang so sánh người ấy với một người hiểu biết nào đó. Nhưng vì không có tri thức cho nên không thể có vô minh nào.

*không có vô minh, cũng không có hết vô minh...*

<sup>264</sup> Không Tử dạy, “Đạo không xa người.”

Và Phật nói: Hãy nhớ là ta không nói rằng vô minh biến mất. Vô minh chưa bao giờ có; nó là cái bóng của tri thức, nó là cái bóng của tâm trí ghiệp ngập tri thức.

Khi bạn bật đèn lên trong phòng tối, bạn nói gì? - rằng bóng tối biến mất, nó đi ra khỏi phòng, nó thoát khỏi phòng, nó chạy mất ư? Không, bạn không thể nào nói như thế được bởi vì bóng tối ngay từ đầu không hiện hữu. Làm sao nó có thể đi ra được? Ánh sáng đến và bóng tối không còn nữa, bởi vì bóng tối chẳng qua chỉ là sự thiếu ánh sáng.

Cho nên không có vô minh, và không có hết vô minh. Không có tri thức và không có phi tri thức. Người ta vượt trên tất cả - cả tri thức lẫn dốt nát - một cách hồn nhiên, trong trắng. Vượt khỏi tri thức và vượt khỏi dốt nát là trong trắng, là thuần khiết.

*không có già chết, cũng không có hết già chết...*

... Bởi vì không có ai để chết cả. Và hãy nhớ, không có sự chầm dứt già và chết. Và Phật không nói rằng cái chết biến mất, bởi vì cái chết ngay từ đầu chưa bao giờ có. Nói rằng cái chết đã biến mất là sai. Phật rất cẩn thận, rất sáng suốt trong sự khẳng định của Ngài. Ngài không thốt ra một lời nào để có thể bị bắt bẻ bởi những người đã chứng nghiệm. Ngài không thỏa hiệp. Ngài không nhượng bộ với người nghe. Điều Ngài nói có thể được coi là hoàn hảo nhất trong lịch sử tâm thức của con người.

*Không có khổ...*

Đây là phát biểu cách mạng nhất, tối thượng nhất.

Hẳn là bạn đã nghe về Tứ Diệu Đế của Phật. Chân lý thứ nhất là Khổ: rằng mọi người đều khổ, rằng toàn bộ hiện sinh là khổ (*dukkha*), đau khổ, đau đớn, khốn khổ, bi thảm.

Và diệu đế thứ hai là Tập: nguồn gốc của nó là trong thèm muốn - *tanha*, ham muốn. Có đau khổ: diệu đế thứ

nhất - *arya satya*; diệu đế thứ hai là ở chỗ đau khổ có nguyên nhân (tập) và nguyên nhân là trong ham muốn. Chúng ta đau khổ bởi vì chúng ta ham muốn.

Và diệu đế thứ ba là Diệt: việc ham muốn này có thể được chấm dứt. Đó là điều có thể thực hiện được - *nirodha*; nó có thể chấm dứt được. Bằng cách hiểu thật rõ ham muốn, nó có thể được chấm dứt, và khi ham muốn chấm dứt, đau khổ biến mất. Còn diệu đế thứ tư là Đạo; đó là bát chánh đạo dẫn tới việc chấm dứt ham muốn, và kết quả là chấm dứt đau khổ.

Tứ Diệu Đế là triết lý nền tảng nhất của Phật giáo, và trong tuyên ngôn này Phật chối bỏ cả điều ấy nữa! Ngài nói:

*Không có khổ, tập, diệt, đạo..*

Chưa có ai phát biểu một điều cách mạng như thế. Phật đạt tới đỉnh cao nhất của cách mạng; những người khác đều bị bỏ lại đằng sau.

Nhiều học giả cho rằng điều này là mâu thuẫn. Phật dạy rằng có khổ, thế rồi một hôm Ngài lại nói, “Không có khổ.” Ngài dạy rằng có nguyên nhân gây ra đau khổ (tập), và rồi hôm khác Ngài lại nói, “Không có nguồn gốc.” Ngài dạy rằng có một cách - *norodha* - để dứt khổ, rồi một hôm Ngài lại nói, “Không có chấm dứt.” Và Ngài nói - và toàn bộ Phật giáo phụ thuộc vào lời nói này - rằng có Bát Chánh Đạo, *astangik marga*: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh tinh tấn, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm - con đường tám ngả này sẽ đưa bạn tới chân lý tối hậu. Và hôm khác Ngài lại nói, “Không có con đường nào cả. Thực tại này là phi-lộ thực tại.” Tại sao mâu thuẫn như vậy?

Phát biểu thứ nhất dành cho những người không biết rằng bản ngã của họ không hiện hữu. Phát biểu thứ nhất được dành cho những người bình thường, đầy bản ngã.

Phát biểu này là dành cho Xá Lợi Phất trong một không gian đặc biệt, trong một trạng thái đặc biệt.

*Do đó, này Xá Lợi Phất...*

... Bây giờ ta có thể nói điều này cho ông. Ta không nói trước đây, lúc ông chưa sẵn sàng. Bây giờ ông đã nhìn vào ta, và khi nhìn vào ta, ông đã thấy chân không là gì. Ông đã thể nghiệm được! *Do đó, Xá Lợi Phất!* Bây giờ tôi có thể nói cho ông rằng không có khổ, rằng đó là một giấc mơ; mọi người đang đau khổ trong mơ. Và không có nguyên nhân (tập) - mọi người đều ham muốn trong mơ. Và không có chấm dứt (diệt) – trong mơ mọi người đang công phu, thực hành, thiền, yoga... Và toàn bộ con đường chỉ có trong mơ. Bây giờ điều đó có thể được nói cho ông bởi vì ông đã tỉnh thức, Xá Lợi Phất. Mắt ông đã mở ra; bây giờ ông thấy bản ngã không tồn tại.

Và thoát ra khỏi bản ngã là thoát ra khỏi giấc ngủ. Thoát ra khỏi bản ngã là thoát ra khỏi bóng tối. Thoát ra khỏi bản ngã là được tự do. Trong cái tự do đó có thể nói rằng không có con đường. Nó tựa như một giấc mơ.

Trong cơn mơ bạn đau khổ, và khi bạn đau khổ trong mơ, nó rất thực. Và bạn tự hỏi: “Tại sao tôi lại đau khổ?” Và thế rồi bạn bắt gặp một đạo sư vĩ đại - trong mơ - và đạo sư này nói, “Bạn đau khổ bởi vì bạn ham muốn. Bạn mê mết với tiền bạc; đó là lý do tại sao bạn đau khổ. Hãy loại bỏ ham muốn, đau khổ sẽ biến mất.” Bạn hiểu điều đó, nó rất hợp lý. Bạn cũng biết vậy; chính bạn cũng kinh nghiệm rằng khi bạn ham muốn thì có đau khổ. Ham muốn càng nhiều, đau khổ càng lớn. Ham muốn càng lớn, đau khổ càng lớn.. Bạn hiểu rõ lắm. Rồi bạn hỏi, “Thế thì có cách nào chấm dứt được không?” Và đạo sư vĩ đại này nói, “Hãy trồng cây chuối, hãy tập yoga, hãy tập Dynamic Meditation, kundalini, nadabrahma,<sup>265</sup> gia nhập Encounter

---

<sup>265</sup> Dynamic Meditation, Kundanili, nadabrahma là những phương pháp thiền đặc biệt của Osho.

Group,<sup>266</sup> tập Primal Therapy<sup>267</sup> và đủ mọi thứ.” Đạo sư vĩ đại này nói, “Hãy làm những điều này; chúng sẽ có ích. Bạn sẽ hiểu rõ hơn về ham muốn của mình, và bạn sẽ có thể loại bỏ ham muốn.”

Cho nên đạo sư này dạy cho bạn con đường tám ngã. Ông ấy nói, “Đây là Đạo.” Rồi một ngày, khi bạn thực sự tỉnh thức... Và hãy nhớ, những điều này đã giúp bạn thức tỉnh. Bây giờ nếu bạn có trồng cây chuối trong mơ, rất có thể giấc mơ của bạn sẽ bị cắt đứt. Hãy thử đi! Thử ngay tối nay! Khi đang trong mơ, hãy trồng cây chuối trong mơ, bỗng nhiên bạn sẽ tỉnh ngay. Hãy tập kundalini trong mơ - bạn sẽ thức tỉnh. Và nếu bạn không tỉnh, ít nhất chồng bạn sẽ tỉnh, người hàng xóm sẽ tỉnh, nhiều chuyện sẽ xảy ra.

Tất cả các phương pháp chỉ để đánh thức bạn. Nhưng khi bạn đã tỉnh...

*Do đó, này Xá Lợi Phất...*

Và bây giờ Phật có thể nói điều này cho Xá Lợi Phất; ông ấy thức tỉnh rồi. Ngài có thể nói, “Bây giờ ta có thể nói thật cho ông - rằng chẳng có ai hiện hữu cả, chẳng có đệ tử mà cũng chẳng có thầy, không mơ, không khổ, không đạo sư, không tập, không diệt, không đạo.”

Đây là đại cáo tội hậu về chân lý.

Nhưng tuyên ngôn này chỉ có thể được đưa ra tại giai đoạn cao nhất, tại bậc thang thứ bảy của chiếc thang. Xá Lợi Phất đã đạt tới bậc thang đó vào hôm ấy. Đó là lý do tại sao ‘do đó’... *Tasmac Xá Lợi Phất*.

---

<sup>266</sup> Encounter Group phối hợp tâm lý trị liệu và thiền quá để giúp thiền sinh mau đạt kết quả.

<sup>267</sup> Primal Therapy là một phương pháp tâm lý dùng tiếng hét thật lớn để tìm đến cốt lõi bên trong.

# 6

## Đừng Quá Lành Mạnh



### Câu hỏi thứ nhất

*Có gì khác biệt giữa chân không của đứa trẻ trước khi hình thành bản ngã và sự hồn nhiên đã thức tỉnh của một vị Phật?*

Có tương đồng mà cũng có dị biệt. Về bản chất thì đứa trẻ là một vị Phật, nhưng Phật tính của nó, sự hồn nhiên của nó, là do thiên phú chứ không cần nỗ lực. Cái hồn nhiên của nó là một loại dốt nát, không phải được thể nghiệm. Cái hồn nhiên của nó là vô ý thức - nó không biết điều đó, nó không để tâm tới điều đó, nó không để ý gì đến điều đó. Điều đó ở với nó mà nó quên lãng. Nó sẽ dễ lạc mất. Nó *phải* mất đi điều đó. Sớm hay muộn thiên đường sẽ mất đi; mỗi ngày nó một xa đi. Đứa trẻ nào cũng đều phải đi qua nhiều loại hư hỏng, bất tịnh của thế giới này.

Cái hồn nhiên của trẻ con là cái hồn nhiên của Adam trước khi bị trục xuất khỏi vườn Địa đàng, trước khi ăn trái cấm, trước khi Adam có ý thức. Cũng như con vật

vậy. Hãy nhìn vào mắt con vật mà xem - con bò, con chó thì thấy sự thuần khiết; sự thuần khiết cũng hiện diện trong mắt của một vị Phật, nhưng với một sự khác biệt.

Và sự khác biệt cũng rộng lớn nữa: Phật đã về tới nhà; con vật chưa rời khỏi nhà. Đứa trẻ vẫn còn trong vườn Địa đàng, vẫn còn trong thiên đường. Nó sẽ đánh mất điều đó bởi vì để đạt được, nó phải mất.

Phật đã về nhà. Vòng tròn đã hoàn tất. Ngài đã đi xa, Ngài đã đi lầm đường, Ngài đã lạc lối, Ngài đã đi sâu trong bóng tối và tội lỗi, khốn khổ và địa ngục. Những kinh nghiệm đó rất cần thiết cho sự chín chắn và trưởng thành. Nếu không, bạn là kẻ yếu đuối, không có xương sống. Không có chúng, cái hồn nhiên của bạn rất mong manh; nó không thể chống đỡ nổi gió, nó không thể chịu đựng nổi bão tố. Nó rất yếu ớt, nó không thể sống còn được. Nó phải được thử với lửa đời, phải phạm rất nhiều lầm lỗi, phải vấp ngã nhiều lần, rồi lại trỗi dậy. Những kinh nghiệm đó dần dần làm cho bạn chín chắn lên, làm cho bạn trưởng thành, làm cho bạn khôn ngoan.

Sự hồn nhiên của Phật là sự hồn nhiên của người đã chín chắn, hoàn toàn trưởng thành.

Tuổi thơ tự bản chất là vô ý thức; Phật tính tự bản chất là có ý thức. Tuổi thơ là ngoại vi mà không có ý tưởng nào về trung tâm. Phật cũng là ngoại vi, nhưng bắt rễ tại trung tâm, đặt tại tâm. Tuổi thơ là vô danh mà không ý thức; Phật là vô danh mà có ý thức. Cả hai đều vô danh, cả hai đều vô hình tướng... nhưng đứa trẻ vẫn chưa biết đến hình sắc và khốn khổ của nó. Giống như chưa bao giờ ở tù nên bạn không biết tự do là gì. Nếu bạn đã ở trong tù trong nhiều năm trời, hay nhiều kiếp, và rồi một hôm bạn được thả ra... bạn đi ra khỏi cánh cửa nhà tù nhảy múa, mừng đến điên lên được! Và bạn ngạc nhiên là những người đang ở ngoài, bước đi trên phố, đi làm, tới văn phòng, tới xưởng máy, mà lại không tận hưởng tự do của mình chút nào - họ quên lãng, họ không biết rằng họ đang

tự do. Sao họ biết được? Vì chưa bao giờ trong tù cả nên họ không biết điều tương phản; họ thiếu cái để so sánh.

Hay giống như bạn dùng phấn trắng viết lên tường màu trắng - không ai có thể đọc được. Mà nói chỉ tới người khác? Ngay chính *bạn* cũng không đọc được điều bạn viết.

Tôi đã từng nghe một chuyện diễm nổi tiếng về Mulla Nasruddin. Anh ta là người duy nhất trong làng có thể viết được, cho nên mọi người tìm đến anh ta nếu họ muốn viết thư hay tài liệu nào đó, hay bất kỳ thứ gì. Anh ta là người duy nhất có thể viết được. Một hôm có người tới. Nasruddin đã viết một lá thư mà người kia đọc ra, và đây là một bức thư dài - rồi người kia nói, “Xin anh hãy đọc lại bức thư vì tôi muốn chắc rằng mọi điều đã được viết ra, và tôi không quên điều gì cả, mà anh cũng không viết lộn chữ nào.”

Mulla nói, “Này, điều ấy khó đấy. Tôi biết viết nhưng lại không biết đọc. Và hơn nữa, bức thư lại không gửi cho tôi, nên đọc nó là điều bất hợp pháp.”

Và người làng thấy hợp lý. Điều này hoàn toàn đúng. Ông ta nói, “Anh nói phải đấy - nó không gửi cho anh.”

Nếu dùng phấn trắng lên tường trắng, ngay cả bạn cũng không thể nào đọc được, nhưng nếu bạn viết lên bảng đen thì còn nói gì nữa - bạn có thể đọc được nó. Sự tương phản là cần thiết. Đứa trẻ không có sự tương phản; nó là tia chớp mà không có mây đen. Phật là tia chớp giữa đám mây đen.

Ban ngày cũng có sao trên trời đầy; chúng chẳng đi đâu cả - chúng không thể đi nhanh thế, chúng không thể biến mất được. Chúng vẫn ở đó, ngày cũng như đêm, nhưng về đêm bạn thấy được chúng nhờ có bóng tối. Chúng bắt đầu xuất hiện; khi mặt trời lặn thì chúng xuất hiện. Mặt trời càng xuống thấp hơn nữa dưới đường chân trời thì sao càng nhiều hơn. Chúng vẫn ở đó cả ngày, nhưng vì thiếu bóng tối nên khó mà thấy được chúng.

Đứa trẻ có sự hồn nhiên nhưng thiếu cái nền cho nên bạn không thể thấy nó được, bạn không thể đọc được nó; nó không rõ lắm. Một vị Phật đã sống trọn đời mình, đã làm mọi điều cần thiết - cả tốt lẫn xấu - đã trải qua mọi cực đoan, đã từng là kẻ tội lỗi và vị thánh. Hãy nhớ, một vị Phật không chỉ là một vị thánh; Ngài đã từng là một kẻ tội lỗi và Ngài đã từng là vị thánh. Còn Phật tính thì nằm ngoài cả hai. Bây giờ Ngài đã về nhà.

Đó là lý do tại sao Phật lại nói trong Tâm Kinh: *Na jhanam, na praptir na-apraptih* - ‘Không có khổ, không có tập, không diệt, không đạo. Không có thọ, không có thức, không chứng đắc, và không có không chứng đắc.’ Phật đã được hỏi sau khi thành đạo, “Thầy đã đạt được gì?” Và Ngài cười to và nói, “Ta chẳng đạt được gì cả - ta chỉ phát hiện ra cái lúc nào cũng ở đây. Ta đã trở về nhà. Ta đã tìm lại được cái bao giờ cũng là của ta, và lúc nào cũng ở với ta. Cho nên không có gì để gọi là chứng đắc, ta chỉ nhận ra nó. Đây không phải là một khám phá, mà phát hiện lại. Và khi trở thành một vị Phật, bạn sẽ hiểu - chẳng đạt được gì cả khi thành Phật. Bỗng nhiên bạn nhận ra rằng đây là thiên tính của bạn. Nhưng để nhận ra bản tính này, bạn phải đi lạc lối, bạn phải trải qua mọi giông bão của thế giới. Bạn phải đi qua mọi bùn lầy, như nhớp để thấy cái trong sạch tốt cùng của bạn, sự thuần khiết tuyệt đối của bạn.

Hôm nọ tôi đã nói với các bạn về bảy cánh cửa mà qua đó bản ngã được hình thành, về cách thức mà ảo tưởng về bản ngã được làm mạnh thêm. Ta có thể bàn sâu hơn nữa về điều đó.

Bảy cánh cửa của bản ngã không được rõ ràng lắm, và không tách rời hẳn nhau, mà gói lên nhau. Và rất hiếm hoi mà tìm được một người đã đạt tới bản ngã mình từ tất cả bảy cánh cửa này. Nếu một người đã đạt tới bản ngã từ tất cả bảy cánh cửa này, người ấy có một bản ngã hoàn thiện. Và chỉ một bản ngã hoàn thiện mới có thể tan biến đi, không phải là bản ngã bất hoàn thiện. Khi quả chín thì

nó rụng; khi quả chưa chín, nó vẫn bám vào cây. Nếu bạn vẫn còn bám lấy bản ngã, quả chưa chín đâu - do đó nó mới bám víu. Nếu quả chín, nó rụng xuống đất và biến mất. Đây cũng là trường hợp của bản ngã.

Đây là điều nghịch lý: rằng chỉ một bản ngã đã tiên hóa thực sự mới có thể qui phục. Thông thường bạn nghĩ rằng người ích kỷ không thể qui phục được. Đây không phải là quan sát của tôi, và cũng không phải là quan sát của chư Phật trong nhiều đời. Chỉ người bản ngã hoàn thiện mới có thể qui phục. Bởi vì chỉ người đó mới biết đến cái khốn khổ của bản ngã, cho nên mới có sức mạnh để qui phục. Người ấy đã biết tất mọi khía cạnh của bản ngã và đã nếm đủ mùi thất vọng ê chề. Người đó đã đau khổ nhiều lắm, đã biết thế là đủ rồi, và muốn tìm cái cơ nào đó để trút bỏ nó. Cái cơ có thể là Thượng Đế, có thể là một đạo sư, hay bất kỳ cơ gì, nhưng người đó muốn qui phục. Gánh nặng đã quá lớn, và người đó đã phải mang nặng quá lâu.

Những người bản ngã chưa phát triển lắm cũng có thể qui phục, nhưng sự qui phục của họ sẽ không hoàn thiện, không toàn bộ. Một cái gì đó sâu bên trong vẫn cứ níu kéo, một cái gì đó sâu bên trong vẫn cứ hi vọng: “Có thể bên trong bản ngã cũng có cái gì tốt. Sao phải qui phục chứ?”

Tại phương Đông, bản ngã vẫn chưa được phát triển lắm. Bởi vì giáo huấn về vô ngã đã đưa đến việc hiểu lầm rằng nếu bản ngã cần phải bị vất bỏ, tại sao phải phát triển nó chứ, để làm gì? Một lý luận rất đơn giản: nếu một ngày nào nó phải bị từ bỏ thì bận tâm tới nó làm gì? Thế thì sao phải mất nhiều công sức thế để tạo ra nó? Đàng nào nó cũng phải bị loại bỏ cơ mà! Cho nên phương Đông không bận tâm nhiều lắm trong việc phát triển bản ngã. Và tâm trí phương Đông rất dễ dàng phủ phục trước bất kỳ ai; điều đó rất dễ dàng, bao giờ cũng sẵn sàng qui phục. Nhưng sự qui phục này khó mà thực hiện được, bởi vì bạn chưa có bản ngã, lấy gì để mà qui phục.

Bạn sẽ ngạc nhiên là tất cả các vị Phật vĩ đại ở phương Đông đều là *kshatriya*,<sup>336</sup> đẳng cấp chiến binh - Phật, Mahavira, Parshwanath, Neminath.<sup>337</sup> Tất cả hai mươi bốn *tirthankara*<sup>338</sup> của đạo Kỳ Na giáo (Jaina) đều thuộc về đẳng cấp chiến binh, và tất cả *avatara*<sup>339</sup> của đạo Hindu đều thuộc về đẳng cấp *kshatriya* - Ram, Krishna<sup>340</sup> - trừ có một người, Parashuram, người này, dường như ngẫu nhiên, được sinh ra trong một gia đình brahmin,<sup>341</sup> bởi vì bạn không thể nào tìm ra một chiến binh lớn hơn ông ấy. Phải có một sự ngẫu nhiên nào đó – trong suốt cuộc đời ông chỉ biết chinh chiến.

Bạn có ngạc nhiên khi biết rằng không một brahmin nào được công nhận là một vị Phật, một *avatara*, một *tirthankara* không? Tại sao vậy? Người brahmin thì khiêm tốn; ngay từ đầu họ đã được nuôi nấng trong khiêm tốn, vì tính khiêm tốn. Bất vị kỷ đã được dạy cho người ấy ngay từ đầu, cho nên bản ngã không chín mùi, và bản ngã chưa chín thì cứ bám mãi.

Người phương Đông có bản ngã rất mảnh vụn, và họ nghĩ thế thì dễ qui phục. Họ lúc nào cũng sẵn sàng qui phục bất kỳ ai. Một chiếc mũ rơi xuống và họ sẵn sàng qui phục - nhưng việc qui phục của họ chẳng có chiều sâu, rất là hời hợt.

Ngược lại là trường hợp của phương Tây: người phương Tây có bản ngã rất mạnh và đã phát triển. Bởi vì toàn bộ nền giáo dục phương Tây đều nhằm tạo ra một bản ngã đặc dị, rất rõ ràng, rất văn hoá, phức tạp, cho nên họ nghĩ rất khó để qui phục. Họ chưa từng nghe từ qui

---

<sup>336</sup> Kshatriya = Sát đế lỵ, đẳng cấp của binh sĩ là một trong bốn đẳng cấp của Ấn Độ. Ba đẳng cấp khác là brahmin (tu sĩ), vaishya (thương mại) và sudra (lao động). Người Việt đọc sudra là Thủ đà la.

<sup>337</sup> Mahavira, Pashwanath và Neminath là ba vị tổ của Kỳ Na giáo.

<sup>338</sup> Tirthankara = người đã chinh phục được chính mình.

<sup>339</sup> *avatara* = đại hồn.

<sup>340</sup> Rama và Krishna được coi là hai hiện thân của Thượng Đế của Ấn.

<sup>341</sup> brahmin = Bà la môn, là đẳng cấp của giới trí thức, tu sĩ.

phục, tâm phục. Chính cái ý tưởng này nghe có vẻ xấu xí, nhục nhã. Nhưng nghịch lý ở chỗ là khi một người đàn ông hay đàn bà phương Tây qui phục, sự qui phục đó thực sự thâm sâu. Nó ngấm tới chính cốt lõi của bản thể người đó bởi vì bản ngã này đã chín mùi. Bản ngã đã tiến hoá; đó là lý do tại sao bạn nghĩ rất khó để qui phục. Nhưng nếu việc qui phục xảy ra, nó xuyên thấu tới cốt lõi, nó là tuyệt đối. Tại phương Đông mọi người nghĩ việc qui phục rất dễ dàng, nhưng vì bản ngã chưa phát triển trọn vẹn, nó chẳng bao giờ đi sâu.

Một vị Phật là một người đã ném mọi kinh nghiệm của cuộc sống, mọi đam mê của cuộc sống, địa ngục của cuộc sống, và bản ngã của Ngài đã chín mùi tới mọi trường hợp tối thượng, tới tối đa. Và trong khoảnh khắc đó bản ngã rơi xuống và biến mất. Lúc đó bạn lại là đứa trẻ; đây là sự tái sinh, đây là sự phục sinh. Trước hết bạn phải đóng đinh bản ngã của mình trên thập tự giá, bạn phải đau khổ trên thánh giá của bản ngã, và bạn phải vác thánh giá này trên vai mình và đi tới tận cùng. Bản ngã phải được phát triển tới đa; có thể thì bạn mới có thể loại bỏ được nó. Và thế thì có niềm vui sướng lớn. Khi thoát khỏi nhà tù, bạn nhảy cà tửng lên, có sự hoan lạc trong bản thể mình. Bạn không thể nào tin được tại sao những người không bị tù lại chờ đợi, như thể chết rồi và kéo lê cuộc sống đến thế. Tại sao họ lại không nhảy múa? Tại sao họ lại không hoan hỉ? Họ không thể làm vậy được vì họ chưa biết tới nỗi khổ khổ của tù đầy.

Bảy cánh cửa này cần phải được đi qua trước khi bạn có thể thành Phật. Bạn phải đi vào cõi giới tăm tối nhất của cuộc sống, vào đêm tối của linh hồn, rồi trở lại bình minh khi ban mai đến, khi mặt trời mới lên, và tất cả đều sáng sủa.<sup>342</sup> Nhưng có một bản ngã đã phát triển đầy đủ là chuyện ít khi xảy ra.

---

<sup>342</sup> Thánh Gio-an Thánh Giá (John the Cross) cũng dạy rằng trước khi linh hồn hội nhập được với Thiên Chúa thì nó phải trải qua nhiều đêm dài tăm tối của tâm linh.

Nếu bạn hiểu tôi, toàn bộ cấu trúc của giáo dục sẽ là nghịch lý: trước hết họ nên dạy cho bạn về bản ngã - đó nên là phần thứ nhất của giáo dục, một nửa đầu; thế rồi họ nên dạy cho bạn về vô ngã, cách loại bỏ nó - đó sẽ là nửa sau. Hiện nay mọi người đi vào một cửa, hay hai, ba cửa, rồi bị mắc vào trong bản ngã mảnh vụn nào đó.

Điều thứ nhất là cái ngã của bản thân. Trẻ con bắt đầu học dần dần; phải mất gần mười lăm tháng để biết rằng nó là tách biệt, rằng có cái gì đó bên trong nó và cái gì đó bên ngoài. Nó học rằng thân xác của nó khác biệt với các thân xác khác. Nhưng vài người vẫn còn níu bám lấy cái bản ngã rất mảnh vụn này suốt cả đời mình. Đây là những người duy vật, người cộng sản, Mác xít. Họ tin rằng thân xác là tất cả - rằng chẳng có gì hơn thân xác của bạn, rằng thân xác là toàn bộ hiện sinh của bạn, rằng không có tâm thức tách biệt khỏi thân xác, bên trên thân xác, rằng tâm thức chỉ là một hiện tượng hóa học trong thân xác, rằng bạn không tách rời khỏi thân xác và khi thân xác chết đi, bạn cũng chết theo, và tất cả biến mất... cát bụi trở về với cát bụi... không có gì thiêng liêng nào bên trong - họ kéo con người xuống vật chất.

Đây là những người vẫn còn bám chặt vào cánh cửa thứ nhất; tuổi tâm trí của họ dường như mới chỉ mười lăm tháng. Cái bản ngã đơn giản và rất sơ cấp này không qua khỏi vật chất. Những người này vẫn còn quanh quẩn với hai điều: dục và thức ăn. Nhưng hãy nhớ, khi nói người duy vật, người cộng sản, người Mác Xít, tôi không muốn nói rằng danh sách ấy chỉ có bấy nhiêu. Có thể có người duy tâm mà vẫn níu lấy cánh cửa thứ nhất...

Chẳng hạn, thánh Gandhi: nếu bạn đọc tiểu sử ông ấy; ông ấy gọi tiểu sử mình là *Thí Nghiệm Của Tôi Với Chân Lý* (My Experiments With Truth). Nhưng nếu đọc tiểu sử của ông ấy, bạn sẽ thấy cái tên này không đúng; ông ấy nên đặt tên cho nó là *thí nghiệm của tôi với thức ăn và dục*. Chẳng tìm thấy chân lý ở đâu cả. Ông ấy liên tục lo nghĩ về thức ăn: cái gì nên ăn, cái gì không nên ăn. Toàn

thể lo nghĩ của ông ấy dường như là chỉ là về thức ăn, và rồi về dục: làm sao trở thành vô dục - điều này diễn ra như một chủ đề chạy ngầm bên dưới. Liên tục, ngày và đêm, ông ấy nghĩ về thức ăn và dục - làm sao đạt được tự do. Ông ấy không phải là người duy vật - ông ấy tin có linh hồn, có Thượng Đế. Thực ra, bởi vì ông ấy tin vào Thượng Đế nên ông ấy suy tư quá nhiều về thức ăn; nếu ăn tâm bậy và phạm tội, ông ấy sẽ xa lìa với Thượng Đế. Ông ấy nói về Thượng Đế nhưng nghĩ về thức ăn.

Và ông ấy không là người duy nhất đâu; các tu sĩ Jaina cũng vậy nữa. Ông ấy bị ảnh hưởng nặng của các tu sĩ Jaina. Ông ấy sinh ra ở Gujarat.<sup>343</sup> Gujarat phần lớn theo đạo Jaina, chịu nhiều ảnh hưởng của Jain nhất. Ngay cả những người Hindu ở Gujarat cũng giống người Jaina hơn là người Hindu. Gandhi mang đến chín mươi phần trăm đặc tính của Jaina; ông ấy sinh ra trong một gia đình Hindu, nhưng tâm trí ông ấy bị các tu sĩ Jaina ảnh hưởng. Họ liên tục nghĩ về thức ăn.

Và thể rồi ý tưởng thứ hai là dục nảy sinh - làm sao loại bỏ được dục. Trong cả đời ông ấy, cho tới tận cùng, ông ấy vẫn còn bận tâm về điều đó - làm sao loại bỏ được dục? Trong những năm cuối đời ông ấy đã thí nghiệm với con gái ở trường và ngủ với họ, chỉ để kiểm tra mình. Bởi vì cảm thấy cái chết đang tới gần, ông ấy phải thử xem liệu có còn thèm khát nữa hay không.

Mà lúc ấy đất nước đang bùng cháy, nhiều người bị giết: người Hồi giáo giết người Hindu, người Hindu giết người Hồi giáo - cả nước đang bốc cháy. Mà lúc ấy ông ấy đang ở giữa trung tâm, ở Novakali - nhưng ông ấy chỉ quan tâm về dục. Ông ấy ngủ với con gái ở trường để kiểm tra bản thân mình, kiểm tra xem liệu sự vô dục của ông ấy đã hoàn thiện hay chưa.

Nhưng tại sao phải hoài nghi như vậy? Bởi vì sự đè nén đã lâu. Ông ấy đã đè nén cả đời. Cho nên đến cuối

---

<sup>343</sup> Gujarat là một tiểu bang của Ấn.

đòi ông ấy hoảng sợ bởi vì bằng ấy tuổi rồi mà ông ấy vẫn còn mơ về dục. Vì vậy ông ấy rất hoài nghi: liệu ông ấy có thể đối mặt được với Thượng Đế không? Ông ấy là người duy tâm, nhưng tôi vẫn cho ông ấy là duy vật, một người duy vật rất thô sơ. Mọi quan tâm của ông ấy là thức ăn và dục.

Dù bạn ủng hộ hay chống đối điều đó cũng chẳng thành vấn đề. Quan tâm của bạn tố cáo chỗ bạn ngã bạn đang bị mắc vào. Và những người tư bản cũng nằm trong đó nữa: mọi quan tâm cả đời của họ là làm sao thu được tiền bạc, tích trữ tiền bạc bởi vì tiền bạc mua được vật chất. Bạn có thể mua bất kỳ thứ gì bằng tiền bạc. Nhưng bạn không thể mua những thứ thuộc tâm linh; bạn không thể mua những gì có giá trị nội tại; bạn chỉ có thể mua được đồ vật. Bạn không thể mua được tình yêu; nhưng bạn có thể mua được dục. Dục là phần vật chất của tình yêu. Tiền bạc có thể mua được, sở hữu được vật chất.

Có lẽ bạn sẽ ngạc nhiên khi tôi bao gồm cả người cộng sản lẫn tư bản vào cùng một loại và họ là kẻ thù. Giống như tôi gom Charvaka<sup>344</sup> và thánh Gandhi vào cùng một loại, và họ là kẻ thù. Họ là kẻ thù thật, nhưng họ có cùng một mối quan tâm. Nhà tư bản cố gắng tích trữ tiền bạc, người cộng sản thì chống lại. Họ không cho phép tích trữ tiền bạc, ngoại trừ nhà nước. Nhưng quan tâm của họ cũng là tiền bạc; họ liên tục nghĩ về tiền bạc. Không phải ngẫu nhiên mà Marx đã đặt tên ‘Tư Bản Luận’ cho thánh thư của chủ nghĩa cộng sản.. Đó là Kinh thánh của người cộng sản, nhưng cái tên lại là ‘Tư Bản Luận’. Đó là quan tâm của họ: không cho phép bất kỳ ai được tích trữ tiền bạc; quyền ấy dành cho nhà nước; và làm sao để chiếm đoạt nhà nước. Cho nên, nói tóm lại, họ vẫn quan tâm về tiền bạc.

Có người nói rằng Mulla Nasruddin đã theo cộng sản. Tôi biết anh ta... Tôi hơi kinh ngạc. Quả là một phép lạ!

<sup>344</sup> Charvaka là trường phái triết học cổ của Ấn.

Tôi biết tính tham lam của anh ta. Cho nên tôi hỏi, “Mulla, anh có biết chủ nghĩa cộng sản nghĩa là gì không?”

Anh ta nói, “Biết chứ.”

Tôi nói, “Anh có biết rằng nếu có hai chiếc xe mà có người không có xe, anh sẽ phải nhường lại cho người ấy một chiếc?”

Anh ta nói, “Tôi sẵn lòng nhường một chiếc.”

Tôi nói, “Nếu anh có hai nhà mà có người không có nhà, vậy anh sẽ nhường lại một căn chứ?”

Anh ta nói, “Tôi hoàn toàn sẵn sàng, ngay bây giờ.”

Và tôi nói, “Nếu anh có hai con lừa, anh sẽ cho đi một con chứ?”

Anh ta nói, “Điều ấy tôi không đồng ý. Tôi không thể cho được, tôi không thể làm được điều đó!”

Nhưng tôi nói, “Sao vậy? - vì đây là cùng logic, cùng hệ luận mà!”

Anh ta nói, “Không, nó không giống đâu. Tôi có hai con lừa, nhưng không có hai chiếc xe.”

Tâm trí người cộng sản về cơ bản cũng là tâm trí tư bản; tâm trí nhà tư bản về cơ bản cũng là tâm trí cộng sản. Họ là đấu thủ trong cùng trò chơi - tên của trò chơi ấy là ‘Tư Bản Luận’, Das Kapital.

Nhiều người, hàng triệu người, chỉ mới tiến hóa bán ngã sơ cấp này, rất thô sơ. Nếu bạn có bán ngã này, rất khó mà qui phục; còn rất lâu nó mới chín mùi.

Cánh cửa thứ hai tôi gọi là tự động nhất.

Cái ý tưởng về nó là của trẻ con bắt đầu lớn lên. Khi nhìn vào trong gương, nó thấy cùng khuôn mặt. Mọi sáng, khi tỉnh dậy, nó chạy nhìn gương, và nó nói, “Đây là tôi.

Giác ngủ không làm quấy rối điều gì cả.” Nó bắt đầu có một ý tưởng về cái ta liên tục.

Những người quá gắn liền với cánh cửa này, bị kẹt tại cánh cửa này, chính là những người duy tâm; họ nghĩ rằng họ sắp lên thiên đường, *giải thoát*. Nhưng họ kẹt ở đó. Khi bạn nghĩ về thiên đường, bạn nghĩ như thể bạn ở đây, và bạn cũng ở đó nữa. Có thể thân xác không ở đó, nhưng sự tiếp tục bên trong của bạn sẽ vẫn còn. Điều đó thật ngớ ngẩn! Sự giải thoát đó, sự giải thoát tối hậu đó chỉ xảy ra khi cái ta đã tan biến và tất cả mọi sự đồng nhất đã biến mất. Bạn trở thành trống không...

*Do đó, này Sariputra, trong chân không không có hình sắc, hay: sắc là không và không là sắc.*

Không có tri thức bởi vì không có người để biết; cũng có không ý thức, bởi vì không có gì để mà ý thức tới, và không có người để mà ý thức về. Tất cả biến mất.

Cái ý tưởng rằng trẻ con có cái ta liên tục được những người duy tâm đeo đuổi. Họ cứ đi tìm mãi: từ đâu mà linh hồn đi vào trong thân xác, từ đâu mà linh hồn đi ra khỏi thân xác, linh hồn mang hình sắc gì, có âm thanh hay môi trường nào, những đại loại như vậy - toàn là nhắm nhí và vô nghĩa. Linh hồn không có hình sắc. Nó là chân không thuần khiết, nó là bầu trời bao la không có mây. Nó là sự im lặng không có ý tưởng, không giới hạn, không bị che đậy bởi bất kỳ vật gì.

Cái ý tưởng đó về một linh hồn trường cửu, ý tưởng về cái ta, vẫn liên tục xoay vần trong tâm trí bạn. Ngay cả nếu thân xác chết, bạn vẫn muốn chắc chắn rằng, “Tôi vẫn sống.”

Nhiều người tìm tới Phật bởi vì dân nước này bị ám ảnh bởi cái bản ngã thứ hai này. Họ tin vào một linh hồn trường cửu, bất diệt, *atman*. Họ tìm tới Phật và hỏi, “Khi tôi chết, có gì còn lại hay không?” Ngài cười to và nói, “Ngay bây giờ đã chẳng có gì rồi, tại sao phải lo về cái chết? Ngay từ đầu đã không có gì cơ mà!” Và điều này

không thể tưởng tượng nổi đối với tâm trí Ấn Độ. Tâm trí Ấn Độ hầu hết bị kẹt vào bản ngã thứ hai. Đó là lý do tại sao Phật giáo không thể tồn tại được ở Ấn Độ. Trong vòng năm trăm năm Phật giáo đã biến mất. Nó bắt rễ dễ hơn ở Trung quốc, bởi vì Lão Tử. Lão Tử đã thực sự sửa soạn một mảnh đất màu mỡ cho Phật giáo ở đó. Khí hậu đã sẵn sàng – như thể có người đã vun xới mảnh đất; chỉ cần hạt giống. Và khi hạt giống qua đến Trung quốc, nó trở thành một cây to. Nhưng tại Ấn Độ nó đã biến mất. Lão Tử không nói về cái ta trường cửu, và tại Trung quốc cũng chẳng có ai bận tâm nhiều lắm.

Có ba nền văn hóa trên thế giới. Một nền văn hoá, được gọi là duy vật - rất thịnh hành ở phương Tây; nền văn hóa khác, được gọi là duy tâm - rất thịnh hành ở Ấn Độ; còn Trung quốc thì có loại văn hóa thứ ba, không duy vật mà cũng chẳng duy tâm. Đó là Lão giáo: sống trong hiện tại và không bận tâm tới tương lai bởi vì bận tâm tới thiên đường và địa ngục, tiên cảnh và giải thoát là vẫn cứ tiếp tục bận tâm về chính mình. Điều ấy rất ích kỉ, và nó xoay quanh cái ta. Theo Lão Tử, theo Phật nữa, và cũng theo tôi nữa, một người mà cố gắng đạt tới thiên đường là một người bị ám ảnh bởi cái ta, rất ích kỉ. Và người ấy không biết một tí nào về bản thể bên trong của mình - không có cái ta.

Cánh cửa thứ ba là sự tự trọng: trẻ con tò mò mọi thứ và thích thú việc làm đó. Một số người bị kẹt ở đây - họ là các nhà kỹ thuật; họ trở thành các diễn viên, nghệ sĩ, chính khách; họ là những người trung bày. Điểm trọng yếu là người làm; họ muốn chứng tỏ cho thế giới rằng họ có thể làm gì đó. Nếu thế giới cho họ cơ hội để sáng tạo thì tốt, bằng không họ trở thành kẻ phá hoại.

Bạn có biết rằng Adolf Hitler đã muốn vào trường nghệ thuật không? Ông ta muốn trở thành một họa sĩ; đó là ước muốn của ông ta. Bởi vì ông ta bị từ chối, bởi vì ông ta không phải là một họa sĩ, bởi vì ông ta bị rớt trong kỳ thi tuyển - việc bị từ chối đó rất khó cho ông ta chấp

thuận - tính sáng tạo của ông ta biến thành xấu. Ông ta trở thành hủy diệt. Nhưng ông ta chỉ muốn trở thành một họa sĩ, ông ta muốn làm gì đó. Bởi vì ông ta bị chê là không có khả năng làm việc đó, nên để trả thù lại, ông ta trở thành hủy diệt.

Kẻ tội phạm và chính khách có họ hàng xa với nhau; họ là anh em họ. Nếu tội phạm được trao cho cơ hội tốt, hắn sẽ trở thành chính khách; và nếu chính khách không gặp được cơ hội tốt để có tiếng nói, hắn sẽ thành tội phạm. Họ có liên hệ với nhau. Bất kỳ lúc nào chính khách cũng có thể trở thành tội phạm, và tội phạm có thể trở thành chính khách. Điều này đã xảy ra qua nhiều thời đại, nhưng chúng ta vẫn chưa sáng suốt để xem xét mọi việc.

Cánh cửa thứ tư là tự nói rộng (self-extension). Từ ‘của tôi’ là mấu chốt ở đó. Người ta phải nói rộng cá nhân mình bằng việc tích lũy tiền bạc, bằng việc tích lũy quyền lực, bằng việc cứ mỗi ngày có nhiều hơn nữa, lớn nữa và lớn nữa. Người yêu nước nói, “Đây là nước của tôi, và đây là nước lớn nhất trên thế giới.” Bạn có thể hỏi nhà yêu nước Ấn Độ. Ông ấy cứ tung hô khắp mọi xó xỉnh rằng đây là *punya bhumi* - đây là nước có nhân nghĩa, một nước tốt lành nhất trên thế giới.

Có lần cái gọi là một vị thánh tới gặp tôi, một tu sĩ Hindu, và ông ấy nói, “Ông không tin rằng đây là đất nước duy nhất đã có biết bao nhiêu vị Phật đã được sinh ra, biết bao nhiêu đại hồn (avatara), bao nhiêu tirthankara - Rama, Krishna và những vị khác sao. Tại sao? - bởi vì đây là mảnh đất đức hạnh nhất.”

Tôi bảo ông ấy, “Có lẽ ngược lại thì đúng hơn. Nếu trong nhà hàng xóm mà bác sĩ cứ đến hàng ngày - lúc thì là bác sĩ gia đình, lúc thì bác sĩ châm cứu, lúc thì thầy chữa mẹo - thì ông nghĩ điều này là gì?”

Ông ấy nói, “Thật đơn giản! Nhà ấy có người bệnh.”

Đây là trường hợp của Ấn Độ: cần tới biết bao nhiêu là vị Phật - đất nước này dường như rất ốm yếu và tâm

bệnh. Biết bao nhiêu thầy thuốc, biết bao nhiêu bác sĩ. Phật từng nói, “Tôi là một y sĩ.” Mà Krishna cũng nói, “Mỗi khi bóng tối lan tràn trên thế giới, mỗi khi luân lý suy đồi trên thế giới, và mỗi khi vũ trụ mất quân bình, ta sẽ quay trở lại.”<sup>345</sup> Vậy tại sao Ngài đã tới lần đó? Ất phải có cùng một lý do. Và tại sao đến Ấn Độ hoài vậy?

Nhưng nhà yêu nước cao ngạo, hung hăng, ích kỷ. Ông ta cứ la lối, “Nước tôi đặc biệt, đạo của tôi đặc biệt, giáo hội của tôi đặc biệt, sách của tôi đặc biệt, thầy của tôi đặc biệt” - và mọi thứ khác đều là đồ bỏ. Đây chỉ là lời rêu rao của bản ngã.

Có người bị mắc vào với cái ‘của tôi’ này - người cuồng tín, người yêu nước, người Hindu, người Ki Tô Giáo, người Hồi giáo.

Cánh cửa thứ năm là tự hình dung. Trẻ con bắt đầu tò mò mọi thứ, thí nghiệm đủ thứ. Khi được cha mẹ khen, nó nghĩ, “Mình cũng giỏi đấy chứ!” Khi được khen ngợi, nó cảm thấy, “Mình hay ghê chứ.” Khi họ giận dữ, quát tháo và la hét, “Không được làm thế!” nó cảm thấy, “Mình bê bối quá rồi.” Nó chùn lại.

Một trẻ nhỏ ngày đầu tiên tới trường và được thầy hỏi “Tên con là gì?”

Nó nói, “Johnny Đùng.”

Thầy giáo phân vân. Thầy nói, “Johnny Đùng ư? Chưa bao giờ nghe thấy cái tên đó!”

Nó nói, “Bất cứ lúc nào, bất kỳ cái gì con làm, con đều được gọi như vậy. Mẹ con hét lên, ‘Johnny *đùng!*’ Cha con quát lên, ‘Johnny *đùng!*’ Cho nên con nghĩ đây là tên con. Bao giờ cũng có ‘Đùng’. Con có làm gì nữa cũng chẳng quan trọng.”

Cánh cửa thứ năm là cửa từ đó luân lý đi vào. Bạn trở thành một nhà đạo đức; bạn cảm thấy hãnh diện, ‘thánh

<sup>345</sup> Krishna nói với Arjuna trong Bhagavat Gita.

thiện hơn người.’ Hoặc là trong thất vọng, trong chống đối, trong đấu tranh, bạn trở thành vô đạo đức, và bạn chống với cả thế giới, để cho cả thế giới biết tay.

Fritz Perls, người sáng lập Gestalt Therapy,<sup>346</sup> viết về một trong những kinh nghiệm đã quyết định cả đời của ông ấy. Ông ấy là bác sĩ tâm lý ở châu Phi. Ông ấy có rất nhiều thân chủ vì là nhà phân tâm duy nhất ở đó. Ông ấy có một chiếc xe to, một biệt thự cùng với vườn, hồ tắm - và mọi thứ mà mọi người muốn có, những xa xỉ phẩm của giới trung lưu. Và rồi ông ấy tới Vienna để tham dự một hội nghị phân tâm thế giới. Tất nhiên, ông ấy là một người thành công ở châu Phi, cho nên ông ấy nghĩ rằng Freud sẽ đón ông ấy, sẽ được tiếp đón long trọng. Và Freud được coi là cha già của các nhà phân tâm, cho nên ông ấy muốn được Freud khen ngợi. Ông ấy đã viết một khảo cứu và đã làm việc trong nhiều tháng, bởi vì ông ấy muốn Freud biết ông ấy là ai. Freud đọc bài báo nhưng không trả lời. Freud rất lạnh nhạt, như các nhà phân tâm khác. Bài ấy gần như chẳng được chú ý tới, không được bình luận tới. Ông ấy cảm thấy rất choáng váng, chán nản, nhưng ông ấy vẫn hi vọng rằng khi gặp Freud thì sẽ có thay đổi. Và ông ấy tới gặp Freud. Ông ấy mới tới bậc thềm, vẫn chưa bước qua cửa thì Freud đã đứng ở đó. Và ông ấy nói với Freud, chỉ để gây chú ý, “Tôi đã tới đây từ hàng ngàn dặm đường.” Và thay vì chào ông ấy, Freud lại nói, “Thế khi nào ông về?” Điều này làm ông ấy hận lắm: “Chào khách kiêu này sao? - ‘Thế khi nào ông về?’” Và cuộc gặp gỡ kết thúc như thế. Ông ấy quay đi, lầm bầm liên tục, giống như đọc thần chú trong đầu: “Ta sẽ cho ông biết tay, ta sẽ cho ông biết tay, ta sẽ cho ông biết tay!” Và để cho Freud biết tay, ông ấy sáng lập một trường phái lớn chống lại phân tâm học - gestalt.

---

<sup>346</sup> Gestalt Therapy là bộ môn tâm lý trị liệu nhìn con người như một tổng thể, khác với Hành Vi học (Behaviorism) và Phân Tâm học (psychoanalysis).

Đây là phản ứng trẻ con. Nếu được chấp nhận, nó cảm thấy thoải mái, nó sẵn sàng làm bất kỳ gì mà cha mẹ muốn. Mà nếu cứ bị thất vọng mãi, nó bắt đầu nghĩ quẩn, “Không có cách nào để mình nhận được tình yêu của cha mẹ, nhưng mình vẫn cần sự chú ý của họ. Nếu không được họ chú ý nữa, mình sẽ làm liều, mình sẽ hút thuốc, mình sẽ thủ dâm, mình sẽ làm hại mình và người khác, và mình sẽ làm đủ mọi thứ mà họ không muốn mình làm, nhưng mình sẽ làm cho họ phải bận tâm về mình. Mình sẽ cho họ biết tay.”

Đây là cánh cửa thứ năm, tự hình dung (self-image). Kẻ tội lỗi và vị thánh đều bị kẹt tại đây. Thiên đường và địa ngục đều là ý tưởng của những người bị kẹt tại đây. Hàng triệu người bị vướng lại. Họ sợ địa ngục và ham muốn thiên đường. Họ muốn được Thượng Đế khen ngợi, và họ muốn Ngài nói với họ, “Con thật là người tốt. Ta sung sướng vì con.” Họ hy sinh cuộc sống chỉ vì một sự tưởng tượng nào đó bên ngoài sự sống và cái chết. Họ tự hành hạ chính mình đủ kiểu chỉ mong được Thượng Đế nói, “Phải rồi, con đã dâng hiến đời sống của con cho ta.”

Cứ như thể là Thượng Đế của họ là người chỉ muốn hành hạ người khác, hay muốn được hành hạ. Họ tự hành hạ mình vì nghĩ rằng họ sẽ làm vui lòng Thượng Đế. Bạn làm vậy để làm gì? Bạn nhịn ăn và bạn nghĩ Thượng Đế sẽ hài lòng với bạn sao? Bạn nhịn đói và bạn nghĩ Ngài sẽ rất sung sướng với bạn sao? Ngài có tàn ác không? Ngài có thích hành hạ người khác không? Và đó là điều mà cái-gọi-là thánh đã từng làm; họ tự hành hạ mình và ngược lên trời hy vọng rằng chẳng chóng thì chầy Thượng Đế sẽ nói, “Này con yêu dấu, con đã làm đẹp lòng ta. Hãy đến đây để được hưởng phúc thiên đường. Lại đây! Sông ở đây là rượu;<sup>347</sup> đường lát bằng vàng, và lầu đài có khám kim cương. Và phụ nữ ở đây chẳng bao giờ già, họ cứ còn

---

<sup>347</sup> Hồi giáo tin rằng trên thiên đàng có những con sông rượu.

mười sáu tuổi mãi.<sup>348</sup> Hãy đến cùng ta! Con đã làm đủ bổn phận rồi. Hãy đến để nhận phần thưởng!” Toàn bộ cái ý tưởng về sự hy sinh là như thế. Đây là một ý tưởng ngu xuẩn, bởi vì tất cả ý tưởng về bản ngã đều là ngu xuẩn.

Cánh cửa thứ sáu là cái ta của lý lẽ. Nó tới qua giáo dục, kinh nghiệm, đọc, học, nghe: bạn sưu tầm ý tưởng, rồi bạn tạo ra các ý hệ, những cơ cấu, những triết lý. Đây là nơi các triết gia, khoa học gia, tư tưởng gia, trí thức và những người duy lý đều bị mắc vào. Nhưng điều này ngày càng phức tạp hơn: so với cánh cửa thứ nhất, cánh cửa này rất tinh tế.

Cánh cửa thứ bảy là cố gắng không tưởng: nghệ sĩ, nhà huyền môn, người không tưởng, kẻ mộng mơ bị mắc ở đó. Họ cố gắng tạo ra một xã hội không tưởng trên thế gian này. Từ ‘không tưởng’ rất đẹp, nghĩa là cái không bao giờ xảy ra. Bao giờ nó cũng thấp thoáng nhưng chẳng bao giờ xuất hiện; bao giờ nó cũng ở đó nhưng không bao giờ ở đây. Nhưng có những kẻ ngẩn trắng, mắt hướng về phương xa, và tâm trí của họ hôn mê trong mộng tưởng. Các nhà thơ lớn, những người tưởng tượng - bản ngã của họ đều bị thu hút trong những cái chưa hình thành. Lại có người muốn hợp nhất với Thượng Đế; họ là các nhà huyền học.

Hãy nhớ, ‘hình thành’ là từ mấu chốt cho cánh cửa thứ bảy, và đó là cánh cửa cuối cùng của bản ngã. Bản ngã chín mùi nhất thì tới đây. Đó là lý do tại sao bạn sẽ cảm thấy - một nhà thơ chẳng hạn - người ấy có thể chẳng có gì, có thể là một kẻ ăn mày, nhưng trong đôi mắt người ấy, trên mũi người ấy, bạn sẽ thấy bản ngã lớn. Nhà huyền môn có thể đã từ bỏ thế giới và có thể ngồi trong hang động, trong tịch cốc Hi Mã. Bạn tới đó và hãy nhìn vào ông ấy: ông ấy có thể trần truồng - nhưng có một bản

---

<sup>348</sup> Ấn Độ giáo tin rằng trên thiên đường con gái đến mười sáu tuổi thì không già thêm nữa.

ngã rất tinh tế. Ông ấy có thể hôn chân bạn, nhưng ông ấy muốn khoe lên, “Ông có thấy tôi khiêm tốn không?”

Có bảy cánh cửa. Bản ngã hoàn thiện khi cả bảy cánh cửa này đã được đi qua; cái bản ngã chín mùi đó có thể rụng bất cứ lúc nào. Đứa trẻ đứng trước bảy bản ngã này, còn Phật đã bỏ bảy bản ngã này sau lưng. Đó là một vòng tròn toàn vẹn.

Bạn hỏi, “Có gì khác biệt giữa cái trống không của đứa trẻ trước khi hình thành bản ngã và cái ngây thơ đã thức tỉnh của một vị Phật?”

Đây là sự khác biệt: Phật đã đi qua tất cả bảy bản ngã này - đã thấy chúng, đã xem xét, đã thấy rằng chúng đều là ảo tưởng; Ngài đã trở về nhà, và một lần nữa đã trở thành đứa trẻ. Đó là ý nghĩa của câu nói của Chúa Giê Su, “Nếu không trở nên như con trẻ, người sẽ không được vào nước Trời.”

### Câu hỏi thứ hai

*Con hơi tò mò. Thầy đã đọc cuốn sách Zorba người Hi Lạp<sup>349</sup> của Kazantzakis chưa? Con thích cuốn sách đó lắm. Zorba có phải là mẫu người mà Thầy muốn chúng con trở thành không? Đó là cách con hiểu giáo huấn của Thầy.*

Tôi đã là Zorba người Hi Lạp trong nhiều kiếp. Tôi không cần đọc cuốn sách đó; đó là cuốn tự truyện của tôi. Và đó là điều tôi muốn bạn trở thành.

---

<sup>349</sup> Zorba the Greek. Bộ sách nổi tiếng này đã được Nguyễn Hữu Hiệu dịch sang Việt ngữ.

Hãy coi cuộc sống là vui vẻ, hãy sống một cách nhẹ nhàng, hãy sống một cách thanh thoi, đừng tạo ra những khó khăn không cần thiết. Chín mươi chín phần trăm rắc rối của bạn là do bạn tạo ra bởi vì bạn sống đời một cách nghiêm khắc. Nghiêm chính là cội rễ của mọi vấn đề. Hãy vui vẻ, và bạn sẽ không sảy điều gì - bởi vì cuộc sống là Thượng Đế. Hãy quên Thượng Đế đi; hãy sống động, hãy sống động một cách cuồng nhiệt. Hãy sống từng khoảnh khắc như thể đây là giây phút cuối cùng. Hãy sống một cách mạnh mẽ; hãy để cho ngọn đuốc của bạn bùng cháy từ cả hai đầu. Cho dù đó chỉ là một khoảnh khắc thì cũng quá đủ rồi. Một khoảnh khắc với một cường độ mạnh mẽ cũng đủ để cho bạn ném được hương vị của Thượng Đế. Bạn có thể sống một cách hồ hững, theo kiểu tư sản, theo cách trung lưu. Nếu cứ tiếp tục sống, cứ kéo lê trong hàng triệu năm, bạn chỉ thu thập bụi bặm trên đường chứ chẳng được gì khác. Một khoảnh khắc sáng tỏ, toàn bộ, tự phát, sẽ làm bạn bùng cháy như ngọn lửa. Chỉ một khoảnh khắc là đủ! Một khoảnh khắc cũng đủ biến bạn thành vĩnh cửu; từ khoảnh khắc đó bạn sẽ nhảy vào vĩnh hằng. Đó là toàn bộ thông điệp của tôi cho những người yêu mến tôi: hãy sống đời một cách mà bạn không cần phải ăn năn bao giờ.

Một người bạn đã gửi tới cho tôi một cột báo.

Một bà già, tám mươi năm tuổi, được một nhà báo hỏi rằng nếu phải sống một lần nữa, bà sẽ sống như thế nào?

Bà ấy trả lời một cách rất khôn ngoan, “Nếu được sống lại cuộc đời đã qua, tôi dám phạm nhiều tội lỗi hơn trước. Tôi sẽ thanh thoi, tôi sẽ từ tốn. Tôi sẽ điên rồ hơn cuộc đời này nữa. Tôi sẽ không coi gì là quan trọng hết. Tôi sẽ liều mạng hơn. Tôi sẽ du lịch nhiều hơn. Tôi sẽ leo núi và tắm sông nhiều hơn. Tôi sẽ ăn nhiều kem hơn và ít đậu hơn. Có lẽ tôi sẽ gặp nhiều rắc rối hơn, nhưng tôi sẽ thực tế hơn.

“Anh xem đây, tôi là một trong những người đã sống một cách hợp lý và lành mạnh theo từng giờ, từng ngày. Ôi, tôi đã có những phút huy hoàng, và nếu phải làm lại

điều đó, tôi sẽ làm nhiều hơn nữa. Thực ra, tôi chẳng muốn gì khác - chỉ từng khoảnh khắc, cái này tiếp nối cái kia, thay vì mỗi ngày phải sống cho nhiều năm trong tương lai. Tôi chưa bao giờ đi đâu mà không mang theo nhiệt kế, chai nước nóng, áo mưa và ô. Nếu được bắt đầu lại, tôi sẽ ít linh kinh hơn trước nhiều.

“Nếu phải sống lại đời đã qua, tôi sẽ đi chân không khi xuân tới và hết thu mới thôi. Tôi sẽ đi dạ vũ nhiều hơn. Tôi sẽ cười nhiều vòng ngựa gỗ hơn.<sup>350</sup> Tôi sẽ hái nhiều hoa cúc hơn.”

Và đó cũng là quan niệm của tôi về sannyasin. Hãy sống mỗi khoảnh khắc một cách toàn vẹn. Đừng quá lành mạnh, bởi vì quá lành mạnh sẽ dẫn tới không lành mạnh. Hãy để cho một ít điên khùng còn lại trong bạn. Điều đó sẽ thêm hương vị cho cuộc sống, làm cho cuộc sống tươi thắm hơn. Hãy giữ lại một chút ít phi lý. Điều đó giúp cho bạn có thể vui đùa, và luôn luôn vui vẻ; nó sẽ giúp cho bạn thoải mái. Một người lành mạnh sống quá nhiều bằng đầu óc, không thể thoát ra được. Người ấy như thể chỉ có sống trên lầu. Hãy sống khắp mọi chỗ, vì đây là nhà của bạn! Tầng trên gác thì tốt, mà tầng dưới cũng tốt - và dưới hầm cũng đẹp nữa. Hãy sống khắp mọi nơi; đây là nhà của bạn mà. Và đừng đợi tới lần sau. Tôi sẽ nói với bà già ấy như thế, vì lần sau chẳng bao giờ tới cả.

Không phải là bạn sẽ không được sinh ra nữa; bạn sẽ được sinh ra nữa, nhưng bạn sẽ quên mất. Thế thì bạn sẽ bắt đầu lại từ ABC. Bà già này đã từng ở đây nhiều lần, cả triệu lần chứ không phải ít. Và tôi có thể nói với bạn rằng *mỗi* lần, gần khoảng tuổi tám mươi năm, bà ấy lại lầm bầm: “Lần sau tôi sẽ không làm vậy nữa.” Nhưng lần sau bạn không nhớ; đây mới là vấn đề. Bạn không còn nhớ gì về kiếp trước nữa. Thế thì bạn lại bắt đầu từ ABC, và cũng những điều như thế lại xảy ra.

---

<sup>350</sup> Vòng ngựa gỗ - merry-go-round

Cho nên tôi sẽ không nói bạn phải đợi tới lần sau. Hãy chụp ngay lấy khoảnh khắc này đi! Đây là thời gian duy nhất đang xảy ra, không có thời gian nào khác. Cho dù đã tám mươi năm tuổi, bạn vẫn có thể làm lại. Và nếu bạn đã tám mươi năm, còn cóc gì mà sợ mất nữa chứ? Nếu bạn đi chân trần trên bãi biển vào mùa xuân, nếu bạn nhặt hoa cúc, mà bạn có chết trong lúc đó cũng chẳng có sao đâu. Chết khi đi chân trần trên bãi biển cũng là cách độc đáo để chết. Chết khi nhặt hoa cúc là cách chết tuyệt vời. Dù tám mươi năm hay mười lăm tuổi, cũng chẳng khác nhau. Hãy giữ lấy khoảnh khắc này. Hãy là một Zorba.

Bạn hỏi: “*Con tò mò. Thầy đã đọc cuốn sách Zorba người Hi Lạp của Kazantzakis chưa? Con thích cuốn sách đó lắm.*”

Chỉ yêu nó không thôi cũng chẳng ích gì. Hãy là nó! Thông thường bạn thích cái ngược lại với con người của bạn. Bạn thích cái trái ngược của cái bạn đang là bởi vì nó cho phép bạn mộng tưởng. Nó giúp bạn mơ ước về cách bạn muốn trở thành: đó là sự quỵên rũ của Zorba.

Nhưng thích cuốn sách đó cũng chẳng ơn ích gì. Đó là điều mọi người vẫn thường làm qua nhiều thời đại. Có người yêu Kinh thánh, và họ không trở thành Chúa Giê Su. Lại có người yêu Tâm Kinh. Họ đọc, họ tụng hàng ngày. Hàng triệu người ở phương Đông tụng Tâm Kinh năm lần một ngày - ở Trung quốc, ở Nhật Bản, ở Triều Tiên, ở Việt Nam - họ đọc đi, đọc lại. Đó là một cuốn kinh nhỏ; nó có thể được lặp lại trong vài phút. Họ mến nó, nhưng họ không trở thành nó!

Hãy là một Zorba. Hãy nhớ điều đó: yêu sách không ích gì đâu, chỉ sống mới có ích.

“*Con thích cuốn sách đó lắm. Có phải Zorba là cách thức mà Thầy muốn chúng con trở thành không?*”

Không hẳn như vậy, bởi vì tôi không thích nhiều Zorba trên thế giới. Không phải *y hết*, bởi vì điều đó sẽ xấu xí, đơn điệu và nhàm chán. Hãy là Zorba theo cách riêng của mình – không phải *y hết*.

Đừng bao giờ cố gắng bắt chước bất kỳ ai, đừng bao giờ là kẻ bắt chước; đó là tự sát. Thế thì bạn sẽ chẳng bao giờ có thể tận hưởng được. Như thế thì chỉ là một bản sao, và chẳng bao giờ là nguyên bản. Và tất cả những gì xảy ra trong cuộc sống - chân, thiện, mỹ, giải thoát, thiên định, tình yêu – đều xảy ra cho nguyên bản, không bao giờ xảy ra cho bản sao. Hãy cẩn thận – không phải *y hết*; điều đó rất nguy hiểm. Nếu bạn bắt chước Zorba và làm những điều như nó làm, bạn sẽ gặp rắc rối. Đó là cách mà mọi người vẫn thường làm.

Hãy nhìn những người Ki Tô Giáo mà xem. Hãy nhìn những người Hindu mà xem: họ đang cố gắng bắt chước *y hết*. Không ai có thể là Phật Thích Ca một lần nữa! Thượng Đế không cho phép bất kỳ sự lặp lại nào! Ngài không cho phép loại người hạng hai. Ngài yêu người hạng nhất. Ngài yêu Phật. Ngài yêu đến độ không chấp nhận một bản sao nào. Bây giờ một bản sao như Phật không cần nữa. Đây sẽ không còn là chuyện yêu đương chút nào nữa. Điều đó có khác gì bạn coi đi coi lại cùng một cuốn phim, hoặc đọc cùng cuốn sách mà bạn đã đọc nhiều lần trước đây. Thượng Đế không chờ đẫn và ngờ nghếch như thế; Ngài không cho phép bất kỳ ai lặp lại bất kỳ ai khác bao giờ. Chúa Giê-Su chỉ có một, Phật chỉ có một - và cũng chỉ một người như bạn! Và bạn là đơn độc, không có ai khác giống bạn. Chỉ có bạn là bạn thôi. Điều này tôi gọi là kính trọng cuộc sống. Điều này mới thực sự là tự trọng chính mình.

Hãy học từ Zorba, hãy học điều bí mật, nhưng đừng bao giờ cố gắng bắt chước. Hãy học cái khí hậu đó, hãy thông cảm, hãy tìm hiểu, hãy có cảm tình với nó, hãy chia sẻ với Zorba, và thế rồi đi theo đường riêng của bạn. Và hãy là chính bạn.

Câu hỏi thứ ba

*Xin Thầy hãy nói về những điểm tương đồng và dị biệt giữa câu nguyện và thiền.*

Câu hỏi này là của Mark Nevejan...

*Tái bút. Thầy không biết con bởi vì con chưa từng gặp riêng Thầy. Arup biết con chút ít.*

Arup cũng chưa biết cô ấy, làm sao cô ấy lại biết bạn được? - dù chỉ một chút ít! Bạn chưa từng gặp tôi, điều đó đúng. Nhưng tôi biết bạn, bởi vì tôi biết chính tôi. Cái ngày tôi nhận ra chính mình, tôi cũng biết về mọi người bởi vì đây là cùng một cái chân không nhưng nở ra theo nhiều cách khác nhau.

Tôi biết bạn, Mark. Có thể bạn không biết tôi. Làm sao bạn biết tôi được khi bạn không biết tới chính mình? Nhưng tôi biết bạn. Có thể tôi không biết hình hài của bạn, nhưng tôi biết bạn... và bạn không phải là hình sắc.

*Do đó, này Sariputra...*

*Sắc là không, không là sắc.*

Tôi biết chân lý bên trong bạn; tôi có thể không biết cá tính của bạn. Đó là lý do tại sao tôi có thể giúp bạn bởi vì tôi biết bạn. Đó là lý do tại sao tôi có thể giúp bạn giải thoát - bởi vì tôi biết bạn. Nếu không biết bạn, tôi không thể nào đưa bạn vượt ra ngoài được.

Và bạn hỏi: “Xin Thầy hãy nói về những điểm tương đồng và dị biệt giữa cầu nguyện và thiền.” Tôi định nói về điều đó hôm qua, nhưng có nhiều câu hỏi quá, và tôi chưa thể trả lời bạn được.

Mark đã viết câu hỏi khác ngày hôm nay:

*Kính gửi Mùa hè của Tâm thức và Tự do,*

*Hôm nọ con đã hỏi Thầy một câu hỏi về đâu là điểm chung và điểm khác biệt giữa cầu nguyện và thiền. Đồng thời, con đã đọc trong sách của Thầy, Tôi Là Lối Cổng,<sup>351</sup> và con đã tìm ra câu trả lời. Xin cảm ơn Thầy về lời đáp.*

*Bầu trời mây mù Hòa Lan tên là Mark Nevejan.*

Bạn sẽ không còn được gọi là Mark Nevejan lâu nữa! Tôi nghĩ sẽ là hôm nay, bởi vì tôi không đợi cho tới mai. Tôi sẽ đặt cho bạn một cái tên thật đẹp. Nó sẽ không là mây; nó sẽ không là bầu trời mây mù Hòa Lan. Nó sẽ là bầu trời Ấn Độ không mây.

Nhiều khi bạn hỏi một câu hỏi, rồi nếu bạn tìm kiếm nó, bạn sẽ tìm thấy. Kiên nhẫn là điều cần thiết, bởi vì khi tôi trả lời câu hỏi của người khác, chúng cũng là câu hỏi của bạn nữa. Chỉ cần kiên nhẫn là đủ. Khi trả lời một câu hỏi, tôi cũng trả lời nhiều câu hỏi - những câu đã hỏi, và những câu chưa hỏi, và những câu sẽ hỏi trong tương lai, và những câu sẽ không bao giờ được hỏi tới.

Tốt lắm, Mark. Bạn đã chờ đợi một ngày mà không giận dữ. Vài người đã nổi nóng. Họ viết cho tôi một cách giận dữ, “Con đã hỏi bao nhiêu câu hỏi và thầy chẳng trả lời cho con cả.” Họ không nghe tôi nói mà chỉ tìm kiếm

---

<sup>351</sup> I Am The Gate – Tôi Là Lối Cổng. Tập sách bàn về những điều huyền bí sẽ được xuất bản nay mai.

cho câu hỏi *của họ*. Đó là bản ngã của họ; câu hỏi không quan trọng - “Câu hỏi của tôi phải được trả lời.” Và khi tôi thấy người nào đó đã hỏi một câu hỏi mà trong đó cái ‘của tôi’ là quan trọng hơn, tôi sẽ chẳng bao giờ trả lời.

Mukta đang ngồi kia. Cô ấy viết đi viết lại cho tôi: “Osho, tại sao thầy chẳng bao giờ trả lời câu hỏi của con?” Cái ngày cô ấy vứt bỏ cái ‘của tôi’ của cô ấy đi, cô ấy sẽ bắt đầu tìm ra câu trả lời.

Tôi đang liên tục trả lời! Nhưng khi quá gần bó với câu hỏi *của bạn*, khi bạn chỉ chờ xem khi nào câu hỏi *của bạn* được trả lời, bạn sẽ bỏ lỡ tất cả những câu hỏi đang đến với bạn như mưa. Rất nhiều khi tôi trả lời một câu hỏi, chính người hỏi câu hỏi đó cũng không nhận được nó, nhưng những người khác lại nhận ra dễ dàng. Bởi vì họ không lo nghĩ, bởi vì đây không phải là câu hỏi của họ, cho nên họ ngồi im lặng. Họ không bị kích động, không bị căng thẳng; nó chẳng có gì riêng tư đối với họ cả. Họ có thể thư thái và tận hưởng câu trả lời. Nếu là câu hỏi của bạn, bạn căng thẳng và bạn sợ hãi. Và tôi chẳng để lỡ cơ hội nào - nếu có thể đánh được bạn, tôi đánh ngay!

### Câu hỏi thứ tư:

*Con đã nghe Thầy nói đi nói lại rằng chúng ta nên ở lại trong thế giới này, ngay giữa chợ. Vậy mà phần lớn những người con gặp ở đây lại muốn sống với Thầy ở đây; họ chỉ trở về phương Tây để kiếm đủ tiền rồi lại trở lại. Một cộng đồng lớn đang được hoạch định. Xin Thầy cho ý kiến.*

*Thầy nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc sống gần một vị thầy hiện còn sống, nhưng sau khi cầu nối đã được thiết lập thì Thầy bao giờ cũng gần liền với chúng con. Tại sao mọi người đều muốn sống trong cộng đồng*

*của Thầy, thay vì ở trong thế giới? Điều đó chắc chắn là tuyệt diệu rồi, nhưng còn giữa chợ thì sao?*

Nó đang trở thành cái chợ lớn nhất mà bạn chưa bao giờ trông thấy. Đừng lo nghĩ về điều đó! Nó sắp sửa thành chính thế giới này rồi - tất nhiên là mạnh mẽ hơn hẳn mọi nơi mà bạn có thể tìm thấy; tất nhiên hỗn loạn hơn. Và không có ai để hoạch định cả, Hãy nhớ, nó đang tới từ hư không. *Do đó, này Sariputra...!*

Câu hỏi thứ năm:

*Có hy vọng gì để cho xã hội lý tưởng của Thầy thành công khi phải đương đầu với các chính khách, các thầy tu và những tập đoàn thống trị khác không?*

Trước hết, tôi không quan tâm tới bất kỳ xã hội lý tưởng nào. Vì vậy, tôi cũng không quan tâm tới bất kỳ lý tưởng cá nhân nào. Từ 'lý tưởng' rất bản thủ đối với tôi. Tôi không có lý tưởng nào. Lý tưởng dẫn bạn tới điên khùng. Chính lý tưởng đã làm cho cả trái đất này thành một nhà thương điên lớn.

Lý tưởng có nghĩa là bạn không phải là cái bạn đáng phải là. Nó tạo ra căng thẳng, lo âu, thống khổ. Nó chia rẽ bạn, nó làm cho tâm trí bạn bị phân liệt. Và lý tưởng thuộc về tương lai, còn bạn thì ở đây. Và làm sao bạn có thể sống được khi bạn chưa phải điều lý tưởng? Trước hết hãy là lý tưởng rồi mới sống - và điều đó chẳng bao giờ xảy ra cả. Điều đó không thể nào xảy ra ngay từ chính bản chất của sự việc. Lý tưởng là điều không thể xảy ra;

đó là lý do tại sao chúng lại là lý tưởng. Chúng làm cho bạn điên khùng và làm bạn mất trí. Và đưa đến việc kết án, bởi vì không bao giờ bạn đạt tới lý tưởng được. Mặc cảm tội lỗi được tạo ra. Thực ra, đó là điều các thầy tu và chính khách làm xưa nay - họ muốn bạn bị mặc cảm tội lỗi. Để tạo ra mặc cảm, họ dùng lý tưởng; đó là cơ chế đơn giản nhất. Trước hết đưa ra một lý tưởng, thế rồi mặc cảm tự động tìm tới.

Nếu tôi nói với bạn rằng hai mắt không đủ mà cần phải ba mắt; hãy mở con mắt thứ ba của bạn ra! Hãy đọc Lobsang Rampa.<sup>352</sup> Hãy mở con mắt thứ ba ra! Và bây giờ bạn cố gắng vát vũa, cách này cách khác, và bạn trồng cây chuối, bạn đọc mật chú mà mắt thứ ba vẫn không mở. Bây giờ bạn bắt đầu thấy mặc cảm - một cái gì đó bị trục trặc... bạn không phải là người thích hợp. Bạn trở nên thất vọng. Bạn chà mắt thứ ba thật mạnh mà nó vẫn chẳng chịu mở ra cho.

Hãy cẩn thận về những nhảm nhí này. Hai con mắt là đẹp rồi. Và nếu bạn chỉ có một mắt, điều đó cũng hoàn hảo. Bởi vì Chúa Giê Su nói, “Khi hai con mắt trở thành một, thế thì cả thân xác tràn đầy ánh sáng.” Nhưng tôi không nói rằng bạn phải dụi đi một mắt. Hãy chấp nhận con người của mình. Thượng Đế đã tạo nên bạn một cách hoàn thiện; Ngài không làm điều gì bất toàn đâu. Và nếu bạn cảm thấy có sự bất toàn nào đó thì đó là một phần của sự hoàn thiện. Bạn bất toàn một cách hoàn thiện. Thượng Đế biết rõ hơn: rằng chỉ vì bất toàn nên mới có sự trưởng thành, chỉ trong bất toàn mới có lưu thông, chỉ trong bất toàn thì điều gì đó mới có thể xảy ra được. Nếu bạn đã hoàn hảo thì có khác chi một tảng đá. Thế thì chẳng có gì sẽ xảy ra cả, thế thì chẳng có gì có thể xảy ra cả. Nếu bạn hiểu tôi, tôi muốn nói với bạn: Thượng Đế cũng bất toàn một cách hoàn hảo; nếu không, Ngài đã chết từ lâu rồi.<sup>353</sup>

<sup>352</sup> Lobsang Rampa là tác giả của cuốn *The Third Eye* (mắt thứ ba).

<sup>353</sup> Một trong những va chạm giữa Ki Tô Giáo và khoa học là quan niệm rằng Thiên Chúa đã hoàn tất sự tạo dựng vũ trụ sau sáu ngày.

Ngài sẽ không đợi để cho Friedrich Nietzsche phải tuyên bố rằng Thượng Đế đã chết.<sup>354</sup>

Nếu Ngài đã hoàn hảo, còn gì nữa cho Ngài làm?<sup>355</sup> Thế thì Ngài chẳng thể làm được gì nữa, thế thì Ngài không thể có tự do nào nữa để làm gì cả. Ngài không thể tăng trưởng được; chẳng có chỗ để phát triển nữa. Ngài sẽ bị mắc kẹt ở đó. Ngài có muốn chết cũng không được, bởi vì khi bạn hoàn hảo, bạn không làm những điều như thế.

Hãy chấp nhận con người của mình.

Tôi không quan tâm tới bất kỳ xã hội lý tưởng nào, không chút nào. Tôi cũng không quan tâm tới các cá nhân lý tưởng. Tôi không quan tâm đến chủ nghĩa lý tưởng chút nào!

Và với tôi, xã hội không hiện hữu, chỉ có các cá nhân. Xã hội chỉ là một cấu trúc làm việc, một tiện dụng. Bạn không thể gặp mặt xã hội. Bạn có bao giờ tình cờ bắt gặp xã hội chưa? Bạn đã bao giờ bắt gặp nhân loại chưa? Bạn đã bao giờ tình cờ bắt gặp Hindu giáo chưa, Hồi giáo chưa? Không, bao giờ bạn cũng bắt gặp cá nhân, cá nhân cụ thể, bằng xương bằng thịt.

Nhưng có những người muốn cải thiện xã hội, và tạo ra xã hội lý tưởng.<sup>356</sup> Và những người này là những tai họa. Họ là mối họa lớn nhất. Bởi vì xã hội lý tưởng của họ mà họ đã phá hủy sự kính trọng của con người đối với chính mình, và họ đã tạo ra mặc cảm cho mọi người. Người nào cũng tội lỗi hết; theo tiêu chuẩn đó thì chẳng có ai sung sướng hết. Và bạn có thể tạo ra mặc cảm cho mọi thứ, và một khi mặc cảm được tạo ra, bạn có uy quyền. Người tạo ra mặc cảm trong bạn sẽ có quyền năng

---

<sup>354</sup> Nietzsche đã làm chấn động thế giới với câu “Thượng Đế đã chết!” Xin đọc Zarathustra Đã Nói Như Vậy (Thus Spake Zarathustra).

<sup>355</sup> Do Thái giáo và Ki Tô Giáo nói rằng Thiên Chúa dựng lên vũ trụ trong sáu ngày, và ngày thứ bảy Ngài nghỉ. Câu hỏi là từ đó đến nay Ngài đã làm gì?

<sup>356</sup> Các Mác là một thí dụ.

đôi với bạn. Hãy nhớ mưu mô này - bởi vì chỉ có người đó mới cứu bạn khỏi mặc cảm đượ. Thế thì bạn phải cầu cứu với người đó. Các thầy tu trước hết tạo ra mặc cảm, rồi bạn phải tới nhà thờ, bạn phải xưng tội, “Con đã phạm phải tội này,” và người đó tha thứ cho bạn nhân danh Chúa. Trước hết, nhân danh Chúa người đó tạo ra mặc cảm, rồi người đó tha thứ cho bạn cũng nhân danh Chúa.

Hãy nghe câu chuyện này.

Calvin bị mẹ bắt quả tang phạm tội nặng, và lập tức phải đi xưng tội.

“Thưa cha,” Calvin nói, “Con đã chơi với chính mình.”

“Tại sao con lại làm điều đó?” thầy tu thực sự giận dữ và quát lên.

“Con chẳng có gì hơn để mà chơi,” Calvin nói.

“Để đền tội, hãy đọc năm kinh Lạy Cha và năm kinh Kính Mừng.”

Tuần sau Calvin lại bị bắt nữa. Nó lại phải đi xưng tội.

“Thưa cha, con đã chơi với chính mình.”

“Sao con lại làm thế?”

“Con chẳng có gì hơn để mà chơi,” Calvin nói.

“Đọc mười kinh Lạy Cha và năm kinh Kính Mừng.”

Tuần sau, Calvin lại phạm tội, “Đi xưng tội đi,” mẹ nó nói. “Và mang cái bánh sô cô la này cho cha.”

Trong khi chờ đợi một hồi lâu, Calvin ăn hết nguyên cái bánh. Trong phòng thú tội nó nói, “Thưa cha, Mẹ con sai đem biếu cha một cái bánh sô cô la, nhưng con đã ăn hết trong khi đợi rồi.”

“Sao con lại làm thế?” thầy tu hỏi.

“Con chẳng có gì hơn để mà chơi.”

“Thế sao con không chơi với chính mình?”

Thầy tu không quan tâm tới điều bạn làm; ông ta có mỗi lợi cá nhân - cái bánh sô cô la của mình. Còn bạn thì có thể cút xuống địa ngục! Thế thì bạn có thể làm cái gì cũng được, nhưng cái bánh sô cô la đâu?

Họ tạo ra mặc cảm, rồi họ lại tha thứ cho bạn vì danh Chúa. Họ làm cho bạn thành kẻ tội lỗi rồi họ nói, “Bây giờ hãy đến với Chúa, Ngài là đấng cứu rỗi.”

Chẳng có ai ở đó mà cứu bạn cả vì ngay từ đầu bạn có phạm vào tội gì đâu. Bạn không cần phải được cứu rỗi.

Đây là thông điệp của Phật: Bạn đã ở đó rồi! Bạn đã được cứu vớt rồi! Vị cứu tinh không cần tới, bạn không phạm tội.

*Không khổ, Sariputra, không tập, không diệt, và không đạo. Không sở đắc, cũng không có không sở đắc.*

Trường hợp đó đã xảy ra; đó chính là thiên tính của bạn.

Tôi không quan tâm tới bất kỳ xã hội lý tưởng nào. Xin hãy vứt bỏ cái ước mơ đó; nó đã tạo ra những cơn ác mộng lớn trên thế giới. Hãy nhớ, chẳng có gì có thể xảy ra về mặt chính trị cả. Chính trị đã chết. Bạn có bầu cho phe nào cũng được, phe tả hay phe hữu, hãy làm việc đó nhưng đừng ảo tưởng. Cần phải từ bỏ cái ý tưởng rằng một hệ thống nào đó sẽ là một cứu tinh. Không hệ thống nào có thể là cứu tinh cả - chủ nghĩa cộng sản, phát xít, chủ nghĩa của Gandhi. Không xã hội nào có thể cứu bạn được, và không xã hội nào có thể là một xã hội lý tưởng. Và không có cứu tinh - Chúa, Krishna hay Rama. Bạn phải vứt bỏ cái nhảm nhí mà bạn vẫn mang trong mình về tội lỗi và bạn là kẻ tội lỗi.

Hãy trút toàn bộ năng lượng vào việc nhảy múa, hoan lạc. Và thế thì bạn là lý tưởng rồi, tại đây và ngay bây giờ. Bạn không cần phải trở thành lý tưởng.

Ý thức hệ, như được biết, đã mất sức mạnh rồi. Thực ra, nó đã không có thật ngay từ lúc đầu. Và sức mạnh để thuyết phục cũng đã lỗi thời rồi. Và chẳng mấy người có đầu óc còn tin là con người có thể hoạch định nữa, và rằng khoa học xã hội có thể kiến tạo một xã hội hài hòa và không tương mới. Chúng ta đang sống trong thời đại tự do hoàn toàn. Chúng ta đã trưởng thành. Con người không còn ngây thơ nữa, nó đã chín chắn hơn. Chúng ta đang sống trong thời kì của Socrates, bởi vì mọi người đang hỏi những câu quan trọng về cuộc sống. Đừng mơ tưởng, đừng thêm muốn một lý tưởng, một ý tưởng, một sự hoàn hảo nào đó trong tương lai. Hãy vứt bỏ mọi lý tưởng và sống ngay tại đây và ngay bây giờ.

Cộng đồng của tôi không phải là một xã hội lý tưởng. Cộng đồng của tôi sẽ là cộng đồng ở đây và bây giờ.



# 7

## Chân Không Viên Mãn



*Do đó, này Xá Lợi Phất,  
chính vì không có chứng đắc mà bỏ tất,  
dựa vào trí huệ bát nhã,  
tâm không có chướng ngại.*

*Vì không có chướng ngại nên không sợ hãi,  
xa lìa làm tướng, đạt tới Niết Bàn.*

*Hết thấy chư Phật trong ba đời đều dựa vào trí huệ bát  
nhã mà chứng đắc giác ngộ vô thượng viên toàn.*

Thiền là gì? - bởi vì toàn bộ Tâm Kinh này là nói về cái cốt lõi thâm sâu nhất của thiền. Chúng ta hãy bàn về điều ấy.

Trước hết: thiền không phải là tập trung. Tập trung hợp bởi một chủ thể đang tập trung và một đối tượng được tập trung vào. Đó là nhị nguyên. Thiền không có người bên trong và không cái bên ngoài. Đó không phải là tập trung. Không có sự phân chia giữa trong và ngoài. Cái bên trong nối tiếp cái bên ngoài, và cái ngoài thông với cái bên trong. Sự phân ranh giới, sự chia cắt không còn nữa. Cái trong là cái ngoài, cái ngoài là cái trong; nó là tâm thức bất nhị.

Tập trung là tâm thức nhị nguyên: đó là lý do tại sao tập trung đưa đến mệt mỏi; đó là lý do tại sao khi tập trung, bạn cảm thấy kiệt sức. Và bạn không thể tập trung được trong hai mươi bốn tiếng, bạn sẽ phải lấy ngày nghỉ để dưỡng sức. Tập trung không bao giờ trở thành bản tính của bạn được. Thiền thì không mệt mỏi, không làm bạn kiệt sức. Thiền có thể 'làm' trong hai mươi bốn tiếng - ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác. Nó có thể kéo dài mãi mãi. Nó chính là sự thành thoi.

Tập trung là một hành động, một hành động có ý chí. Thiền không cần đến ý chí; đó là một trạng thái không hành động. Nó là sự thư giãn. Bạn chỉ cần buông trôi vào bản thể mình, và bản thể đó chính là bản thể của đại ngã. Tập trung cần phải có một kế hoạch, một sự phóng chiếu, một ý tưởng. Mục đích của tập trung là kết luận: bạn đang làm điều gì đó. Tập trung có gốc từ quá khứ.

Thiền không tìm đến một kết luận nào hết. Bạn không làm bất cứ gì đặc biệt, bạn chỉ hiện hữu. Nó không có quá khứ; nó không bị quá khứ làm vẩn đục. Nó không có tương lai, nó không bị tương lai làm hoen ố. Điều ấy Lão Tử đã gọi là vi vô vi, hành động nhưng không hành động. Đó là điều các thiền sư đã từng nói: ngồi im lặng không

làm gì hết, mùa xuân tới và cỏ tự nó mọc lên.<sup>357</sup> Hãy để ý từ, ‘tự nó’ – không phải làm gì cả. Bạn không kéo cho cỏ mọc lên; mùa xuân tới và cỏ tự mọc lên. Trạng thái đó - khi bạn cho phép cuộc sống diễn ra theo ý riêng của nó, khi bạn không muốn điều khiển nó, khi bạn không muốn đưa ra bất kỳ sự kiểm soát nào, khi bạn không thao túng, khi bạn không áp đặt bất kỳ kỷ luật nào cho nó - trạng thái tự phát thuần khiết, không kỷ luật đó chính là thiền.

Thiền là trong hiện tại, hiện tại toàn vẹn. Thiền là trực tiếp. Bạn không thể thiền được, nhưng bạn có thể trong trạng thái thiền. Bạn không thể nằm trong tập trung được, nhưng bạn có thể tập trung. Tập trung là của con người; thiền là thiên nhiên.

Tập trung có một trung tâm bên trong bạn; từ trung tâm đó nó hướng ra. Bạn có cái ta khi tập trung. Thực ra, người tập trung thật nhiều sẽ có cái ta rất mạnh. Người đó càng ngày càng trở nên mạnh hơn, người đó mỗi ngày mỗi nhiều ý chí hơn. Người ấy trông có vẻ tự chủ hơn, ít phân tán hơn.

Thiền nhân không trở thành mạnh mẽ: người ấy trở thành im lặng, người ấy trở thành an bình. Sức mạnh được tạo ra từ xung khắc; tất cả các sức mạnh đều có do sự cọ xát. Từ cọ xát sinh ra điện. Bạn có thể tạo ra điện từ nước: khi nước sông đổ từ núi xuống thì có sự cọ xát giữa sông và mô tơ, và sự cọ xát sinh ra năng lượng. Đó là lý do tại sao những người tìm kiếm sức mạnh bao giờ cũng tranh đấu. Tranh đấu tạo ra năng lượng. Bao giờ cũng là vì cọ xát mà năng lượng được tạo ra, sức mạnh được tạo ra. Thế giới cứ phải khổ mãi vì chiến tranh bởi vì thế giới bị khống chế bởi ý tưởng về sức mạnh. Bạn không thể mạnh mà không tranh đấu.

Thiền đem tới an bình. An bình có sức mạnh riêng của nó, nhưng đó lại là một hiện tượng khác hẳn. Sức mạnh được tạo ra từ sự cọ xát là bạo hành, hung hăng, nam tính.

---

<sup>357</sup> Đây là một trong những công án rất nổi tiếng của người Nhật.

Sức mạnh - tôi phải dùng từ này bởi vì không có từ nào khác - sức mạnh bắt nguồn từ an bình, là nữ tính. Nó có ân sủng của nó. Nó là sức mạnh thụ động, nó tiếp nhận, nó cởi mở. Nó không bắt nguồn từ cọ xát; đó là lý do tại sao nó không bạo hành.

Phật có sức mạnh, mạnh mẽ trong sự an bình của Ngài, trong im lặng của Ngài. Ngài có sức mạnh mẽ của một bông hồng, Ngài không mạnh mẽ như bom nguyên tử. Ngài mạnh mẽ như nụ cười của trẻ thơ... rất mảnh mai, rất mong manh; Ngài không mạnh như lưỡi kiếm. Ngài mạnh mẽ, như ngọn đèn dầu nhỏ, ngọn lửa nhỏ cháy sáng trong đêm tối. Đó là sức mạnh của một chiều kích hoàn toàn khác. Sức mạnh này là cái chúng ta gọi là sức mạnh thiêng liêng. Nó không bắt nguồn từ cọ xát.

Tập trung là sự cọ xát: bạn tranh đấu với tâm trí mình. Bạn cố gắng hội tụ tâm trí theo một chiều hướng nào đó, hướng tới một ý tưởng nào đó, hướng về một vật nào đó. Bạn ép buộc tâm trí, bạn kéo nó trở lại mãi. Nó cố vùng vẫy, nó tuột đi, nó đi lạc lối, nó nghĩ đến cả ngàn sự việc, và bạn đem nó trở về, bạn bó buộc nó. Bạn tự tranh đấu. Sức mạnh được tạo ra theo cách đó; sức mạnh đó cũng hại như bất kỳ sức mạnh nào khác, sức mạnh đó cũng nguy hiểm như bất kỳ sức mạnh nào khác. Sức mạnh đó sẽ được dùng để làm hại người khác, bởi vì sức mạnh có từ cọ xát là bạo hành. Những gì bắt nguồn từ bạo hành sẽ là bạo hành; nó mang tính hủy diệt. Sức mạnh tới từ an bình, không cọ xát, không tranh đấu, không thao túng, là sức mạnh của hoa hồng, sức mạnh của ngọn đèn nhỏ, sức mạnh của nụ cười trẻ thơ, sức mạnh của phụ nữ than khóc, sức mạnh trong những giọt nước mắt, trong những giọt sương mai. Nó bao la nhưng không nặng nề; nó vô cùng nhưng không bạo hành.

Tập trung sẽ làm cho bạn thành người có ý chí. Thiền sẽ làm cho bạn thành trống không.

Đó là điều Phật đang nói cho Xá Lợi Phất. Prajnaparamita<sup>358</sup> có nghĩa đích xác là ‘thiền, trí huệ của bờ bên kia’.

Bạn không thể đem nó tới, nhưng bạn có thể mở cửa cho nó. Bạn không cần làm bất kỳ điều gì để đem nó vào trong thế giới - bạn không thể làm được; nó nằm ngoài tầm tay của bạn. Bạn phải tan biến đi để cho nó tới. Tâm trí phải ngưng lại để nó xuất hiện. Tập trung là nỗ lực của tâm trí; thiền là trạng thái tâm không. Thiền là nhận biết thuần khiết, thiền không có động cơ nào hết.

Thiền là một cây lớn mọc ra mà không có bất cứ một hạt mầm nào: đó là phép màu của thiền, rất ảo diệu, rất bí ẩn. Tập trung có hạt mầm trong nó: bạn tập trung với một mục đích nào đó, có động cơ, có lý do thúc đẩy. Thiền không có động cơ. Thế thì thiền làm gì nếu không có động cơ?

Thiền chỉ xuất hiện khi bạn đã quan sát mọi động cơ và thấy chúng đều thiếu sót, khi bạn đã thử mọi động cơ và thấy chúng đều giả dối. Bạn thấy rằng động cơ chẳng dẫn đến đâu cả, rằng bạn cứ đi vòng vòng; bạn vẫn dậm chân tại chỗ. Động cơ tiếp tục kéo bạn đi, lôi bạn đi, làm cho bạn như điên như khùng; nó tạo ra ham muốn mới, nhưng chẳng đạt được gì cả, vẫn trắng tay như bao giờ. Khi điều này đã được thấy rõ, khi bạn đã nhìn vào cuộc sống mình và thấy rằng mọi động cơ đều thất bại...

Không động cơ nào thành công cả. Không động cơ nào ban ân huệ cho bất kỳ ai. Động cơ chỉ hứa hẹn; hàng hóa chẳng được giao bao giờ. Khi một động cơ thất bại, động cơ khác tới và lại hứa hẹn với bạn... và bạn lại bị lừa nữa. Cứ bị động cơ lừa đi lừa lại mãi, rồi một hôm bỗng nhiên bạn khôn ra - bỗng nhiên bạn thấu suốt tất cả, và qua sự thấu suốt đó thiền bắt đầu xuất hiện. Thiền không có nguyên nhân nào hết; nó không có động cơ nào cả. Nếu bạn thiền về cái gì đó, bạn đang tập trung, không

---

<sup>358</sup> Phiên âm là Bát Nhã Ba La Mật Đa.

phải thiền. Thế thì bạn vẫn nằm trong thế giới - tâm trí bạn vẫn đang quan tâm tới những đồ rẻ mạt, tầm phào. Thế thì bạn vẫn còn phạm tục. Cho dù bạn thiền để hợp nhất với Thượng Đế, bạn vẫn là phạm nhân. Cho dù bạn thiền để đạt tới niết bàn, bạn vẫn là phạm nhân - bởi vì thiền không có mục đích.

Thiền là cái nhìn thấu suốt rằng mọi mục đích đều giả tạo. Thiền là nhận thức rằng ham muốn chẳng dẫn đến đâu cả. Thấy được như vậy... Và điều này không phải là niềm tin rằng bạn có thể nhận được từ tôi, hay từ Phật, hay từ Chúa Giê Su. Đây không phải là tri thức; bạn sẽ phải thể nghiệm như vậy. Bạn có thể thể nghiệm ngay bây giờ! Bạn đã từng sống, đã thấy nhiều động cơ, đã từng bị rối loạn, đã nghĩ về những gì phải làm, cái gì không làm, và bạn đã làm nhiều thứ. Mà những cái đó dẫn bạn tới đâu? Hãy nhìn cho rõ! Tôi không nói là bạn phải đồng ý với tôi, không nói hãy tin vào tôi. Tôi chỉ giúp cho bạn nhận ra một sự kiện mà bạn đã từng quên lãng. Đây không phải là một lý thuyết, mà là một phát biểu đơn giản về một sự kiện rất đơn giản. Có thể bởi vì nó quá đơn giản nên bạn cứ tiếp tục mãi mà không để ý. Tâm trí bao giờ cũng quan tâm tới những cái phức tạp, và chỉ những cái phức tạp mới cần phải làm gì đó. Bạn không thể làm gì với một hiện tượng đơn giản.

Bạn không để ý đến cái đơn giản. Cái đơn giản bị lãng quên, bị bỏ qua. Cái đơn giản quá hiển nhiên đến nỗi bạn chẳng bao giờ nhìn vào nó. Bạn chỉ tìm kiếm cái phức tạp - cái phức tạp tự nó là một thách thức. Sự phức tạp của một hiện tượng, của một vấn đề, của một tình huống tạo cho bạn một sự thách thức. Thách đó đó tạo ra năng lượng, sự cọ xát, sự xung khắc vì bạn phải giải quyết vấn đề này, bạn phải chứng minh rằng bạn có thể giải quyết vấn đề này. Khi bị thách đó, bạn được kích động vì đó là cơ hội để chứng minh điều gì đó. Nhưng điều tôi đang nói lại là một sự kiện đơn giản, nó không phải là một vấn đề. Nó không thách thức bạn, nhưng nó có mặt ở đây. Bạn có thể nhìn thẳng vào nó, có thể né tránh nó. Mà nó cũng

chẳng cần được đề ý; nó quá đơn giản. Bạn cũng không thể gọi nó là một tiếng nói tĩnh lặng, nhỏ bé bên trong bạn; nó cũng không thì thảo. Nó hiện diện ở đó - bạn có thể nhận ra nó, có thể không.

Hãy nhìn nó! Và khi nói, “Hãy nhìn nó,” tôi muốn nói hãy thấy nó ngay bây giờ, ngay lập tức, không cần phải đợi. Và hãy nhanh chóng khi tôi nói, “Hãy thấy nó!” Hãy thấy nó, nhưng phải nhanh mới được bởi vì nếu bạn bắt đầu nghĩ, nếu bạn không nhanh chóng, ngay lập tức, ngay trong thời điểm đó, tâm trí sẽ chen vào, và rồi nó sẽ suy tư, sẽ đem ý tưởng vào, sẽ đem định kiến tới. Và bạn lại đi vào trạng thái triết lý - nhiều ý nghĩ. Thế thì bạn phải chọn giữa phải và trái; bạn lại bắt đầu suy xét. Bạn bỏ lỡ khoảnh khắc hiện thực.

Khoảnh khắc hiện thực là ngay bây giờ. Chỉ cần nhìn, và đó là thiên - cái nhìn đó là thiên.<sup>359</sup> Chỉ cần nhìn được sự kiện của sự việc, của trạng thái nào đó là thiên. Thiên không có động cơ, do đó thiên không có trung tâm. Và bởi vì không có động cơ và không trung tâm, thiên không đưa đến cái ta. Khi trong trạng thái thiên, bạn không vận hành từ một trung tâm, bạn hành động từ chân không. Đáp ứng từ chân không chính là tất cả ý nghĩa của thiên.

Tâm trí tập trung: nó hành động từ quá khứ. Thiên hành động trong hiện tại, từ hiện tại. Nó là sự đáp ứng thuần khiết cho hiện tại, nó không phải là phản ứng. Nó không hành động vì một kết luận, nó hành động vì thấy được cái hiện thực.

Hãy quan sát cuộc sống của mình: có sự khác biệt rõ ràng khi bạn hành động từ kết luận. Khi thấy một người, bạn cảm thấy bị hấp dẫn - một người đẹp, trông rất bảnh trai, rất hồn nhiên. Mắt người đó thật đẹp, phong độ lả lướt. Nhưng rồi người đó tự giới thiệu mình và nói, “Tôi là người Do Thái” - còn bạn là người đạo Chúa. Một cái

---

<sup>359</sup> Chỉ cần nhìn thấy là đủ. Vì vậy tất cả các thánh nhân của Áo Nghĩa Thư đều được gọi là người biết nhìn (rishi).

gì đó lập tức loé lên và có một khoảng cách: bây giờ người đó không còn hồn nhiên nữa, người đó không còn đẹp nữa. Bạn có một ý tưởng nào đó về người Do Thái. Hay người đó theo đạo Chúa còn bạn là người Do Thái; bạn có ý tưởng nào đó về người đạo Chúa – những gì Ki Tô Giáo đã làm với người Do Thái trong quá khứ, những gì người đạo Chúa khác đã làm cho người Do Thái, cách thức họ đã tra tấn người Do Thái qua các thời đại... mà người ấy lại theo đạo Chúa - và một cái gì đó lập tức thay đổi. Đó là hành động từ kết luận, từ định kiến, không nhìn vào cá nhân con người này - bởi vì người này có thể không phải là người Do Thái như bạn nghĩ. Bởi vì mỗi người Do Thái có cái độc đáo riêng, mỗi người Hindu cũng có cái độc đáo riêng, mỗi người Hồi giáo cũng vậy. Bạn không thể hành động từ định kiến. Bạn không thể hành động bằng việc phân loại mọi người. Bạn không thể chia rẽ cả năm; không ai có thể bị xếp loại. Bạn có thể bị lừa bởi hàng trăm người cộng sản, và khi bạn gặp người cộng sản thứ một trăm lẻ một, đừng tin vào cái phân loại mà bạn đã có sẵn trong đầu: rằng người cộng sản lừa dối - hay định kiến gì khác. Người này có thể thuộc loại người khác bởi vì không người nào giống người nào cả.

Bất kỳ khi nào bạn hành động từ kết luận, đấy là tâm trí. Khi bạn nhìn vào hiện tại và không cho phép bất kỳ ý tưởng nào cản trở thực tại, cản trở sự kiện, khi bạn chỉ nhìn vào dữ kiện và hành động từ cái nhìn đó, đấy là thiên.

Thiên không phải là cái gì đó bạn làm lúc buổi sáng rồi quên bẵng đi; thiên là cái phải gắn liền liên tục trong mọi khoảnh khắc của cuộc sống bạn. Bước đi, ngủ, ngồi, nói, nghe - nó phải là một loại khí hậu trong đời bạn. Một người thành thạo an trú trong nó. Một người luôn luôn bỏ lại quá khứ sau lưng an trú trong thiên. Đừng bao giờ hành động từ kết luận; những kết luận đó là sự nhiệm trước của bạn, định kiến của bạn, ham muốn của bạn, nỗi

sợ của bạn, và tất cả những căn bệnh khác. Nói một cách ngắn gọn, bạn có cái ta!

Bạn hợp bởi những quá khứ của bạn. Bạn là tập hợp của tất cả những kinh nghiệm của bạn về quá khứ. Đừng để cái đã chết làm chủ cái sống, đừng cho phép quá khứ ảnh hưởng tới hiện tại, đừng cho phép cái chết chế ngự cuộc sống bạn - đó chính là ý nghĩa của thiền. Nói ngắn gọn, trong thiền, cái ta không hiện hữu. Cái chết không kiểm soát cái sống.

Thiền là một loại kinh nghiệm sẽ cho bạn một phẩm chất hoàn toàn mới để sống đời mình. Bạn sẽ không sống như một người Hindu, một người Hồi giáo, người Ấn hay người Đức; bạn sống hoàn toàn có ý thức. Khi bạn sống trong khoảnh khắc này và không có gì xen vào, hành động ấy toàn vẹn bởi vì không có sự phân tán - sự phân tán tới từ quá khứ và tương lai. Khi chú ý toàn bộ, hành động của bạn toàn bộ, không có gì sơ sót. Nó giải phóng bạn, nó không bao giờ đóng khung bạn lại, nó không bao giờ làm bạn tù túng. Và đó là mục đích tối thượng của Phật; đó là cái Ngài gọi là niết bàn.

‘Niết bàn’ nghĩa là tự do - hoàn toàn, tuyệt đối, không cản trở. Bạn trở thành một bầu trời rộng mở, không biên giới, vô hạn. Nó luôn luôn hiện diện. Thế thì bạn được bao bọc bởi chân không, cả trong lẫn ngoài. Chân không là sự vận hành của tâm thức trong trạng thái thiền. Và trong chân không đó là phúc lành. Chân không đó tự nó là phúc lành.

Bây giờ đến lời kinh.

*Do đó, này Xá Lợi Phất, chính vì không có chứng đắc mà bỏ tất, dựa vào trí huệ bát nhã, tâm không có chương ngại.*

Hãy nhớ, từ ‘do đó’ ấy là một dấu hiệu rằng Phật đang nhìn vào chân không của Xá Lợi Phất - vì Ngài luôn cảm

thấy rằng ông ấy đang thành thoi, rằng năng lượng của ông ấy không còn rối loạn nữa, rằng ông ấy không suy tư mà đang lắng nghe, rằng ông ấy không suy nghĩ mà đã hợp làm một với Phật, rằng ông ấy hiện diện, rộng mở, tiếp nhận. Từ ‘do đó’ ấy chỉ về sự rộ nở trong bản thể của Xá Lợi Phất. Phật đang thấy những cánh hoa đang mở ra mỗi lúc một nhiều nên Ngài đi thêm một bước nữa, đưa Xá Lợi Phất đi sâu thêm một bước nữa. Xá Lợi Phất đang sẵn sàng tiếp nhận.

Từ ‘do đó’ này không phải là logic, cái ‘do đó’ này là hiện thực. Nhìn vào trong Phật, Xá Lợi Phất đang mở ra. Và nhìn vào Xá Lợi Phất, Phật sẵn sàng đưa ông ấy tiến thêm một chút nữa sang cõi bên kia. Mỗi phát biểu lại càng đi sâu hơn và cao hơn.

*Do đó, này Xá Lợi Phất, chính vì không có chứng đắc mà bỏ tất, dựa vào trí huệ bát nhã, tâm không có chướng ngại.*

Từng lời một đều phải được thiền - không tập trung, hãy chú ý, nhưng hãy thiền; hãy lắng nghe, hãy nhìn vào, không suy tư, không nghĩ ngợi. Những điều này còn cao hơn ý nghĩ, lớn hơn ý nghĩ. Ý tưởng không có chỗ đứng trong cõi này.

Trước hết Ngài nói:

*... chính vì không có chứng đắc...*

Thiền không thể chứng đắc được bởi vì thiền không thể có động cơ. Khi đạt tới cái gì đó, bạn đạt tới qua một động cơ. Khi đạt tới cái gì đó, bao giờ bạn cũng phải làm việc cho tương lai và lập kế hoạch cho tương lai. Bạn không thể đạt được bất kỳ cái gì ngay bây giờ - ngoại trừ thiền. Hãy để tôi nhắc lại: Bạn không thể đạt được bất kỳ cái gì ngay bây giờ - ngoại trừ thiền. Tại sao? Nếu muốn có tiền, bạn không thể đạt được điều đó ngay bây giờ, bạn

sẽ phải làm việc vất vả; hoặc là hợp pháp, hoặc bất hợp pháp - nhưng bạn phải làm mới có tiền.

Nếu làm giàu một cách chậm rãi, bạn là một nhà kinh doanh; và có những cách thức nhanh hơn, bạn có thể trở thành chính khách - nhưng bạn sẽ phải làm gì đó. Dù chậm hay nhanh, nhưng vẫn cần thời gian. Thời gian là điều tối cần. Không có thời gian, bạn không thể có tiền. Nếu không có thời gian, ngay trong khoảnh khắc này làm sao bạn đạt tới được? Cho dù bạn có muốn ăn cướp nhà hàng xóm, nếu bạn muốn móc túi người đang ngồi bên cạnh, cũng vẫn cần thời gian. Thời gian là cái phải có. Nếu bạn muốn nổi tiếng, cần phải có thời gian. Nếu bạn muốn có quyền lực chính trị, cũng cần phải có thời gian.

Chỉ có thiên mới thể đạt tới ngay bây giờ, chính khoảnh khắc này, ngay tức thì. Tại sao? - bởi vì đây là thiên tính của bạn. Tại sao? - bởi vì nó đã có sẵn ở đây rồi. Bạn chưa đòi lại chủ quyền ấy, đúng như vậy; nhưng nó vẫn nằm chờ ở đây, chưa được đòi lại. Bạn có thể đòi lại ngay bây giờ. Bạn không cần một khoảnh khắc nào cả.

*... chính vì không có chúng đặc...*

Và niết bàn chẳng qua là thiên đã hoàn tất một vòng trọn vẹn. Thượng Đế chẳng qua là cái nụ của thiên đã trở thành hoa.

Đây không phải là chúng đặc, đây là chính thực tại của bạn. Bạn có thể không để ý tới chúng trong nhiều thời đại, quên lãng chúng trong nhiều kiếp, nhưng bạn không thể làm mất chúng; chúng đang ở đây, ngay bên trong bạn. Ngày nào nhắm mắt lại mà nhìn, bạn sẽ bắt đầu cười to. Và bạn đã tìm kiếm niềm phúc lạc này mà tìm không đúng chỗ. Bạn đã tìm kiếm sự an toàn này, vốn từ chân không, nhưng bạn lại tìm kiếm trong tiền bạc, trong ngân hàng, hoặc là những cái khác. Và nó chẳng bao giờ xảy ra qua những cái đó. Nó không thể xảy ra qua những cái đó được. Không có gì ngoại tại có thể làm cho cuộc sống bạn

được an toàn. Bên ngoài bất an; làm sao nó có thể làm cho cuộc sống bạn an toàn được? Chính quyền không thể làm cho cuộc sống của bạn an toàn được bởi vì ngay cả chính phủ cũng bấp bênh - cách mạng có thể tới. Ngân hàng không thể nào làm cho cuộc sống của bạn an toàn được vì ngân hàng có thể phá sản. Chỉ ngân hàng mới có thể phá sản, có gì khác không? Người đàn bà mà bạn yêu không thể làm cho cuộc sống bạn an toàn được vì bà ấy có thể yêu người khác. Người đàn ông bạn yêu không thể làm cuộc sống bạn an toàn được - người ấy có thể chết đi.

Tất cả những vấn đề này vẫn còn đó. Cho nên càng an toàn bên ngoài, bạn càng trở nên bất an hơn vì bạn sợ ngân hàng có thể bị phá sản. Nếu không có tài sản, bạn chẳng bận tâm; nó phá sản lúc nào cũng được. Nhưng nếu có tiền ở đó, bạn lo sợ. Thế thì bạn chuốc thêm một điều bất an nữa - vì ngân hàng có thể phá sản. Bây giờ bạn ngủ không yên bởi vì bạn cứ nghĩ mãi về điều gì sắp xảy ra.

Nếu bạn đặt sự tin cậy của mình vào cái bên ngoài, nó tạo thêm sự bất ổn. Đó là lý do tại sao người càng giàu có càng bất an hơn. Nhưng mà tôi cũng không khuyến khích nghèo nàn đâu, hãy nhớ. Tôi không nói hãy trở nên nghèo khó. Chẳng có gì thiêng liêng trong cái nghèo hết. Mà tôi cũng không nói nghèo là an toàn; anh ta có cái bất an của mình. Người giàu có cái bất an của người giàu; tất nhiên cái bất an của người giàu phức tạp hơn, còn cái bất an của người nghèo đơn giản - nhưng cả hai vẫn có bất an. Và tôi không nói rằng nghèo là một cái gì đặc biệt lắm, rằng nghèo là một cái gì rất quan trọng và đầy ý nghĩa, rằng bạn có thể khoắc lác rằng bạn nghèo.

Nghèo chẳng có gì liên quan với tâm linh cả. Mà giàu cũng chẳng có liên quan gì tới tâm linh cả. Đây là những sự kiện không có quan hệ gì. Người nghèo trông bề ngoài cũng chẳng khác người giàu lắm. Có thể người nghèo chỉ có một chiếc xe bò, còn người giàu có xe Cadillac, nhưng điều đó cũng chẳng thành vấn đề. Xe bò kéo cũng chỉ là cái bên ngoài như Cadillac; cả hai đều trông ra ngoài.

Người giàu có thể có nhiều trương mục, còn kẻ nghèo chỉ có ví tiền nhỏ hay có chút ít tiền tiết kiệm, nhưng điều đó chẳng thành vấn đề - cả hai đều nhìn ra ngoài.

An toàn nằm trên đường về nội tâm bởi vì tại đó bạn mới nhận ra rằng chẳng có ai để chết cả, rằng chẳng có ai để đau khổ cả, rằng chẳng có gì có thể xảy ra, rằng ở đó là bầu trời thuần khiết. Mây tới rồi đi, nhưng bầu trời còn lại mãi mãi. Cuộc sống tới rồi đi, hình tướng đến rồi đi, nhưng chân không thì còn lại mãi mãi.

Chân không này đã ở sẵn đó rồi. Đó là lý do tại sao Phật lại nói điều đó có thể chứng đắc được chỉ khi bạn hiểu rằng không có gì để chứng đắc cả. Nó có thể chứng đắc được chỉ khi bạn hiểu sự kiện cơ bản: rằng nó đã có ở đó rồi, rằng nó đã chờ sẵn ở đó rồi.

Cái chân không đã có sẵn ở đó, không có cách nào để tiến hoá, phát triển. Nó tràn đầy, viên mãn rồi. Do đó nó có thể được đạt tới trong một khoảnh khắc. Phật gọi nó là ‘chân không viên mãn’, bởi vì chân không chỉ có thể tràn đầy nếu nó ở đó. Nếu nó không tràn đầy, nghĩa là cái gì khác không phải chân không cũng đang ở đó; và cái đó sẽ cản trở, sẽ ngăn cản, và nó sẽ tạo ra nhị nguyên, sẽ tạo ra cọ sát, sẽ tạo ra căng thẳng, sẽ tạo ra lo âu. Bạn không thể thoát mái với ‘cái gì khác đó’.

Chân không chỉ có khi nó tràn đầy, khi tất cả các chương ngại đã bị loại bỏ, khi bạn không có bất kỳ cái gì bên trong, khi không có ai ở đó mà quan sát nó. Phật nói: cái chân không này cũng chẳng phải là một kinh nghiệm bởi vì nếu kinh nghiệm, nghĩa là bạn phải ở đó để kinh nghiệm nó. Nó chính là bạn, cho nên bạn không thể kinh nghiệm nó. Bạn chỉ có thể kinh nghiệm những gì không phải là bạn. Kinh nghiệm có nghĩa là nhị nguyên - người quan sát và cái được quan sát, người biết và cái được biết, chủ thể và khách thể, người thấy và vật được thấy. Nhưng nếu chỉ có chân không thì không có ai để thấy, không có ai để được thấy, không có khách thể, cũng không có chủ thể. Cái trống không bất nhị này tràn đầy, viên mãn hoàn

toàn. Sự tràn đầy của nó không thể làm đầy hơn nữa, sự viên mãn của nó không thể được tăng thêm nữa. Không có gì có thể lấy ra từ đó bởi vì không có gì ở đó cả, và cũng chẳng có gì có thể thêm vào được bởi vì nó đã viên mãn hoàn toàn.

‘Chân không viên mãn’ không phải là một kinh nghiệm, bởi vì *không có người kinh nghiệm trong đó*. Do đó, Phật nói: Tâm linh không phải là một kinh nghiệm. Thượng Đế không thể kinh nghiệm được. Những người nói, “Tôi đã kinh nghiệm Thượng Đế,” thì hoặc là không hiểu họ đang nói gì, hoặc họ dùng ngôn ngữ không thích hợp. Bạn không thể kinh nghiệm Thượng Đế được. Kinh nghiệm được như vậy thì bạn không còn nữa. Kinh nghiệm thì có, nhưng người kinh nghiệm thì không - cho nên bạn không thể nào nói nó là kinh nghiệm được. Cho nên khi có người hỏi Phật, “Thầy đã kinh nghiệm Thượng Đế chưa?” Ngài lặng thinh, không nói một lời nào. Ngài đổi đề tài ngay lập tức và nói về vấn đề khác.

Bất kỳ khi nào được hỏi như vậy, trong cả đời hoàng pháp của mình, Ngài nhất mực im lặng. Nhiều người nghĩ rằng Ngài chưa kinh nghiệm Thượng Đế; đó là lý do tại sao Ngài thinh lặng. Nhưng Ngài là người duy nhất chẳng nói gì - phủ định hay khẳng định. Và đây không phải bởi vì Ngài không kinh nghiệm. Ngài đã kinh nghiệm, nhưng điều đó không thể được nói như một kinh nghiệm; đó là lý do tại sao Ngài im lặng. Đó là lý do tại sao Chúa Giê Su cũng im lặng khi Phi-la-tô hỏi, “Chân lý là gì?”

J. Krishnamurti nói hoài... và ông ấy phân biệt rất tinh tế giữa kinh nghiệm và tiến trình kinh nghiệm. Đó là sự phân biệt tuyệt vời - ông ấy nói, “Đây là sự đang kinh nghiệm, không phải kinh nghiệm.” Nó là một tiến trình, không phải là một sự việc. Nó sống động, không chết. Nó vẫn tiếp diễn, không kết thúc. Bạn hòa nhập với Thượng Đế, và đây là một hiện tượng tiếp diễn không ngừng; nó diễn mãi đến muôn đời; bạn chẳng bao giờ ra khỏi nó. Đây là sự đang kinh nghiệm, một tiến trình đang diễn tiến

- giống như dòng sông chảy mãi không ngừng; giống như hoa nở, hoa này nối tiếp hoa kia cứ tiếp tục nở mãi. Và chẳng bao giờ có sự chấm dứt cả.

Khi một người nói đã kinh nghiệm Thượng Đế thì rõ là ngu xuẩn, rê tiển và đần độn. Nói rằng một người đã đạt tới *giải thoát*, niết bàn, chân lý thì sai hẳn bởi những điều này không thể được coi là thành đạt được.

Cho nên Phật nói:

*Do đó, này Xá Lợi Phất, chính vì không có chứng đắc mà bỏ tất,*

Khi tâm trí đã tới điểm ngừng và không còn quan tâm tới việc thành đạt nữa, nó đạt tới Phật tính. Khi tâm trí đã ngừng lại hoàn toàn và không còn đi đâu nữa, nó bắt đầu đi vào trong, nó bắt đầu rơi vào trong bản thể riêng của mình, cái vực sâu thăm thẳm đó. Chân không viên mãn đạt được bởi sự không thành đạt. Cho nên bạn đừng trở thành người thành đạt, đừng nghĩ đến thành đạt - rằng bạn đã đạt được cái này, cái nọ, rằng bạn đã vươn tới Thượng Đế. Đây chỉ là trò chơi; tâm trí lại lừa phỉnh bạn. Tên của trò chơi thay đổi, nhưng trò chơi tinh vi thì vẫn thế.

*... chính vì không có chứng đắc mà bỏ tất, dựa vào trí huệ bát nhã...*

Đây là một phát biểu vô cùng ý nghĩa. Phật nói: ta không nên dựa vào bất kỳ cái gì. Điều này lại mâu thuẫn với Phật giáo công truyền, bởi vì Phật giáo công truyền có tam bảo: *Buddham sharanam gachchhami,<sup>360</sup> sangam sharanam gachchhami,<sup>361</sup> dhammam sharanam gachchhami.<sup>362</sup> Khi đệ tử tới với Phật, người ấy cúi đầu,*

---

<sup>360</sup> Quy y Phật

<sup>361</sup> Quy y Tăng

<sup>362</sup> Quy y Pháp

qui phục Ngài và nói, “Con xin qui y Phật” - *buddham sharanam gachchhami*.

“Con qui y vào cộng đồng của Phật” - *sangam sharanam gachchhami*: “Con qui y vào chân lý mà Phật dạy” - *dhammam sharanam gachchhami*. Và Phật nói ở đây là người ta không nên dựa vào bất kỳ cái gì - không có qui y, không đâu là chỗ trú ẩn cả.

Tâm Kinh này được coi là linh hồn của Phật giáo, và giáo hội của Phật được gọi là thân xác. Tam bảo là để cho tâm trí rất bình thường, đang tìm chỗ trú ẩn nào đó, chỗ chống đỡ nào đó, chỗ hỗ trợ nào đó. Những phát biểu này là để cho căn cơ cao nhất - người đã tới bậc thứ sáu, và đang lơ lửng giữa bậc thứ sáu và thứ bảy, chỉ cần đẩy thêm một chút nữa...

*Do đó, này Xá Lợi Phát...*

Tương truyền rằng bài thuyết pháp đầu tiên của Phật, vẫn được gọi là bài Chuyển pháp luân - Dhamma Chakrapravatan Sutra - là bài thuyết pháp đầu tiên của Ngài, gần thành Varanasi<sup>363</sup> - đã tạo ra cái gọi là tôn giáo công truyền, dành cho quần chúng bình dân. Trong bài thuyết pháp đó Ngài tuyên bố, “Hãy tới mà qui y Phật; tới mà qui y Pháp; tới mà qui y Tăng.”

Sau hai mươi năm Ngài tuyên bố hệ thống tôn giáo thứ hai này. Ngài mất hai mươi năm để đưa vài người tới khả tính cao nhất. Điều này được coi là bài giảng quan trọng thứ hai. Bài giảng thứ nhất tại rừng Saranath,<sup>364</sup> gần Varanasi, khi Ngài bảo với mọi người, “Hãy lại đây và qui y vào ta. Ta đã chứng ngộ! Hãy lại và qui y vào ta. Ta đã giác ngộ! Hãy lại và chia sẻ cùng ta. Ta đã đạt đạo!

<sup>363</sup> Vanarasi, cũng được gọi là Kashi, là một thánh địa quan trọng nhất của Ấn độ giáo.

<sup>364</sup> Saranath, cách Bồ Đề Đạo Tràng khoảng 150 cây số, là nơi có rất nhiều pháp môn huyền bí.

Hãy lại và theo ta.” Đó là nói cho tâm trí bình thường; dĩ nhiên là vậy. Phật không thể tung ra Tâm Kinh; quần chúng sẽ không thể nào hiểu nổi.

Thế rồi Ngài trong hai mươi năm huấn luyện đệ tử. Nay Xá Lợi Phất đang tới rất gần. Bởi vì sự gần gũi đó, Ngài nói:

*Do đó, này Xá Lợi Phất...*

Bây giờ tôi có thể nói điều đó cho bạn. Tôi có thể nói cho bạn rằng hãy dựa vào trí huệ bát nhã... Chỉ một điều mà người ta phải dựa vào, và đó là sự tỉnh thức, sự cảnh giác. Chỉ một điều mà người ta phải dựa vào, đó là cội nguồn nội tâm của riêng mình, bản thể mình. Mọi thứ khác đều phải bị loại bỏ, mọi nương tựa.

Qua việc không dựa vào bất cứ gì ngoài sự hoàn hảo của thiên, điều người ta phải làm là không dựa vào bất kỳ cái gì, thế tục hay linh thiêng, mà phải buông bỏ tất cả để cho chân không được tự do bay nhảy, không bị cản trở bởi thái độ thuận hay nghịch. Chấm dứt dựa vào bất kỳ cái gì, không tìm kiếm chỗ trú ẩn hay hỗ trợ ở đâu cả. Đó mới là từ bỏ thực.

Cái ta tách biệt của chúng ta là một thực tại giả mạo; nó có thể tự duy trì bằng cách tìm nương tựa, hay ủng hộ để mà ngã vào hay dựa vào. Tìm trú ẩn nơi tam bảo là điều kiện quan trọng nhất của Phật giáo công truyền - trú ẩn vào Phật, trú ẩn vào Tăng, trú ẩn vào Pháp. Tại đây Phật bác bỏ điều đó. Điều này không mâu thuẫn. Ngài chỉ nói cái bạn có thể hiểu được. Trong giáo huấn của tôi bạn sẽ tìm ra hàng hà vô số mâu thuẫn bởi vì chúng đã được nói cho nhiều người khác nhau. Bạn càng trưởng thành, tôi lại càng đưa ra những tuyên cáo khác bởi vì lời của tôi là sự đáp ứng lại cho bạn.<sup>365</sup> Tôi không nói với bức tường.

---

<sup>365</sup> Cuộc đời hoàng pháp của Osho có thể được chia làm hai giai đoạn. Hai chục năm đầu Ngài giảng về tất cả các thánh hiền đồng tây kim cổ;

Tôi đang nói với bạn, và tôi chỉ có thể nói cái mà bạn có thể hiểu được. Tâm thức bạn càng cao hơn, tâm thức bạn càng sâu hơn, tôi sẽ nói những điều càng áo diệu hơn.

Những phát biểu khác nhau này, theo lẽ tự nhiên, sẽ rất mâu thuẫn. Nếu cứ theo logic thông thường, bạn sẽ chẳng tìm thấy gì cả. Bạn không thể tìm ra bất kỳ sự nhất quán nào trong các phát biểu của Phật. Đó là lý do tại sao sau ngày Phật chết, Phật giáo đã bị chia thành ba mươi sáu tông phái. Đúng ngày Ngài chết, các đệ tử đã bị phân chia thành ba mươi sáu tông phái. Điều gì đã xảy ra?

Bởi vì Ngài đã nói với biết bao nhiêu người khác nhau, bởi vì tâm thức và hiểu biết khác nhau của họ. Thế rồi họ đều bắt đầu cãi vã và tranh đấu. Họ nói, “Điều này Phật đã nói cho tôi!” Bạn cứ thử nghĩ mà xem: Phật nói với năm đệ tử đầu, “Ta đã chứng ngộ - hãy đến và ta sẽ đưa các ông đến đó”... Nếu năm đệ tử đầu tiên này gặp Xá Lợi Phất và Xá Lợi Phất nói, “Điều ấy đạt tới qua sự không thành đạt; người tuyên bố rằng mình đã chứng ngộ là sai bởi vì điều đó không thể nào đạt được” - thì những đệ tử đầu tiên này sẽ nói gì? Họ sẽ nói, “Ông nói gì vậy? Chúng tôi là những đệ tử kỳ cựu nhất, cao niên nhất, và đây là lời đầu tiên mà Phật đã nói cho chúng tôi: ‘Ta đã chứng ngộ!’ Thực ra, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ theo Ngài nếu Ngài không tuyên bố như vậy. Bởi vì Ngài đã tuyên bố như vậy nên chúng tôi theo. Động cơ của chúng tôi thật rõ ràng: rằng Ngài đã chứng ngộ mà chúng tôi cũng muốn chứng ngộ; đó là lý do tại sao chúng tôi đã theo Ngài. Và Ngài đã nói với chúng tôi, ‘Ta là chỗ trú ẩn của các ông. Hãy đến mà nương vào ta. Hãy để ta là chỗ trú ẩn của các ông.’ Và ông đang nói gì nhằm nhí vậy? Nhất định Phật không thể nói như vậy. Có lẽ ông hiểu lầm chăng? Cái gì đó sai lầm. Hay ông đã bịa ra đấy?”

---

mục đích là để thu hút đệ tử. Mười năm năm sau khi các đệ tử đã trưởng thành thì Ngài nói với họ những điều trước đó không thể nói được. Trong giai đoạn này Ngài đã bị đầu độc.

Bây giờ phát biểu này, Tâm Kinh này, đã được nói riêng cho một cá nhân. Nó đã được nói cho Xá Lợi Phất; nó được nói cho riêng Xá Lợi Phất thôi. Giống như một bức thư. Xá Lợi Phất không có gì để chứng minh hết, bởi vì thời ấy làm gì có máy ghi âm. Ông ấy chỉ có thể nói như vậy; ông ấy có thể thề: “Tôi không hề nói sai sự thật. Phật đã nói với tôi, ‘Hãy dựa vào thiên định của ông. Đừng dựa vào bất cứ gì khác.’”

Tâm trí còn dựa vào cái gì khác là cái ta giả mạo, bản ngã. Bản ngã không thể nào tồn tại nếu không có chống đỡ; nó phải được chống đỡ. Cái gì đó phải đỡ cho nó. Một khi tất cả các cột chống đã bị nhổ đi, bản ngã sụp đổ xuống đất và biến mất. Nhưng chỉ khi bản ngã sụp đổ, tâm thức mới phát khởi được; tâm thức ấy là vĩnh cửu, vượt thời gian, bất tử.

Tại đây, Phật nói: “Không có chỗ trú ẩn, Xá Lợi Phất. Không có cách nào khác, Xá Lợi Phất. Chẳng có gì hết và không có chỗ nào để đi cả. Ông đã ở đó rồi.”

Nếu bạn tới chân không viên mãn này mà không được chuẩn bị, nó sẽ làm cho bạn kinh sợ. Nếu bạn bị ném vào... Chẳng hạn, đôi khi có người đến đây với tình yêu và kính trọng sâu sắc và nói, “Osho, tại sao thầy không đẩy con mạnh thêm chút nữa?” Nếu bạn chưa sẵn sàng và bạn bị đẩy vào thì cũng chẳng ọn ích gì. Điều đó có thể cản trở tiến bộ của bạn trong nhiều kiếp sắp tới. Một khi đi vào chân không mà không được chuẩn bị, bạn sẽ bị choáng váng, hoảng sợ, sợ hãi tới chết đến mức, trong ít nhất vài kiếp nữa, bạn chẳng bao giờ dám bén mảng tới khi có người nói về chân không, nói về Thượng Đế. Bạn sẽ tránh né. Nỗi sợ đó sẽ trở thành một hạt mầm ăn sâu vào bạn.

Không, bạn không thể nào bị thúc đẩy mà không được chuẩn bị. Bạn chỉ có thể được thúc đẩy dần dần, theo cùng tỉ lệ như bạn đã chuẩn bị.

Bạn đã bao giờ nghe lời phát biểu nổi tiếng của Soren Kierkegaard, triết gia Đan mạch, người lập ra thuyết hiện sinh chưa? Ông ấy nói, “Con người run rẩy, thường xuyên run rẩy.” Tại sao? - bởi vì cái chết đang chờ. Tại sao? - bởi vì nỗi sợ rằng, “Ngày nào đó mình sẽ không còn nữa.”

Ông ấy chỉ đúng đối với tâm trí bình thường - mọi người đều run rẩy. Vấn đề bao giờ cũng là, “Hiện hữu hay không hiện hữu.” Thần chết bao giờ cũng tồn tại ở đó. Bạn không thể tưởng tượng được sự biến mất vào chân không - đau lắm, kinh khủng lắm. Và nếu nhìn sâu vào bên trong, bạn sẽ thấy toàn thân run rẩy với ý tưởng về việc trở thành hư không. Bạn muốn hiện hữu, bạn muốn tồn tại, bạn muốn còn mãi. Bạn muốn kéo dài mãi mãi. Đó là lý do tại sao nhiều người chẳng biết gì về bản thể của mình mà cứ tiếp tục tin rằng linh hồn là bất tử - tin không phải bởi vì họ biết mà vì sợ. Bởi vì sự run rẩy đó mà họ phải tin linh hồn bất tử. Đó là một loại ước muốn tự đáp ứng.

Cho nên bạn luôn luôn bị hấp dẫn mỗi khi có thành công nào nói về sự bất tử của linh hồn. Bạn sẽ bị mắc vào. Không phải là bạn đã hiểu người đó nói gì - chính hắn có thể cũng chẳng hiểu - nhưng điều ấy sẽ rất hấp dẫn. Tại Ấn Độ mọi người tin vào sự bất tử của linh hồn, và bạn không thể nào tìm ra ở đâu có người hèn nhát hơn nữa. Trong hàng ngàn năm họ vẫn còn là nô lệ, nô lệ cho cả những nước rất nhỏ. Bất kỳ ai đã tới Ấn Độ, đều chinh phục Ấn Độ mà chẳng mấy khó khăn. Họ bị chinh phục quá dễ dàng. Và đây là những người tin là linh hồn bất tử. Thực ra, dân tộc nào tin là linh hồn bất tử thì không thể nào bị chinh phục được bởi vì không ai sợ chết cả. Làm sao bạn chinh phục một người không sợ chết được? Họ thà chết tất cả chứ không chịu bị khuất phục; không người nào có thể chinh phục họ được. Nhưng đã nhiều ngàn năm rồi mà Ấn Độ vẫn còn bị nô lệ. Rất dễ dàng; nó vẫn còn là nô lệ.

Anh quốc là một nước rất nhỏ - có vài quận ở Ấn Độ còn lớn hơn. Anh có thể cai trị quốc gia to lớn này một cách dễ dàng, chẳng mấy khó khăn. Tại sao? ... Và những người này lại tin rằng linh hồn bất tử! Nhưng niềm tin không phải là kinh nghiệm của họ; họ tin vì sợ. Thế thì chỉ có một giải thích. Đây là những người hèn nhất, sợ sệt, sợ chết - do đó họ bám lấy ý tưởng rằng linh hồn bất tử. Không phải là họ biết, không phải là họ đã kinh nghiệm; họ chưa bao giờ kinh nghiệm những điều như vậy, họ chỉ kinh nghiệm cái chết bao quanh. Vì cái chết mà họ mới sợ đến thế. Cho nên một mặt họ tin là linh hồn bất tử; mặt khác, bất kỳ ai cũng có thể hành hạ họ, và họ sẵn sàng phục tùng, quỳ gối.

Chính vì sợ mà con người tin vào sự bất tử. Chính vì sợ mà con người tin vào Thượng Đế. Nó bắt nguồn từ sự run rẩy. Soren Kierkegaard nói rất đúng về tâm trí bình thường.

Một triết gia hiện sinh khác, Jean-Paul Sartre, nói: “Con người bị kết án phải được tự do.”<sup>366</sup> Tại sao lại ‘bị kết án’? Tại sao lại dùng từ xấu xí ‘bị kết án’ này? Tự do mà bị kết án ư? Đúng đây, với tâm trí thông thường nó là vậy bởi vì tự do nghĩa là nguy hiểm. Tự do nghĩa là bạn không thể nào dựa vào bất kỳ cái gì, phải dựa vào chính mình. Tự do nghĩa là tất cả những cái chống đỡ đều đã bị lấy đi hết, mọi nương tựa đều biến mất. Tự do tự nền tảng chính là chân không. Bạn chỉ tự do khi bạn là cái không.

Hãy nghe Sartre nói: “Khi được tự do con người trở nên thống khổ.” Thống khổ ư? Vì tự do? Đúng đây, nếu bạn không sẵn sàng, nếu bạn không được chuẩn bị trước thì nó là thống khổ. Không ai muốn được tự do cả, bất kể những gì họ nói. Không ai muốn tự do cả. Họ chỉ muốn là nô lệ bởi vì khi bị nô lệ, trách nhiệm có thể được trút lên người khác. Bạn không bị trách nhiệm gì cả vì bạn chỉ là

---

<sup>366</sup> Man is condemned to be free. Một trong những câu rất nổi tiếng của Sartre.

một nô lệ: bạn có thể làm gì hơn? Bạn chỉ thừa hành mệnh lệnh.

Nhưng khi được tự do, bạn lại sợ. Trách nhiệm nảy sinh. Bạn cảm thấy trách nhiệm trong mỗi hành động; nếu bạn làm điều này, kết quả có thể xảy ra như thế này; hay nếu bạn làm việc khác, hậu quả khác có thể xảy ra. Thế thì bạn phải chọn lựa, và chọn lựa tạo ra lo sợ. Và Jean-Paul Sartre rất đúng với tâm trí bình thường: tự do tạo ra thống khổ.

Ông ấy nói, “Con người bị kết án phải được tự do,” bởi vì tự do tạo ra khiếp đảm. Tự do rất khiếp đảm. Chẳng có gì bảo đảm để tôi không làm lỗi khi được tự do. Chẳng có giá trị nào mà tôi có thể lấy để làm nơi trú ẩn được. Tôi phải tự tạo ra những giá trị ấy. Tôi phải đặt ra ý nghĩa của chính bản thân mình, của vũ trụ mình, chỉ một mình tôi thôi, không thể bào chữa được và không vịn vào cơ nào cả. Tôi là người vén bức màn tự do của tôi. Và bạn phải hành động. Tự do của tôi là sự mở màn liên tục về bản thể tôi. Bạn cũng vậy. Cái độc đáo của mỗi chúng ta nằm trong sự kiện là mỗi chúng ta thực hiện điều này theo cách riêng của mình.

Nhưng Sartre nghĩ tự do tạo ra thống khổ, và tự do là một loại bị kết án, một sự nguyên rủa. Và Kierkegaard nói, “Con người là sự run rẩy thường xuyên.” Còn Phật lại muốn bạn đi vào trong tự do này, vào trong chân không này. Dĩ nhiên, bạn phải được chuẩn bị trước.

Xá Lợi Phất đã sẵn sàng.

*Do đó, này Xá Lợi Phất,  
chính vì không có chứng đắc mà bỏ tất, dựa  
vào trí huệ bát nhã, tâm không có chướng ngại.  
Vì không có chướng ngại nên không sợ hãi,  
Xa lìa lâm tưởng, đạt tới Niết Bàn.*

Ngài đã vượt qua sự sợ hãi... và Ngài không run rẩy trong chân không này.

Điều này gần như không thể làm được đối với tâm trí thông thường: làm sao mà không run rẩy khi bạn đang biến mất? Khi đang tan biến trong miền đất lạ, làm sao bạn không hoảng sợ chứ? Làm sao bạn không tìm đường chạy trốn chứ? Làm sao bạn không đi tìm sự chống đỡ và ủng hộ để bạn có thể có lại cái cảm giác về bản ngã, về cái ta?

Đó là lý do tại sao Phật đã phải đợi hai mươi năm. Hơn thế nữa, Ngài đã tỏ lộ chân lý này cho Xá Lợi Phất trong một đối thoại cá nhân, không phải trước đám đông. Và nếu có người không tin vào Xá Lợi Phất, họ cũng đúng - bởi vì Phật đã nói khác hẳn với họ.

Và với tôi bạn cũng phải nhớ như vậy! Hãy nhớ điều này: những phát biểu của tôi nhiều khi mâu thuẫn nhau bởi vì chúng được nói cho nhiều người khác nhau; chúng được nhắm vào các tâm thức khác nhau. Và bạn càng trưởng thành hơn, tôi sẽ càng mâu thuẫn hơn; tôi sẽ càng phải bác bỏ những điều tôi đã nói từ trước - bởi vì điều đó sẽ không còn thích hợp với bạn nữa. Với tâm thức đang trưởng thành của bạn, tôi sẽ phải đáp ứng theo cách khác. Mỗi ngã rẽ trong tâm thức của bạn sẽ là một thay đổi trong phát biểu của tôi. Và khi tôi khuất bóng rồi, đừng tạo ra ba mươi sáu tông phái - bởi vì ba mươi sáu tông phái sẽ không có hiệu quả.

Chân không đem lại tự do. *Tự do khỏi cái ta* là tự do tối thượng. Không có tự do nào cao hơn nữa. Chân không là tự do. Và nó không phải là thống khổ như Jean-Paul Sartre nói, và nó không run rẩy như Kierkegaard nói. Nó là phúc lành, nó là phúc lạc tối thượng. Nó không run rẩy bởi vì không có người để mà run rẩy cả.

Thiền chuẩn bị cho bạn điều đó bởi vì khi thiền, hàng ngày bạn thấy bản thân mình càng ít đi. Và càng ít thấy bản thân mình, niềm phúc lạc của bạn cũng tăng dần theo

cùng tỉ lệ như vậy, phúc lành của bạn, hạnh phúc của bạn. Dần dần bạn học được phép toán của thế giới nội tâm - rằng cái ta càng lớn thì càng nhiều địa ngục; bạn càng ít đi, thiên đường càng nhiều. Cái ngày bạn không còn nữa, đó là niết bàn; nơi trú ẩn tối thượng đã đạt tới. Bạn đã làm một vòng toàn vẹn, bạn đã trở lại thành đứa trẻ. Không còn cái ta nào nữa.

Hãy nhớ điều này, tự do không có nghĩa là tự do của cái ta. Tự do nghĩa là: *tự do khỏi cái ta*.<sup>367</sup> Với Sartre điều đó có nghĩa ‘*tự do của cái ta*’.<sup>368</sup> Đó là lý do tại sao điều đó lại có cảm giác kết án vì cái ta vẫn còn. Nó được tự do, nhưng nó vẫn còn - và đó là lý do tại sao có nỗi sợ.

Nếu tự do là điều mà cái ta biến mất trong đó, và chỉ có tự do mà không có người được tự do, thế thì ai có thể run rẩy, và ai có thể cảm thấy thống khổ, và ai có thể cảm thấy bị kết án? Và thế thì không có vấn đề chọn lựa; tự do đó hành động theo ý riêng của nó. Khi hành động mà không phải chọn lựa thì không có trách nhiệm nào sót lại - bởi vì không có người ở đó để mà cảm thấy có trách nhiệm. Chân không hành động. Vi vô vi - hành động mà không hành động (non-action acts). Nó là sự đáp ứng giữa chân không bên trong và chân không bên ngoài, và không có gì cản trở.

*chính vì không có chúng đấng mà bỏ tất, dựa vào trí tuệ bát nhã, tâm không có chướng ngại*

*một mình ... không có chướng ngại.*

Giờ đây không còn chướng ngại nữa. Và chướng ngại là hàng rào phân đôi bạn với chân không bên ngoài. Đó là

---

<sup>367</sup> Trong tập “The Zen Manifesto”, Osho nói, “Tự do khỏi cái ta,” chính là điều Phật gọi là vô ngã (anatta).

<sup>368</sup> Tự do của cái ta – freedom of the self.

Tự do khỏi cái ta – freedom from the self.

điều tôi đã nói đêm qua cho Neelamber, tên cũ là Mark mà tôi đã nói hôm qua.

Tối hôm qua anh ấy đã thành một đệ tử; anh ấy đã trở thành Neelamber. Neelamber nghĩa là bầu trời xanh. Cái gì phân chia bầu trời bên ngoài và bầu trời bên trong? Tầng lớp ý nghĩ của bạn. Chẳng khác gì quần áo của bạn không cho phép da thịt của bạn tiếp xúc với bầu trời, và sự trần trụi của bạn muốn được bắc cầu với bầu trời. Cái ý nghĩ rằng bạn là người Hindu, cái ý nghĩ rằng bạn là người đạo Chúa, cái ý nghĩ rằng bạn là người cộng sản hay phát xít, tạo ra chia rẽ. Cái ý nghĩ rằng bạn là đẹp hay xấu tạo ra chia rẽ. Cái ý nghĩ rằng bạn thông minh hay đần độn tạo ra chia rẽ. Ý nghĩ nào cũng đều gây chia rẽ. Và bạn có hàng triệu ý nghĩ. Bạn sẽ phải bóc từng lớp một như bóc củ hành, hết lớp nọ tới lớp kia. Khi bóc được một lớp, lớp khác lại lòi ra; bóc lớp ấy nữa, lại có lớp khác. Và dĩ nhiên khi bạn bóc hành, nước mắt trào ra; nó làm cay mắt. Khi bạn trút bỏ gánh nặng trên bản thể mình thì còn đau đớn hơn nhiều. Không giống như cởi quần áo, mà giống như bị lột da vậy.

Nhưng nếu bạn cứ bóc mãi; rồi một hôm cả củ hành biến mất và chỉ còn lại chân không trên tay bạn. Chân không đó là phúc lạc.

Phật nói: Một vị bồ tát an trú bên ngoài những chướng ngại của ý nghĩ. Ngài ở đây, nhưng hoàn toàn vô danh; Ngài ở đây, nhưng Ngài không có ý tưởng nào; Ngài ở đây, nhưng Ngài không có ý nghĩ. Không phải là Ngài không xử dụng ý nghĩ... Tôi vẫn liên tục dùng ý nghĩ. Tôi đang nói với bạn ngay bây giờ, tôi phải dùng tâm trí và ý nghĩ - nhưng chúng không làm chướng ngại cho tôi. Chúng ở sát cạnh. Khi cần đến thì tôi dùng chúng. Khi tôi không dùng đến, chúng biến mất - bầu trời bên trong của tôi và bầu trời bên ngoài là một. Và ngay lúc tôi đang dùng chúng, tôi vẫn biết rằng chúng không thể phân chia tôi. Chúng là phương tiện, bạn có thể dùng chúng, nhưng bạn không bị chúng chướng ngại bao giờ.

... tâm không có chướng ngại....

Phật nói có ba loại chướng ngại. Loại thứ nhất là *karma averna* - hành động không hoàn tất. Những hành động không trọn vẹn sẽ chướng ngại bản thể bạn. Mỗi hành động đều muốn được hoàn tất. Mỗi việc đều có một thôi thúc nội tại để được hoàn tất. Một khi bạn để cho hành động nào đó không hoàn tất, nó đều bám lấy bạn: *karma averna*, nghiệp bao quanh bạn.

Loại thứ hai là *klesas averna*. Tham, sân, si và những thứ đại loại như thế: chúng được gọi là *klesas*, bất tịnh, dơ bẩn; chúng chướng ngại bạn.

Bạn có thấy vậy không? Một người giận dữ, hầu như bao giờ cũng giận dữ - lúc ít, lúc nhiều, nhưng tất cả đều giận dữ. Người ấy sẵn sàng nổi nóng bất kỳ lúc nào. Người ấy sẵn sàng nổi tam bành, bất kể lý do gì. Người ấy sôi sùng sục bên trong. Người ghen tuông cũng thế: hấn cứ tìm những cái để mà ghen. Người vợ ghen sẽ tìm trong túi chồng, trong những bức thư của chồng, trong hồ sơ của chồng để xem có thấy cái gì đáng nghi không.

Khi Mulla Nasruddin về tới nhà thì bao giờ cũng có cái cọ, không cái này thì cái khác. Vợ anh ấy là người hay lục lọi đến mức chị ta bao giờ cũng tìm thấy thứ này thứ khác. Số điện thoại nào đó trong sổ của anh ta, và chị ta bắt đầu nghi ngờ. Thấy một sợi tóc trên áo choàng là chị ta mở cuộc điều tra tức khắc - sợi tóc này từ đâu tới?

Một hôm chị ta chẳng tìm được gì cả, ngay cả một sợi tóc cũng không có. Mulla đã chuẩn bị trước khi về nhà; thế là chị ta bù lu bù loa.

Mulla nói, “Chuyện gì nữa vậy? Đến một sợi tóc em cũng chẳng thể nào tìm thấy trên áo anh cơ mà?”

Chị vợ nói, “Thì còn lý do gì nữa! Bây giờ anh lại bỏ bịch với cả ni cô nữa!”

Rất khó mà tán tỉnh được ni cô, nhưng đó là tâm trí của người ghen tị. Đó là những chướng ngại. Phật gọi chúng là *klesas*, bất tịnh. Người ngã mạn bao giờ cũng đi tìm cơ để hoặc khoe khoang, hoặc để cảm thấy bị chạm tự ái. Người keo kiệt bao giờ cũng đi tìm cái gì đó để có thể trưng bày tính tham lam của mình, hay là tìm cái gì tiêu cực để mà ăn thua đủ với nó.

Mọi người cứ chứng nào tật ấy... và tôi không nói về người khác, tôi đang nói về bạn đấy. Hãy quan sát tâm trí mình, quan sát những gì bạn đang tìm kiếm. Hãy quan sát tâm trí mình trong hai mươi bốn giờ, và bạn sẽ nhận ra tất cả những chướng ngại đó, *avernas*.

Thứ nhất là những hành động không hoàn tất. Thứ hai là những bất tịnh. Và ba là *ghaya avernas* – những chướng ngại như: đức tin, ý kiên, ý thức hệ, tri thức. Chúng không cho phép bạn biết, không cho bạn có đủ khoảng cách để thấy. Ba chướng ngại này cần phải bị loại bỏ.

Khi cả ba chướng ngại này bị loại bỏ, bạn an trú trong chân không. Từ ‘an trú’ cũng cần phải hiểu.

Phật nói: Ngài an trú trong chân không. Đây là chỗ trú ẩn của Ngài, chân không là nhà của Ngài. Ngài an trú trong đó, nó là một chỗ cư ngụ. Ngài yêu nó, Ngài hoàn toàn hòa nhịp với nó. Nó không xa lạ; Ngài không cảm thấy như người bên ngoài. Và Ngài không cảm thấy giống như đang ở trong khách sạn và ngày mai Ngài sẽ phải từ giã. Nó là nơi cư ngụ của Ngài. Khi chướng ngại ý nghĩ đã bị loại bỏ, chân không là nhà của bạn. Bạn hoàn toàn hài hòa với nó.

Kierkegaard và Sartre chưa bao giờ ở đó. Họ chỉ suy tư về nó. Họ chỉ nghĩ về nó. Họ nghĩ nó sẽ như thế nào. Đó là lý do tại sao Kierkegaard lại cảm thấy run rẩy. Ông ấy chỉ nghĩ thôi, cũng như bạn nghĩ vậy...

Hãy thử tưởng tượng khi bạn chết; bạn sẽ được đặt lên dàn thiêu, và bạn sẽ kết thúc mãi mãi. Sau đó bạn sẽ

không thấy những cái cây xinh tươi này, những con người đẹp đẽ này, và bạn sẽ không còn cười nữa, sẽ không yêu nữa, sẽ không thấy các vì sao nữa. Mà trái đất này vẫn xoay vần, và bạn đã thành thiên cổ. Chẳng lẽ bạn không cảm thấy run lẩy bẩy sao? Chẳng lẽ bạn không cảm thấy run sợ sao? Tất cả sẽ tiếp tục. Chim sẽ hót, mặt trời sẽ lên, đại dương sẽ gập sóng, những con chim ưng sẽ trải rộng đôi cánh, hoa sẽ rộ nở ngát hương thơm, và hương nồng của đất mới... Tất cả sẽ còn đó. Rồi bỗng nhiên một ngày nào đó bạn sẽ không còn nữa, và thân xác bạn sẽ về với cát bụi. Cái thân xác đẹp đẽ này mà bạn đã từng sống với, đã từng chăm sóc chu đáo - nó sẽ ốm yếu và sẽ quấy rầy bạn - rồi một ngày nào đó nó sẽ trở thành vô dụng, để rồi cả người đã từng yêu mến nó, và cũng chính những người ấy, sẽ đem nó lên đàn mà hóa thiêu. Hãy nghĩ đến cảnh tượng đó. Hãy suy tưởng đến cảnh đó mà run.

Kierkegaard có lẽ đã suy tư như vậy. Ông ấy phải là một người rất sợ sệt. Ông ấy là con một phú hào. Sau khi cha chết, Kierkegaard đã thừa hưởng một số tiền, cũng đủ để cho ông ấy chẳng bao giờ phải làm lụng và tiếp tục suy tư. Điều đó thật dễ dàng cho ông ấy - chẳng có gì phải làm cả. Ông ấy có đủ tiền trong ngân hàng. Cứ mỗi đầu tháng ông ấy sẽ ra ngân hàng để rút tiền. Công việc của ông ấy chỉ có bấy nhiêu. Rồi ông ấy sẽ sống và thiền. Thiền theo nghĩa của ông ấy là suy tư, nghiên ngẫm, suy nghĩ. Đó là nghĩa của từ thiền (meditation) dịch từ tiếng Anh. Đây không phải ý nghĩa của từ *dhyana* (thiền na) của Ấn Độ.

Khi có người tới tôi, và tôi bảo họ thiền, họ nói, “Về cái gì?” Từ tiếng Anh có nghĩa là thiền về cái gì đó, vật nào đó. Từ *dhyana* của Ấn Độ có nghĩa là sống trong nó, không phải suy tư về cái gì đó. Nó là một trạng thái không phải hành động.

Cho nên ông ấy suy tư, suy nghĩ, nghiên ngẫm và triết lý. Nghe nói rằng ông ấy yêu một cô gái đẹp, nhưng không thể quyết định được liệu có cưới vợ hay không.

Chỉ cái chuyện yêu đương cũng làm ông ấy run rẩy rồi. Ông ấy suy tính trong ba năm, và cuối cùng quyết định không lấy vợ. Mà ông ấy cũng yêu thật. Trong suốt cuộc đời ông ấy không thể nào quên cô ấy; cả cuộc đời ông ấy cảm thấy khổ sở vì người này. Cả hai người cùng yêu nhau; thế mà ông ấy vẫn quyết định không lấy vợ. Tại sao? Bởi vì chính cái ý tưởng yêu đã làm cho ông ấy run rẩy. Tình yêu cũng là một cái chết. Nếu thực sự yêu ai, bạn chết trong người đó, bạn biến mất trong người đó.

Khi bạn làm tình... Tôi phải dùng từ 'làm' này - nó không đúng, nhưng không ngôn ngữ nào thực sự là đúng cả. Cho nên hãy nhớ, tôi phải dùng từ với tất cả những giới hạn của nó. Tình yêu không thể làm được. 'Làm tình' là cách diễn đạt sai. Nó xảy ra. Nhưng khi nó xảy ra, khi bạn đang trong vòng tay của tình yêu, nỗi sợ nảy sinh bởi vì bạn đang biến mất. Đó là lý do tại sao vô số người, hàng triệu người, chưa bao giờ biết tới tội đỉnh yêu đương - bởi vì tội đỉnh là cái chết.

Và Kierkegaard đã yêu cô gái ấy nhiều đến mức ông ấy sợ rằng ông ấy sẽ không còn tự chủ được nữa. Nỗi sợ đó quá nhiều. Ông ấy bỏ hẳn cái ý tưởng ấy. Ông ấy từ chối không lấy vợ. Ông ấy chịu đựng trong suốt cuộc đời, và ông ấy đã chấp nhận. Cũng bởi vì sợ... Ông ấy là một người có khuynh hướng sợ sệt. Ông ấy sống thoải mái, chẳng làm gì cả, chỉ triết lý thôi. Và có một chuyện rất lạ về ngày ông ấy chết.

Ông ấy chết khi trở về từ ngân hàng. Đó là ngày đầu tháng; ông ấy từ ngân hàng về, đã rút tiền xong - nhưng đây là món tiền cuối cùng. Ông ấy chết trên đường. Có người nghĩ rằng ông ấy chết vì sợ bởi vì từ đây không còn tiền trong ngân hàng nữa. Ông ấy hoàn toàn mạnh khỏe, không có bệnh gì hết; chẳng có lý do nào để ông ấy phải chết bất thần như thế. Nhưng trở về từ ngân hàng - và viên quản lý đã nói, "Đây là món tiền cuối cùng; tiền của ông đã hết" - ông ấy không thể về được tới nhà. Ông ấy chết giữa đường.

Ông ấy không thể nào kinh nghiệm được chân không mà Phật đang nói tới. Ông ấy chắc chỉ nghĩ về nó thôi - do đó mới sợ. Và Jean-Paul Sartre cũng không ở trong không gian của thiền. Ông ấy không phải là thiền nhân; ông ấy cũng là một nhà suy tưởng phương Tây hoàn toàn. Ông ấy chẳng hề biết cách đi vào nội tâm của phương Đông. Do đó tự do có vẻ như bị kết án, có vẻ như một nỗi thống khổ.

Chân lý chính là điều ngược lại. Nếu bạn đi vào trong tự do, vào trong chân không thì có phúc lạc. Nếu bạn chết dưới tay của tình yêu thì có *satori* (ngộ), *samadhi* (đại định). Phật nói: Bồ tát an trú trong chân không đó, đây là nhà của Ngài. Đây không phải là thống khổ, đây không phải là run rẩy, đây không phải là bị kết án. Ngài an trú ở đó. Đây là nơi trú ẩn của Ngài.

*Vì không có chướng ngại nên không sợ hãi, Xa lìa làm tướng, đạt tới Niết Bàn.*

Phật không nói điều gì khác. Ngài nói: Nếu vào được trạng thái này của chân không, niết bàn là kết quả tự nhiên. Cuối cùng thì nó tự xuất hiện. Bạn không cần lo nghĩ gì cả. Mà bạn cũng không thể làm được gì hơn. Chỉ cần vào được trong chân không này thì nó trưởng thành, trưởng thành mãi, trở nên ngày một rộng lớn hơn, rồi sẽ có ngày nó sẽ trở thành toàn thể con người của bạn. Sau đó là niết bàn - bạn không còn là cá nhân lẻ loi nữa. Bạn đã biến mất vào trong vũ trụ.

Có người hỏi Phật, “Khi thầy qua đời và thầy sẽ không bao giờ tái sinh nữa. Vậy điều gì sẽ xảy ra cho thầy?”

Ngài nói, “Ta sẽ tan biến vào trong vũ trụ. Nơi nào có vũ trụ, ở đó có ta.”

Quả đúng như vậy. Điều đó rất đúng. Nếu tiếp xúc được với vũ trụ, bạn sẽ tiếp xúc được tất cả các vị Phật -

Krishna, Christ, Phật, Mahavira, Zarathustra,<sup>369</sup> Lão Tử, Kabir,<sup>370</sup> Nanak<sup>371</sup> - bạn sẽ tiếp xúc với tất cả các vị Phật. Cái ngày bạn đi vào trong chân không đó, bạn sẽ được tất cả các vị Phật đón chào. Toàn bộ hiện sinh đang theo nhịp đập của Phật giới bởi vì biết bao nhiêu vị Phật đã tan biến trong đó. Họ đã nâng hiện sinh lên nhiều nấc.

Bạn thật may mắn, bởi vì trước bạn là biết bao nhiêu Phật đã đi vào hiện sinh. Khi bạn đi vào đó, bạn sẽ không thể nào không được nghênh đón.

*Hết thấy chư Phật trong ba đời dựa theo trí huệ bát nhã mà chúng đắc giác ngộ vô thượng viên toàn.*

Chỗ trú ẩn duy nhất là trí huệ bát nhã, sự hoàn hảo của thiền. Trong quá khứ đã như vậy, trong hiện tại cũng đang như vậy, trong tương lai cũng sẽ như vậy. Bất kỳ ai trở thành Phật, đều trở thành Phật qua thiền. Hãy quy y trong thiền. Hãy an trú trong chân không.

---

<sup>369</sup> Zarathustra, cũng gọi là Zoroaster, gốc Ba Tư, là giáo chủ của Bái Hỏa giáo.

<sup>370</sup> Kabir, người Ấn, là một đạo sư nổi tiếng của Bạch Y giáo.

<sup>371</sup> Guru Nanak, người Ấn, sáng lập đạo Sikhs.



## 8

# Phật Giáo: Đạo Của Trí Tuệ



Câu hỏi thứ nhất:

*Trí năng có thể dẫn đến giác ngộ không?*

*Hay giác ngộ chỉ có thể đạt tới qua qui phục?*

Giác ngộ bao giờ cũng qua qui phục, nhưng qui phục chỉ đạt được qua trí tuệ. Chỉ đám ngố mới không thể qui phục. Qui phục cần trí tuệ. Hiểu được ý nghĩa của qui phục là đỉnh cao của trí tuệ. Hiểu được rằng bạn không xa cách với hiện sinh thì chỉ có sự thông minh tột đỉnh mới vượt tới được.

Không có xung khắc nào giữa trí tuệ và qui phục. Qui phục được vì thông minh, và khi bạn qui phục, trí tuệ cũng phải bị qui phục. Thông qua qui phục mà trí tuệ tự tử. Nhận ra cái vô ích của chính nó, hiểu được cái ngớ ngẩn của chính nó, nhận ra cái khổ não mà nó tạo ra, nó tự biến mất. Nhưng điều đó xảy ra nhờ ở trí tuệ. Và đặc biệt đối với Phật, đạo của Ngài là đạo của trí tuệ. Ý nghĩa của từ Phật là trí tuệ đã thức tỉnh.

Trong Tâm Kinh một phần tư những từ được dùng có nghĩa là trí tuệ. Từ Phật có nghĩa là thức tỉnh, *bodhi* - *bồ đề* - nghĩa là sự thức tỉnh; *sambodhi* nghĩa là thức tỉnh hoàn hảo, *abhisambuddha* nghĩa là thức tỉnh hoàn toàn; *bodhisattva*, bồ tát, nghĩa là sẵn sàng để trở thành thức tỉnh hoàn toàn. Tất cả đều có chung một gốc, *budh*, nghĩa là trí tuệ. Từ *budhi*, trí tuệ, cũng có cùng gốc. Từ gốc *budh* có nhiều khía cạnh. Không có một ngôn ngữ nào có thể dịch được; nó có nhiều ẩn nghĩa. Nó rất linh động và thi vị. Không ngôn ngữ nào khác có từ giống như từ *budh*, với nhiều nghĩa như thế. Từ *budh* có ít nhất năm nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là thức tỉnh, tự đánh thức chính mình, và đánh thức người khác, tỉnh thức. Hiểu theo nghĩa thường, nó đối lập với ngủ, ngược lại sự điên đảo của mộng tưởng mà từ đó đáng giác ngộ tỉnh dậy, như thể tỉnh dậy từ một giấc mơ. Đó là ý nghĩa thứ nhất của trí tuệ, *budh* – làm cho bạn thức tỉnh.

Bình thường mọi người đều say ngủ. Ngay cả khi bạn nghĩ bạn đang tỉnh, bạn cũng không tỉnh đâu. Bước đi trên đường, bạn hoàn toàn tỉnh thức – đối với tâm trí bạn. Nhưng từ cái nhìn của một vị Phật, bạn đang ngủ say, bởi vì cả ngàn lẻ một giấc mơ và ý nghĩ đang ồn ào trong tâm trí bạn. Ánh sáng nội tâm bạn bị lu mờ rất nhiều. Đây là một loại ngủ. Phải rồi, mắt bạn mở thao láo, nhưng nhiều người có thể đi trong lúc mơ, trong giấc ngủ, mà mắt vẫn mở. Và Phật nói: Bạn cũng đang đi trong giấc ngủ - với mắt mở.

Nhưng con mắt tâm linh thì khép kín. Bạn vẫn chưa biết bạn là ai. Bạn không nhìn vào bản thể của mình. Bạn không tỉnh thức. Một tâm trí đầy rẫy ý tưởng thì không tỉnh thức, không thể tỉnh thức được. Khi nó đã loại bỏ mọi ý nghĩ và suy tư, không còn bị mây che kín - để cho mặt trời chiếu sáng rực rỡ, và bầu trời hoàn toàn trong suốt – đó là tâm trí có trí huệ; đó là tâm trí đã tỉnh thức.

Trí tuệ là khả năng an trú được trong hiện tại. Càng bị quá khứ lôi kéo hay bị tương lai thôi thúc, bạn càng ít trí

tuệ. Trí tuệ là khả năng hiện hữu ngay tại đây và ngay bây giờ, hiện hữu trong khoảnh khắc này và không nơi nào khác. Thế thì bạn tỉnh thức.

Chẳng hạn, bạn đang ngồi trong nhà và nhà bỗng nhiên nhà bốc cháy; bạn đang trong nguy hiểm. Trong khoảnh khắc đó bạn sẽ thức tỉnh hoàn toàn. Trong khoảnh khắc đó bạn sẽ không nghĩ nhiều. Trong khoảnh khắc đó bạn quên hẳn quá khứ. Trong khoảnh khắc đó ký ức tâm lý không còn la hét bên trong - rằng bạn đã yêu một người phụ nữ ba mươi năm trước đây, và chúa ơi, thật là thơ mộng! Hay là mới đây bạn ăn nhà hàng Tàu, và hương vị vẫn còn phảng phất đâu đây, mùi hương thơm cùng mùi bánh nướng ngon lành. Bạn sẽ bỏ rơi những ý nghĩ đó. Không, khi nhà bạn bị cháy, bạn không thể còn những ý nghĩ như thế nữa. Bỗng nhiên bạn sẽ xô về khoảnh khắc *này*: ngôi nhà đang bốc cháy và cuộc sống của bạn đang nguy hiểm. Bạn sẽ không mơ về tương lai, về điều gì bạn định làm ngày mai. Ngày mai chẳng còn giá trị gì, hôm qua chẳng còn liên quan, ngay cả hôm nay cũng chẳng còn quan trọng nữa! Chỉ có khoảnh khắc này, ngay lúc này. Đó là ý nghĩa thứ nhất của budh, trí tuệ.

Và đó một nhận thức lớn. Một người muốn thực sự thức tỉnh, muốn thực sự thành Phật thì phải sống từng khoảnh khắc một cách mãnh liệt như vậy. Còn bạn thì mấy khi phải sống trong nguy hiểm như vậy.

Nghĩa thứ nhất là đối lập với ngủ. Và đương nhiên là bạn có thể chỉ thấy được thực tại khi bạn không ngủ. Bạn có thể đối mặt với nó, bạn có thể nhìn thẳng vào mắt của chân lý - hay gọi nó là Thượng Đế - chỉ khi bạn thức tỉnh. Bạn có hiểu sống một cách mãnh liệt, khi toàn thể con người bạn bừng cháy là gì không? Hoàn toàn thức tỉnh thì có trí tuệ. Trí tuệ đó đem lại tự do, đem lại chân lý.

Nghĩa thứ hai của budh là nhận ra - trở nên nhận biết về, quen biết với, chú ý tới, để ý tới. Và Phật là một người như vậy, người đã nhận ra cái giả là giả, và có đôi mắt mở to để thấy cái thật là thật. Thấy cái giả là giả là bước đầu

để hiểu biết chân lý là gì. Chỉ khi thấy cái giả là giả, bạn mới có thể hiểu chân lý là gì. Bạn không thể tiếp tục sống trong ảo tưởng, không thể tiếp tục sống trong tín ngưỡng của mình, không thể tiếp tục sống trong định kiến của mình nếu bạn muốn biết chân lý. Cái giả phải được nhận ra là giả.

Đó là ý nghĩa thứ hai của budh - nhận ra cái giả là giả, cái sai là sai.

Chẳng hạn, bạn đã tin vào Thượng Đế; bạn được sinh ra là người đạo Chúa hay Hindu giáo, hay Hồi giáo. Bạn đã được dạy rằng có Thượng Đế, bạn phải kính sợ Ngài - rằng nếu không tin, bạn sẽ đau khổ, rằng bạn sẽ bị trừng phạt, rằng Ngài rất hung dữ, rằng Ngài sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho bạn. Chúa của người Do Thái nói, “Ta là một thiên chúa rất ghen tị. Chỉ được tôn thờ ta mà không được tôn thờ bất kỳ ai khác!” Chúa của người Hồi giáo cũng nói cùng điều đó: “Chỉ có một Chúa, và không có Chúa nào khác; và chỉ có một nhà tiên tri về Chúa - Mohammed - và không có nhà tiên tri nào khác.”<sup>387</sup>

Sự nhòe sợ này có thể ăn sâu đến mức nó vẫn còn lớn vờn ngay cả khi bạn không còn tin vào Thượng Đế nữa.

Mới hôm nọ Mulla Nasruddin còn ở đây, và tôi hỏi anh ta, “Mulla Nasruddin, từ khi anh trở theo cộng sản, anh đã trở thành một đồng chí, thế Allah thì sao?”

Anh ta nói, “Làm gì có Allah! - và Mohammed là nhà tiên tri duy nhất.”

Sự nhòe sợ có thể ăn sâu đến thế: Mohammed vẫn còn là nhà tiên tri.

Bạn đã được điều kiện để tin vào Thượng Đế, và bạn đã tin. Đây là một tín ngưỡng. Dù Thượng Đế có hiện hữu hay không cũng chẳng liên quan gì tới tín ngưỡng

---

<sup>387</sup> Tín đồ Hồi giáo phải tin ba điều: chỉ có một Thượng Đế là Allah; Mohammed là tiên tri cuối cùng; Koran là thánh thư duy nhất.

của bạn. Chân lý chẳng liên quan gì với tín ngưỡng của bạn cả. Dù bạn có tin hay không cũng chẳng có gì khác biệt đối với chân lý. Nhưng nếu tin vào Thượng Đế, bạn sẽ thấy - ít nhất cũng nghĩ - rằng bạn thấy Ngài. Nếu bạn không tin vào Thượng Đế, sự không tin đó sẽ ngăn cản không cho bạn biết. Mọi tín ngưỡng đều cản trở, bởi vì chúng trở thành định kiến của bạn, chúng trở thành một chướng ngại - mà Phật gọi là *avarnas*.

Người thông minh không tin bất kỳ điều gì, và cũng không không tin bất kỳ điều gì. Ông ta rộng mở để sẵn sàng chấp nhận mọi kết quả. Nếu Thượng Đế hiện hữu, người đó sẽ nhận ra - nhưng không dựa theo tín ngưỡng của mình; người đó không có tín ngưỡng. Chân lý chỉ xuất hiện với bộ óc thông minh không có tín ngưỡng. Khi đã tin, bạn không chừa một chỗ nào để chân lý tới với bạn. Định kiến của bạn được đặt lên bàn thờ. Bạn không thể thấy những gì đi ngược lại tín ngưỡng của mình; bạn sẽ trở nên sợ hãi, bạn sẽ trở nên lung lay, bạn sẽ run sợ. Bạn đã hy sinh quá nhiều cho tín ngưỡng của mình - quá nhiều cuộc sống, quá nhiều thời gian, quá nhiều câu nguyện, năm lần mỗi ngày.<sup>388</sup> Nếu một người đã dành năm mươi năm cho tín ngưỡng của mình, sao người đó bỗng nhiên có thể chấp nhận là không có Thượng Đế? Một người đã hiến trọn cuộc sống mình cho chủ nghĩa cộng sản, tin rằng không có Thượng Đế, làm sao người đó có thể tìm hiểu rằng Thượng Đế hiện hữu hay không? Người đó sẽ tránh né.

Tôi không bàn về việc liệu Thượng Đế hiện hữu hay không. Điều tôi đang nói là cái có liên quan tới bạn, không phải với Thượng Đế. Chỉ cần một tâm trí, một tâm trí thoáng đãng, một trí thông minh không bám vào bất kỳ tín ngưỡng nào. Thế thì bạn giống như một tấm gương: bạn phản chiếu những cái trước mặt, bạn không bóp méo nó. Đó là ý nghĩa thứ hai của budh.

---

<sup>388</sup> Người Hồi phải cầu nguyện mỗi ngày năm lần.

Người thông minh không theo cộng sản, cũng chẳng theo Kitô giáo. Người ấy không tin, cũng chẳng không tin. Điều đó không phải là thiên tính của người ấy. Người ấy nhìn thẳng vào cuộc sống, và bất cứ gì xảy ra người ấy đều sẵn sàng chấp nhận. Không có gì ngăn cản tâm mắt của người ấy; người ấy có cái nhìn thấu suốt. Chỉ số ít những người như vậy mới đạt tới chân lý.

Nghĩa thứ ba của gốc budh, trí tuệ, là biết, là hiểu. Phật biết những gì hiện thực. Ngài hiểu cái hiện thực, và qua sự hiểu biết Ngài thoát khỏi mọi ràng buộc – hiểu biết đây nghĩa là thông hiểu, không phải do sự tích lũy tri thức. Phật không phải là người sưu tầm tri thức. Một người có trí tuệ không quan tâm nhiều tới sự kiện và tri thức. Người có trí tuệ quan tâm nhiều tới cách thức để hiểu. Mỗi quan tâm đích thực, thực sự của người đó là để biết, không phải sưu tầm tri thức.

Việc biết<sup>389</sup> đưa đến sự hiểu biết; tri thức chỉ cho bạn cái cảm giác hiểu biết mà không cho bạn hiểu biết thực sự. Tri thức là đồng tiền giả, nó là sự lừa dối. Nó chỉ cho bạn cái cảm giác rằng bạn hiểu, mà bạn lại chẳng biết gì cả. Bạn có thể cứ tích lũy tri thức bao nhiêu cũng được, bạn có thể cứ tích trữ, bạn có thể rất thông thạo. Bạn có thể viết sách, bạn có thể có bằng cấp, bạn có thể có bằng tiến sĩ, thạc sĩ, mà bạn vẫn cứ dốt nát như thường, bạn vẫn cứ ngu đần như ngày nào. Những bằng cấp đó không làm thay đổi bạn; chúng *không thể* thay đổi bạn được. Thực ra, cái ngu đần của bạn lại còn trở nên mạnh hơn... vì nó có thêm cả bằng cấp nữa! Nó có thể tự chứng minh qua chứng chỉ. Nó không thể chứng minh được qua cuộc sống, nhưng nó có thể chứng minh qua chứng chỉ. Nó không thể chứng minh bằng cách nào khác, nhưng nó sẽ

---

<sup>389</sup> Việc biết, dịch từ từ knowing, một động từ, ám chỉ một tiến trình xảy ra không ngừng. Ngược lại với knowing là knowledge (tri thức), là một hỗn hợp của những cái đã qua và được tích trữ trong ký ức. Knowing thuộc về hiện tại. Còn knowledge thuộc về quá khứ.

khoe bằng cấp, chứng chỉ, sự công nhận trong xã hội. Mọi người nghĩ bạn biết, và bạn cũng nghĩ bạn biết.

Bạn có thấy điều này không? Những người được coi là biết nhiều đều là những kẻ dốt nát như bất kỳ ai, đôi khi lại còn tệ hơn nữa. Rất hiếm mà tìm ra được người thông minh trong thế giới hàn lâm, rất hiếm. Tôi đã ở trong cái thế giới hàn lâm đó, và tôi nói điều đó qua kinh nghiệm của tôi. Tôi đã từng thấy người nông dân thông minh, tôi chưa thấy các giáo sư thông minh. Tôi đã thấy tiều phu thông minh, tôi chưa từng thấy vị giáo sư thông minh nào. Tại sao? Có gì trục trặc với những người này?

Một trục trặc rõ ràng nhất là họ phụ thuộc vào tri thức. Họ không cần trở thành người biết, nhưng họ bám vào tri thức. Họ biết một cách gián tiếp. Biết trực tiếp cần lòng dũng cảm. Chỉ một số nhỏ những người phiêu lưu mới dám biết trực tiếp; những người này không chọn đường cái quan của đám đông mà phạt lối đi nhỏ hẹp trong rừng rậm nơi chưa có một dấu chân. Nguy cơ là họ có thể bị lạc. Cái giá phải trả rất cao.<sup>390</sup>

Khi bạn có thể biết cách gián tiếp, việc gì phải bạn tâm? Bạn chỉ cần ngồi trong sa lông. Bạn có thể tới thư viện, hay tới đại học để thể thu thập sự kiện. Bạn có thể sưu tập một khối sự kiện mà tiêu hoá. Ký ức bạn mỗi ngày một lớn hơn vì tri thức, nhưng trí tuệ của bạn lại không tăng hơn. Nhiều khi bạn không biết nhiều, không thật am tường lắm, bạn lại thông minh.

Tôi đã từng nghe...

Một người phụ nữ mua một hộp trái cây nhưng không biết cách nào mở được. Vì không biết cách mở nên bà ấy chạy đi tìm sách dạy nấu ăn. Trong lúc bà ấy loay hoay tìm sổ trang và tham khảo, người làm công đã mở xong.

---

<sup>390</sup> Robert Frost có những câu rất nổi tiếng:

Đôi đường chia đôi giữa rừng già  
Tôi chọn nẻo đường ít người qua  
Từ đó đó đã nhiều đổi thay

Bà ấy hỏi, “Nhưng sao anh biết cách mở?”

Người ấy trả lời, “Thưa bà, vì mù chữ nên phải dùng trí của mình.”

Đúng đấy, xưa nay vẫn vậy. Đó là lý do tại sao nông dân, người làm vườn, tiểu phu lại thông minh hơn; họ có một sự tươi tắn nào đó. Họ không thể đọc được nên phải dùng tâm trí của mình. Người ta phải sống và phải vận dụng tâm trí của mình.

Nghĩa thứ ba của budh là biết, theo nghĩa của sự hiểu biết.

Phật đã thấy chân như. Ngài hiểu cái hiện thực, và chính nhờ sự hiểu biết đó mà Ngài tìm được giải thoát. Nghĩa là gì vậy? Nghĩa là bạn sợ.

Chẳng hạn, những bài nói về Tâm Kinh này làm cho nhiều người cảm thấy sợ. Nhiều người đã viết cho tôi “Osho, thôi đi! Thầy nói về chân không và cái chết làm chúng con sợ quá.” Prageet rất sợ. Vidya rất sợ, và nhiều người nữa. Tại sao? Bạn không muốn hết sợ sao? Nếu muốn hết sợ, bạn sẽ phải hiểu nỗi sợ. Bạn muốn tránh né cái sợ của bạn, sự sợ chết của bạn.

Prageet bề ngoài trông có vẻ mạnh mẽ lắm - một Rolfer<sup>391</sup> - nhưng sâu bên trong lại rất sợ chết; anh ấy là một trong những người sợ nhất ở đây. Có thể đó là lý do tại sao bề ngoài anh ấy có điều bộ mạnh mẽ, uy quyền, dọa nạt. Mấy người Rolfer thường là vậy!

Tôi có nghe nói rằng gần đây quỹ địa ngục đang cần Rolfer. Chúng muốn dùng Rolfers để tra tấn tội nhân vì lợi ích cho họ, và chúng tra tấn rất kỹ thuật.

Nếu sợ hãi bên trong, bạn sẽ phải tạo ra cái vẻ mạnh mẽ bên ngoài, giống như lớp vỏ cứng, để không ai biết rằng bạn đang sợ. Và không phải chỉ có vậy thôi - bạn cũng sẽ không biết rằng bạn đang sợ bởi vì cái vỏ cứng

---

<sup>391</sup> Rolfering một loại trị liệu bằng nắn bóp bắp thịt.

đó. Nó sẽ bảo vệ bạn với người khác, nó sẽ bảo vệ bạn để chính bạn cũng không biết nữa.

Một người thông minh không lẩn tránh bất kỳ sự kiện nào. Nếu đây là nỗi sợ, người ấy sẽ đi tìm ra cho bằng được - bởi vì lối ra là sự hiểu biết. Nếu người đó cảm thấy sợ và run rẩy, người đó sẽ gạt mọi thứ sang bên: trước hết nỗi sợ này phải được trải qua. Người đó sẽ xông thẳng vào và cố gắng để hiểu. Người đó sẽ không cố gắng để *không* sợ; người ấy sẽ không hỏi câu hỏi đó. Người ấy sẽ chỉ hỏi một câu hỏi: “Nỗi sợ này là gì? Nó có thực, nó là một phần của ta, nó là thực tại của ta. Ta phải trải qua; ta phải hiểu nó. Nếu ta không hiểu nó, có một phần của ta mà ta không bao giờ biết. Và nếu cứ tránh né không chịu hiểu các bộ phận, sao ta có thể hiểu ta được? Vậy thì ta sẽ không hiểu nỗi sợ, sẽ không hiểu cái chết, sẽ không hiểu giận dữ, không hiểu hận thù, không hiểu ghen tị và những tật xấu khác...” Thế thì sao bạn hiểu được chính mình?

Tất cả những cái đó là bạn đấy! Đây là bản thể của bạn. Bạn phải mở toang mọi cánh cửa ấy, mọi xó xỉnh và góc ngách. Bạn phải tìm hiểu nỗi sợ. Dù có đang run rẩy cũng chẳng có gì phải lo âu: cứ run rẩy nhưng hãy xông vào. Run rẩy còn tốt hơn nhiều so với chạy trốn. Bởi vì khi bạn chạy trốn, cái phần đó sẽ vẫn còn là phần mà bạn không biết. Và bạn sẽ ngày càng trở nên sợ hãi hơn không dám nhìn thẳng vào nó bởi vì nó ngày càng lớn hơn. Nó sẽ ngày càng lớn mãi nếu bạn không đi vào ngay bây giờ, ngay khoảnh khắc này. Ngày mai nó sẽ sống thêm hai mươi bốn giờ nữa. Hãy coi chừng! Nó sẽ bắt rễ sâu hơn nữa; tán lá của nó sẽ lớn hơn; nó sẽ cứng cáp hơn; và thế thì nó sẽ khó khắc phục hơn. Tốt hơn cả là đi vào ngay bây giờ, thế cũng đã là muộn rồi.

Và nếu bạn đi vào mà quan sát nó... Và quan sát nghĩa là không có định kiến. Quan sát nghĩa là bạn không lên án nỗi sợ là xấu ngay từ đầu. Ai mà biết được? Nó không đến nỗi tệ. Ai biết nó là gì? Nhà thám hiểm phải cởi mở đối với tất cả những gì có thể xảy ra; người ấy không thể

có một tâm trí khép kín. Một tâm trí khép kín và thám hiểm không thể đi đôi với nhau. Người đó sẽ xông vào. Nếu nó đem tới đau khổ và đau đớn, người đó sẽ chịu đựng nỗi đau đó nhưng vẫn cứ đi vào. Run rẩy, ngần ngại, nhưng sẽ đi thẳng vào: “Đây là lãnh thổ của tôi, tôi phải biết nó là cái gì. Biết đâu nó lại có một kho báu nào đó thì sao? Hay là nỗi sợ nằm đó để bảo vệ kho báu này chăng?”

Đó là kinh nghiệm của tôi, đó là hiểu biết của tôi. Nếu đi sâu vào trong nỗi sợ của mình, bạn sẽ tìm thấy tình yêu. Đó là lý do tại sao khi bạn đang yêu thì nỗi sợ biến mất. Và khi sợ thì bạn không thể yêu được. Điều này nghĩa là gì? Một bài toán đơn giản - sợ và yêu không hiện diện cùng một lúc. Điều đó nghĩa là năng lượng mang tới tình yêu đã trở thành nỗi sợ; thế thì chẳng còn gì sót lại để trở thành tình yêu. Nếu nó biến thành tình yêu, chẳng còn chỗ nào cho nỗi sợ.

Hãy đi vào trong nỗi sợ, Prageet, Vidya, và tất cả những bạn khác đang cảm thấy sợ. Hãy đi vào trong đó, và bạn sẽ thấy một kho báu lớn. Ân đang sau nỗi sợ là tình yêu; ân đang sau giận dữ là từ bi, và ân đang sau dục là định và huệ.

Hãy đi vào trong từng điều tiêu cực, bạn sẽ thấy điều tích cực. Và khi biết cái tiêu cực và cái tích cực, điều tối thượng sẽ xảy ra - sự siêu việt. Đó là ý nghĩa của budh, sự hiểu biết, sự thông minh, trí tuệ.

Và nghĩa thứ tư là được chứng ngộ và chứng ngộ. Phật là ánh sáng, Ngài đã trở thành ánh sáng. Và vì Ngài là ánh sáng và Ngài đã trở thành ánh sáng nên một cách tự nhiên và hiển nhiên là Ngài tỏa ánh sáng tới người khác. Ngài là sự sáng. Bóng tối của Ngài đã biến mất, ngọn lửa bên trong của Ngài đang bùng cháy chói lọi. Ngọn lửa của Ngài không có khói. Ý nghĩa này đối nghịch với bóng tối, và sự mù quáng cùng dốt nát. Đây là ý nghĩa thứ tư: trở thành ánh sáng, trở thành chứng ngộ.

Bình thường bạn là bóng tối, một lục địa của bóng tối, lục địa đen tối, chưa được khám phá. Con người là một điều hơi kỳ lạ: con người đi thám hiểm Hi Mã, thám hiểm Thái bình dương, tìm tới mặt trăng và Hỏa tinh; chỉ có mỗi một điều mà con người chưa hề thử là thám hiểm bản thể bên trong của mình. Con người đã đáp xuống mặt trăng, mà chưa hề đáp xuống bản thể của riêng mình. Điều này thực là lạ. Có thể việc đáp xuống mặt trăng chỉ là một sự trốn thoát; đi lên đỉnh Hi Mã chỉ là một sự chạy trốn. Có thể bạn không muốn đi vào bên trong bởi vì bạn rất sợ. Bạn thay thế nó bằng những thám hiểm nào đó để cảm thấy thoải mái. Nếu không bạn sẽ cảm thấy rất tội lỗi. Bạn leo núi và cảm thấy thoải mái, còn đỉnh núi cao nhất nằm bên trong thì vẫn chưa được mò đến. Bạn lặn sâu xuống Thái Bình dương, còn cái Thái Bình dương lớn nhất ở bên trong vẫn chưa được thám hiểm, chưa có sơ đồ. Và bạn bay lên mặt trăng - thật là điên động làm sao! Bạn lãng phí năng lượng của mình vào việc lên mặt trăng, còn mặt trăng thực lại ở bên trong bạn - bởi vì ánh sáng thực là ở bên trong bạn.<sup>392</sup>

Người có trí tuệ sẽ đi vào trong trước. Trước khi đi bất kỳ nơi nào khác người ấy sẽ đi vào trong bản thể riêng của mình. Đó là việc đầu tiên, và nó phải có ưu tiên hàng đầu. Chỉ sau khi đã biết chính mình, bạn mới đi nơi khác. Thế thì bất kỳ nơi nào bạn tới, bạn cũng sẽ mang theo niềm phúc lạc quanh mình, sự an bình, sự im lặng, niềm hoan lạc.

Cho nên nghĩa thứ tư là được chứng ngộ.

Trí tuệ là tia lửa. Nếu được giúp đỡ, nếu được hợp tác, nó sẽ trở thành ngọn lửa, ánh sáng, và hơi ấm. Nó có thể trở thành ánh sáng, nó có thể trở thành cuộc sống, nó có thể trở thành tình yêu: tất cả những điều ấy được gói ghém trong từ chứng ngộ. Một người chứng ngộ không có xấu xí nào tối tăm trong bản thể mình. Tất cả đều giống

---

<sup>392</sup> Chúa Giê Su nói, 'Nước trời ở trong lòng các ngươi.'

như buổi sáng - mặt trời mới hiện lên; bóng tối của đêm đen và sự buồn thảm của đêm đen đã biến mất, và cái bóng của ban đêm đã biến mất. Trái đất lại bừng tỉnh. Trở thành Phật là đạt tới buổi sáng, bình minh bên trong bạn.

Đó là chức năng của trí tuệ, chức năng tối thượng.

Và nghĩa thứ năm của budh là thăm dò. Bạn có một vực sâu bên trong, một vực sâu không đáy cần phải được thăm dò. Nghĩa thứ năm của budh cũng có thể là đắm vào, là loại bỏ mọi chướng ngại và đắm thẳng vào chính cốt lõi bản thể của bạn - trái tim. Đó là lý do tại sao bộ kinh này lại được gọi là Tâm Kinh - Prajnaparamita Hridayam Sutra – đắm vào.

Người ta cố gắng đắm vào nhiều thứ trong cuộc sống. Sự thôi thúc, sự ham muốn mãnh liệt của bạn về dục chẳng qua là một loại đắm thùng. Nhưng đây là đắm vào người khác. Sự đắm thùng tương tự đó phải xảy ra bên trong bản thể riêng của bạn: bạn phải đắm vào chính mình. Nếu đắm vào người khác, có thể bạn thấy được lờ mờ tạm thời. Nhưng bạn đắm vào bản thể mình, bạn có thể đạt được khoái cảm tột đỉnh; và khoái cảm ấy rộng lớn như vũ trụ và nó kéo dài vô tận.

Đàn ông gặp gỡ đàn bà bên ngoài, và đàn bà gặp gỡ đàn ông bên ngoài: đây là sự gặp gỡ rất phiếm diện - có ý nghĩa đây, có đem lại những khoảnh khắc vui sướng đấy. Khi người đàn bà bên trong gặp người đàn ông bên trong... Và bạn đang mang cả hai bên trong mình: một phần của bạn là nữ tính, một phần là nam tính. Dù là đàn ông hay đàn bà cũng chẳng có gì khác; mọi người đều là lưỡng dục.

Nghĩa thứ năm của từ gốc budh là sự đắm thùng. Khi người đàn ông bên trong của bạn đắm vào người đàn bà bên trong của bạn thì có sự gặp gỡ; bạn trở thành toàn thể, bạn trở nên một. Và thế thì mọi ham muốn bên ngoài đều biến mất. Sự mất ham muốn đó là giải thoát, là niết bàn.

Đạo của Phật là đạo của trí tuệ, budh. Hãy nhớ rằng ‘Phật’ không phải là tên của Phật Cồ Đàm. Phật là trạng thái mà Ngài đã đạt tới. Tên Ngài là Cồ Đàm Tất Đạt Đa.<sup>393</sup> Thế rồi một hôm Ngài trở thành Phật, một hôm *bodhi* của Ngài, cái trí tuệ của Ngài rõ nở.

Từ ‘Phật’ và từ ‘Ki Tô’<sup>394</sup> có cùng một ý nghĩa. Tên Chúa Giê Su không phải là Ki Tô: đó là sự nở hoa tối thượng đã xảy ra cho Ngài. Việc ấy cũng xảy ra cho Phật. Cồ Đàm Tất Đạt Đa là một trong nhiều các vị Phật.

Tất cả đều có budh. Nhưng budh, cái năng khiếu để thấy đó đối với bạn chỉ là một hạt mầm. Nếu nó nảy mầm, trở thành cây to, ra hoa, nhảy múa trên bầu trời, thỏ thẻ với trăng sao, bạn là một vị Phật.

Con đường của Phật là con đường của trí tuệ. Nó không phải là con đường của tình cảm, không, không phải chút nào. Không phải là những người tình cảm không thể đạt tới; có những con đường khác cho họ - con đường của hiền dâng, *Bhakti Yoga*. Con đường của Phật gọi là *Gyan Yoga* - con đường của trí tuệ. Con đường của Phật là con đường của thiền, không phải của tình yêu.

Và y hệt như budh, còn có một từ gốc khác, *gya*, làm cơ sở cho *gyanam*. *Gyanam* có nghĩa là nhận biết, hiểu biết. Và từ *prajna*, nghĩa là trí huệ - *prajnaparamita* - trí huệ của cõi bên kia, hay *sangya*, nghĩa là thọ, nhạy cảm hay *vigyanam* nghĩa là thức - các từ gốc này đều bắt nguồn từ *gya*. *Gya* nghĩa là biết.

Bạn sẽ thấy những từ này lặp lại nhiều lần trong lời kinh này - không chỉ trong lời kinh này, mà trong mọi kinh của Phật. Bạn sẽ thấy thêm vài từ nữa, cũng được lặp lại rất thường xuyên, và những từ này là *ved* - *ved* có nghĩa là biết; từ *veda*<sup>395</sup> của đạo Hindu bắt nguồn từ *ved* -

<sup>393</sup> Gautam Siddhartha = Cồ Đàm Tất Đạt Đa.

<sup>394</sup> Ki Tô là phiên âm của từ Christo của Hy Lạp. Người Mỹ đọc là Christ.

<sup>395</sup> Veda là thánh thư của Ấn. Người Việt đọc là Vệ Đà, hay Phệ Đà.

hay *man* nghĩa là tâm trí; *manan* nghĩa là để tâm trí vào; hay *chit* nghĩa là tâm thức. Những từ này chẳng khác gì những hòn đá lát trên con đường của Phật. Con đường của Ngài là con đường của trí tuệ.

Một điều nữa cần phải nhớ là lời kinh này, đúng như vậy, còn trở tới một cái gì nằm xa bên ngoài trí tuệ. Nhưng con đường dẫn tới cái đó là đi theo trí tuệ xa được chừng nào hay chừng ấy.

Trí tuệ phải được dùng tới, không bỏ được; nó phải được vượt lên, không thể bỏ được. Và nó có thể được siêu việt lên chỉ khi bạn đã đạt tới bậc thang cao nhất của chiếc thang. Trí tuệ của bạn phải tiếp tục tăng trưởng. Tới một lúc nào đó thì tuệ đã làm tất cả những cái nó có thể làm được. Trong khoảnh khắc đó hãy già từ trí tuệ. Nó đã giúp bạn trên con đường dài, nó đã đem bạn đi khá xa, nó đã là một phương tiện tốt. Nó là chiếc thuyền đưa bạn qua sông: bạn đã tới bờ bên kia, thế rồi bạn phải bỏ nó lại đằng sau. Bạn không cần phải đội chiếc thuyền ấy trên đầu nữa. Làm thế thì ngu vô cùng.

Con đường của Phật đi qua trí tuệ, nhưng phải vượt ra ngoài nó.<sup>396</sup> Tới một lúc khi trí tuệ đã cho bạn tất cả những gì nó có thể cho được, thế thì nó không còn cần thiết nữa. Cuối cùng bạn cũng phải loại bỏ nó, nhiệm vụ của nó chấm dứt. Bệnh tật đã hết thì thuốc cũng phải liệng đi. Và khi thoát được cả bệnh lẫn thuốc, bạn mới thực sự tự do. Nhiều khi là bệnh đã hết mà lại thuốc lại ghiền. Đây không phải là tự do.

Cái gai đâm vào chân làm bạn đau nhói. Bạn lấy một cái gai khác để nạy cái gai trong chân mình ra. Khi đã lấy cái gai đó ra rồi, bạn vất cả hai cái đi; bạn không giữ lại cái gai đã giúp bạn. Bây giờ nó thành vô dụng. Công việc của trí tuệ là để giúp bạn nhận ra bản thể của mình. Một khi việc đó đã thành tựu và bạn đã nhận ra bản thể của

<sup>396</sup> Trang Tử cũng nói về khả năng nằm ngoài trí tuệ này trong thiên Trí Bắc Du, Nam Hoa Kinh.

mình, bạn không cần đến phương tiện nữa. Bạn có thể tạm biệt, bạn có thể cảm ơn.

Con đường của Phật là con đường của trí tuệ, thuần khiết trí tuệ, nhưng đi xa bên ngoài trí tuệ.<sup>397</sup>

### Câu hỏi thứ hai

*Có đúng là người ta phải đi qua địa ngục không?*

Không cần phải đi qua địa ngục bởi vì bạn đã ở đó rồi. Bạn còn tìm địa ngục ở đâu nữa? Địa ngục là trạng thái thông thường của bạn. Đừng nghĩ rằng địa ngục ở đâu đó sâu dưới lòng đất. Địa ngục là bạn đây. Sự không tinh thức của bạn chính là địa ngục. Hành động không thông minh của bạn chính là địa ngục. Và bởi vì có biết bao nhiêu người đang hành xử không thông minh, thế giới này mới khổ não thế - biết bao nhiêu là khủng khiếp trên trái đất. Và chừng nào bạn chưa chứng ngộ, bạn vẫn còn thần kinh, ít hay nhiều. Bao nhiêu người hủy hoại - bởi vì sáng tạo chỉ có khi trí tuệ của bạn được đánh thức.

Sáng tạo là sự vận hành của trí tuệ. Người đàn độn chỉ biết phá hoại. Và đó là điều đang diễn ra: người ta sửa soạn để hủy diệt càng ngày càng nhiều. Đó là điều các nhà khoa học, các chính khách của bạn đang làm.

Tôi đã nghe một câu chuyện vui:

Sau thế chiến thứ hai, Thượng Đế rất khó xử. Ngài không thể tin vào mắt của mình. Nhìn thấy Hiroshima, Nagasaki - Ngài không thể tin rằng Ngài đã tạo ra loại

---

<sup>397</sup> Xa bên ngoài trí tuệ

người như vậy. Ngài suy đi nghĩ lại, dường như Ngài đã sai lầm: phải chi Ngài đã dừng lại với loài vật, Ngài không nên tạo ra Adam và Eve - bởi vì con người đang trở thành quá tàn bạo.

Để cho một cơ hội cuối cùng, Ngài gọi ba đại diện trên thế giới tới, một người Nga, một người Mỹ và một người Anh. Đây là ba cường quốc sau thế chiến thứ hai. Ngài hỏi người Nga, “Tại sao mà cứ phá hoại ngày càng nhiều như thế? Nếu cần điều gì, mà chỉ cần nói là sẽ làm vừa ý ngay lập tức. Nhưng không được phá hoại nữa.”

Người Nga nhìn Ngài một cách rất ngạo mạn và nói: “Hãy nghe đây, trước hết chúng tôi không tin có Thượng Đế! Chúng tôi cũng có ba ngôi - Marx, Lenin, Stalin” – không phải là ba ngôi thiêng liêng, nhưng người cộng sản cũng có ba ngôi. “Chúng tôi tin họ, và không tin Ngài. Nhưng nếu muốn chúng tôi tin, Ngài phải chứng minh.”

“Bằng cách nào?” Thượng Đế hỏi.

Người Nga nói, “Hãy phá tan Mỹ, hãy phá tan nó hoàn toàn! Một dấu vết gì về cái bệnh gọi là Mỹ này cũng không được để lại. Thế thì chúng tôi sẽ tôn thờ Ngài, nhà thờ của chúng tôi sẽ cầu nguyện trở lại, đền thờ chúng tôi sẽ mở ra. Chúng tôi sẽ làm đền thờ mới cho Ngài.”

Thượng Đế choáng váng... chính cái ý tưởng phá tan tàn nước Mỹ!

Thấy Ngài im lặng, người Nga nói, “Và nếu không làm điều đó được, Ngài cũng đừng lo. Chúng tôi cũng đang định làm điều đó rồi. Sẽ lâu hơn một chút, nhưng chúng tôi sắp sửa làm điều đó đấy! Ngài không phải buồn thảm đến thế. Nếu không thể làm điều đó được, chỉ cần nói là Ngài không thể làm được.”

Thượng Đế nhìn người Mỹ và nói, “Ước muốn của người là gì? Người muốn gì?”

Ông ta nói, “Cũng chẳng nhiều nhận gì, một ước muốn rất đơn giản - đó là không nên có chỗ cho Liên Xô

trên bản đồ. Chúng tôi không muốn thấy Liên Xô trên bản đồ. Không nhiều đâu, chỉ cần loại bỏ nó... Tất cả đều tốt đẹp, chỉ có mỗi cái Liên Xô là gây nhức nhối. Nhức nhối lắm, nó làm chúng tôi phát khùng, và chúng tôi sẽ làm mọi cách để loại bỏ nó. Và nếu Ngài không làm gì với ân huệ của Ngài, chúng tôi sẽ làm điều đó!”

Bây giờ Thượng Đế lại càng khó xử và lẫn lộn hơn. Người Nga nói thế thì cũng chẳng sao bởi vì họ có tin vào Thượng Đế đâu. Nhưng mà Mỹ? Mỹ tin vào Thượng Đế, cho nên chẳng có gì khác biệt giữa người tin và kẻ vô thần, giữa tư bản và cộng sản, giữa độc tài và dân chủ. Chẳng có gì khác biệt về bản chất cả. Cả hai đều ham muốn như nhau. Ngài nghĩ đại diện Anh có thể nhân bản hơn, hiểu biết hơn; ít nhất ông ta cũng là một người lịch sự<sup>398</sup> - mà lịch sự thật!

Thượng Đế hỏi ông ấy, “Ước muốn của người là gì? Người muốn gì?”

Người Anh nói, “Chúng tôi không có ham muốn nào cả. Hãy hoàn thành ước muốn của cả hai người đó cùng một lúc thì chúng tôi sẽ toại nguyện!”

Nhưng đây là cách thức mà con người đã hành xử qua nhiều thời đại: quan tâm rất nhiều tới phá hoại, tiêu diệt người khác hơn là sống cho chính mình, hơn là tận hưởng cuộc sống. Con người dường như bị ám ảnh bởi cái chết: con người đi tới đâu là mang tang tóc và hủy diệt tới đó.

Xã hội bệnh hoạn vì các cá nhân bệnh hoạn. Thế giới xấu xí bởi vì bạn xấu xí! Bạn đóng góp phần xấu xí của mình cho thế giới này. Mọi người đều đóng góp phần xấu xí, thần kinh để thế giới càng trở thành một địa ngục hơn. Bạn chẳng cần phải đi đâu cả; địa ngục duy nhất là đây.

Nhưng bạn có thể thoát ra được. Bằng cách hiểu lẽ lối mà tâm trí mình giúp tạo ra địa ngục này như thế nào, bạn

---

<sup>398</sup> Người lịch sự (gentleman) là mẫu người lý tưởng của Anh, tương tự như quân tử của Tàu.

có thể giữ lại được. Và một người không góp phần vào việc tạo nên địa ngục này, không hợp tác, nổi loạn, sẽ trở thành một nguồn lớn đem thiên đường tới trái đất, trở thành một cửa khẩu.

Bạn không cần phải xuống địa ngục, bạn đã trong đó rồi. Bạn cần đi lên thiên đường bây giờ.

Và thực ra, khi nói bạn cần đi lên thiên đường, tôi muốn nói đích xác là thiên đường cần phải tới với bạn. Bạn mở cửa cho thiên đường. Hãy dâng hiến mọi năng lượng phá hoại của bạn cho sáng tạo, hãy để bóng tối của bạn trở thành ánh sáng, hãy để nhận biết của bạn trở thành thiên, và bạn sẽ trở thành cánh cửa cho Thượng Đế, và qua trung gian của bạn, Ngài có thể trở lại trong thế giới một lần nữa.

Đó là ý nghĩa của dụ ngôn của Kitô giáo rằng Chúa Giê Su được sinh ra từ một trinh nữ, Mẹ Maria. Đây là dụ ngôn - rất có ý nghĩa - ý nghĩa rất hay. Nhưng những người không hiểu lại cố nói rằng bà ấy thực sự là đồng trinh về mặt thể chất. Thật là vô lý. Nhưng bà ấy là trinh nguyên: bà ấy thuần khiết, hoàn toàn trong sạch. Bà ấy là thiên đường ở hạ giới - được như thế thì Chúa Giê Su mới đi vào qua bà ấy, chỉ như thế thì Thượng Đế mới nối vòng tay vào thế giới.

Hãy trở thành một phương tiện: hãy trở thành một nhạc cụ để trên đó Thượng Đế dạo một khúc nhạc - một cây đàn veena, một cây sitar. Hãy để Ngài dạo đàn qua bạn; hãy trở thành cây sáo của Ngài, một cây trúc rỗng. Và đó là điều tôi đã từng nói với bạn trong những ngày qua: nếu bạn trở thành chân không, bạn sẽ là ống tre rỗng. Và bạn có thể trở thành một cây sáo, còn bài ca thì có thể xuống từ thiên quốc. Rất là cần thiết. Cho dù một chút lành mạnh cũng đủ, để qua bạn mà nó đi vào trong thế giới điên khùng này... Cần nhiều lắm, cần khẩn cấp lắm.

Câu hỏi thứ ba

*Thầy nói hôm nọ rằng nếu Thầy là người lái taxi thì không ai có thể nhận ra Thầy. Con không đồng ý. Ít nhất thì con cũng về phe với người sẽ nhận ra Thầy.*

Thưa bà, tôi không tin bà.

Bà không biết đủ về chính mình. Tôi cảm kích tình yêu của bà cho tôi, nhưng tôi không thể nói rằng bà sẽ có thể nhận ra tôi.

Tôi sẽ kể cho bà một câu chuyện thực.

Tôi đã từng ở với một gia đình trong một thành phố nào đó ở Ấn Độ trong nhiều năm - một gia đình rất giàu có, một nhà triệu phú. Ông ấy rất kính trọng tôi, ông ấy là một môn đồ. Khi tôi đi tới thành phố của ông ấy, ông ấy sẽ hôn chân tôi nhiều lần - ít nhất cũng bốn, năm lần mỗi ngày.<sup>399</sup>

Thế rồi sau bảy tám năm, ông ấy muốn tới thăm nơi tôi đã từng lưu trú tại Jabalpur.<sup>400</sup> Ông ấy tới. Vì muốn làm ông ấy sững sốt, vì muốn đùa dai với ông ấy, tôi ra tận ga đón ông ấy. Điều đó ông ấy không ngờ tới - rằng tôi đích thân đón ông ấy tại ga.

Ông ấy quen quỳ xuống dưới chân tôi. Ngày hôm đó ông ấy đã hôn chân tôi, nhưng chỉ cho có lệ - bởi vì bản ngã của ông ấy đã nổi lên: rằng tôi đã ra đón ông ấy. Ông ấy thường đến đón tôi trong bảy năm, và mỗi năm ít nhất ba hay bốn lần khi tôi tới thăm thành phố ấy. Ông ấy

---

<sup>399</sup> Trong truyền thống Ấn Độ đệ tử thường quỳ xuống hôn chân thầy để bày tỏ sự qui phục hoàn toàn.

<sup>400</sup> Osho học triết tại đại học Jabalpur. Thành phố này cũng là nơi người ngộ đạo vào năm hai mươi một tuổi, khi còn là một sinh viên.

không thể ngờ tới điều này. Ông ấy cứ đinh ninh rằng người nào đó sẽ đưa ông ấy tới gặp tôi. Nhưng chính tôi lại tới đón ông ấy ư? - điều đó ông ấy không thể mơ tưởng được. Có lẽ ông ấy đã nghĩ rằng: “Ta đâu phải đồ bỏ, cũng là một triệu phú mà...” Ngày hôm đó ông ấy cúi lạy, nhưng rất hời hợt. Làm sao bạn có thể quỳ lạy người ra đón bạn tại sân ga, với cả một sự kính trọng?

Chúng tôi rời khỏi nhà ga, và khi thấy tôi đang chờ ông ấy về nhà, tất cả sự kính trọng của ông ấy biến mất. Thế là ông ấy nói chuyện như một người bạn. Và sau ba ngày, khi ông ấy ra đi. Tôi đến tiễn biệt ông ấy - ông ấy không hôn chân tôi nữa.

Và cái gia đình tôi đã sống cùng ấy tất cả đều biết rằng tôi đã đùa với ông ấy, còn anh chàng đáng thương bị kẹt vào đó. Họ đều cười khi tàu chạy. Tôi nói “Chưa hết đâu. Lần sau ông ấy tới - ông ấy sẽ chờ để tôi hôn chân ông ấy. Và cũng không có gì ngạc nhiên nếu ông ấy ép tôi phải làm vậy.”

Những chuyện như vậy xảy ra là thường; đây là cách thức tâm trí vận hành. Bạn nhận ra tôi, bạn yêu tôi, nhưng bạn không biết tới tâm trí của mình. Và trong cái thí nghiệm đó tôi mất một môn đồ triệu phú. Tôi đã mất nhiều môn đồ theo kiểu đó, nhưng tôi cứ tiếp tục thí nghiệm.

### Câu hỏi thứ tư:

*Tại sao tôi không thể qui phục một người đàn ông?*

Thế thì đừng qui phục. Tại sao cứ phải tạo ra những rắc rối không cần thiết cho chính mình làm gì? Trước hết, ai bảo bạn phải qui phục một người đàn ông? Đừng qui

phục. Tại sao bạn lại rước những rắc rối không cần thiết lên đầu mình? Nếu bạn không thích qui phục thì đừng qui phục.

Mới ngày hôm nọ một bà đã hỏi tôi, viết một bức thư nói, “Tôi đã tới đây, nhưng tôi không cảm thấy thích chỗ này. Tôi phải làm gì đây?”

Thì rút đi! Xéo đi! Sao phải bận tâm?

Và bà ấy lại hỏi, “Tôi nên theo tiếng nói của con tim, hay tôi nên tin ở thầy?”

Hãy theo con tim, thưa bà, và hãy xéo càng nhanh càng tốt. Làm sao bà có thể tin tôi mà trái với con tim được? Ai sẽ tin tôi? Con tim! Nếu con tim phản đối, ai tin tôi? Và tại sao bà lại phải tạo ra sự chia rẽ như thế? Bà sẽ bị phân tâm - một phần muốn qui phục và bắt buộc, còn phần khác muốn đi. Hoặc là ở lại đây, hoặc là ra đi. Nếu không thể qui phục được thì đừng qui phục. Không ai quan tâm đến sự qui phục của bà cả.

Và việc qui phục cũng không thể thực hiện được, không thể ép buộc được. Nó tới khi nó tới. Nếu bà không thể qui phục với một người đàn ông, điều đó có nghĩa là bà không thể yêu người đàn ông. Vì tình yêu mà qui phục xảy ra một cách tự nhiên. Nếu không có tình yêu, qui phục cũng không thể làm được. Hãy quên điều đó đi!

Có thể bà này là lại cái. Thế cũng tốt. Hãy qui phục đàn bà vậy! Ít ra hãy qui phục người mà bạn có thể qui phục. Có thể qua việc qui phục đó mà bạn sẽ học được việc qui phục đàn ông nữa. Đây là một cách để học.

Mỗi đứa trẻ đều là *tự dục* (auto-sexual) khi mới lọt lòng: nó yêu chính nó, nó không thể yêu bất kỳ ai khác. Sau đó nó trở thành *đồng dục* (homosexual); nó thích trẻ con cùng phái; nó không thích cái đối lập. Sau đó nữa, khi đã trưởng thành, nó trở thành *đối dục* (heterosexual): bây giờ nó có thể yêu cái đối lập. Đó là điều Chúa Giê Su nói: “Hãy yêu kẻ thù của ngươi” - kẻ thù nghĩa là người khác

phái. Kẻ thù có nghĩa cái đối lập; đó là cái cao nhất trong tình yêu. Thế rồi đến một lúc dục biến mất; người đó trở thành *vô dục* (asexual). Nhưng đó là điểm cao nhất và chỉ có thể được đạt qua ba giai đoạn trước. Có thể người hỏi bị kẹt trong đồng dục. Chẳng có gì sai cả. Dù đang ở đâu, dù trong bất kỳ giai đoạn nào, hãy yêu hết mình, hãy qui phục tình yêu. Từ giai đoạn đó sẽ dẫn tới giai đoạn khác, sẽ tự tăng trưởng. Đừng ép buộc.

Tôi không muốn bạn bị mặc cảm tội lỗi; tôi không muốn gây ra sự rạn nứt trong bản thể bạn. Tôi muốn bạn thành thoi, bởi vì chỉ qua sự thành thoi bạn mới nhận ra mình là ai. Cho nên bất kỳ cái gì dễ dàng, hãy chấp nhận. Đừng là kẻ bạo dâm và đừng tự tạo khó khăn cho mình. Hãy ra đi một cách hạnh phúc, một cách thành thoi. Và bất kỳ cái gì dễ dàng cho bạn ngay bây giờ thì hãy làm. Từ đó nhiều cái khác tốt hơn sẽ xảy ra, nhưng đừng cưỡng lại. Bạn không thể nào tăng trưởng một cách thành linh được.

### *Câu hỏi thứ năm:*

*Vũ trụ này có để làm gì nếu cùng đích của con người là siêu việt lên trên nó?*

Đây chính là lý do tại sao: nếu không, bạn sẽ siêu việt bằng cách nào? Vũ trụ cần phải được siêu việt. Khôn khổ cần phải siêu việt, bóng tối cần phải siêu việt, bản ngã cần phải siêu việt - bởi vì chỉ khi bạn siêu việt lên thì mới có niềm vui, phúc lành.

Tôi hiểu bạn muốn nói gì. Đây là một câu hỏi rất cổ điển,<sup>401</sup> đã được nhai đi nhai lại mãi - bởi vì nó thách đố

---

<sup>401</sup> Câu hỏi cổ điển của triết học là vấn đề đau khổ. Vì đau khổ là điều không thể chối cãi được nên câu hỏi là Thượng Đế có toàn giác không?

tâm trí. Nếu Thượng Đế đã tạo ra thế giới, tại sao Ngài cũng tạo ra đau khổ? Ngài có thể trao cho bạn niềm phúc lạc làm quà tặng. Thế thì sao Ngài lại tạo ra dốt nát? Ngài không đủ năng lực để tạo ra những người giác ngộ ngay từ ban đầu hay sao?

Ngài hiện hữu, và đó là những việc Ngài làm. Nhưng ngay cả Thượng Đế cũng không đủ năng lực để làm cho điều không thể làm được xảy ra. Ngài chỉ làm được những điều có thể làm được. Bạn chỉ có thể biết sức khỏe là gì khi bạn bị bệnh; nếu không bạn không thể nào biết được. Bạn chỉ có thể biết ánh sáng khi bạn biết bóng tối là gì. Bạn chỉ có thể thành thoi khi bạn biết căng thẳng là gì; bạn chỉ có thể biết tự do khi bạn biết lao tù là gì - chúng đi đôi với nhau. Ngay cả Thượng Đế cũng không có đủ năng lực để cho bạn một tự do đơn giản. Tự do được bọc chung với lao tù trong cùng một gói. Và bạn phải trải qua cảnh nô lệ mới biết được mùi tự do. Cũng y hệt như nếu không đói, bạn không thể thích thức ăn được.

Điều bạn đang hỏi là: “Tại sao phải đói? Tại sao chúng ta không thể ăn hoài hoài? Sao cứ phải đói mới ăn?” Đói tạo ra đau đớn, đói tạo ra nhu cầu, và thế rồi bạn ăn và thấy thích thú. Không đói thì có ăn cũng không thích. Bạn có thể hỏi những người rất giàu, những người không biết đói là gì: họ chẳng thiết gì thức ăn, họ không thể thích thú được. Chính sự mãnh liệt của cái đói mới đem lại niềm vui. Đó là lý do tại sao một khi đã ăn, bạn phải nhịn trong bảy, tám giờ thì mới ăn ngon nữa được.

Hiện sinh đi theo biện chứng: tối/ sáng, sống/chết, hè/ đông, trẻ/già - tất cả đi đôi với nhau.

---

Nếu toàn giác thì Ngài có khả năng để tiêu diệt điều ác không? Nếu Ngài có khả năng thì tại sao Ngài lại không làm? Nếu Ngài không muốn làm thì Ngài không toàn thiện. Hay là Ngài muốn làm nhưng không có khả năng. Có thể là Ngài có khả năng nhưng lại không biết là có đau khổ. Như vậy Ngài không thể có cả ba đặc tính cùng một lúc: Toàn giác, toàn năng, toàn thiện.

Bạn hỏi: “*Vũ trụ này có để làm gì nếu cùng đích của con người là siêu việt lên trên nó?*”

Nói một cách chính xác, đây chính là lý do tại sao. Vũ trụ được tạo ra cho bạn siêu việt lên. Nếu không, bạn sẽ chẳng bao giờ biết siêu việt là gì. Bạn có thể có phúc lạc mãi mãi, nhưng bạn sẽ không biết phúc lạc là gì. Và có phúc lạc mà không biết phúc lạc là gì thì cũng chẳng giá trị mấy. Và hiểu biết chỉ có thể có được qua cái đối lập - đó là lý do tại sao.

### Câu hỏi thứ sáu

*Tất nhiên mọi người đều có được bất kỳ cái gì họ được, và không có được cái mà họ không được. Và giữa việc bạn được nó, và không được được nó, dường như là khá mỏng. Liệu việc được có khác với việc không được nó không? Hỏi điều đó, con hiểu theo nghĩa nó có đấy, tất nhiên, là khác, bởi vì lời là nhập nhằng. ‘Được’ có nghĩa vừa là nhận được và hiểu được. Blah, blah, blah... Xin Thầy làm sáng tỏ.*

Anurag, bạn dường như là một cái lỗ EST.<sup>402</sup> Là la, là la...

### Câu hỏi thứ bảy:

*Osho, sao con phải nhận sannyas?*

---

<sup>402</sup> Cái lỗ EST (EST-hole). Osho chơi chữ. Người Mỹ dùng từ ass-hole (lỗ trôn) tương tự như từ cà chớn của ta. EST, của Werner Erhart, một thời cũng thu hút được một số người theo.

Bởi vì ngày mai bạn có thể không còn nữa. Khoảnh khắc tới có thể bạn không còn nữa. Sannyas chẳng qua là một cách sống từng khoảnh khắc một cách hoàn toàn, toàn bộ, tuyệt đối.

Sannyas chỉ có nghĩa là bạn sẽ không trì hoãn cuộc sống thêm nữa. Sannyas chỉ có nghĩa là bạn sẽ không còn sống trong mơ nữa, là bạn sẽ nắm lấy khoảnh khắc này và vắt ra từng giọt tinh túy của nó ngay lúc này. Đó là ý nghĩa của sannyas: đó là một cách sống mãnh liệt, sống nhạy cảm.

Và hãy nhớ, cuộc sống rất tình cờ. Ai mà biết được?

Hãy nghe câu chuyện này.

Một thương gia về nhà một cách bất thành linh, và lời đầu tiên anh ta nói khi về đến cửa là, “Nó đâu rồi? Tôi biết nó ở đây! Tôi có thể cảm thấy thấu xương tôi!”

Vợ anh ta đang rửa chén, hỏi, “Anh tìm ai vậy?”

Anh ta nói: “Đừng có giởn mặt. Bà biết tôi đang tìm ai, và tôi sẽ tìm ra nó!”

Anh ta nhìn vào buồng riêng, dưới gầm giường, và trong gác xép. Từ trên lầu hai nhìn xuống dưới, anh ta tình cờ thấy một thanh niên trẻ chui vào trong chiếc xe mui trần.

“Nó đây rồi!” Anh ta túm lấy chiếc tú lạng và lặn nó ra cửa sổ rồi đẩy xuống. Người trong xe bị chết bẹp ruột; còn anh ta chết vì đau tim.

Thánh Phê-rô<sup>403</sup> hỏi chàng thanh niên: “Việc gì xảy ra cho con vậy?”

Chàng thanh niên: “Con bị chết vì bị tú lạng đè.”

Thánh Peter: “Còn con?”

---

<sup>403</sup> Ki tô hữu tin rằng thánh Phê-rô (Peter) là người giữ cửa thiên đường.

Người thương gia: “Con chết vì đau tim khi đẩy chiếc tủ lạnh qua cửa sổ.”

Thánh Peter nói với người thứ ba: “Còn con?”

Người thứ ba: “Thế này, con ngồi trong cái tủ lạnh này, nghĩ về việc riêng của mình, và ...”

Cuộc sống là rất tình cờ. Người ta chẳng bao giờ biết từ đâu cái tủ lạnh sẽ tới cả. Người nào đó có thể đang ngồi trong đó, suy tính việc riêng của mình... Đó là lý do tại sao tôi nói hãy trở thành một sannyasin: đây là khoảnh khắc sống duy nhất, và không có khoảnh khắc nào khác.



# 9

## Vượt Qua, Vượt Qua



*Vì vậy, Bát Nhã Ba La Mật  
là đại thân chú, là đại minh thân chú,  
là vô thượng thân chú,  
là vô đẳng thân chú, trừ được hết mọi khổ đau,  
chân thật không lầm.*

*Vì vậy, thân chú Bát Nhã Ba La Mật Đa này  
đã được công bố rằng:  
Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, vượt  
qua hết thấy,  
Ô hô! giác ngộ viên thành!*

Teilhard de Chardin<sup>419</sup> chia tiến hóa của con người thành bốn giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất ông gọi là địa cầu (geosphere), thứ hai là sinh cầu (biosphere), thứ ba là tâm trí cầu (noosphere), và thứ tư là Ki tô cầu (christosphere). Bốn giai đoạn này có ý nghĩa thật rộng lớn. Chúng phải được hiểu. Hiểu được chúng sẽ giúp bạn hiểu đỉnh cao nhất của Tâm Kinh.

Địa cầu. Đây là trạng thái của tâm thức đang tuyệt đối say ngủ - trạng thái của vật chất. Vật chất là tâm thức đang ngủ. Vật chất không mâu thuẫn với tâm thức; đó là trạng thái của tâm thức đang ngủ, chưa tỉnh thức. Một tảng đá là một vị Phật đang ngủ; một ngày nào đó nó sẽ thành Phật. Có thể mất tới hàng triệu năm - điều đó cũng chẳng hề gì. Khác biệt chỉ là thời gian, mà thời gian chẳng quan trọng trong cái vĩnh hằng này. Đó là lý do tại sao ở phương Đông chúng ta lấy đá mà tạc tượng - điều đó rất biểu tượng: đá và Phật được cầu nối qua một tượng đá. Đá thấp nhất, còn Phật cao nhất. Tượng đá nói rằng Phật chẳng qua là đá đã được hiển lộ; đá đã đạt đến toàn bộ tiềm năng của nó.

Đây là giai đoạn thứ nhất: địa cầu. Đó là vật chất, đó là vô ý thức, hãy còn ngủ, chưa có sự sống. Ở trạng thái này không có tự do bởi vì tự do có được nhờ tâm thức. Trạng thái này bị chi phối bởi luật nhân quả. Luật là tuyệt đối. Không một sự tình cờ nào có thể xảy ra. Tự do không được biết tới. Tự do là cái bóng của tâm thức; càng ý thức bạn càng tự do. Do đó Phật được gọi là *mukta* - tự do hoàn toàn.

Hòn đá hoàn toàn bị tù túng, bị câu thúc mọi nơi, từ mọi phía, trong mọi chiều kích. Đá là linh hồn bị cầm tù. Phật là linh hồn trải rộng đôi cánh, không còn bất kỳ xiềng xích nào nữa, bất kỳ tù túng nào nữa, bất kỳ tù đầy

---

<sup>419</sup> Pierre Teilhard de Chardin, 1881-1955, một linh mục dòng Tên (Jesuit). Ảnh hưởng của Ngài rất sâu rộng trong triết học và thần học. Phần lớn sách của Ngài được phát hành sau khi Ngài qua đời.

nào nữa; không có bức tường nào bao quanh Phật nữa. Bản thể của Ngài phá đổ mọi biên cương. Bản thể Ngài cũng minh mông như vũ trụ. Ngài là một với toàn thể.

Nhưng trong thế giới của địa cầu, nhân quả là luật lệ - *dhamma* (*pháp*)- duy nhất, luật duy nhất. Khoa học vẫn còn bị giới hạn vào địa cầu bởi vì nó vẫn chỉ biết có nhân và quả. Khoa học hiện đại là khoa học rất thô sơ, rất sơ khai vì nó không thể quan niệm bất kỳ cái gì hơn vật chất. Quan niệm của nó rất hạn hẹp, và do đó nó tạo ra nhiều khốn khổ hơn là giải quyết. Tâm nhìn của nó rất hữu hạn, rất nhỏ nhoi, rất bé nhỏ, đến mức nó không thể tự hòa giải với toàn bộ hiện sinh. Nó nhìn qua cái lỗ tí hon và nghĩ đó là tất cả. Khoa học vẫn còn bị hạn chế vào địa cầu. Khoa học vẫn bị tù túng, chưa mọc cánh. Nó chỉ có cánh khi nó vượt qua vấn đề nhân quả. Đúng thế, nhưng đã có những tia lửa nhỏ.

Nhà vật lý hạt nhân đang thám hiểm thế giới bên ngoài nhân quả, xuyên qua biên giới. Do đó, nguyên lý bất định<sup>420</sup> mới nảy sinh, phát sinh với nhiều sức mạnh. Nhân quả là nguyên lý của chắc chắn: bạn làm điều này và điều kia nhất định xảy ra. Đun nước tới một trăm độ thì nước bốc hơi - đó là nhân quả. Nước không có tự do. Nó không thể nói, “Hôm nay tôi không thấy thoải mái, và tôi không bốc hơi tại một trăm độ! Tôi sẽ từ chối!” Không, nó không thể nói thế; nó không thể kháng cự lại, nó không thể cưỡng lại luật. Nó rất trọng luật, rất vâng lời. Ngày khác, khi nước cảm thấy rất sung sướng, nó không thể nói, “Đừng bận tâm quá nhiều. Tôi sẽ bay hơi ở năm mươi độ. Tôi sẽ ép buộc bạn.” Không, điều đó không thể xảy ra.

---

<sup>420</sup> Nguyên lý bất định (principle of uncertainty) của Werner Heisenberg nói rằng ta không thể biết được cùng một lúc cả vị trí lẫn tốc độ của một hạt điện..

Vật lý cổ điển,<sup>421</sup> khoa học cổ, không có khái niệm nào về nguyên lý bất định. Nguyên lý của bất định là nguyên lý của tự do.<sup>422</sup> Một chút thoáng nhìn đang xảy ra. Bây giờ họ không còn chắc chắn như ngày trước.<sup>423</sup> Bây giờ họ thấy rằng ở chỗ sâu nhất, trong vật chất cũng có một sự tự do nào đó. Rất khó nói liệu điện tử là hạt hay sóng: nó hành xử theo cả hai cách, lúc theo cách này, lúc theo cách kia.<sup>424</sup> Và chẳng có cách nào mà tiên đoán nó.<sup>425</sup> Nó là lượng tử.<sup>426</sup> Và không chỉ có thế - tự do của nó đến mức đôi khi đồng thời nó hành xử như sóng và như hạt. Đây là điều các nhà khoa học cổ không thể chấp nhận được; họ không thể quan niệm được hay hiểu được. Aristotle sẽ không thể nào hiểu được; Newton sẽ không thể hiểu được.<sup>427</sup> Đây là điều không thể nào quan niệm

<sup>421</sup> Vật lý cổ điển của Isaac Newton. Vật lý hiện đại gồm có vật lý tương đối và vật lý nguyên lượng (quantum physics).

<sup>422</sup> Vật lý hiện đại chỉ biết được xác suất để một hạt điện xuất hiện. Xác suất càng cao càng chính xác, nhưng không có gì bảo đảm cả.

<sup>423</sup> Nguyên lý bất định đã phá vỡ quan niệm cổ điển của khoa học rằng nếu biết được điều kiện ban đầu thì ta có thể biết được vũ trụ tại mọi thời điểm khác nhau. Ngay hiện tại mà không biết được thì nói đâu xa.

<sup>424</sup> Một hạt điện vừa là sóng, vừa là hạt. Nếu ta thí nghiệm để tìm sóng thì sẽ được sóng, và nếu tìm hạt thì sẽ được hạt. Như vậy nhà bác học trở thành một phần của cuộc thí nghiệm.

<sup>425</sup> Phương pháp duy nhất để tiên đoán là dựa theo phép Thống kê để tìm xác suất mà hạt điện có thể xảy ra. Nhà bác học Einstein bác bỏ khoa Vật lý nguyên lượng bằng câu châm biếm nổi tiếng rằng, “Thượng Đế không chơi xí ngẫu.” Các nhà vật lý ngày nay nói rằng Thượng Đế không những chơi xí ngẫu mà còn dấu đi nữa để cho ta phải đi tìm.

<sup>426</sup> Lượng tử - quanta – nghĩa là năng lượng không phát ra một cách liên tục, mà mỗi lần với một lượng nhất định nào đó.

<sup>427</sup> Newton đã đưa ra giả thuyết rằng ánh sáng được hợp bởi những hạt nhỏ gọi là photon. Sau đó Thomas Young chứng minh được rằng ánh sáng là những làn sóng. Năm 1905 Einstein dựa vào thí nghiệm của Max Plank lại cho rằng ánh sáng hợp bởi những hạt

được. Điều đó tương tự như nói rằng một cái gì đó vừa là đường thẳng vừa một điểm, cùng một lúc; điều đó phi logic. Làm sao một cái gì đó lại có thể vừa là một điểm, vừa là đường thẳng được? Hoặc nó là đường thẳng, hoặc nó là điểm chứ.<sup>428</sup>

Nhưng bây giờ các nhà vật lý đang bắt đầu có những thoáng nhìn về cốt lõi bên trong nhất của vật chất. Qua một tiến trình rất quanh co, họ đang gặp phải một trong những yếu tố lớn nhất của cuộc sống: tự do.<sup>429</sup> Nhưng trong địa cầu, tự do không hiện hữu. Nó là *sushupti*.

Từ *sushupti* nghĩa là ngủ tuyệt đối – ngay cả một chút mơ mộng cũng không có. Đá không mơ, không thể mơ được. Chúng phải có thêm chút ít tâm thức mới mơ được. Đá chỉ nằm trơ ra đó, không có cá tính, không có linh hồn - ít nhất không có về mặt thực tế. Nó cũng không thể mơ; giấc ngủ của nó không bị quấy rối. Ngày, đêm, năm này qua năm khác, nó vẫn tiếp tục ngủ. Hàng ngàn năm nó đã ngủ, và trong hàng ngàn năm nữa nó sẽ còn ngủ tiếp. Thậm chí không một giấc mơ nào quấy rối nó được.

Yoga cũng chia tâm thức thành bốn giai đoạn.<sup>430</sup> Chúng có liên hệ mật thiết với cách phân chia của Chardin. Giai đoạn thứ nhất là *sushupti*, ngủ say. Địa cầu tương ứng với *sushupti*. Địa cầu giống cái chết nhiều hơn cái sống.

điện. Ngày nay không ai có thể chối cãi được là ánh sáng vừa là hạt, vừa là sóng – hoàn toàn mâu thuẫn, nhưng thực tại là như vậy.

<sup>428</sup> Điều này mâu thuẫn với quy tắc triệt tam của lý luận hình thức.

<sup>429</sup> Những nhà bác học kể từ Einstein trở về trước không thể chấp nhận được rằng một hạt điện có tự do nào đó. Và những nhà tâm lý như Pavlo, Freud, B.F Skinner cũng đều cho rằng con người hoàn toàn không có tự do.

<sup>430</sup> Bốn trạng thái của tâm thức gồm có: *Sushupti* (ngủ), *swabana* (mơ), *ajagriti* (thức), và trạng thái thứ tư là *turiya*. Khi đạt được *turiya*, bạn trở thành một vị Phật.

Đó là lý do tại sao vật chất dường như chết. Không phải vậy đâu. Nó đang đợi cho cuộc sống trở lại, nó giống như hạt mầm. Nó dường như chết. Nó đang đợi đến thời điểm của nó để bùng nổ vào cuộc sống. Nhưng ngay bây giờ thì nó chết. Không có tâm trí. Hãy nhớ, trong giai đoạn cuối cùng, cũng sẽ không có tâm trí lần nữa. Một vị Phật ở trong trạng thái tâm không, còn tảng đá cũng ở trong trạng thái tâm không. Do đó ý nghĩa của tượng đá: sự gặp gỡ của hai cái đối cực. Nói rằng, “hòn đá đang trong trạng thái tâm không” là nói rằng đá còn ở dưới tâm trí. Phật ở trạng thái tâm không: điều đó nghĩa là Phật đã vượt ra ngoài tâm trí. Có một sự tương đồng, cũng hết như sự tương đồng giữa một đứa trẻ và một vị thánh.<sup>431</sup> Đứa trẻ ở dưới mức tâm trí, còn vị thánh đã vượt ra ngoài tâm trí. Hòn đá sẽ phải trải qua mọi rối loạn của cuộc sống mà Phật đã đi qua. Ngài đã vượt qua, vượt qua và vượt ra ngoài, *hoàn toàn* ra ngoài. Nhưng có một sự tương đồng: một lần nữa Ngài hiện hữu trong trạng thái tâm không. Ngài đã tỉnh thức một cách trọn vẹn đến độ chẳng cần đến tâm trí nữa. Đá thì vô ý thức đến nỗi tâm trí không thể có được. Vô thức của đá là tuyệt đối, do đó tâm trí không thể có được. Tâm thức của Phật là tuyệt đối nên không cần đến tâm trí. Hãy để tôi giải thích rõ hơn nữa. Đó là một trong những điều quan trọng nhất cần phải học, cần phải hiểu.

Cần phải có tâm trí bởi vì bạn không thực sự có ý thức. Nếu bạn thực sự có ý thức thì có trực giác, không cần suy nghĩ. Thế thì bạn hành động qua trực giác đó, không phải từ tâm trí. Thế thì không cần đến tâm trí. Khi bạn nhìn thấu suốt một sự việc, chính sự thấu suốt đó trở thành hành động của bạn.

Chẳng hạn, bạn đang trong nhà và nhà bốc cháy. Bạn *thấy* nhà cháy - đấy không phải là một suy nghĩ. Bạn thấy rõ ràng, và bạn nhảy ra ngoài. Bạn không chờ đợi, không

<sup>431</sup> Chúa Giê-Su nói, “nếu các ngươi không nên như con trẻ thì không vào được nước trời.”

đắn đo, không nghiên ngẫm. Bạn không tìm tòi, không tra cứu sách báo, không phải tìm cố vấn về việc phải làm.

Bạn đang đi dạo buổi tối, và ngay bên đường bạn thấy một con rắn. Bạn nhảy nhồm lên! Chưa kịp suy nghĩ bạn đã nhảy rồi. Không phải suy nghĩ làm bạn nhảy; đây là từ trực giác. Nguy hiểm lớn đang rình rập - chính nguy hiểm làm bạn sống động, mãnh liệt, ý thức. Và từ ý thức mà bạn nhảy. Đây là cái nhảy của tâm không.

Nhưng những khoảnh khắc này rất hiếm hoi trong cuộc sống của bạn vì bạn chưa sẵn sàng sống với tâm thức của mình một cách mãnh liệt, toàn bộ. Với Phật, đó là cách thức thông thường của Ngài. Ngài sống toàn bộ đến nỗi tâm trí chẳng được dùng đến, chẳng được hỏi tới.

Cầu thứ nhất, địa cầu, là địa hạt của tâm không. Hiên nhiên là không có cái ta bởi vì không có tâm trí nên cái ta không thể hiện hữu được. Và cầu thứ tư cũng không có cái ta - bởi vì không có tâm trí thì sao cái ta hiện hữu được? Tâm trí cần một trung tâm để vận hành, do đó nó tạo ra bản ngã, cái ta. Tâm trí phải nắm sự kiểm soát; nó phải theo một khuôn mẫu nào đó, trật tự nào đó. Nó phải cố gắng để tồn tại. Để tồn tại nó tạo ra một trung tâm bởi vì chỉ qua trung tâm ấy nó mới có thể giữ được sự kiểm soát. Không có trung tâm đó, nó sẽ không thể nào kiểm soát được. Cho nên một khi tâm trí xuất hiện, bản ngã cũng theo chân. Chẳng chóng thì chầy tâm trí sẽ cần tới bản ngã. Không có bản ngã, tâm trí không thể nào vận hành được. Nếu không, ai sẽ kiểm soát, ai sẽ quản lý, ai sẽ lèo lái, ai sẽ hoạch định, ai sẽ mơ mộng, ai sẽ phóng họa? Và ai sẽ ở đó để được coi như một thực thể thường hằng? - bởi vì tâm trí thay đổi thường xuyên. Ý tưởng nọ nối tiếp ý tưởng kia... đó là một diễn hành của ý nghĩ. Bạn sẽ lạc lối nếu không có bản ngã: bạn sẽ không biết bạn là ai, và bạn đang đi đâu, và vì cái gì.

Trong địa cầu không có tâm trí, không cái ta, và không thời gian. Nó nằm dưới thời gian. Thời gian chưa đi vào. Đá không biết tới quá khứ, hiện tại, tương lai. Và

đây cũng là trường hợp của Phật. Ngài cũng vượt ra ngoài thời gian. Ngài không biết quá khứ, hiện tại, tương lai. Ngài sống trong vĩnh hằng. Thực ra, đó mới là ý nghĩa thực của sự hiện hữu trong hiện tại. Hiện hữu trong hiện tại không phải là cái không gian nằm giữa quá khứ và tương lai. Đó là ý nghĩa của từ điển: khoảng giữa quá khứ và tương lai được gọi là hiện tại. Nhưng đây không phải là hiện tại. Vậy hiện tại gì vậy? Chưa kịp nói nó là hiện tại, nó đã trở thành quá khứ rồi; nó không còn tồn tại nữa. Khoảnh khắc này, nếu bạn gọi nó là ‘hiện tại’, cái khoảnh khắc mà bạn gọi nó là ‘hiện tại’ ấy đã trôi vào quá khứ rồi; nó không còn là hiện tại nữa. Và cái khoảnh khắc mà bạn gọi là ‘tương lai’ - cái khoảnh khắc bạn gọi nó là ‘tương lai’ đã thành hiện tại và đang tiến vào quá khứ. Hiện tại này không phải là hiện tại thực sự. Cái hiện tại nằm giữa quá khứ và tương lai chỉ là một phần của quá khứ và tương lai, của tiến trình thời gian.

Hiện tại mà tôi đang nói tới, cái *bây giờ* mà tôi nói tới, hay Phật nói tới, hay khi Chúa Giê-Su nói, “Đừng nghĩ về ngày mai. Hãy nhìn những hoa huệ ngoài đồng kia - chúng không cày cấy, không quay tơ mà trông chúng đẹp làm sao. Chúng đẹp nhường nào! Ngay cả Solomon<sup>432</sup> cũng không mặc đẹp như thể trong lúc vinh quang nhất của ông ấy. Hãy nhìn những bông huệ ngoài đồng mà xem...” Những hoa huệ đó đang sống trong cái *bây giờ*; chúng không biết tới quá khứ, chẳng biết tới tương lai.

Phật không biết tới quá khứ, tương lai và hiện tại. Đối với Ngài không có sự phân chia. Đó là trạng thái của vĩnh hằng. Thế thì *bây giờ* là tuyệt đối. Chỉ có *bây giờ*, chỉ có *tại đây*, và không có gì khác nữa. Mà đá cũng ở trong trạng thái đó - tất nhiên là vô ý thức.

Câu thứ hai là sinh cầu. Đó là sự sống trước khi có ý thức. Câu thứ nhất là vật chất, câu thứ hai là sự sống: cây

---

<sup>432</sup> Solomon là một vị vua đời cổ, nổi tiếng thông minh nhất của Do Thái; Ngài được coi là tác giả của sách Thánh Vịnh (Psalm) trong Cựu Ước.

cối, động vật, chim chóc. Đá không thể di được; đá không có sự sống ở đâu cả, ở bất cứ góc cạnh nào. Cây có sự sống hơn, động vật lại còn hơn nữa, chim chóc còn hơn nữa. Cây bắt rễ vào đất, không thể di động nhiều. Nó di chuyển chút ít, lay động, nhưng không thể di chuyển nhiều; nó không có nhiều tự do lắm. Một ít tự do chắc chắn là có đấy, nhưng con vật có nhiều tự do hơn. Nó có thể di chuyển, nó có thể chọn lựa một chút ít tự do hơn - đi đâu, làm gì. Chim còn tự do hơn chút nữa - nó có thể bay. Đây được gọi là sinh cầu, cầu của sự sống. Nó chưa có tâm thức; chỉ một loại tâm thức thô sơ. Đá tuyệt đối vô ý thức. Bạn không thể nói rằng cây hoàn toàn vô ý thức.<sup>433</sup> Đúng đấy, nó là vô ý thức, nhưng một chút ít tâm thức đang nhỏ giọt vào, một tia sáng của tâm thức đang tới. Và con vật còn có ý thức hơn chút nữa.

Trạng thái thứ nhất tương ứng với *sushupti* của Patanjali<sup>434</sup> - ngủ say, rất say. Trạng thái thứ hai ứng với *swabana* của Patanjali, trạng thái mơ. Tâm thức có như một giấc mơ. Đúng đấy, chớ mơ. Bạn có thể thấy, có thể quan sát chớ ngủ và sẽ thấy nó đang mơ. Đôi khi trong giấc mơ nó sẽ cố gắng đớp ruồi. Và đôi khi bạn sẽ thấy nó buồn bã và đôi khi có vẻ mừng rỡ. Hãy quan sát con mèo; đôi khi nó vồ chuột trong mơ, và bạn có thể thấy điều nó đang làm trong mơ - ăn chuột, liếm mép. Bạn có thể quan sát con mèo: mơ đã xuất hiện, nhiều thứ đang xảy ra trong thế giới tâm thức. Tâm thức đang trôi dạt. Nhân quả vẫn còn thống trị, nhưng không nhiều như với đá. Một chút ít tự do có thể có, và do đó tai nạn bắt đầu xảy ra. Con vật có chút ít tự do. Nó có thể chọn vài thứ, nó có thể có nỗi điên: có lúc nó có tâm trạng tốt và thân thiện với bạn; có lúc nó trong tâm trạng xấu và không thân thiện với bạn. Nó đã có một chút ít quyết định, nhưng rất nhỏ nhoi, chỉ mới bắt đầu. Cái ta của nó vẫn chưa kết tinh được, rất

<sup>433</sup> Các nhà khoa học đã chứng minh rằng khi ta có ý định tưới cây thì nó vui mừng, mà khi có ý định tía hay chặt cây thì nó run lên.

<sup>434</sup> Patanjali là tác giả bộ kinh Yoya đã có 5000 lịch sử.

lông lẻo, tạp lục, nhưng nó đang tới. Cấu trúc đang thành hình, hình sắc đang nảy sinh.

Con vật thiên về quá khứ; nó sống trong quá khứ. Con vật không có ý tưởng gì về tương lai - nó không thể lập kế hoạch cho tương lai; nó không thể nghĩ xa. Cho dù thỉnh thoảng nó nghĩ trước thì cũng rất manh mún. Chẳng hạn khi con vật cảm thấy đói, nó có thể nghĩ trước, vài giờ trước - rằng nó sẽ đi kiếm thức ăn. Nó phải đợi. Nhưng con vật không thể nghĩ trước được một tháng, hai tháng, ba tháng trong tương lai. Nó không thể quan niệm được về năm, không có lịch, không có khái niệm về thời gian. Nó thiên quá khứ. Những gì đã từng xảy ra trong quá khứ, nó đều trông đợi xảy ra nữa trong tương lai. Tương lai của nó ít nhiều giống như quá khứ; đó là sự lặp lại. Quá khứ thông trị. Thời gian đang xuất hiện qua quá khứ, cái ta đang phát khởi qua quá khứ.

Cầu thứ ba là tâm trí cầu; tâm trí. Ý thức về cái ta đã nảy sinh. Cầu thứ nhất là vô ý thức. Cầu thứ hai là tiền ý thức. Cầu thứ ba là tự ý thức. Ý thức đã có nhưng có tai họa đi theo - cái ta. Nó không thể tới bằng cách nào khác; cái ta là một cái xấu cần thiết. Tâm thức tới với ý tưởng về cái 'tôi'. Tư duy bắt đầu có; suy nghĩ đã có, cá tính bắt đầu xuất hiện. Và ý tưởng về tương lai đã có qua tâm trí: con người sống trong tương lai, con vật sống trong quá khứ.

Các xã hội văn minh sống trong tương lai, các xã hội lạc hậu sống trong quá khứ. Người bán khai vẫn sống trong quá khứ. Chỉ người văn minh mới sống trong tương lai. Sống trong tương lai là một trạng thái cao hơn sống trong quá khứ. Trẻ sống trong tương lai, già bám vào quá khứ. Trẻ sinh động hơn già. Các quốc gia mới, văn hóa mới sống trong tương lai. Chẳng hạn, Mỹ sống trong tương lai, Ấn Độ sống về quá khứ; nó vẫn mang theo năm ngàn năm, mười ngàn năm quá khứ. Đó là một gánh nặng nhưng vẫn phải mang theo; nó đè còng lưng nhưng không

ai muốn bỏ. Nó là một di sản mà người ta rất tự hào về quá khứ.

Tự hào về quá khứ là một trạng thái chẳng văn minh gì. Ta phải vươn tới tương lai, phải mò mẫm vào tương lai. Quá khứ không còn nữa, tương lai thì sắp sửa đến - người ta phải chuẩn bị cho nó.

Bạn có thể quan sát điều đó qua nhiều khía cạnh. Tâm trí Ấn Độ hồi hộp với các sự kiện quá khứ. Đến nay, vở kịch về Rama<sup>435</sup> năm nào cũng được diễn lại, và người ta rất xúc động. Hàng ngàn năm đã qua mà họ vẫn cứ diễn đi diễn lại cùng vở kịch đó, và họ sẽ còn diễn lại nữa hoài hoài. Và họ rất xúc động. Họ không xúc động như thế khi con người đầu tiên bước lên mặt trăng; họ không xúc động như xúc động bởi vở kịch về Rama. Họ biết cốt truyện, họ đã coi nhiều lần, nhưng đây là di sản của họ; họ rất tự hào về nó.

Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng có những vị lãnh đạo của hai đạo Hindu và Jaina vẫn nói rằng con người chưa hề bước trên mặt trăng, rằng người Mỹ đang lừa dối. Tại sao? - bởi vì mặt trăng là Thượng Đế. Làm sao bạn có thể bước lên mặt trăng được? Và vẫn có những người nghe họ và theo họ.<sup>436</sup>

Có lần một nhà sư Jaina tới gặp tôi ở Gujarat và nói, “Xin thầy hãy ủng hộ tôi... và tôi có hàng ngàn môn đồ!” và ông ấy có thật. Và ông ấy cho rằng người Mỹ nói láo, rằng những tấm ảnh ấy tất cả đều là xảo thuật nhiếp ảnh đã được ngụy tạo ra, rằng những viên đá được nói là đem từ mặt trăng về thì được lấy từ Siberia hay từ đâu đó trên hành tinh này. Chưa có ai tới và sẽ không có ai tới mặt

---

<sup>435</sup> Rama là một hiện thân của Thượng Đế trong Ấn độ giáo. Truyện về Rama được đạo sĩ Valmiki ghi lại trong anh hùng ca Ramayana.

<sup>436</sup> Ở Mỹ cũng có một số người không tin là Mỹ đã đổ bộ lên mặt trăng, và họ cho rằng những hình ảnh đổ bộ ấy là được tạo dựng từ sa mạc Arizona. Một trong những lý do họ đưa ra là bầu trời đen đặc đằng sau các phi hành gia không có một ngôi sao nào hết.

trắng được, bởi vì theo theo thánh thư của Jaina, mặt trắng là Thượng Đế. Sao bạn bước trên Thượng Đế được?

Đây là thiên về quá khứ. Điều này rất u mê. Đó là lý do tại sao Ấn Độ không thể phát triển, không thể tiến hóa, không thể tiến bộ. Nó bị kẹt vào quá khứ.

Với tâm trí cầu, với tâm trí, ý thức về cái ta, suy tư, ý tưởng, cá tính, dẫn đến sự hướng về tương lai. Và càng sửa soạn cho tương lai nhiều bao nhiêu, tất nhiên bạn càng trở nên lo âu bấy nhiêu. Cho nên người Mỹ là người căng thẳng nhất, bất ổn nhất. Ấn Độ rất yên ổn, yên ổn đến mức họ chẳng còn hiệu quả gì nữa. Bạn có biết rằng khi người Ấn thay bóng đèn, phải cần tới ba người không? - một người giữ bóng đèn và hai người giữ thang. Họ rất yên ổn, thanh thoi; họ không có một chút lo âu nào; họ không biết rõ lo âu là gì.

Lo âu đến với tương lai bởi vì bạn phải lập kế hoạch. Bạn không thể chỉ lặp lại các lẽ lỗi cũ của mình. Và khi bạn làm gì đó lần đầu, có thể bị sai lầm, rất có thể sai. Càng làm cái mới, bạn càng trở nên lo âu nhiều hơn. Đó là lý do tại sao, về mặt tâm lý, Mỹ là nước bị xáo động nhất, Ấn Độ là nước yên tĩnh nhất.

Con vật không lo âu. Sống trong quá khứ là trạng thái thấp kém của tâm trí - tất nhiên thoải mái hơn, thuận tiện hơn. Và các lãnh tụ đạo Hindu cứ khoe rằng, “Thầy không! chúng tôi mới hiểu hòa làm sao. Không có vấn đề thần kinh. Cho dù có chết đói, chúng tôi cũng chết đói rất trầm lặng. Cho dù có chết, chúng tôi cũng vui vẻ chấp nhận. Còn các ông thì phát điên!”

Nhưng hãy nhớ, tiến bộ mở đường cho lo âu. Tiến bộ thì có lo âu, có run rẩy - lo vì sợ bị đi lạc, lo vì sợ làm sai, lo vì không hiểu vấn đề. Với quá khứ thì không có vấn đề: bạn chỉ việc lặp lại. Quá khứ đã lắng đọng; nề nếp của nó đã hoàn toàn được biết rõ. Bạn đã đi qua, cha mẹ bạn đã đi qua, và cứ như thế mãi, ngược về tới Adam và Eve.

Mọi người đều đã đi qua; không thể sai đợc. Với cái gì mới thì lo âu, sợ hãi, lo sợ thất bại len vào.

Đây là cầu thứ ba, tâm trí cầu, lãnh vực của lo âu, căng thẳng. Nếu phải chọn giữa cầu thứ hai và cầu thứ ba, hãy chọn cầu thứ ba, đừng chọn cầu thứ hai. Mặc dầu không cần chọn giữa cầu thứ ba và thứ hai, bạn có thể chọn giữa cầu thứ ba và thứ tư; thế thì hãy chọn cầu thứ tư. Bao giờ cũng chọn cầu cao hơn.

Hãy nhớ, khi lên án tâm trí Ấn Độ, tôi không lên án Phật và tôi không lên án Krishna. Họ đã chọn cầu thứ tư: họ cũng yên bình, họ cũng thành thoi - nhưng sự thành thoi của họ là do sự loại bỏ hẳn thời gian, không phải bởi việc sống trong quá khứ. Họ hoàn toàn thành thoi, không lo âu, không thần kinh. Tâm trí của họ là mặt hồ bình lặng không gợn sóng - nhưng không phải bởi việc chọn cầu thứ hai, mà là bởi việc chọn cầu thứ tư; không phải vì nằm dưới tâm trí mà vì vượt ra ngoài tâm trí. Nhưng tìm xuống dưới tâm trí là cách mà người ta vẫn thường chọn.

Người ta đã thấy Phật ở Ấn Độ; họ đã thấy cái im lặng, đã thấy phúc lành của Ngài, đã thấy ân sủng của Ngài, và họ đã thấy rằng họ có thể sống đời một cách thành thoi như vậy... sao không sống một cuộc sống như vậy? Nhưng họ đã không nỗ lực gì để đi tới giai đoạn thứ tư. Ngược lại, họ tụt xuống từ giai đoạn thứ ba và nằm lỳ tại giai đoạn thứ hai. Điều đó cho họ một sự im lặng giống như của Phật; nhưng chỉ 'giống' thôi, không phải đích xác như vậy. Sống trong quá khứ để đợc thuận tiện và thoải mái thì bao giờ cũng dễ dàng. Phật đã không sống với quá khứ, mà Ngài cũng không sống cho tương lai. Ngài không sống trong thời gian - Ngài đã loại bỏ thời gian, Ngài đã loại bỏ tâm trí, cái tạo ra thời gian. Ngài đã loại bỏ bản ngã, cái tạo ra lo âu.

Người Ấn đã loại bỏ tương lai bởi vì điều đó dường như tạo ra lo âu: "Tương lai tạo ra lo âu ư? Hãy bỏ tương lai đi." Thế thì bạn sẽ thụt lùi, bạn sẽ rơi lại vào trong

trạng thái trước. Hay nhất là loại bỏ bản ngã, và thế thì bạn vượt ra ngoài.

Cầu thứ ba tương tự như điều mà Patanjali gọi là tỉnh thức. Cầu thứ nhất là ngủ, cầu thứ hai là mơ, cầu thứ ba là tỉnh thức. Sự tỉnh thức của bạn tất nhiên không phải là sự tỉnh thức của một vị Phật. Cái-gọi-là tỉnh thức của bạn: mắt bạn mở nhưng mơ vẫn nhào lộn bên trong; mắt bạn mở nhưng giấc ngủ vẫn có bên trong. Bạn vẫn còn say ngủ ngay cả khi bạn tỉnh thức. Đây là trạng thái thứ ba. Và nó bao giờ cũng hữu ích; nếu thấy mệt mỏi, bạn rơi vào giấc mơ - nó cho bạn sự thoải mái. Và khi bạn rơi vào giấc ngủ thật say, sự thoải mái còn nhiều hơn nữa. Sáng dậy bạn lại tươi mát. Bạn rơi xuống để nghỉ ngơi bởi vì đó là điều bạn đã biết, và điều đó có sẵn trong hệ thống của bạn; bạn có thể trở lại bất kỳ lúc nào.

Trạng thái thứ tư phải được tạo ra; nó không có trong hệ thống của bạn; nó là tiềm năng của bạn, nhưng bạn chưa tới đó bao giờ. Con đường ấy đầy gian khổ; bạn phải đi ngược dòng, phải lên dốc. Trạng thái thứ tư là Ki tô cầu. Bạn có thể gọi là Phật cầu, có thể gọi là Krishna cầu, ý nghĩa y hệt nhau. Trạng thái thứ ba có một loại tự do, tự do giả, tự do được hiểu như sự chọn lựa. Điều này cần phải được hiểu rõ vì nó rất quan trọng.

Tại giai đoạn thứ ba bạn chỉ có một loại tự do giả, và tự do đó là tự do của chọn lựa. Chẳng hạn, bạn nói, “Nước tôi có tự do tôn giáo.” Điều đó nghĩa là bạn có thể chọn lựa: bạn có thể đi nhà thờ hay tới chùa, và luật pháp của quốc gia sẽ không gây rắc rối cho bạn. Bạn có thể theo Hồi giáo, Ấn giáo hay Ki Tô Giáo - bạn có thể chọn. ‘Nước có tự do’ nghĩa là bạn có thể chọn cuộc sống mình, nơi bạn muốn sống, điều bạn muốn làm, điều bạn muốn nói. Tự do phát biểu ý kiến - rằng bạn có thể nói bất kỳ điều gì bạn thích, rằng bạn có thể làm bất kỳ cái gì bạn thích, rằng bạn có thể chọn bất kỳ màu sắc tôn giáo hay chính trị nào; bạn có thể là cộng sản, có thể là phát xít, có thể cấp tiến, có thể dân chủ, hoặc tất cả những cái vô

nghĩa như vậy. Bạn có thể chọn. Đây chỉ là tự do giả. Tại sao tôi gọi nó là tự do giả? Bởi vì một tâm trí mà đầy rẫy những ý nghĩ thì không thể tự do được.

Nếu đã sống năm mươi năm, và tâm trí bạn đã được uốn nắn bởi cha mẹ, thầy giáo cùng xã hội, bạn có cho là bạn có thể chọn được không? Sự chọn lựa của bạn bị ảnh hưởng bởi sự giáo dục của mình. Việc chọn lựa xảy ra thế nào? Trước hết, bạn đã bị điều kiện hóa rồi.

Giống như khi bạn thôi miên người nào. Bạn có thể dẫn hắn tới gặp Santosh, người thôi miên ở đây, và ông ấy có thể thôi miên hắn và bảo hắn, “Sáng mai anh sẽ ra chợ và mua loại thuốc lá nào đó, nhãn hiệu nào đó.” Ông ấy có thể gợi ý như vậy cho người đang bị thôi miên. Sáng mai người này sẽ dậy và người này sẽ chẳng có ý tưởng gì rằng mình sắp đi mua một loại thuốc lá nào đó ngoài chợ bởi vì điều gợi ý đã đi vào trong vô thức, đã được đặt vào trong vô thức. Ý thức của người ấy không hề hay biết. Người ấy cũng sẽ không có ý tưởng gì là tại sao lại đi ra chợ. Nhưng người ấy sẽ tìm được một giải thích hợp lý nào đó: người ấy sẽ nói, “Ta hãy đi chợ hôm nay.” Tại sao lại hôm nay? Người ấy sẽ nói, “Đây là tự do của ta. Khi nào muốn đi thì ta đi. Anh là ai mà ngăn cản ta? Đây là tự do của ta.” Và anh ta thì không biết gì, hoàn toàn không biết rằng đây không phải là tự do chút nào. Và người ấy sẽ ra chợ với ý tưởng rằng mình tự do, và người ấy có thể cũng không hề nghĩ rằng mình định mua một loại thuốc lá nhãn hiệu nào đó. Thế rồi bỗng nhiên người ấy đi ngang một tiệm tạp hóa và tự nhủ, “Sao không mua một gói thuốc lá nhỉ? Đã lâu rồi mình không hút thuốc.” Và người ấy nghĩ rằng *người ấy* đang nghĩ điều đó! Và người ấy vào hiệu và nói, “Cho tôi bao 555” Tại sao lại không là Salem? Tại sao không Dunhill? Tại sao không Camels? Người ấy sẽ nói, “Đây là sự chọn lựa của tôi! Tôi tự do chọn lựa!” Và người ấy sẽ mua bao 555, và người ấy vẫn có tự do - ít nhất trong ý tưởng của mình. Người ấy không tự do; người ấy đã bị điều kiện hóa.

Bạn đã bị điều kiện hóa là người Hindu, người đạo Chúa, người Hồi giáo, là người Ấn, là người Trung Quốc, là người Đức - làm sao bạn có thể tự do được? Bạn đã bị uốn nắn bởi cha mẹ bạn, bởi xã hội, bởi hàng xóm, bởi trường học, đại học - làm sao bạn có thể tự do được? Tự do của bạn là tự do giả. Tự do giả dối - nó chỉ cho bạn cái cảm giác tự do và làm cho bạn thích thú; ngoài ra chẳng có tự do nào cả. Khi tới nhà thờ, bạn có đi từ tự do của mình không? Khi tới đền thờ Hindu, bạn có đi trong tự do của mình không? Hãy quan sát và bạn sẽ thấy nó không bắt nguồn từ tự do; bạn đã được sinh ra trong một gia đình Hindu.

Đôi khi điều này có thể xảy ra - bạn sinh ra trong một gia đình đạo Chúa, và bạn vẫn muốn tới chùa. Điều đó cũng là bị điều kiện hóa - một loại khác. Có thể cha mẹ bạn cũng theo đạo Chúa, quá nhiều là đẳng khác, và bạn thì không thể hấp thụ nổi cái quá đáng nhiều như thế. Cái gì cũng có giới hạn. Bạn trở nên đối kháng, bạn bắt đầu chống lại; bạn trở thành kẻ phản động. Họ thường lôi bạn tới nhà thờ. Và họ thì mạnh mẽ, còn bạn chỉ là một trẻ nhỏ, và bạn chẳng thể làm gì được; bạn bất lực. Nhưng bạn bao giờ cũng nghĩ, "Ta sẽ cho biết tay." Cái ngày bạn tự lập được thì bạn thôi nhà thờ.

Cái ý tưởng, "Ta sẽ cho biết tay," đã được ăn sâu bởi nỗi ám ảnh của họ với nhà thờ. Đó cũng là thôi miên - bị đảo lộn nhưng vẫn là thôi miên. Bạn đang phản ứng, bạn không có tự do. Nếu muốn đến nhà thờ, bạn sẽ không thể tới được; bạn sẽ thấy mình bị kéo ra xa. Và bạn sẽ không tới bởi vì đây là nhà thờ mà cha mẹ từng đưa bạn tới. Bạn *không thể* tới nhà thờ này; bạn sẽ trở thành một người Hindu. Bạn sẽ làm những điều mà cha mẹ bạn chẳng bao giờ muốn bạn làm, chỉ để cho họ biết tay. Đây là phản ứng. Thí dụ thứ nhất là vâng lời, việc thứ hai là bất phục, nhưng không có tự do trong cả hai việc này.

Và thêm một điều nữa: không chỉ là vấn đề giáo dục mà bạn không tự do. Có hàng triệu thứ mà bạn chẳng

được huấn luyện chút nào. Khi bạn chọn giữa hai điều - có thể chẳng ai huấn luyện bạn về hai điều đó; khi bạn chọn giữa hai điều, sự chọn lựa của bạn lại bắt nguồn từ sự lẫn lộn, và từ lẫn lộn thì không thể có tự do.<sup>437</sup> Bạn muốn cưới cô gái này hay cô kia - làm sao bạn chọn được đây? Bạn lẫn lộn.

Hàng ngày nhiều người vẫn viết cho tôi: “Con bị giằng xé giữa hai người đàn bà. Con phải làm gì đây? Cô này có thân hình đẹp, cân đối, đôi mắt rất đẹp, rất có duyên; cô ấy rất hấp dẫn về mặt thể chất, rất sinh động nhưng tính tình rất khó chịu. Cô kia thì rất khả ái, rất dễ thương, nhưng mặt lại xấu. Bây giờ phải làm gì?” Bạn bị giằng xé.

Tôi nghe nói về một người đang định lấy vợ. Anh ta yêu một cô gái, nhưng cô này rất nghèo. Cô ấy đẹp nhưng rất nghèo. Một cô khác lại yêu anh ta; cô này rất giàu nhưng lại xấu. Cô ấy có một cái hấp dẫn nữa là giọng nói, tiếng nói của cô ấy. Cô ấy là một ca sĩ nổi tiếng.

Anh ta bị giằng xé. Cô đẹp không có giọng nói đó, tiếng hát đó; mà anh chàng lại mê nhạc. Cô ấy có khuôn mặt đẹp, nhưng đối với anh ta, thân hình không quan trọng lắm so với tiếng nói. Mà anh ta lại nghèo nên muốn cưới người có tiền cho chắc ăn, để anh ta có thể hiện cả đời cho âm nhạc, để cho anh ta không phải lo nghĩ về tiền bạc và các nhu yếu phẩm khác. Anh ta muốn cống hiến trọn cuộc đời cho âm nhạc. Cô kia có hai thứ: tiền bạc và giọng hát hay - nhưng lại rất xấu. Rất khó nhìn vào cô ấy, khuôn mặt cô ấy không có cảm tình. Cô nghèo thì đẹp,

---

<sup>437</sup> Ý chí tự do và quyết định luận – Free will and determinism – là một đề tài lớn của tây phương. Nhiều triết gia và hầu hết các nhà Thần học cho rằng con người có tự do và họ chịu trách nhiệm cho hành động của mình vì nếu không thì vấn đề tội lỗi không thể đặt ra. Ngược lại, các nhà tâm lý như Freud, Jung, Adler chủ trương rằng con người không có tự do vì hành động của họ bị chi phối bởi vô thức. Osho đứng biệt lập hẳn: con người có tự do, nhưng tự do ấy bắt nguồn từ sự lẫn lộn. Chính sự lẫn lộn ấy mới đáng bị kết án.

nhưng giọng thì bình thường, lại không có tiền. Cho nên nếu chọn cô này, anh ta sẽ phải vứt bỏ chuyện tình với âm nhạc. Anh ta sẽ phải trở thành một thư kí trong một văn phòng đần độn nào đó, hay một thầy giáo hay cái gì đó. Thế thì anh ta không thể hiến đời mình cho âm nhạc được. Âm nhạc cần sự cống hiến hoàn toàn, âm nhạc là người tình rất ghen tuông; nó không cho phép bạn đi đâu cả, nó muốn nuốt trôi bạn hoàn toàn, trọn vẹn. Cho nên anh ta bị giăng xé. Và cuối cùng tình yêu âm nhạc thắng, và anh ta cưới người đàn bà xấu.

Anh ta về nhà, họ đi ngủ. Vì không nhìn vợ trong đêm tối cho nên không có vấn đề gì. Nhưng sáng hôm sau, khi tia nắng mặt trời lọt vào làm anh ta tỉnh dậy, và anh ta nhìn vào khuôn mặt người đàn bà này, nó trông mới kinh làm sao. Anh ta lay mạnh vợ và nói, “Hát đi! Hát ngay đi! Hát ngay lập tức!” - chỉ để khỏi phải nhìn cái xấu đó.

Có người viết cho tôi: “Con bị giăng xé giữa hai người phụ nữ, hay giữa hai người đàn ông. Chúng con phải làm gì?”

Sự lẫn lộn này nảy sinh bởi vì bạn có động cơ. Có một động cơ: tiền bạc, âm nhạc, an toàn. Không có tình yêu; đó là lý do tại sao bạn bị giăng xé. Nếu có tình yêu, có tình yêu mãnh liệt, có tình yêu đam mê thì sẽ không có chọn lựa. Chính cái đam mê đó sẽ quyết định. Bạn sẽ không chọn lựa, bạn sẽ không bị giăng xé.

Nhưng người ta không thông minh và không mãnh liệt đến thế. Họ sống rất hờ hững, tầm tạm; họ không sống mãnh liệt; họ thiếu sức sống.

Tự do thực sự chỉ xảy ra khi bạn sống một cách toàn bộ, đến mức trong từng khoảnh khắc không cần phải quyết định; cái toàn bộ đó quyết định. Bạn có hiểu tôi không? - Sự sống toàn bộ đó quyết định. Bạn không phải đứng trước hai ngã đường: lấy cô này hay cô kia. Trái tim bạn chỉ hướng về một người. Không có động cơ cho nên bạn không bị phân chia. Và không có lẫn lộn. Nếu quyết

định từ lẫn lộn, bạn sẽ tạo ra xung khắc. Lẫn lộn kéo theo lẫn lộn hơn nữa. Đừng bao giờ quyết định từ lẫn lộn.

Đó là lý do tại sao Krishnamurti cứ nói mãi về vô chọn lựa. Vô chọn lựa là tự do. Bạn không chọn, bạn chỉ cần sống một cách mãnh liệt, một cách toàn bộ. Bạn tỉnh táo một cách tuyệt đối, ý thức, chăm chú.

Chẳng hạn, bạn đang lắng nghe tôi: bạn có thể nghe một cách hồ hững - nửa ngủ, nửa thức, ngáp dài, nghĩ tới cả ngàn lẽ một thứ, lập kế hoạch, đêm trước còn lúng lẳng quanh bạn, cả ngàn lẽ một kiểu còn lơ lửng – trong lúc bạn đang lắng nghe. Thế thì vấn đề đặt ra là liệu tôi đang nói thật hay không. Nếu bạn nghe một cách say mê, nếu chăm chú một cách tuyệt đối, chính cái say mê đó sẽ quyết định. Trong sự mãnh liệt đó bạn sẽ biết chân lý là gì. Nếu tôi nói gì đó đúng, nó lập tức sẽ đập vào tim bạn. Bởi vì bạn sẽ vô cùng sáng suốt, làm sao bạn có thể không hiểu được? Trí tuệ của bạn sẽ vô cùng tỉnh táo, sao bạn có thể lướt qua được? Và nếu có gì không đúng, bạn sẽ nhận ra ngay lập tức. Nhãn quang sáng ngời ngay lập tức. Sẽ không có quyết định về phần bạn: “Minh có nên theo người này hay không?” Điều đó là từ lẫn lộn. Bạn đã không nghe, bạn đã không thấy tôi.

Hãy thấy cho đúng vấn đề! Chân lý không cần đồng ý hay không đồng ý. Chân lý phải được nghe một cách toàn bộ, với sự nhạy cảm, chỉ vậy thôi. Và chính cái nhạy cảm đó quyết định. Bạn thấy, bạn lập tức cảm thấy sự thật của nó. Chính cái cảm thấy đó đưa bạn vào trong chân lý - không phải đồng ý hay không đồng ý; không phải là bạn đã bị tôi thuyết phục, bị tôi cải hoán. Tôi không cải hoán bất kỳ ai; chân lý cải hoán. Và chân lý không phải tin ngưỡng, không phải lý lẽ; chân lý là sự hiện diện. Nếu bạn hiện diện, bạn sẽ cảm thấy nó. Nếu không hiện diện, bạn sẽ không cảm thấy.

Cho nên ở giai đoạn thứ ba, tâm trí cầu, có tự do giả. Bạn quyết định trong lẫn lộn; do đó lẫn lộn cứ tăng thêm mãi. Lẫn lộn đem tới xung khắc bởi vì bất cứ gì bạn cũng

thấy có hai mặt - làm cái này hay cái khác, hiện hữu hay không hiện hữu. Và bất kỳ cái gì bạn quyết định, mặt kia sẽ vẫn còn đó và chờ đợi tới lúc để báo thù. Tự do xảy ra chỉ tại giai đoạn thứ tư.

Ki tô cầu là giai đoạn thứ tư. Với Ki tô cầu, tâm không hiện hữu - tâm không của Phật, của Chúa Giê Su, không phải của hòn đá. Tâm thức xuất hiện ở giai đoạn thứ tư, không có trung tâm, không có cái ta trong đó; chỉ có tâm thức tinh khiết không bờ bến, vô hạn. Thế thì bạn không thể nói “Tôi ý thức.” Không có ‘tôi’ trong đó, đây chỉ là tâm thức. Nó không có danh tướng. Nó là chân không, nó là trống không. Với tâm thức này, suy nghĩ không cần đến; trực giác bắt đầu vận hành, trí huệ bắt đầu vận hành.

Trí tuệ cần được hướng dẫn. Người khác phải dạy bạn; đó là hướng dẫn. Trực giác chẳng ai dạy cả; nó phát ra từ bên trong, nó trưởng thành từ bên trong, nó là sự nở hoa của bản thể. Đây là phẩm chất của tâm thức được gọi là thiền, tuệ giác, trực giác, tâm thức không có trung tâm, vô thời gian; hay bạn có thể gọi nó là bây giờ, hiện tại. Nhưng hãy nhớ, nó không phải là hiện tại giữa quá khứ và tương lai; nó là hiện tại trong đó quá khứ và tương lai cả hai cùng tan biến.

De Chardin gọi nó là ‘điểm omega’,<sup>438</sup> Phật gọi là niết bàn, người Jaina gọi là moksha (giải thoát), Chúa Giê Su gọi là ‘Chúa Cha’. Đây là những cái tên khác nhau. Toàn thể bộ kinh này bàn tới sự di chuyển từ giai đoạn thứ ba sang giai đoạn thứ tư, từ tâm trí cầu sang Ki tô cầu, từ trí tuệ sang trí huệ, từ ý thức về cái ta sang tâm thức. Giai đoạn thứ ba giống như tỉnh dậy, tỉnh dậy thông thường, và giai đoạn thứ tư là điều Patanjali gọi là *turiya*, ‘thứ tư’. Ông không cho nó bất kỳ tên nào, và điều đó rất có ý nghĩa. Gọi là ‘Ki Tô cầu’ thì có vẻ Ki Tô Giáo; gọi là ‘Krishna cầu’ thì có vẻ Hindu giáo; gọi là ‘Phật cầu’ có

---

<sup>438</sup> Omega là mẫu tự cuối cùng của Hy Lạp, thường được dùng để chỉ giai đoạn chót.

về Phật giáo. Patanjali rất khoa học; ông ấy chỉ gọi nó là ‘thứ tư’. Điều đó bao gồm tất cả. Ông ấy không cho nó một tên đặc biệt nào. Với ba giai đoạn ông ấy đặt ba cái tên vì chúng có hình sắc, và khi nào có hình sắc, đặt tên là đúng. Cái vô hình không thể có tên - turiya, ‘thứ tư’.

Toàn bộ Bát Nhã Tâm Kinh này nói về việc chuyển từ giai đoạn thứ ba sang giai đoạn thứ tư. Xá Lợi Phất ở tại đỉnh của giai đoạn thứ ba: tâm trí cầu - suy ngẫm, tư duy, tự ý thức. Ông ấy đã đi tới đỉnh cao nhất trong giai đoạn thứ ba, ông ấy đã đạt tới điểm tối đa của nó. Không còn chỗ trong đó nữa. Ông ấy đang đứng trên đường ranh giới.

*Do đó, này Xá Lợi Phất...*

Phật đang đứng bên ngoài đường biên này và gọi Xá Lợi Phất lại: “Lại đây... lại đây... và lại đây...” Toàn bộ bản kinh này được cô đọng trong lời kinh cuối này. Tất cả những lời kinh, cho tới nay, đều chỉ chuẩn bị cho đỉnh cao cuối cùng này.

*Do đó người ta nên biết...*

... Do đó điều duy nhất đáng biết là điều này.

Đây là kết thúc của toàn thể đối thoại đẹp đẽ này. Đối thoại này là giữa hai năng lượng, Phật và Xá Lợi Phất, vì Xá Lợi Phất không nói lấy một lời. Đây là đối thoại cao siêu hơn nhiều so với đối thoại giữa Arjuna<sup>439</sup> và Krishna trong Gita,<sup>440</sup> vì Arjuna đã nói. Đây là lời nói. Arjuna giống như một học viên hơn là một đệ tử. Ông ấy trở thành đệ tử chỉ vào chính lúc cuối. Khi ông ấy trở thành đệ tử thì Krishna trở thành đạo sư. Nếu đệ tử không là đệ tử, làm sao đạo sư có thể là đạo sư được? Nếu đệ tử chỉ là học viên, đạo sư cũng chỉ là thầy giáo.

---

<sup>439</sup> Arjuna là tướng trong trận đại chiến Mahabrahata, khoảng 200 B.C

<sup>440</sup> Bhagavad-Gita là thánh thư quan trọng nhất của Ấn Độ giáo, được Krishna giảng cho Arjuna ngay giữa trận đại chiến Mahabrahata.

Nơi Gita kết thúc là điểm mà Bát Nhã Tâm Kinh bắt đầu. Xá Lợi Phất là một đệ tử: im lặng hoàn toàn, không thốt ra lấy một lời, cũng chẳng hỏi lấy một câu – vô ngôn. Ông ta là hành giả, không phải học viên. Toàn thể con người ông ấy đang hỏi, không phải tâm trí. Ông ấy không nói năng gì; hiện sinh của ông ấy là một dấu hỏi. Ông ấy đứng trước Phật; toàn bộ bản thể ông ấy đang khát, bốc cháy, bùng cháy. Thấy tâm trạng của ông ấy, Phật tự nói cho ông ấy nghe. Đệ tử không cần hỏi; thầy biết khi nào đệ tử cần. Thầy biết rõ hơn cả đệ tử về những gì mà đệ tử cần. Đệ tử phải đợi. Có thể Xá Lợi Phất đã đợi trong nhiều năm, trong gần hai mươi năm, cho giây phút này - khi thầy thấy cái gì cần, khi thầy cảm thấy sự ao ước và khát khao tha thiết của đệ tử, khi thấy đệ tử xứng đáng nhận được món quà của thầy. Cái ngày đó đã tới, khoảnh khắc may mắn đó đã tới.

*Do đó người ta nên biết*

Phật nói, “Do đó, này Xá Lợi Phất, đây là điều duy nhất đáng để biết.” Và bây giờ Ngài cô đọng toàn bộ thông điệp của Ngài vào một vài lời nhỏ, vào một câu nhỏ nhất, vào một câu mật chú, vào một câu châm ngôn, vào một công thức. Đây là câu mật chú vĩ đại nhất bởi vì Phật đã gói ghém trong đó tất cả những điều cần thiết cho cả một cuộc hành trình. Ngài đã đặt mọi thứ vào công thức nhỏ này, rất nhỏ này.

*Do đó ... điều duy nhất đáng biết là...*

*Vì vậy, Bát Nhã Ba La Mật là đại thần chú, là đại minh thần chú, là vô thượng thần chú...*

Phật ca tụng hết lời; Ngài đi qua tất cả những điều tốt bậc có thể có được. Ngài nói, “Đây là câu thần chú tối thượng!” Thần chú, mật chú, có nghĩa là một công thức thần thông. Mật chú là gì cần phải được hiểu.

Mật chú là một công thức rất đặc biệt, cần phải được hiểu. Nó là thần chú, một công thức thần thông. Nó ám

chỉ một hiện tượng là bất kỳ cái gì bạn có thì không thực sự có thật, còn những gì bạn nghĩ bạn không có thì lại có! Một công thức thần thông là cần thiết. Vấn đề của bạn không có thật! - đây là lý do tại sao một công thức thần thông là cần tới.

Chẳng hạn... một ngụ ngôn:

Có một người rất sợ ma. Và không may là anh ta ngày nào cũng phải đi qua nghĩa địa, tới rồi đi. Và đôi khi anh ta về trễ, và trong đêm anh ta phải đi qua nghĩa địa. Nhà anh ta ở đằng sau nghĩa địa, rất gần. Và anh ta lại sợ ma đến độ cuộc sống anh ta là sự tra tấn thường xuyên. Anh ta không thể nào ngủ được: đêm đêm anh ta bị ma quấy nhiễu. Đôi khi chúng gõ cửa, đôi khi chúng đi trong nhà, và anh ta có thể nghe thấy tiếng bước chân cùng tiếng thì thào của chúng.

Đôi khi chúng tới rất gần anh ta và anh ta còn cảm thấy cả hơi thở của chúng nữa. Anh ta thường xuyên trong địa ngục.

Anh ta tới một pháp sư và thầy nói, “Chẳng có gì đâu. Con đến gặp đúng người rồi.” Cũng hết như tôi nói với bạn vậy..... “Hãy lấy câu mật chú này và con không cần phải lo nghĩ. Con chỉ cần đặt câu mật chú này vào một cái hộp nhỏ và bao giờ cũng mang theo người. Con có thể đeo nó quanh cổ.”

Nó giống hết như tượng đeo trên cổ: nó là một câu mật chú; hay nó giống như cái hộp thần thông mà tôi đã trao cho các đệ tử sắp đi xa. Nó là cái hộp thần thông, nó là câu mật chú.

Pháp sư nói, “Hãy giữ lấy câu mật chú này. Con cũng chẳng cần phải tụng; nó công hiệu đến mức không cần phải tụng. Con chỉ cần để nó trong hộp. Hãy giữ nó trong mình và không con ma nào dám phá rối con.” Và điều đó quả như vậy; hôm đó anh ta đi qua nghĩa địa cứ như là anh ta đi dạo buổi sáng. Trước đây chưa bao giờ dễ dàng được như vậy. Anh ta từng chạy thực mạng! Anh ta từng

gào hét lên, và anh ta phải hát to khi đi qua. Hôm đó anh ta bước rất chậm rãi với cái hộp trong tay, và nó thực sự có tác dụng! Không có ma. Anh ta còn đứng giữa nghĩa địa nữa, chờ xem có ai tới không, mà chẳng có con ma nào hiện ra cả. Tất cả hoàn toàn im lặng.

Thế rồi anh ta về nhà. Anh ta để cái hộp bên dưới gối. Đêm đó chẳng ai gõ cửa, chẳng ai thì thào, chẳng ai đến gần anh ta cả. Đây là lần đầu tiên trong đời anh ta ngủ ngon lành. Nó là câu mật chú vĩ đại. Nhưng anh ta trở nên quá gắn bó với cái hộp. Anh ta không thể rời khỏi nó một giây, cả ngày anh ta phải mang nó đi mọi nơi.

Người ta bắt đầu hỏi, “Sao anh cứ mang cái hộp này mãi thế?”

Và anh ta nói, “Đây là bùa hộ mạng của tôi.”

Anh ta trở nên sợ đến mức nếu ngày nào đó cái hộp này bị mất, “Mình sẽ gặp rắc rối lớn, và bọn ma kia sẽ báo thù!” Khi ăn anh ta cũng mang. Khi đi vệ sinh anh ta cũng mang theo. Khi ân ái với vợ anh ta cũng mang theo. Anh ta sắp khùng rồi! Và bây giờ anh ta sợ quá nhiều: nhớ nó bị đánh cắp, nhớ ai đó chơi xỏ, hay nhớ anh ta để quên đâu đó, hay nhớ điều gì xảy ra cho cái hộp thì sao? “Thế thì trong nhiều tháng bọn ma đang chờ dịp để gây rắc rối cho mình! Chúng sẽ nhảy xổ vào mình từ mọi nơi, và chúng sẽ giết mình!”

Một hôm pháp sư hỏi anh về mọi việc diễn ra thế nào.

Anh ta nói, “Mọi việc đều tốt. Tất cả hoàn toàn tốt, nhưng bây giờ con đang bị tra tấn bởi nỗi sợ của chính con. Con không thể ngủ được được nữa. Cả đêm con phải trông chừng cái hộp. Nhiều lần con phải thức dậy để tìm cái hộp. Và nếu đôi khi nó lăn đi chỗ khác và con không thể tìm thấy nó... thì mới đáng sợ làm sao! Sợ chết được!”

Pháp sư nói, “Bây giờ ta sẽ cho con câu mật chú khác. Hãy vứt cái hộp này đi.”

Thế là anh ta nói, “Vậy làm sao con chống lại ma được?”

Thầy nói, “Chúng không có thật. Cái hộp này chỉ là trò đùa. Bọn ma đó không có thật; đó là lý do tại sao cái hộp lại có tác dụng. Ma chỉ là sự tưởng tượng của con. Nếu chúng có thực, chúng chẳng sợ gì cái hộp cả. Đây chỉ là ý tưởng của con, bọn ma đó là ý tưởng của con. Bây giờ con đã có một ý tưởng tốt hơn bởi vì con đã có thầy. Và thầy đã trao cho con cái hộp, câu chú thần thông. Bây giờ hãy hiểu hơn ít nữa: ma không có thật, đó là lý do tại sao cái hộp này lại được việc. Bây giờ không cần phải ám ảnh bởi cái hộp nữa. Hãy vứt nó đi!”

Mật chú là một câu thần chú để giải trừ những cái không có thực. Chẳng hạn, một câu mật chú sẽ giúp cho bạn loại bỏ bán ngã. Bán ngã là con ma, chỉ là một ý tưởng. Đó là lý do tại sao tôi nói với bạn rằng tôi ở đây là để lấy đi những cái không thực sự gắn liền với bạn, và để chỉ cho bạn những cái thực sự đã ở đó sẵn rồi. Tôi ở đây là để trao cho bạn cái mà bạn đã có, và tôi phải lấy đi cái mà bạn chưa hề có nhưng bạn cứ nghĩ rằng bạn có. Nỗi khốn khổ của bạn, nỗi đau của bạn, tham vọng của bạn, sự ghen tị của bạn, nỗi sợ của bạn, sự tham lam, căm giận, gán bó - tất cả đều là những con ma.

Câu mật chú chỉ là một điều kế, một chiến lược để giúp bạn loại bỏ các bóng ma của mình. Một khi bạn đã loại bỏ những bóng ma đó, mật chú cũng phải bị loại bỏ theo. Bạn không cần phải mang câu mật chú thêm nữa khi mà bạn cảm thấy rằng ma đã biến mất. Và thế thì bạn sẽ cười hô hô vì những ngờ ngẩn này: ma là giả và mật chú cũng giả nốt - nhưng nó có ích.

Một chuyện đã xảy ra. Một người mơ thấy một con rắn đã chui vào miệng mình, và nó vẫn có đó trong dạ dày. Và anh ta còn cảm thấy rắn bò trong đó. Bạn biết loại rắn đó, mọi người đều biết. Anh ta trở nên rất bồn chồn. Anh ta tới các bác sĩ, rồi đi chiếu tia X, nhưng... Anh ta sẽ nói, “Nó ở trong đó mà, ngay cả tia X cũng

chẳng tìm ra nó. Chẳng thành vấn đề. Tôi đang đau, cái đau của tôi là thật.”

Thế rồi anh ta tới một đạo sư Bach Y Giáo. Có người nói, “Anh nên tới chỗ thầy Sufi. Chỉ những vị cao tay mới có thể giúp được việc này. Bác sĩ chẳng ích gì được mấy đâu. Họ chữa bệnh thật; các pháp sư chữa bệnh không thật. Anh đến một pháp sư đi.”

Thế là anh ta tới, và pháp sư nói, “Được, để ta giúp cho. Sáng mai nó sẽ bò ra.”

Sáng hôm sau pháp sư sửa soạn: ông ta tìm một con rắn, đưa nó cho vợ anh ta và nói, “Hãy thu xếp để khi thức dậy, anh ta sẽ thấy rắn đang bò ra trên giường.”

Và anh ta la hét âm ỉ, rồi cười phá lên và nhảy ra khỏi giường, “Đây rồi! Nó đây rồi! Con rắn kia! Vậy mà những tên bác sĩ vô dụng kia cứ nói chẳng có rắn, chẳng có gì. Thế thì cái gì đây?” Nhưng từ ngày đó vấn đề này cũng biến mất. Đây là một mật chú. Vấn đề thực ra là không có thực.

Tất cả các vấn đề của bạn đều là sự bịa đặt của bạn. Mật chú là một chiến lược để loại bỏ đi ảo tưởng của bạn, và khi những ảo tưởng này đã bị loại bỏ rồi, cái còn lại là chân lý. Câu mật chú này chỉ lấy đi cái giả dối. Nó không thể cho bạn cái có thực; nó chỉ có thể lấy đi cái giả. Nhưng thế cũng đủ. Một khi cái giả dối bị lấy đi, *một khi cái giả dối đã được hiểu là giả dối*, chân lý nảy sinh. Và chân lý giải phóng. Chân lý là sự giải phóng.

Phật nói:

*... Bát Nhã Ba La Mật là đại thần chú, là đại minh thần chú, là vô thượng thần chú, là vô đẳng thần chú, trừ được hết mọi khổ đau...*

Phật nói câu mật chú nhỏ này có tiềm năng vô biên; nó tiêu trừ được mọi đau khổ của bạn. Chỉ câu mật chú này cũng đủ; nó sẽ đưa bạn tới bờ bên kia.

... chân thật không làm

Phật nói công dụng của nó là chỉ cho bạn cái giả là cái giả. Và khi bạn nhận ra chân lý thì có gì để bận tâm? Chẳng có gì có thể sai chạy được - *satyam amithyatvat*.

Từ *amithya* này bắt nguồn từ gốc *mithya*. *Mithya* nghĩa là giả tạo, *amithya* nghĩa là không giả tạo. Từ *mithya* có trong từ ‘*myth*’ của tiếng Anh - huyền sử. Huyền sử nghĩa là giả. ‘*Myth*’ bắt nguồn từ cùng gốc, *mithya*. Huyền sử là cái xuất hiện nhưng không thực.

Trong một từ tiếng Anh khác, ‘*miss*’ – không hiểu, không trúng, như trong ‘*to miss*’ cũng có cùng nguồn gốc, *mithya*. Hiểu lầm - *misunderstanding* - cái ‘*mis*’ đó có nguồn gốc từ *mithya*. Hay khi chúng ta nói, “Anh ấy không hiểu,” thì ‘không hiểu’ (*to miss*) đó cũng có nguồn gốc từ *mithya*.

Chân lý là cái mà chúng ta mãi không hiểu. Chúng ta không hiểu vì chúng ta cứ bám vào cái giả tạo. Chúng ta không nhận ra chân lý vì chúng ta bám lấy cái giả. Nếu chúng ta bỏ cái giả, chẳng có sự không hiểu. Và đó là ý nghĩa gốc rễ của từ tội lỗi - *sin* - nữa. ‘*Sin*’ - tội lỗi- có nghĩa là không trúng đích. Bất kỳ khi nào bạn bám lấy cái giả, bạn phạm tội lỗi, vì với việc bám lấy nó, bạn không đúng chân lý.

Bạn bám lấy ý tưởng về Thượng Đế và đó là điều giả tạo. Mọi ý tưởng đều giả hết. Bạn bám lấy một ý tưởng nào đó về Thượng Đế và đó là rào chắn của bạn. Phật nói câu mật chú này sẽ phá vỡ mọi rào chắn của bạn; nó cho bạn chỉ có chân không. Trong chân không chân lý này sinh bởi vì không có gì cản trở. ‘Chân không’ nghĩa là không có gì cản trở nữa - tất cả các ý tưởng giả tạo đều đã bị loại bỏ dọc đường. Bạn chỉ là một sự trống không, bạn sẵn sàng tiếp nhận, cởi mở; bạn đi tới chân lý một cách trần trụi, không che đậy, trống không - đó là cách duy nhất để tới với nó. Thế chừ chẳng có gì có thể sai lầm được.

.. Vì vậy, thần chú Bát Nhã Ba La Mật Đa này đã được công bố rằng:

Và Phật nói, “Ta đã trao cái cuối cùng, cái tối thượng. Không có gì hơn nữa, và không có cách nào nữa để cải thiện nó.”

Và tôi cũng nói với bạn: Không có cách nào nữa để cải thiện nó. ‘Không’ là câu mật chú vĩ đại nhất. Nếu bạn có thể đi vào trong chân không thì chẳng cần gì khác nữa. Và đó là toàn bộ thông điệp của Bát Nhã Tâm Kinh.

*tadyatha... đã được công bố rằng:*

Đến đây Phật cô đọng toàn bộ kinh sách, toàn bộ đối thoại, toàn bộ thông điệp trong vài từ.

*đã được công bố rằng: Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, vượt qua hết thấy,*

*Ôi hô! giác ngộ viên thành!*

Phật dùng từ ‘vượt qua’ đến bốn lần. Đây là bốn giai đoạn mà Ngài dùng ‘vượt qua’ để nói tới: địa cầu, sinh cầu, tâm trí cầu và Ki Tô cầu. ‘Vượt qua’ - vượt qua khỏi vật chất, vượt qua khỏi thân xác, vượt qua khỏi cái thấy được, cái sờ mó được. Ngài lại dùng ‘vượt qua’ lần thứ hai - vượt qua khỏi cuộc sống, cái-gọi-là bánh xe luân hồi. ‘Vượt qua ngoài’, lần thứ ba Ngài dùng ‘vượt qua’ - bây giờ vượt qua ngoài tâm trí, ý nghĩ, suy nghĩ, cái ta, bản ngã. ‘Vượt qua tất cả’ - bây giờ Ngài dùng nó lần thứ tư... thậm chí còn vượt ra ngoài cõi bên kia, vượt ra ngoài Ki Tô cầu.<sup>441</sup> Bây giờ Ngài đã đi vào trong cái chân không vô sinh.

---

<sup>441</sup> Tứ Thập Nhị Chương Kinh cũng nói về sự vượt qua Ki Tô cầu, “Thà cúng dường một người đã vượt trên tất cả tri thức, thiên kiến, kỷ luật và giác ngộ hơn là cúng dường một trăm tỷ vị Phật ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai.

Cuộc sống đã đi được một vòng tròn tria. Đây là điểm cuối, và đây cũng là điểm đầu nữa. Đây là biểu tượng mà bạn chắc đã thấy trong nhiều sách, trong nhiều đèn đài, trong các tu viện cũ - biểu tượng về con rắn ngậm đuôi của nó.

*Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, vượt qua hết thấy,*

Bạn đã về đến nhà.

*Ôi hô, thức tỉnh rồi!*

*Ngộ đây rồi! Giác ngộ đây rồi!* Đây là sự thức tỉnh, Phật giới...

*Xin chào tất cả! Hallelujah!*<sup>442</sup>

Bạn có thể hỏi Aneeta; cô ấy hát luôn miệng ‘Hallelujah’. Đây là alleluia. Đây là trạng thái của alleluia: khi tất cả đã vượt qua, khi tất cả đã biến mất và chỉ còn lại chân không thuần khiết. Đây là phúc lành - alleluia! Đây là niềm cực lạc mà mọi người đang tìm kiếm. Dù đúng hay sai đường, mọi người đều đang tìm kiếm niềm cực lạc này.

Bạn là Phật, và bạn cũng chưa là Phật: đó là cái khó xử, đó là điều nghịch lý. Bạn được sinh ra để thành Phật nhưng bạn lại hệt mắt. Bộ kinh này bắc cầu cho bạn, bộ kinh này giúp bạn trở thành cái mà định mệnh muốn bạn trở thành. Lời kinh này giúp bạn hoàn thành bản thể của mình. Hãy nhớ, lời kinh này không phải chỉ để được tụng niệm như đã từng được làm trong nhiều thế kỷ ở Trung quốc, Hàn quốc, Thái lan, Nhật bản, Tích Lan. Người ta cứ lặp lại mãi: *Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha*. Lặp lại như vậy chẳng ích gì.

---

<sup>442</sup> Hallelujah, là từ mà tín đồ đạo Chúa dùng để ca tụng thiên chúa. Người Việt thường đọc là “Ô Hô!”

Câu mật chú này không phải chỉ để được tụng niệm. Nó cần phải được hiểu, nó phải trở thành bản thể của bạn. Hãy vượt qua mọi hình tướng, hãy cứ vượt qua mọi đồng nhất, hãy vượt qua mọi giới hạn. Hãy trở thành lớn hơn, rộng lớn hơn nữa, bao la hơn nữa. Ngay cả bầu trời cũng không phải là giới hạn của bạn. Cứ vượt xa hơn nữa...

*Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha.*<sup>443</sup>

*Svaha* là lời diễn tả sự cực lạc tối thượng. Nó không có nghĩa gì cả; nó cũng hết như hallelujah vậy. Nó là tiếng reo mừng của niềm vui sướng không thể tả được. Phúc lành đã xảy ra - bạn đã hoàn thành, hoàn toàn thỏa mãn. Nhưng lời kinh này không dùng để tụng niệm, hãy nhớ. Phật đã cô đọng nó lại trong vài từ để cho bạn dễ nhớ. Trong vài từ này Ngài đã đặt vào toàn bộ thông điệp, thông điệp của toàn bộ cuộc sống của Ngài.

Bạn là một vị Phật, và trừ phi nhận ra điều đó, bạn sẽ còn đau khổ. Lời kinh này tuyên bố bạn là Phật. Đó là lý do tại sao tôi đã bắt đầu bộ kinh này bằng việc cúi chào vị Phật bên trong của bạn. Tôi tuyên bố rằng các bạn đều là Phật! Hãy nhận ra điều đó!

Từ ‘nhận ra’ thật là hay. Nó nghĩa là ‘nhìn lại’.<sup>444</sup> Hãy kính trọng bản thân mình. Từ ‘kính trọng’ cũng hay: nó có nghĩa là chú ý, nhìn lại.<sup>445</sup> Đó là điều Chúa Giê Su ngụ ý khi Ngài nói repent - ăn năn. Từ nguyên gốc Aramaic<sup>446</sup> này ngụ ý quay lại; nó chẳng liên quan gì tới việc ăn năn theo nghĩa của Ki Tô Giáo cả. Repent có nghĩa là quay lại - quay một trăm tám mươi độ. Patanjali gọi nó là

<sup>443</sup> Phiên âm theo Hán tự là, “Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề tát bà ha.” Nghĩa là, “Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, vượt qua hết thảy. Ôi, thức tỉnh rồi!”

<sup>444</sup> Recognition - nhận ra - hợp bởi tiếp đầu ngữ ‘re’ - một lần nữa, và cognition - biết.

<sup>445</sup> Respect - kính trọng - hợp bởi re, một lần nữa, và spect, thấy.

<sup>446</sup> Aramaic là tiếng Chúa Giê-Su dùng khi Ngài giảng đạo.

*pratiyaha* - đi vào, rút vào nội tâm. Mahavira thì gọi nó là *pratikrama* - đừng đi ra, đi vào, trở về nhà.

Khoảng cách giữa con người thực và con người không thực của bạn chỉ là khoảng cách giả tạo, bởi vì bạn là con người thực trong mọi lúc - chỉ mơ mộng, suy nghĩ mới làm bạn thành giả tạo. Hãy loại bỏ điều đó.. Hãy chỉ nhìn kỹ bạn là ai. Và đừng bị lừa dối bởi tín ngưỡng, bởi ý thức hệ, bởi kinh sách và tri thức. Hãy loại bỏ tất cả! Từ bỏ một cách vô điều kiện! Hãy quăng đi tất cả những đồ đạc mà bạn đang mang nặng trên người. Hãy tạo ra chỗ trống trong bản thể, và chỗ trống đó sẽ hé mở chân lý cho bạn. Trong việc nhìn nhận đó, *svaha*, alleluia! Niềm cực lạc khôn xiết bùng ra tiếng ca, trong điệu vũ, trong im lặng, trong sáng tạo.

Không ai biết điều gì sắp xảy ra. Làm sao bạn bày tỏ được niềm cực lạc đó, không ai biết rõ cả; mỗi người bày tỏ theo cách của riêng mình - Chúa Giê Su theo cách của Chúa, Phật theo cách của Phật, Meera<sup>447</sup> theo cách bà ấy. Mỗi người đều bày tỏ theo lối riêng của mình. Có người hoàn toàn im lặng - im lặng là bài ca của người ấy. Có người hát - Meera, Chaitanya<sup>448</sup> - hát là sự im lặng của họ. Có người nhảy múa - không biết làm sao diễn tả được nên họ đi nhảy múa điên cuồng; đó là cách thức của người đó. Có người vẽ, có người soạn nhạc, có người điêu khắc, lại có người sẽ làm cái khác. Có bao nhiêu người thì có bấy nhiêu cách diễn đạt. Cho nên đừng bao giờ bắt chước; hãy để cho cách diễn đạt của riêng mình chiếm lĩnh lấy bạn. Hãy để cho *svaha*, alleluia thành cái của bạn, chính thực của bạn. Và điều đó xảy ra khi bạn là chân không.

Chân không là hương vị của cả bộ kinh này. Hãy trở thành chân không và bạn sẽ là tất cả. Người chịu thua mới

---

<sup>447</sup> Meera là một sư bà của Ấn. Phần lớn bà dùng tiếng ca để dẫn dắt chúng sinh.

<sup>448</sup> Chaitanya là một thiền sư đã ngộ đạo của Ấn.

có thể là người thắng trong trò chơi này. Mất tất cả và bạn sẽ có tất cả. Nín bảm, sở hữu thì bạn sẽ mất tất cả.

Phật được gọi là *Mantra Adipatti*, người ban tặng các câu thần chú; tôn sư thần chú, *Mahaguru* - nhưng không theo nghĩa xấu như hiện nay. Từ 'guru' (thầy) đã trở thành một từ bảm thỉu. Krishnamurti nói rằng ông ấy dị ứng với các guru. Điều đó đúng.

Phật mới *thực sự* là một mahaguru. Từ guru nghĩa là nặng với thiên đường, nặng với niềm vui, với cực lạc, nặng với *svara*; nặng như đám mây dày đặc, sẵn sàng mưa xuống cho bất kỳ ai đang khát, sẵn sàng chia sẻ. Guru nghĩa là nặng niềm hạnh phúc.

Guru cũng có nghĩa là người phá hủy bóng tối của người khác. Tôi không nói về cái-gọi-là các guru vẫn đang lang thang khắp thế giới. Họ chẳng phá hủy bóng tối của bạn; họ áp đặt bóng tối của họ lên bạn, họ áp đặt cái dốt nát của họ lên bạn. Và những guru này mọc lên như nấm khắp nơi. Bạn có thể tìm thấy họ ở mọi nơi: một cái nấm Muktananda nhô lên ở đây, một cái nấm Maharishi Mahesh Yogi<sup>449</sup> khác mọc ra ở kia - họ mọc ra như nấm khắp mọi nơi.

Guru là người giúp bạn tự do. Guru là người trao cho bạn tự do. Guru là người giải phóng bạn. Phật là một trong các mahaguru. Thông điệp của Ngài là thông điệp tối thượng nhất đã được dạy cho con người. Và bộ kinh này là một trong những cách diễn đạt lộng lẫy nhất của Phật. Ngài đã hoằng pháp trong bốn mươi hai năm, và Ngài đã nói nhiều điều, nhưng chẳng có gì sánh được với bản kinh này. Bộ kinh này thật độc đáo. Bạn may mắn là đã được ở đây để nghe và thỉen về nó. Và may mắn hơn nữa - hãy trở thành nó.

---

<sup>449</sup> Maharishi Mahesh Yogi là người sáng lập phong trào Transcendental Meditation™, một thời rất thịnh hành ở Âu Mỹ.

# 10

## Sannyas: Nhập Lưu



*Sannyasin có những đặc tính gì?*

Rất khó định nghĩa thế nào là một sannyasin,<sup>482</sup> và càng khó hơn nữa nếu bạn muốn định nghĩa sannyasin của tôi.

Sannyas<sup>483</sup> nói chung là sự bác bỏ mọi cấu trúc, do đó mới khó định nghĩa. Sannyas là một lối sống không theo bất kỳ khuôn mẫu nào. Đặc tính của sannyas là không có đặc tính nào. ‘Không có đặc tính’ nghĩa là đoạn tuyệt hẳn với quá khứ. Đặc tính nghĩa là quá khứ, là lẽ lối mà bạn đã sống trong quá khứ, là cách thức bạn đã từng sống. Đặc tính của bạn là toàn thể những thói quen, những điều kiện hoá, tín ngưỡng và kinh nghiệm của bạn. Sannyasin

---

<sup>482</sup> Sannyasin nói chung là một người tâm đạo, một hành giả. Osho gọi đệ tử của Ngài là sannysin.

<sup>483</sup> Sannyas là việc tâm đạo

là người không còn sống trong quá khứ, hay vì quá khứ, mà sống từng khoảnh khắc một, do đó khó mà đoán được.

Người có đặc tính có thể đoán trước được; sannyasin thì không thể đoán được bởi vì sannyasin là tự do. Sannyasin không chỉ được tự do, mà chính là tự do. Đó là cách sống nổi loạn. Biết là khó mà định nghĩa được nhưng tôi vẫn cố gắng. Một vài gợi ý có thể nêu ra, không phải những định nghĩa chính xác, chỉ vài chỉ dẫn thôi, tựa như ngón tay chỉ trăng. Chớ bám lấy ngón tay. Ngón tay không phải là mặt trăng; nó chỉ được dùng để chỉ hướng đi. Ngón tay chẳng liên quan gì tới mặt trăng. Chúng có thể dài, có thể ngắn, có thể khéo léo, có thể xấu xí, có thể trắng, có thể đen, có thể mạnh khỏe, có thể ốm yếu - điều đó chẳng quan trọng. Chúng chỉ hướng đi. Hãy nương theo ngón tay mà nhìn vào mặt trăng.

Điều tôi sắp đưa ra không phải là một định nghĩa; điều đó không thể thực hiện được trong trường hợp này. Và, thực ra, những gì sống động thì chẳng bao giờ có thể có định nghĩa được. Chỉ những cái đã chết rồi, những cái không phát triển nữa, những cái không ra hoa nữa, những cái hết tiềm năng rồi, những cái đã cạn kiệt và tàn lụi rồi mới có thể định nghĩa được. Thế thì nó có thể định nghĩa được. Bạn có thể định nghĩa một người chết, nhưng khó mà định nghĩa được người sống.

Cuộc sống nói chung là cái mới vẫn còn có thể xảy ra. Cho nên đây không phải là định nghĩa.

Loại sannyasin cũ có một định nghĩa, rất rõ ràng: đó là lý do tại sao người đó chết. Tôi gọi sannyas của tôi là 'sannyas mới', bởi một lý do đặc biệt. Sannyas của tôi là sự khai sáng, một hành trình, một điệu vũ, một chuyện tình với cái xa lạ, một sự lãng mạn với chính hiện sinh, một sự tìm kiếm mối liên hệ sáng khoái với đại hồn. Và mọi thứ khác trong thế giới đều đã thất bại. Những thứ có thể định nghĩa được, rõ ràng, logic, đều thất bại cả. Các tôn giáo đã thất bại, chính trị đã thất bại, ý thức hệ đã thất bại - bởi vì chúng rất rõ ràng. Chúng đã là bản thiết kế

cho tương lai của con người. Tất cả đã thất bại. Những chương trình đó đều thất bại.

Sannyas không còn là một chương trình nữa. Đây là sự thám hiểm, không phải chương trình. Khi bạn trở thành một sannyasin thì tôi điếm đạo cho bạn vào tự do, và ngoài cái đó thì không còn gì nữa cả. Tự do đi đôi với trách nhiệm lớn, bởi vì thế thì bạn chẳng có gì để mà dựa vào cả, ngoại trừ bản thể của bạn, tâm thức của bạn. Bạn chẳng có gì để chống đỡ, để nương tựa. Tôi lấy đi tất cả những chống đỡ, những chỗ dựa của bạn; tôi để cho bạn đơn độc, hoàn toàn đơn độc. Trong cái đơn độc đó ... là đoá hoa của sannyas. Cái đơn độc đó tự nở ra thành đoá hoa sannyas.

Sannyas không có đặc tính. Nó không có luân lý, không phải vô đạo đức; nó là phi đạo đức. Nói cách khác, nó là một loại luân lý cao hơn, không phải tới từ bên ngoài mà từ bên trong.<sup>484</sup> Nó không cho phép bất kỳ sự áp đặt nào từ bên ngoài, bởi vì mọi áp đặt từ bên ngoài đều biến bạn thành nông nô, nô lệ. Và nỗ lực của tôi là để trao cho bạn phẩm giá, vinh quang. Sự mạng của tôi ở đây là trả lại cho bạn sự huy hoàng.

Mọi nỗ lực khác đều thất bại. Điều đó không tránh khỏi bởi vì mầm thất bại đã có sẵn rồi. Chúng đều nặng về cấu trúc, và mọi cấu trúc đều đè nặng trên trái tim con người, chẳng chóng thì chầy. Mọi cấu trúc đều biến thành nhà tù, và rồi ngày nào đó bạn phải nổi dậy chống lại nó. Bạn chẳng thấy như vậy trong suốt lịch sử đó sao? - cuộc cách mạng nào rồi cũng trở thành áp bức. Điều đó đã xảy ra tại Nga, đã xảy ra tại Trung Quốc. Sau mọi cuộc cách mạng, người cách mạng trở thành phản cách mạng. Một khi có quyền lực trong tay, người ấy đem cấu trúc của mình áp đặt lên xã hội. Và một khi người ấy áp đặt cấu trúc của mình, sự nô lệ biến dạng thành một loại nô lệ

---

<sup>484</sup> Triết gia Friedrich Nietzsche chia luân lý làm hai loại: luân lý của chủ và của nô. Luân lý của nô đến từ bên ngoài vì được người khác dạy cho.

mới, nhưng chẳng bao giờ có tự do cả. Mọi cuộc cách mạng đều thất bại.

Đây không phải là cách mạng. Đây là nổi dậy. Cách mạng thuộc về xã hội, tập thể; nổi dậy là cá nhân. Chúng ta không quan tâm tới việc xây dựng bất kỳ cấu trúc nào cho xã hội. Cấu trúc thế là quá đủ rồi! Hãy vất bỏ tất cả các loại cấu trúc. Chúng ta muốn các cá nhân trên thế giới - di chuyển tự do, di chuyển có ý thức, tất nhiên. Và họ chịu trách nhiệm trước tâm thức của họ. Họ hành xử thích đáng không phải vì dựa theo những mệnh lệnh nào đó; họ hành xử đúng, họ hành xử *chính xác*, bởi vì họ quan tâm.

Bạn có biết là từ chính xác (accuracy) này bắt nguồn từ quan tâm (care) không. Từ 'chính xác' theo nguyên gốc của nó có nghĩa là quan tâm về. Khi bạn quan tâm về cái gì thì bạn chính xác. Nếu quan tâm về người nào đó, bạn chính xác trong mối quan hệ của mình.

Sannyasin là người quan tâm về chính mình, và một cách tự nhiên, quan tâm tới mọi người khác nữa - bởi vì bạn không thể hạnh phúc một mình được. Bạn chỉ có thể hạnh phúc trong một thế giới hạnh phúc, trong một không khí hạnh phúc. Nếu mọi người đang kêu khóc và than van, rất khó mà bạn hạnh phúc được. Cho nên người quan tâm về hạnh phúc - hạnh phúc của riêng mình - trở nên quan tâm tới hạnh phúc của người khác, bởi vì hạnh phúc xảy ra chỉ trong một khí hậu hạnh phúc. Nhưng sự quan tâm này không phải vì do một tín điều nào. Nó là kết quả của tình yêu, và tình yêu đầu tiên, tất nhiên, là tình yêu cho chính mình. Những tình yêu khác đều theo đó mà ra.

Các nỗ lực khác đã thất bại bởi vì chúng thiên về tâm trí. Chúng đã dựa vào tiến trình suy nghĩ, chúng là kết quả của tâm trí. Sannyas không phải là kết quả của tâm trí. Sannyas không thiên về ý tưởng; nó không có rễ trong suy nghĩ. Sannyas thuộc về trực giác; nó là thiền, không phải là tâm trí. Nó bắt rễ trong niềm vui, không phải ý nghĩ. Nó bắt rễ trong hoan lạc, không phải suy tư. Nó bắt rễ trong sự tỉnh thức nơi mà ý nghĩ không mò tới được.

Nó không phải là sự chọn lựa; nó không phải là sự chọn lựa giữa hai ý nghĩ, nó là việc loại bỏ hẳn mọi ý nghĩ. Nó là sự sống từ chân không.

*Do đó, này Xá Lợi Phất, sắc là không, không là sắc;*

Sannyas là điều chúng ta đã nói tới hôm qua - *svaha*, hallelujah! Nó là niềm vui trong bản thể.

Làm sao bạn định nghĩa được niềm vui trong bản thể? Điều đó không thể nào định nghĩa nổi, bởi vì niềm vui của mỗi người đều khác nhau. Niềm vui của tôi trong bản thể khác với niềm vui trong bản thể của bạn. Niềm vui giống nhau, hương vị của nó như nhau, nhưng việc nở hoa thì khác hẳn nhau. Hoa sen nở hoa, hoa hồng nở hoa, vạn thọ nở hoa - chúng đều nở hoa, và tiến trình nở hoa giống nhau. Nhưng vạn thọ nở hoa theo cách riêng của nó, hoa hồng theo cách của nó, và hoa sen theo cách riêng của nó. Màu sắc của chúng khác nhau, cách phô bày của chúng khác nhau, mặc dầu tinh thần thì như nhau. Và khi chúng nở ra, khi chúng thổi thể với gió, và khi chúng nhả hương thơm cho bầu trời thì tất cả đều vui sướng.

Mỗi sannyasin sẽ là một con người hoàn toàn độc đáo. Tôi không quan tâm tới xã hội. Tôi không quan tâm tới tập thể. Tôi chỉ quan tâm về cá nhân - về bạn!

Và thiên có thể thành công ở nơi mà tâm trí thất bại, bởi vì thiên là một cuộc cách mạng triệt để trong bản thể bạn - không phải là cuộc cách mạng làm thay đổi chính phủ, không phải là cách mạng thay đổi kinh tế, mà là cuộc cách mạng làm thay đổi tâm thức của bạn, đưa bạn từ tâm trí cầu sang Ki tô cầu, làm thay đổi bạn từ một người ngái ngủ thành một linh hồn tỉnh thức. Và khi đã thức tỉnh, mọi điều bạn làm đều tốt cả.

Đó là định nghĩa của tôi về 'tốt' và 'đức hạnh': hành động của một người đã thức tỉnh là đức hạnh, còn hành động của người chưa thức tỉnh là tội lỗi. Không có định nghĩa nào khác về tội lỗi và đức hạnh. Nó tùy thuộc từng người - tâm thức người ấy, phẩm chất của người ấy khi

hành động. Cho nên đôi khi cùng hành động nhưng thiện, ác có thể khác nhau. Hành động có thể y hệt nhau trên bề mặt, nhưng người đứng sau hành động đó có thể khác.

Chẳng hạn, Chúa Giê Su vào trong đền thờ Jerusalem với chiếc roi trong tay để đánh những con buôn. Ngài lật sập bàn đổi tiền của họ. Một mình, đơn độc, Ngài tổng hết những kẻ đổi tiền ra khỏi đền thờ. Trông có vẻ rất hung tợn - Chúa Giê Su với chiếc roi, tổng bọn con buôn ra khỏi đền thờ. Nhưng Ngài lại không hung tợn. Lenin cũng làm như vậy thì sẽ là hung tợn, và hành động này sẽ là tội lỗi. Chúa Giê Su cũng hành động như thế thì lại đức hạnh. Ngài hành động từ tình yêu; Ngài quan tâm. Ngài quan tâm tới cả những kẻ đổi tiền này nữa! Chính là từ sự quan tâm của Ngài, từ mối ưu tư, từ tình yêu, từ sự tỉnh thức mà Ngài hành động. Ngài hành động quyết liệt, bởi vì chỉ có thế thì mới làm họ choáng váng để rồi tạo ra một tình huống mà trong đó một thay đổi nào đó có thể xảy ra.

Hành động có thể giống nhau, nhưng với một người đang tỉnh thức, phẩm chất của hành động đó khác hẳn.

Sannyasin là một người ngày càng tỉnh táo. Và càng có nhiều người tỉnh táo, thế giới sẽ càng tốt hơn. Văn minh vẫn còn là một ý tưởng.

Có người ta hỏi vua nước Anh, “Ngài nghĩ gì về nền văn minh?” Và ông ta được nói là đã trả lời rằng, “Đấy là một ý tưởng hay. Phải có người để thực hiện. Điều đó vẫn chưa xảy ra đâu.”

Sannyas chỉ mới là bước đầu, là hạt mầm của một loại thế giới hoàn toàn mới, nơi mà mọi người được tự do để sống đời mình, nơi mà mọi người không bị ràng buộc, không bị làm què quặt, tê liệt, nơi mà không người nào bị đè nén, không mặc cảm tội lỗi, nơi mà niềm vui được chấp nhận, nơi mà sự phấn khởi là luật lệ, nơi mà sự nghiêm trọng đã biến mất, nơi mà sự chân thành nhưng không nghiêm trọng và sự vui đùa là tiêu chuẩn. Đây chỉ là những gợi ý, chỉ là ngón tay chỉ trăng.

Trước hết: sự cởi mở để kinh nghiệm. Người ta thường là khép kín; họ không cởi mở để kinh nghiệm. Họ không kinh nghiệm được điều gì vì họ đã có sẵn định kiến rồi. Họ không muốn thí nghiệm, họ không muốn thám hiểm. Điều này mới cực kì là ngu ngốc!

Có người tới và muốn thiền, và nếu tôi bảo anh ta nhảy múa thì anh ta nói, “Nhảy múa có lợi ích gì? Làm sao nhảy múa mà có thiền định được?” Tôi hỏi anh ta, “Bạn đã nhảy múa bao giờ chưa?” Anh ta nói “Chưa, chưa bao giờ.” Đây là một tâm trí khép kín. Một tâm trí cởi mở sẽ nói, “Được, mình sẽ nhảy và xem sao. Biết đâu nhờ nhảy múa mà điều đó lại xảy ra.” Người ấy có tâm trí cởi mở để thí nghiệm, không định kiến gì. Có người nói, “Làm sao thiền có thể xảy ra từ việc nhảy múa?” - ngay cả khi người ấy được thuyết phục để thiền, người ấy sẽ mang cái ý tưởng này trong đầu: “Làm sao thiền lại xảy ra được từ nhảy múa?” Và thiền sẽ không xảy ra cho người ấy. Và khi thiền không xảy ra, định kiến cũ của người ấy sẽ được làm mạnh thêm nữa. Thiền đã không xảy ra *chính* vì định kiến này.

Đây là cái vòng luẩn quẩn của tâm trí khép kín. Người đó tới với đầy những ý tưởng; người đó đã có sẵn định kiến. Người ấy không chấp nhận những sự kiện mới, và thế giới không lúc nào không có các sự kiện mới. Thế giới liên tục thay đổi và tâm trí khép kín thì vẫn bị kẹt trong quá khứ. Thế giới cứ thay đổi, và trong mỗi khoảnh khắc lại có những cái mới xuất hiện. Thượng Đế cứ tiếp tục tô màu cho thế giới, còn bạn thì cứ mang những ý thức hệ đã chết và cũ rích trong đầu.

Cho nên phẩm chất đầu tiên của một sannyasin là cởi mở để kinh nghiệm. Người ấy sẽ không quyết định trước khi kinh nghiệm qua. Người ấy sẽ *không bao giờ* quyết định trước khi mình đã kinh nghiệm qua. Người ấy sẽ không có bất kỳ tín ngưỡng nào. Người ấy sẽ không nói, “Điều này phải như vậy bởi vì Phật đã nói vậy.” Người đó sẽ không nói, “Điều này phải như vậy bởi vì đã được viết

trong kinh Vệ đà.” Người ấy sẽ nói, “Tôi sẵn sàng thí nghiệm để xem có đúng hay không.”

Trước khi nhập niết bàn Phật đã nói với chúng đệ tử rằng: “Hãy nhớ”... và điều này Ngài đã lặp đi lặp lại trong cả cuộc đời mình, và lần này là lần cuối cùng - “Hãy nhớ, đừng tin vào bất kỳ cái gì bởi vì ta đã nói thế. Đừng bao giờ tin bất kỳ cái gì trừ phi bạn đã kinh nghiệm nó.”

Sannyasin sẽ không có nhiều tín ngưỡng; thực ra, không có tín ngưỡng nào cả. Người ấy sẽ chỉ mang kinh nghiệm của riêng mình. Và cái đẹp của kinh nghiệm là ở chỗ kinh nghiệm bao giờ cũng cởi mở, bởi vì bạn luôn luôn sẵn sàng với những khám hiểm mới. Tín ngưỡng thì bao giờ cũng khép kín, chắm hết. Tín ngưỡng bao giờ cũng kết thúc. Kinh nghiệm chẳng bao giờ kết thúc, nó không bao giờ hoàn tất. Bạn đang còn sống thì làm sao kinh nghiệm của bạn có thể kết thúc được? Kinh nghiệm của bạn ngày càng nhiều; nó không ngừng thay đổi và chuyển động mãi mãi. Nó liên tục đi từ cái đã biết đến cái chưa biết, và từ cái chưa biết đến cái không thể biết được. Và hãy nhớ, kinh nghiệm có cái đẹp bởi vì nó không bao giờ kết thúc. Một trong những bài ca hay nhất là những bài ca không có đoạn cuối. Một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất là những tác phẩm không có kết thúc. Một trong những âm nhạc du dương nhất là những âm nhạc không có kết thúc. Cái không có kết thúc có vẻ đẹp riêng.

Tôi đã từng nghe một chuyện thiền:

Nhà vua tới gặp một thiền sư để học cách làm vườn. Thiền sư này dạy cho vua trong ba năm. Nhà vua có một khu vườn rộng, đẹp - hàng ngàn người giúp việc ở đó - và bất kỳ thầy nói điều gì, vua đều làm và thí nghiệm trong vườn của mình. Sau ba năm vườn đã hoàn toàn sẵn sàng, nhà vua mời thiền sư tới tham quan. Nhà vua rất bồn chồn bởi vì thiền sư này rất nghiêm khắc: “Không biết thầy có thích hay không?” – chẳng khác nào đi thi vậy - “Liệu thầy có nói, ‘Khá lắm, anh đã hiểu rồi’ chẳng?”

Mọi sự được chăm sóc tỉ mỉ. Khu vườn nhìn rất đẹp mắt; chẳng thiếu thứ gì. Lúc đó nhà vua mới mời thầy tới thăm. Nhưng thiền sư lại buồn bã ngay từ đầu. Ông ấy nhìn quanh, đi lại trong vườn từ phía này sang phía kia; ông ấy mỗi lúc trở nên nghiêm nghị hơn. Nhà vua thấy sợ hãi, chưa bao giờ thấy thầy lại nghiêm nghị đến thế: “Sao thầy trông buồn thế? Có gì trục trặc chẳng?”

Thiền sư cứ gật đầu hoài, mà trong bụng thì nói “Không.”

Nhà vua hỏi, “Thưa thầy có gì vậy? Có gì sai chẳng? Sao thầy không nói cho con? Thầy đang trở nên mỗi lúc một nghiêm nghị và buồn bã hơn, và thầy cứ gật đầu nhưng có vẻ chê. Sao vậy? Cái gì sai? Con không thấy cái gì sai cả. Đây là những điều thầy đã dạy con, và con đã thực hành nó trong khu vườn này.”

Thiền sư nói, “Nó đẹp đến mức nó thành chết. Nó hoàn chỉnh quá - đó là lý do tại sao ta lại gật đầu và ta nói không. Nó phải chưa hoàn thành chứ. Lá vàng đâu rồi? Lá khô đâu rồi? Không có đến một chiếc lá khô!” Tất cả lá khô đều đã bị mang đi - trên đường không còn lá khô nào; trên cây không còn lá khô nào, không có lá úa, không có lá vàng nào. “Những chiếc lá đó đâu rồi?”

Nhà vua nói, “Con đã bảo người làm vườn vớt bỏ hết rồi. Con muốn làm cho vườn đẹp một cách tuyệt đối.”

Thiền sư nói, “Đó là lý do tại sao vườn trông đờ đẫn quá, nhân tạo quá. Mọi thứ của Thượng Đế chẳng bao giờ kết thúc cả.” Rồi thầy chạy xô ra ngoài vườn. Tất cả các lá khô đều được vun đống lại: ông lấy vài chiếc lá khô trong thùng rồi tung chúng lên theo gió, và gió đưa lá khô đi và chúng lẫn lộn trên đường. Ông ấy nhìn một cách say sưa và nói, “Nhìn kìa, trông nó sống động làm sao!” Và âm thanh xào xạc trên lá khô - âm nhạc của lá khô, gió chơi đùa với lá khô. Bây giờ vườn đã có tiếng thì ào ào; nếu không thì nó đờ đẫn và chết giống như một nghĩa địa. Cái im lặng đó không sống động.

Tôi thích câu chuyện này. Thiền sư nói, “Nó hoàn chỉnh quá, đó là lý do tại sao nó lại sai.”

Mới đêm hôm nọ Savita còn ở đây. Cô ấy nói rằng cô ấy đang viết một tiểu thuyết, và cô ấy rất phân vân về điều phải làm. Đã tới lúc cần phải kết thúc nó, nhưng nó có thể còn được kéo dài hơn nữa; nó vẫn còn chưa hoàn tất. Tôi bảo cô ấy, “Hãy kết thúc nó đi. Hãy kết thúc nó trong khi nó chưa kết thúc - thế thì nó có điều gì đó bí ẩn bao quanh - cái không kết thúc đó... và tôi bảo cô ấy, “Nếu nhân vật chính của bạn vẫn muốn làm gì đó, hãy để cho hắn trở thành sannyasin. Và thế thì mọi sự vượt quá khả năng của bạn. Thế thì bạn có thể làm được gì? Thế thì nó đi tới chỗ kết thúc, ấy vậy mà mọi thứ vẫn còn tiếp tục phát triển.”

Không câu chuyện nào có thể hay nếu nó kết thúc hoàn toàn. Nó sẽ chết hoàn toàn. Kinh nghiệm bao giờ cũng còn để mở - điều đó nghĩa là không kết thúc. Tín ngưỡng bao giờ cũng đầy đủ và kết thúc. Phẩm chất đầu tiên là việc cởi mở để kinh nghiệm.

Tâm trí chính là tất cả những niềm tin của bạn gom lại với nhau. Cởi mở nghĩa là tâm hư; cởi mở nghĩa là bạn đẩy tâm trí sang một bên, và bạn sẵn sàng nhìn vào cuộc sống mỗi lần mỗi mới, không theo con mắt cũ. Tâm trí cho bạn con mắt cũ, nó mớm cho bạn các ý tưởng: “Hãy nhìn qua cách này.” Nhưng thế thì sự việc bị tô màu; thế thì bạn chẳng nhìn vào nó, thế thì bạn phóng họa một ý tưởng lên nó. Thế thì chân lý trở thành màn ảnh để trên đó bạn cứ tiếp tục phóng họa. Hãy nhìn bằng tâm hư, hãy nhìn qua chân không - *shunyata*. Khi nhìn bằng tâm không, cảm nhận của bạn chính xác, bởi vì bạn nhìn sự việc một cách trung thực. Và chân lý giải phóng. Mọi thứ khác đều trói buộc; chỉ có chân lý mới đem lại tự do.

Trong những khoảnh khắc tâm hư, chân lý thấm vào bạn tựa như ánh sáng. Càng tận hưởng ánh sáng này, chân lý này, bạn lại càng có khả năng và dũng cảm để loại bỏ tâm trí mình. Chẳng chóng thì chầy, một ngày đó bạn sẽ

nhìn không bằng tâm trí. Bạn không tìm kiếm bất kỳ cái gì, bạn chỉ nhìn. Cái nhìn của bạn trong suốt. Trong khoảnh khắc đó bạn trở thành *avalokita*, người nhìn với con mắt thuần khiết. Đó là một trong nhiều tên của Phật – Avalokita – Quán Thế Âm: Ngài nhìn mà không có ý tưởng nào,<sup>485</sup> Ngài chỉ nhìn.

Có lần một người nhổ vào mặt Phật. Ngài lau mặt rồi hỏi, “Anh còn gì nói nữa không?”

Các đệ tử của Ngài bị chấn động và rất giận dữ. Ananda, đại đệ tử của Ngài nói, “Thế thì quá lắm! Chúng con không thể làm được gì bởi vì thầy đang ở đây; nếu không, chúng con đã giết người này rồi. Người này đã phỉ nhổ vào thầy, còn thầy thì lại hỏi, ‘Anh còn gì nói nữa không?’”

Phật nói, “Có chứ, bởi vì phỉ nhổ là một cách nói. Có thể người này giận dữ quá đến độ lời nói không còn thích hợp nữa; đó là lý do tại sao người ấy lại phỉ nhổ.” Khi lời không còn thích hợp, bạn phải làm gì? Bạn mỉm cười, bạn khóc, nước mắt trào ra, bạn ôm nhau, bạn tát - bạn làm cái gì đó. Nếu có quá nhiều giận dữ, bạn sẽ làm gì? Bạn không thể nào tìm ra lời đủ mãnh liệt, mạnh bạo. Bạn sẽ làm gì? - bạn phỉ nhổ.

Đây là lối nhìn của Phật - không có tâm trí. Ngài nhìn vào trong người này: “Vấn đề gì? Tại sao anh ta lại nhổ vào mình?” Ngài không dính líu đến nó chút nào. Ngài không dựa vào kinh nghiệm hay ý tưởng quá khứ rằng phỉ nhổ là xấu, rằng việc này là xúc phạm và bẽ mặt. Không có ý tưởng nào chen vào. Ngài chỉ nhìn vào thực tại của người đang phỉ nhổ vào Ngài. Ngài hoàn toàn quan tâm: “Sao vậy? Người này nói không ra lời; ngôn ngữ của ông ấy rất rối loạn. Ông ấy muốn nói gì đó nhưng không tìm

---

<sup>485</sup> Nhìn mà không có ý tưởng nào. Đó là ý nghĩa của lời dạy của Chúa Giê-Su, “Phúc cho những ai có lòng nghèo khó vì Nước Trời là của họ.” (Matthew 5:3)

ra lời để nói lên. Do đó, một cách vụng về, ông ấy phỉ nhổ.”

Phật nói, “Đấy là lý do tại sao ta lại hỏi liệu ông còn điều gì nói nữa không?” Chính người này cũng không ngờ sự việc lại diễn ra như vậy. Anh ta muốn đến để làm bêu xấu Phật, nhưng Ngài lại không bị bẽ mặt. Phật lại ban phát lòng từ bi cho người này. Cả đêm đó ông ta không ngủ được. Ông ta cứ phải trằn trọc về điều đó. Thật là khó cho người này hiểu được: “Đây là loại người gì thế nhỉ? Phong thái của người này là thế nào? Mình đã phỉ nhổ, mà ông ấy chỉ hỏi - và với tình yêu vô biên - ‘Anh còn gì cần nói nữa không?’”

Sáng sớm hôm sau anh ta quay lại, sụp xuống dưới chân Ngài và nói, “Thưa thầy, con xin lỗi thầy, xin thầy tha thứ cho con. Cả đêm qua con không thể nhắm mắt.”

Phật cười to và nói, “Ngớ ời là ngớ! Sao vậy? Ta ngủ ngon lành. Sao anh lại bị cái điều nhỏ nhặt thế quấy rối? Nó đâu có làm tổn thương cho ta. Anh thấy mặt ta vẫn như trước đây thôi. Sao anh lại lo lắng đến thế?”

Người này nói, “Con đến để xin làm đệ tử của thầy. Xin thầy hãy điềm đạo cho con. Con muốn được ở với thầy. Con đã thấy sự siêu phàm, độc đáo. Nhưng trước hết, xin hãy tha thứ cho con.”

Phật nói, “Thật là vớ vẩn! Làm sao ta có thể tha thứ cho anh được? - vì ta cũng không để ý gì tới nó. Ta không giận dữ, cho nên sao ta có thể tha thứ cho anh được?” Họ đã ngồi trên bờ sông Hằng suốt hai mươi bốn giờ qua. Rồi Phật nói, “Biết bao nhiêu là nước đã trôi qua sông Hằng trong hai mươi bốn giờ là bấy nhiêu cuộc sống đã trôi qua anh, và đã trôi qua ta. Sông Hằng không còn là sông Hằng cũ nữa. Ta không còn là cùng người cũ nữa. Thực ra, anh chưa bao giờ phỉ nhổ vào ta, đây là một người khác; hai mươi bốn giờ đã qua rồi. Và anh cũng không còn là người đã phỉ nhổ... cho nên ai có thể tha thứ cho ai? Hãy quên những cái đã qua.”

Đây là cái nhìn của tâm không. Nó có thể tạo ra phép màu. Sannyasin sống một cách cởi mở với mọi thứ.

Phẩm chất thứ hai là việc sống một cách hiện thực. Người này không sống theo lý tưởng: rằng ta phải giống thế này, ta phải giống thế nọ, ta phải hành xử theo cách này, ta không nên hành xử theo cách này. Người này không sống theo lý tưởng; người này đáp ứng với hiện sinh. Người này đáp ứng với cả trái tim mình, dù bất kỳ cái gì. Bản thể của người này là ở ngay đây và ngay bây giờ. Tự phát, đơn giản, tự nhiên - đây là những phẩm chất của người này.

Người này không sống một cách máy móc. Người ấy không mang bản đồ chỉ cách phải sống, cách không sống. Người ấy sống một cách tự nhiên, dù nó dẫn đến đâu, người ấy sẽ đi theo đến đó. Sannyasin không cần phải bơi lội, và người ấy cũng không cố gắng bơi ngược dòng. Người ấy đi cùng với cái toàn thể, người ấy thả trôi theo dòng nước. Người ấy hòa làm một với dòng nước đến mức dần dần người ấy không còn tách biệt với dòng nước nữa, người ấy trở thành dòng nước. Đó là điều Phật gọi là *srotapanna* - người đã đi theo dòng nước. Đó cũng là đặc tính của đệ tử của Phật nữa - người đã đi vào dòng nước, người đã thành thoi trong hiện sinh. Người ấy không mang các giá trị nào, người ấy không phê phán.

Sống một cách hiện thực nghĩa là hãy để từng khoảnh khắc tự quyết định. Cuộc sống rất tinh tế! Bạn không thể quyết định trước, không tập dượt, không chuẩn bị cách sống. Mỗi khoảnh khắc là một tình huống mới; bạn chỉ cần đáp ứng— một cách thích ứng. Thông thường người ta sống một cách rất kì lạ. Nếu định đi phỏng vấn, bạn chuẩn bị, bạn nghĩ về những câu hỏi và cách bạn sẽ trả lời; bạn sẽ ngồi ra sao và bạn sẽ đi đứng kiểu nào. Tất cả đều giả dối bởi vì nó đã được tập dượt. Rồi thì chuyện gì xảy ra? Khi đi một sự tập dượt như vậy, bạn *chẳng bao giờ* chăm chú hoàn toàn. Khi được hỏi, bạn lục lọi trong ký ức của mình vì bạn đang mang một câu trả lời đã chuẩn bị sẵn -

dù cho câu trả lời đó có thích hợp hay không, dù đúng hay không. Trật lất hết. Bạn không chăm chú hoàn toàn; bạn không thể chăm chú hoàn toàn được vì bạn đang bị kẹt với ký ức. Và điều kế tiếp xảy ra là khi ra về, bạn bắt đầu nghĩ đáng lẽ phải trả lời theo cách này. Điều này người Mỹ gọi là ‘cái khôn của câu thang’; nghĩa là khi bạn đi xuống cầu thang, và bạn suy nghĩ, “Đáng lẽ phải trả lời kiểu này; phải chi mình nói điều này.” Bạn trở nên rất khôn ngoan. Trước đây bạn khôn ngoan, sau đó bạn cũng khôn ngoan; tại chính giữa thì khác hẳn!

Và ở giữa là cuộc sống. Hiện sinh nằm ở đó.

Phẩm chất thứ ba của sannyasin là tin ở chính mình. Mọi người tin vào người khác. Sannyasin tin vào chính mình, từ thân xác đến tâm trí và linh hồn. Nếu cảm thấy yêu đương, người ấy sẽ thả hồn trong tình yêu. Nếu không thấy yêu, người ấy nói “rất tiếc” - nhưng người ấy không bao giờ giả vờ.

Người không có phẩm chất sannyas thì giả vờ. Anh ta sống qua mặt nạ. Khi về nhà anh ta ôm lấy vợ mà chẳng có một cảm xúc nào. Và anh ta nói, “Anh yêu em,” nhưng những lời ấy mới giả tạo làm sao, vì chúng không phát xuất từ trái tim. Chúng phát từ Dale Carnegie. Anh ta đã đọc cuốn ‘*Cách thu phục nhân tâm và gây ảnh hưởng với mọi người*’<sup>486</sup> và những loại vô nghĩa ấy. Anh ta có đầy những nhảm nhí đó, và anh ta mang theo và thực hành nó. Toàn bộ cuộc sống anh ta là cuộc sống giả tạo, giả dối, bất chước. Và tất nhiên là anh ta chẳng bao giờ thỏa mãn cả. Anh ta không thể thỏa mãn được, bởi vì thỏa mãn chỉ có được khi sống một cách chân thực. Nếu không cảm thấy yêu, bạn phải nói như thế; không cần phải giả vờ. Nếu cảm thấy giận dữ, bạn phải nói như vậy. Bạn phải chân thành với chính mình, bạn phải tin chính mình. Và

---

<sup>486</sup> Đắc Nhân Tâm – How to Win Friends and Influence People – đã được Nguyễn Hiến Lê dịch sang Việt ngữ.

bạn sẽ ngạc nhiên: bạn càng tin cậy, sự khôn ngoan của bạn càng trở nên rõ ràng hơn.

Thân xác bạn có sự khôn ngoan của nó - nó mang cái khôn của nhiều thế kỷ trong các tế bào. Thân xác bạn cảm thấy đói, mà bạn lại nhịn ăn bởi vì tôn giáo của bạn nói rằng hôm nay bạn phải nhịn ăn - và thân xác bạn đang cảm thấy đói. Bạn không tin nơi con người mình, bạn tin cậy vào kinh sách đã chết. Bởi vì sách nào đó viết rằng ngày này bạn phải nhịn ăn, cho nên bạn phải nhịn ăn. Hãy lắng nghe thân xác mình. Đứng đây, có những ngày khi thân xác bảo, “Hãy nhịn ăn đi!” - thế thì nhịn. Nhưng không cần phải nghe kinh sách. Tác giả kinh sách đó đã không nghĩ tới bạn khi viết ra nó. Người ấy không hề có một khái niệm nào về bạn. Bạn đã không có mặt lúc đó, và người đó không viết về bạn. Có khác gì bạn bị bệnh, và bạn tới nhà một bác sĩ đã chết và nhìn vào trong các toa thuốc của ông ấy, rồi tìm thấy một toa thuốc và theo đó mà uống thuốc. Toa thuốc đó đã được viết ra cho người nào đó, cho một bệnh nào đó, trong một tình huống nào đó.

Hãy tin vào chính mình. Khi cảm thấy rằng thân xác đang nói đừng ăn, hãy dừng lại ngay lập tức. Khi thân xác nói ăn, đừng bận tâm tới liệu kinh sách có nói phải nhịn ăn hay không. Nếu thân xác bạn nói ăn ba lần một ngày thì hoàn toàn tốt. Nếu nó nói ăn một lần một ngày thì cũng tốt. Hãy lắng nghe thân xác mình, vì nó là thân xác của bạn. Bạn sống trong nó; bạn phải kính trọng nó, và bạn phải tin vào nó. Nó là đền thờ của bạn; áp đặt đủ điều trên thân xác bạn là phạm thượng. Chớ vì những động cơ nào đó mà ép buộc thân xác! Và điều này không phải chỉ dạy cho bạn tin cậy vào thân xác mình, mà sẽ dạy cho bạn dần dần tin cậy vào cả hiện sinh nữa - bởi vì thân xác bạn là một phần của hiện sinh. Thế thì sự tin cậy của bạn sẽ trưởng thành, và bạn sẽ tin nơi cây cối cùng trăng, sao, mặt trời và đại dương: bạn sẽ tin cậy vào mọi người. Nhưng lúc đầu của sự tin cậy phải là tin vào chính con người của bạn. Hãy tin nơi trái tim của bạn.

Có người đưa ra một câu hỏi. Anh ta đã quyết định sống với vợ, bởi vì anh ta nghĩ rằng sống với vợ của mình, và không bao giờ rời bỏ cô ta, không bao giờ chia lìa, và không bao giờ ân ái với đàn bà khác là một phẩm hạnh lớn lao.

Có thể điều đó dành cho một số người, có thể không hợp với người khác. Điều đó còn tùy.

Người ấy nói, “Tôi đã quyết định như vậy, mà lại có vấn đề. Tôi cảm thấy bị hấp dẫn bởi phụ nữ khác: tôi cảm thấy tội lỗi. Mà tôi không cảm thấy vợ hấp dẫn chút nào – điều này tôi cũng cảm thấy có lỗi. Tôi không muốn ân ái với vợ mình bởi vì ham muốn không phát sinh. Nhưng tôi phải ân ái với vợ để thỏa mãn cô ấy. Nếu ân ái với cô ấy, tôi thấy có lỗi với chính mình, rằng tôi không sống thật cho chính mình. Và điều ấy có vẻ như cuộc tình hờ.”

Khi bạn không muốn ân ái, tình yêu là cái xấu xa nhất trên thế giới. Chỉ cái đẹp nhất mới có thể trở thành cái xấu nhất. Tình yêu là một trong những kinh nghiệm đẹp nhất, nhưng chỉ khi bạn yêu chân thật, khi nó tự phát, khi nó là đam mê, khi nó tràn lan, khi nó tràn ngập bạn, bạn bị nó chiếm hữu, say sưa với nó, cuốn hút theo nó – như vậy mới là yêu. Thế thì nó đưa bạn tới đỉnh cao nhất của niềm vui sướng. Nhưng nếu bạn không bị nó chiếm hữu, và bạn không cảm thấy có yêu đương gì vợ mình hay chồng mình, và bạn *làm* nó ... thế thì cách diễn đạt của tiếng Anh là đúng: *làm tình*. Thế thì bạn đang *làm* nó, nó không xảy ra. Như vậy là xấu, khác gì mãi dâm. Bạn làm điều đó với ai cũng không thành vấn đề; nó vẫn là mãi dâm. Đó là tội lỗi. Và điều này không có một giá trị tâm linh nào cả. Bạn trở thành dè nén tình dục, chỉ thế thôi. Nếu ân ái, bạn cảm thấy tội lỗi; mà nếu không, bạn cũng cảm thấy tội lỗi.

Người này có một ý tưởng thế nào là vợ chồng. Người vợ cũng phải chịu đựng nữa. Cả hai bị mắc kẹt, cả hai đều chán lẫn nhau, cả hai đều muốn bỏ nhau nhưng không thể nào bỏ nhau bởi vì họ không tin vào chính mình. Nếu con

người bạn đang nói, “Hãy ở với nhau, hãy trưởng thành với nhau, hãy hòa hợp với nhau”; nếu con người bạn đang cảm thấy hạnh phúc và xúc động, kích động và vui sướng, hãy đi với người ấy trong một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, bao nhiêu kiếp tùy bạn muốn. Hãy ở với nhau, và bạn sẽ mỗi ngày càng gần với Thượng Đế hơn. Và sự thân mật của bạn sẽ có phẩm chất tâm linh.

Nhưng không phải là loại thân mật này. Sự thân mật bị bó buộc sẽ làm cho bạn ngày càng xa tâm linh hơn, và tất nhiên tâm trí bạn sẽ tìm cách thức nào đó: bạn sẽ trở nên ngày càng bị ám ảnh về dục. Và khi có quá nhiều ám ảnh, làm sao bạn có thể trưởng thành về mặt tâm linh được?

Hãy lắng nghe con người mình, và hãy can đảm thực hiện cái mà con người bạn nói. Và tôi không nói phải ly thân với vợ bạn. Nhưng nếu điều đó phải tới, nó sẽ tới. Và điều đó sẽ tốt cho cả hai. Ít nhất bạn có thể làm điều đó cho vợ mình. Nếu còn quan tâm đến vợ, và bạn không yêu cô ấy thêm nữa, thế thì bạn phải nói điều đó. Trong nỗi buồn thâm sâu... sự ra đi sẽ thật là buồn, nhưng có thể làm được gì? Bạn bất lực. Bạn sẽ không ra đi trong giận dữ, bạn sẽ không ra đi trong hận thù và kiện cáo. Bạn sẽ ra đi với sự bất lực mênh mông trong tim. Bạn đã muốn ở lại với cô ấy, nhưng con người bạn nói không. Bạn có thể làm được gì? Bạn có thể ép buộc con người mình, và bạn có thể chịu đựng được, và vẫn tiếp tục trong mối quan hệ ấy, nhưng sẽ không có niềm vui. Và khi không có niềm vui, sao bạn có thể kéo dài được? Thế thì hôn nhân là giả dối; hợp pháp, nhưng vẫn giả dối.

Sannyasin là người tin vào chính mình, và sự tin cậy đó giúp anh ta thành thoi trong bản thể của mình, và giúp cho anh ta thành thoi với toàn thể hiện sinh. Nó đem tới một sự chấp nhận chung về chính mình và người khác. Nó tạo ra sự lâu bền, có trung tâm. Và điều đó đưa đến sức mạnh và quyền năng lớn, bởi vì bạn được định tâm trong thân xác của mình, trong bản thể của mình. Bạn bắt

rẽ trong đất. Nếu không, bạn sẽ thấy mọi người bị bật gốc, giống như cây cối đã bị nhổ bật gốc. Họ như chết rồi, họ không sống nữa. Đó là lý do tại sao không có nhiều niềm vui trong cuộc sống. Bạn không thấy phẩm chất của tiếng cười; niềm hoan lạc đã mất đi. Và ngay cả nếu có vui mừng cũng chỉ là giả dối.

Chẳng hạn, đây là ngày sinh nhật của Krishna và mọi người ăn mừng. Làm sao bạn có thể mừng lễ Krishna được? Ngày sinh nhật của chính mình mà bạn không ăn mừng. Và người nào đó đã sinh ra cách đây năm ngàn năm - làm sao bạn có thể quan tâm tới điều đó được, và làm sao bạn có thể ăn mừng được? Tất cả đều là giả mạo. Làm sao bạn có thể mừng ngày sinh của Chúa Giê Su được? Không thể được. Bạn chưa ăn mừng vị Thượng Đế đã tới với bạn, đang ở bên trong bạn. Làm sao bạn có thể mừng một Thượng Đế nào đó đã được sinh ra trong máng cỏ cách đây hơn hai ngàn năm?

Trong chính thân xác bạn, trong chính bản thể bạn, ngay khoảnh khắc này, Thượng Đế đang hiện diện - và bạn lại không ăn mừng. Bạn không thể ăn mừng được. Việc ăn mừng trước hết phải xảy ra trong nhà riêng của bạn, ngay trong sân nhà bạn. Thế rồi nó trở thành một ngọn sóng thần và lan rộng khắp hiện sinh.

Phẩm chất thứ tư là ý thức tự do.

Sannyasin không chỉ tự do, anh ta chính là tự do. Anh ta bao giờ cũng sống một cách tự do. Tự do không có nghĩa là phóng túng. Phóng túng không phải tự do; phóng túng chỉ là một phản ứng của sự nô lệ; cho nên bạn quay sang cực đoan khác. Tự do không phải là cực đoan khác, cũng không phải là một phản ứng. Tự do là một nhận thức rằng: “Nếu không có tự do, thà chết còn hơn. Không còn cách nào khác nữa. Nếu bị giáo hội chiếm hữu, Hindu giáo, Ki Tô Giáo, Hồi giáo, tôi không sống được. Chúng sẽ tạo nên các rào chắn quanh tôi. Chúng sẽ bó buộc tôi và làm cho tôi bị què quặt. Tôi phải được tự do. Tôi phải

đánh liều để được tự do. Tôi phải chấp nhận thử thách này.”

Tự do không thuận tiện cho lắm, không thoải mái cho lắm. Nó là mạo hiểm. Sannyasin chấp nhận mạo hiểm đó. Điều đó không có nghĩa là người ấy sẽ tranh đấu với từng người và mọi người. Điều đó không có nghĩa là khi luật pháp nói phải đi bên phải hay phải đi bên trái, người đó sẽ làm ngược lại, không. Người ấy không bận tâm về những việc tầm phào. Nếu luật pháp nói đi bên trái, người ấy sẽ đi bên trái - bởi vì đây không phải là nô lệ. Nhưng về những điều quan trọng, những vấn đề nguyên tắc... Nếu bố nói, “Hãy cưới người này vì cô ấy giàu có và sẽ có nhiều tiền,” người đó sẽ nói, “Không. Làm sao con có thể cưới một người con không yêu? Đây sẽ là không tôn trọng người phụ nữ đó.” Nếu bố nói, “Hãy đi nhà thờ mỗi chủ nhật bởi vì con được sinh ra trong gia đình đạo Chúa,” người ấy sẽ nói, “Con sẽ đi nhà thờ nếu con cảm thấy muốn, con sẽ không đi nhà thờ bởi vì bố bảo thế. Được sinh ra là điều ngẫu nhiên; nó chẳng quan trọng lắm. Nhà thờ cũng chẳng cần thiết... Nếu cảm thấy thích, con sẽ đi.”

Tôi không nói đừng đi nhà thờ, nhưng hãy đi chỉ khi bạn có lòng ao ước. Thế thì sẽ có sự cảm thông. Nếu không, chẳng cần phải đi.

Về những vấn đề nguyên tắc, sannyasin không bao giờ để tự do của mình bị đụng chạm. Và bởi vì tôn trọng tự do nên người ấy sẽ tôn trọng cả tự do của người khác nữa. Người ấy sẽ không bao giờ xen vào tự do của người khác, dù người kia là ai. Nếu vợ bạn yêu người khác, bạn cảm thấy bị tổn thương, bạn sẽ kêu khóc vì buồn rầu, nhưng đó là vấn đề của bạn. Bạn sẽ không ngăn cản cô ấy. Bạn sẽ không nói, “Chấm dứt điều đó đi, bởi vì tôi đang đau khổ!” Bạn sẽ nói, “Đây là tự do của em. Nếu anh đau khổ, đây là vấn đề của anh. Anh phải tự giả quyết, anh phải đối mặt với nó. Nếu anh cảm thấy ghen tuông, anh phải loại bỏ cái ghen tuông của mình. Nhưng em hãy đi con đường

của em. Mặc dầu điều đó làm anh đau khổ, mặc dầu anh vẫn mong ước rằng em không đi với người khác, đó là vấn đề của anh. Anh không thể xâm phạm tự do của em.”

Tình yêu tôn trọng nhiều đến mức nó đem lại tự do. Và nếu tình yêu mà không đem lại tự do, nó không phải là tình yêu, nó là một cái gì khác.

Sannyasin vô cùng tôn trọng tự do của riêng mình, rất cẩn thận về tự do của riêng mình, và vì vậy cũng rất cẩn thận về tự do của người khác nữa. Cảm giác tự do này làm anh ta thành con người cá nhân; anh ta không chỉ là một phần của tâm trí quần chúng. Anh ta có một sự độc đáo nào đó - cách sống của anh ta, phong cách của anh ta, phong thái của anh ta, cá nhân của anh ta. Anh ta sống theo cách riêng của mình, anh ta yêu bài ca của riêng mình. Anh ta có cảm giác về nhân dạng của mình: anh ta biết mình là ai; cái cảm giác mình là ai của anh ngày càng mạnh hơn, và anh ta không bao giờ thỏa hiệp.

Độc lập, nổi dậy - nhớ nhé, không phải cách mạng mà là nổi dậy - đó là phẩm chất của sannyasin. Và có một sự khác biệt lớn. Cách mạng không đúng là cách mạng cho lắm. Cách mạng cũng cứ vận hành theo cùng cấu trúc cũ.

Chẳng hạn, ở Ấn Độ, trong nhiều thế kỷ, tiện dân, đẳng cấp thấp nhất, không được vào đền thờ. Đẳng cấp Bà La Môn không bao giờ cho phép họ được vào đền thờ: “Đền thờ sẽ bị ô uế nếu họ vào.” Trong nhiều thế kỷ ở Ấn Độ, tiện dân không được vào đền thờ. Điều này thật là xấu xa. Thế rồi thánh Gandhi xuất hiện - ông ấy cố gắng rất nhiều, ông ấy tranh đấu vất vả. Ông ấy muốn tiện dân được phép vào đền thờ; ông ấy tranh đấu cả đời cho điều đó. Đây là cách mạng nhưng không phải nổi dậy. Tại sao lại cách mạng? Thế thì nổi dậy là gì?

Có người hỏi J. Krishnamurti về cuộc tranh đấu của Gandhi cho tiện dân được phép vào đền thờ. Và bạn có biết J. Krishnamurti nói gì không? Ông ấy nói, “Nhưng Thượng Đế không ở trong đền.” Đây là sự nổi dậy.

Phương pháp của Gandhi là cách mạng, nhưng ông ấy vẫn tin rằng Thượng Đế ở trong đền, y hệt như người Bà La Môn tin vậy. Cùng một cấu trúc. Ông ấy tin rằng cho mọi người vào đền thờ là hệ trọng; nếu không được vào đền thờ, họ không thể thờ phụng được. Đó là ý tưởng của Bà La Môn, đó là ý tưởng của cái xã hội đã ngăn cản không cho tiện dân vào đền thờ, ngăn cấm họ không được vào. Cái ý tưởng này là một: rằng Thượng Đế ngự trong đền, và những người được vào trong tất nhiên sẽ gần với Ngài hơn. Còn những người không được phép vào thì không được may mắn. Gandhi là cách mạng, nhưng cách mạng lại tin vào cùng cấu trúc. Đây là phản động.

J. Krishnamurti là người nổi dậy: Ông ấy nói, “Nhưng Thượng Đế không ở trong đền, cho nên sao phải bận tâm? Bà La Môn chẳng được ân sủng gì, mà tiện dân cũng chẳng được gì. Sao phải bận tâm? Đó là ngu xuẩn.” Mọi cuộc cách mạng đều là phản cách mạng, phản động theo một mô thức nào đó. Mỗi khi bạn phản ứng lại thì cũng chẳng phải là cách mạng nhiều nhận gì, vì bạn tin vào cùng một khuôn mẫu. Tất nhiên bạn chống đối, nhưng bạn tin. Nền móng sâu phía dưới vẫn là một.

Gandhi nghĩ rằng Bà La Môn được hưởng nhiều lắm; họ được gần Thượng Đế hơn. Còn tiện dân thì bị tước đoạt. Nhưng ông ấy lại không nhìn vào Bà La Môn: trong nhiều thế kỷ họ đã thờ phụng trong đền mà chẳng được gì cả. Điều này thật là điên độn! Những người ở bên trong đền chẳng được gì, vậy thì bận tâm làm gì? Vậy thì cho những người chưa được vào làm gì? Chẳng có nghĩa gì cả.

Sannyasin là nổi dậy. Ý nghĩa nổi dậy của tôi nghĩa là cái nhìn của người đó hoàn toàn khác. Người ấy không vận hành theo cùng logic, cùng một cấu trúc, cùng một khuôn mẫu. Người ấy không chống lại khuôn mẫu - vì nếu chống lại một khuôn mẫu nào đó, bạn sẽ phải tạo ra một khuôn mẫu khác để đối lại với nó. Và các khuôn mẫu thì đại đồng tiểu dị. Sannyasin là người đã thoát hẳn ra.

Anh ta không chống lại khuôn mẫu, anh ta hiểu thấu sự đàn độn của mọi khuôn mẫu. Anh ta đã thấy rõ sự ngu đần của mọi khuôn mẫu và đã thoát ra ngoài. Anh ta nổi dậy.

Phẩm chất thứ năm là sáng tạo. Loại tu sĩ cũ không sáng tạo gì. Người ta cứ nghĩ rằng trở thành một tu sĩ là đi lên một hang động Himalaya rồi ngồi đó; và chỉ cần vậy thôi, chẳng cần gì nữa. Bạn có thể đến xem các nhà sư Jaina: họ ngồi trong đền thờ mà chẳng làm gì cả - tuyệt đối không sáng tạo, trông đờ đẫn và đàn độn, không le lói một chút thông minh nào. Vậy mà người ta lại kính trọng và hôn chân họ. Hãy hỏi, “Tại sao bạn hôn chân họ?” thì họ nói, “Người này đã từ bỏ thế gian” - dường như việc từ bỏ thế gian tự nó có giá trị lắm. “Ông ấy làm gì?” và họ sẽ nói, “Ông ấy nhịn ăn. Ông ấy nhịn ăn nhiều tháng trời.” - dường như là nhịn ăn tự nó có một giá trị ghê lắm.

Nhưng hãy hỏi ông ấy đã vẽ gì, ông ấy đã làm được cái gì đẹp cho thế giới, ông ấy đã làm ra bài thơ nào, ông ấy đã soạn được bài ca nào, âm nhạc nào, điệu vũ nào, phát minh nào - sáng tạo của ông ấy là gì? - và họ sẽ nói, “Anh nói cái gì vậy? Ông ấy là một tu sĩ!” Ông ấy chỉ ngồi trong đền để cho mọi người hôn chân mình, có thể thôi. Và có biết bao nhiêu người ngồi như vậy ở Ấn Độ.

Quan niệm của tôi về sannyasin là năng lượng của người ấy sẽ là sáng tạo, rằng người ấy tô thêm một chút vẻ đẹp nữa cho thế giới, rằng người ấy sẽ đem thêm một chút niềm vui cho thế giới, rằng người ấy sẽ sáng tạo ra những ca, vũ, và nhạc mới; rằng người ấy sẽ cống hiến những bài thơ hay. Người ấy sẽ sáng tạo cái gì đó, người ấy sẽ không phải là người không sáng tạo. Thời kỳ của những tu sĩ không sáng tạo đã qua rồi. Tu sĩ mới tồn tại chỉ vì người ấy đây sáng tạo.

Người ấy phải đóng góp cái gì đó. Không sáng tạo thì gần như có tội bởi vì bạn sống mà bạn chẳng đóng góp gì. Bạn ăn, bạn sống chật đật mà không đóng góp gì cả. Sannyasin của tôi là những người sáng tạo. Và khi đây

sáng tạo, bạn tiến gần Thượng Đế hơn. Đó là ý nghĩa của cầu nguyện, đó là ý nghĩa của thiền. Thượng Đế là đấng sáng tạo, và nếu bạn không phải là người sáng tạo, bạn sẽ rời xa Ngài. Thượng Đế chỉ biết một ngôn ngữ, ngôn ngữ của sáng tạo. Đó là lý do tại sao khi bạn soạn nhạc, khi bạn hoàn toàn mất hút trong việc đó, mùi vị thiêng liêng thoát ra từ bản thể bạn. Đó là niềm vui của sáng tạo, đó là niềm cực lạc - svaha!

Phẩm chất thứ sáu là cảm giác vui nhộn, vui cười, đùa vui, chân thành mà không nghiêm nghị. Tu sĩ cũ không biết cười, chết, đờ đẫn. Tu sĩ mới phải đem ngày càng nhiều tiếng cười vào bản thể mình. Anh ta phải là một người biết cười bởi vì tiếng cười nói lên sự thành thoi của bạn, và tiếng cười của bạn có thể tạo ra những tình huống cho người khác cũng thoải mái. Đền thờ nên tràn đầy niềm vui và tiếng cười cùng điệu vũ. Nó không nên giống như nhà thờ Ki Tô Giáo. Nhà thờ giống như nghĩa địa. Và với cây thánh giá nó trông gần như là tôn thờ cái chết... rất buồn thảm. Bạn không thể cười đùa trong nhà thờ. Không được phép cười to; mọi người sẽ nghĩ là bạn quá chiêu. Khi mọi người đi vào nhà thờ, họ trở nên nghiêm trang, cứng nhắc... mặt dài thòng.

Với tôi, tiếng cười là phẩm chất tôn giáo, rất quan trọng. Nó phải là một phần của thế giới bên trong của một tu sĩ: cảm giác khô hài.

Phẩm chất thứ bảy là thiền, đơn độc; những kinh nghiệm huyền môn tốt đỉnh chỉ xảy ra khi bạn đơn độc, khi bạn tuyệt đối đơn độc bên trong nội tâm của bạn.

Sannyas làm cho bạn thành đơn độc; không phải cô độc, mà đơn độc; không phải cô độc, nhưng nó cho bạn sự hieu quạnh. Bạn có thể hạnh phúc đơn độc, không còn phụ thuộc vào người khác nữa. Bạn có thể ngồi đơn chiếc trong phòng và bạn có thể hoàn toàn hạnh phúc. Không cần phải tới câu lạc bộ, không phải lúc nào cũng cần có bạn bè vây quanh, không cần phải đi xem phim. Bạn có

thể nhắm mắt lại, và bạn có thể rơi vào bên trong niềm phúc lạc nội tâm: đó là tất cả ý nghĩa của thiền.

Và phẩm chất thứ tám là tình yêu, thân thuộc, liên hệ. Hãy nhớ, bạn có thể liên hệ chỉ khi bạn đã học được cách sống đơn độc, không bao giờ trước đó. Chỉ hai cá nhân mới có thể quan hệ được. Chỉ hai tự do mới có thể tới gần và hòa lẫn nhau. Chỉ hai chân không mới có thể thâm vào nhau và tan chảy vào nhau. Nếu bạn không thể sống đơn độc, mối quan hệ của bạn là giả tạo. Nó chỉ là một cái mẹo để tránh né sự cô độc của bạn, không gì khác cả.

Và đó là điều mà hàng triệu người đang làm. Tình yêu của họ chẳng là gì ngoài sự thiếu khả năng để trở thành đơn độc. Cho nên họ cần có người, họ cầm tay, họ giả vờ rằng họ yêu, nhưng sâu bên trong vấn đề duy nhất là họ không thể đơn độc được. Cho nên họ cần người vây quanh, họ cần người để bám vào, họ cần người để dựa vào. Và người khác cũng dùng họ như vậy, bởi vì người khác cũng không thể đơn độc được, không có khả năng. Người ấy cũng dùng bạn như một phương tiện như để trốn thoát khỏi chính mình.

Cho nên khi hai người nói đang yêu nhau, ít nhiều họ cũng căm ghét chính mình. Và vì sự căm ghét đó, họ đang chạy trốn. Người khác giúp cho họ chạy trốn, cho nên họ phụ thuộc vào người khác, họ ghiền người khác. Bạn không thể sống mà thiếu vợ mình, bạn không thể sống thiếu chồng mình bởi vì bạn đã ghiền. Nhưng sannyasin không cần ai hết ... Đó là lý do tại sao tôi nói phẩm chất thứ bảy là đơn độc, và phẩm chất thứ tám là quan hệ tình yêu.

Và đây là hai trường hợp: bạn có thể hạnh phúc đơn độc, và bạn cũng có thể hạnh phúc bên nhau nữa. Đây là hai loại cực lạc khác nhau của nhân loại. Bạn có thể đi vào thiền định khi đơn độc, và bạn có thể đi vào thiền định khi cùng người yêu, trong tình yêu sâu sắc.

Và có hai loại người: loại hướng ngoại sẽ đạt đỉnh cao dễ hơn khi bên cạnh người khác; loại hướng nội đạt đỉnh cao nhất dễ dàng hơn khi đơn độc. Nhưng cả hai không đối kháng nhau; chúng có thể cùng đi với nhau. Một trong hai khuynh hướng này sẽ mạnh hơn, và đó sẽ là yếu tố quyết định bạn là người hướng nội hay hướng ngoại. Con đường của Phật là con đường hướng nội; nó chỉ nói về thiên. Con đường của Chúa Giê-Su là con đường hướng ngoại; nó dạy về tình yêu.

Sannyasin của tôi phải là tổng hợp của cả hai. Sự nhấn mạnh ở tổng hợp: Có người sẽ nghiêng về việc hài hòa với chính mình hơn là với người khác; lại có người nghịch lại hẳn - hòa hợp nhiều hơn với người khác. Nhưng không cần phải bị kẹt vào chỉ một loại kinh nghiệm. Cả hai kinh nghiệm đều có thể xảy ra.

Và phẩm chất thứ chín là siêu việt. Đạo, vô ngã, tâm không, không thân xác, chân không, hài hòa với đại thể.

Đó là toàn bộ thông điệp của Bát Nhã Tâm Kinh: *Gate gate paragate* - vượt qua, vượt qua, vượt qua bên ngoài - *parasamgate bodhi svaha* - vượt tất cả ra ngoài. Cục lạc hết cỡ! Alleluia!

Siêu việt là phẩm chất cuối cùng và cao nhất của sannyasin.

Nhưng đây chỉ là những gợi ý, không phải định nghĩa. Áp dụng chúng theo một cách linh động. Đừng coi điều tôi đã nói một cách cứng nhắc... hãy rất linh động, theo một cái nhìn mông lung, mờ ảo - như lúc tranh tối tranh sáng. Nếu không, mọi sự thành cố định. Trong lúc chạng vạng, khi mặt trời đã lặn và màn đêm chưa buông xuống, nó là cả hai, ở giữa chừng, ngay khoảng giữa. Hãy coi những gì tôi đã nói với bạn theo cách đó. Hãy linh động, uyển chuyển. Đừng bao giờ trở nên cứng nhắc. Đừng bao giờ trở thành cố định.

Câu hỏi thứ hai

*Nếu Thầy là tài xế taxi thì con không thể nhận ra Thầy được sao? Thứ nhất, thay vì đưa con thẳng tới đường MG, Thầy sẽ làm con điên loạn đến cả tiếng rưỡi. Thứ hai, thay vì nhận tiền xe, Thầy sẽ đòi cả cuộc đời con. Thứ ba, trong lúc con đang đau khổ hoàn toàn, Thầy sẽ lái xe đi với nụ cười tuyệt trần và ra dấu: ‘Thế cũng đủ cho hôm nay.’ Con vẫn không nhận ra tài xế taxi này sao? Thế thì tốt hơn cả là con đi bộ!*

Câu hỏi này là của Swami Anand Adi.<sup>487</sup> Adi khủng khủng, điên điên đến mức tôi không thể nào quả quyết liệu anh ấy sẽ có thể nhận ra tôi hay không. Rất có thể! Người quái chiêu thì quái chiêu là cái chắc. Đối với những người quái chiêu, bạn không thể nào quả quyết được. Đúng Adi, điều ấy có thể đây: nếu tôi lái taxi, bạn vẫn có thể nhận ra tôi.

Và bạn nói, “*Thứ nhất, thay vì đưa con thẳng tới đường MG, Thầy sẽ làm con điên loạn đến cả tiếng rưỡi.*” Điều đó đúng.

Hãy giúp tôi để làm cho bạn mất trí - bởi vì sự lạnh mạnh của bạn chẳng giá trị chút nào. Sự lạnh mạnh của bạn khác nào tảng đá đè nặng lên trái tim bạn. Hãy để tôi kéo bạn ra, lăn nó ra khỏi bạn. Đây là một loại giải phẫu: đau lắm, nhức nhối lắm! Bạn sẽ bám lấy tảng đá. Bạn sẽ

---

<sup>487</sup> Theo truyền thống Ấn Độ, đệ tử nam xưng là Swami, và nữ xưng là Ma.

muốn đi thẳng tới đường MG.<sup>488</sup> Nhưng theo pháp của tôi, chẳng có chỗ nào để đi cả, không có đường MG. Không có mục đích trong cuộc sống; cuộc sống là một cuộc hành trình không có đích. Cho nên tôi phải đưa bạn đi vòng vòng mãi mãi, cho tới khi bạn mệt nhoài và bạn nói, “Đủ rồi! Thế cũng đủ cho hôm nay!”

*“Thứ hai, thay vì nhận tiền xe Thầy sẽ đòi cả cuộc đời con.”* Điều đó nữa cũng đúng, Adi. thiếu một tí cũng không được. thiếu một tí thì không có giá trị. Đó là toàn bộ giáo pháp của tôi: rằng bạn chẳng có gì để mất, ngoại trừ mọi thứ!

*“Thứ ba, trong lúc con đang đau khổ hoàn toàn, Thầy sẽ lái xe đi với nụ cười tuyệt trần và ra dấu: ‘Thế cũng đủ cho hôm nay!’”*

Cái đó còn tùy ở bạn. Bạn có thể tham dự với tôi trong ‘nụ cười tuyệt trần’. Cần phải dũng cảm. Bạn đã đầu tư quá nhiều trong sự đau khổ của mình đến mức bạn cứ giữ nó mãi. Nhưng hãy nhớ, bạn giữ nó càng lâu, sự đầu tư ngày càng trở nên lớn hơn. Hãy vứt bỏ nó đi! Hôm nay thì dễ hơn; ngày mai sẽ khó khăn hơn, bởi vì bạn sẽ phải đầu tư thêm hai mươi bốn giờ nữa. Hãy loại bỏ nó càng sớm càng tốt. Đừng trì hoãn, bởi vì mọi trì hoãn đều nguy hiểm. Trong khi bạn trì hoãn, sự khôn ngoan của bạn càng trở nên mạnh hơn và tiếp tục bèn rề lan rộng khắp bản thể bạn.

Tôi biết tại sao bạn đang bám lấy nỗi khôn ngoan của mình - bởi vì ý tưởng của bạn là ở chỗ, “Có còn hơn không.” Và toàn bộ giáo huấn của tôi là: Trống không chính là Thượng Đế. Bạn bám lấy nỗi đau khổ của mình bởi vì nó cho bạn một cảm giác rằng bạn có cái gì đó, ít nhất một cái gì đó - có thể đó là sự khôn ngoan, lo âu, khôn khổ, nhưng cũng là có, ít nhất là cái gì đó: “Mình

---

<sup>488</sup> Đường MG – Mahatma Gandhi – là đường chính ở Poona, cách thiền viện của Osho khoảng năm cây số.

không trắng tay.” Bạn quá sợ cái trống không, và Thượng Đế chỉ đến qua cái chân không.

Hãy để tôi giúp bạn trở thành chân không. Và thế thì nụ cười tuyệt trần đó sẽ tới - nó tới từ chân không. Khi bên trong bạn là chân không, bạn sẽ có một nụ cười toàn thân. Đây không phải chỉ là nụ cười trên môi, mà là toàn thể con người. Đây là nụ cười của chân không.

Hãy thấy rằng bạn đang mang một gánh nặng đau khổ lớn, và hãy thấy rằng *bạn* đang mang trên người. Và hãy thấy rằng trách nhiệm của bạn ở chỗ mang hay không mang đó: bạn có thể vứt bỏ nó ngay chính phút này. Và việc vứt bỏ nó chính là ý nghĩa của sannyas.

Tôi sẽ phải nói về Anand Adi: Tôi sợ rằng anh ấy sẽ nhận ra tôi ngay cả khi tôi là tài xế taxi. Có thể anh ấy sẽ nhận ra tôi còn rõ hơn là anh ấy nhận ra tôi bây giờ. Anh ấy thật là quái đản.

Có nhiều người nữa sẽ nhận ra tôi bằng nhiều cách, ở nhiều nơi. Chỉ những người cùng với tôi - người sẽ nhận ra tôi dù bất kỳ đâu.

Chúa Giê Su chết. Xác Ngài được táng trong hang sau khi bị đóng đinh. Mary Magdalene<sup>489</sup> tới thăm Ngài vào ngày thứ ba, và xác của Chúa không còn ở đó nữa. Cho nên bà ấy nhìn quanh để tìm, và bà ấy thấy một người làm vườn đang làm việc bên ngoài. Bà ấy tới người làm vườn và hỏi, “Ông biết xác Chúa đã được đưa đi đâu không?”

Người làm vườn phá lên cười, và ông ta nói, “Con không nhận ra ta ư?” Ông ta là Chúa Giê Su đã phục sinh. Khi Chúa Giê Su nói, Magdalene nhận ra Ngài ngay. Nhưng bà ấy là phụ nữ. Bà ấy nhận ra ngay. Ban đầu bà ấy nghĩ rằng Ngài là người làm vườn. Nhưng mặc dù vậy,

---

<sup>489</sup> Magdalene – Mai-Đệ-Liên - từng là một kỹ nữ trước khi được Chúa Giê-Su qui phục. Bà được coi là một trong những môn đệ được Chúa yêu nhất.

ngay lập tức, khoanh khắc Ngài thốt ra một lời, bà ấy nhìn vào trong mắt Ngài, và bà ấy nhận ra Ngài.

Rồi khi Chúa Giê Su đi tìm các đệ tử khác. Ngài đã gặp hai đệ tử trên đường - họ đang đi sang làng khác, và họ đang nói liên tục về điều đã xảy ra cho thầy mình: Ngài đã bị đóng đinh, và những hậu quả sắp xảy ra, và chưa có phép lạ nào xảy ra, và họ đang chờ phép lạ... Chúa Giê Su cùng đi với họ; họ cùng nói về Ngài, và họ cứ đinh ninh rằng Ngài là một người lạ. Sau bốn dặm đường cùng đi với nhau mà họ không nhận ra Ngài. Ngài cũng trò chuyện mà họ cũng không nhận ra Ngài. Họ không nhìn vào mắt Ngài. Thế rồi họ cùng vào một quán ăn, và ngay lúc Chúa cắt bánh mì, họ nhận ra - bởi vì Ngài có một lối cắt bánh mì rất độc đáo. Cử chỉ của Ngài không ai có thể bắt chước được: với sự kính trọng ấy, sự sùng kính ấy, với cách cầu nguyện ấy, dường như bánh mì là Thượng Đế. Lúc đó, họ nhận ra Ngài, nhưng phải mất một thời gian lâu. Trong bốn dặm đường họ đã cùng đi, trong bốn dặm đường họ đã nói chuyện, mà họ đã không nhận ra Ngài.<sup>490</sup>

Nhiều người có mặt nơi đây sẽ nhận ra tôi dù dưới bất kỳ tình huống nào. Nhưng nhiều người đang ở đây cũng không nhận ra tôi ngay trong thân xác này. Điều đó tùy thuộc vào bạn. Nếu bạn đã có những quan niệm nào đó thì sẽ rất khó khăn.

Có người đã viết cho tôi rằng anh ta là môn đồ của Sri Aurobindo;<sup>491</sup> anh ta đang phân vân không biết phải chọn lựa cách nào. Anh ta không biết nên ở lại với Aurobindo hay với tôi. Và anh ta hỏi tôi, “Thầy quyết định đi.”

Làm sao tôi có thể quyết được điều này? Nếu tôi quyết định thì sai bét. Bạn sẽ phải nhìn vào nó. Và tôi không nói về việc chọn lựa, tôi nói hãy *nhìn* vào nó. Nếu

---

<sup>490</sup> Luke 24:13-31.

<sup>491</sup> Sri Aurobindo là một trong những thiên tài của Ấn trong thế kỷ 20. Sách của Ngài có phần khô khan, khó nuốt trôi được.

thực sự yêu Sri Aurobindo, bạn đến đây để làm gì? Nếu nó đã xảy ra qua ông ấy, nó đã xảy ra rồi, chẳng cần phải tới đây. Nếu nó chưa xảy ra và bạn đã tìm tới tôi, hãy giã từ ông ấy. Nhưng người ta lại rất ma lanh: họ muốn bắt cả hai tay. Bạn sẽ bị rắc rối đấy.

Điều này xảy ra hàng ngày. Nhiều người đến với tôi và họ lại kẹt ở đâu đó. Nếu họ bị kẹt ở đâu đó, mắt của họ không sẵn sàng để thấy tôi. Bây giờ người này nói, “Nếu thầy có thể nói rằng chính Sri Aurobindo đã gửi con tới thầy, điều đó sẽ rất dễ dàng để con chấp nhận thầy” - qua Aurobindo. Bạn muốn tôi phải nói dối như vậy. Tại sao Aurobindo lại gửi bạn tới tôi? Và tại sao tôi phải nói dối? - để bằng cách nào đó bạn có thể chấp nhận, để cho bạn có thể nói, “Tốt, vậy đây là ý nguyện của Aurobindo. Vậy con không định phản lại Aurobindo.” Bạn mới hèn nhát làm sao! Bạn không dám quả quyết! Nếu điều gì đó xảy ra, tôi không khuyên bạn ở lại đây – hãy đi đi. Đây không phải là chỗ cho bạn. Nếu không có gì xảy ra, hãy quên Sri Aurobindo đi; chỉ thế bạn mới có thể ở với tôi được. Và đối với điều này, chọn lựa không cần thiết, nhưng hãy sáng suốt. Hãy nhìn vào bên trong!

### Câu hỏi cuối cùng

*Khi tôi qua con trở về khách sạn thì có một con thạch sùng nhỏ nằm trên gối.*

Ma Anand Suneeta - bạn may mắn là đây không phải là một con ếch, bởi vì ếch ban đêm thường biến thành một hoàng tử xấu. Thạch sùng thì vô tội vạ; đừng lo gì.

Và thực sự, thực sự là câu hỏi cuối cùng:

*Con nay đã sáu mươi lăm mà con vẫn tơ tưởng về dục. Có gì sai không?*

Chẳng có gì sai vì bạn vẫn sống động, vì bạn vẫn trẻ trung! Chỉ một cái sai - rằng bạn nghĩ dục là sai ở tuổi ấy. Chẳng có gì sai với dục cả. Nhưng chắc bạn đã đề nén, nếu không, bạn đã thoát dục rồi. Đừng chờ thêm nữa - hãy dứt điềm nó đi. Hãy đi vào trong nó! Nếu không, ngay trong mồm bạn sẽ còn ám ảnh và suy nghĩ về dục.

Bạn vẫn sống động; chẳng cần đòi gì hơn nữa. Và đừng mặc cảm tội lỗi. Chẳng có gì để phải mặc cảm hết; dục là năng lượng tuyệt đẹp. Nó có thể trở thành một con đường, một phương tiện dẫn tới Thượng Đế. Đúng đấy, nó đã bị lên án qua nhiều thời đại, nhưng không cần phải tin những lời kết án đó. Bạn đã bị điều kiện hóa và cho rằng nó là sai, nhưng bạn có thể dẹp bỏ điều kiện này. Bạn có thể lại bắt đầu lại, và bạn có thể đi vào trong nó. Và đừng lo nghĩ rằng nay bạn đã sáu mươi lăm xuân vàng...

Một giáo sĩ Do Thái, mục sư và linh mục, ba giáo sĩ cao niên, cùng uống trà trong một trưa hè, và câu chuyện chuyên sang hồi gây cần nhất. Khi tới lượt giáo sĩ Do Thái, ông giải thích làm sao ông bị mẹ bắt quả tang khi ông đang nhìn trộm qua khe nhà tắm để xem con sen tắm.

Hai người kia cười khúc khích. “Đúng đấy,” vị linh mục nói, “khi còn trẻ chắc chắn chúng ta cũng ma mãnh lắm.”

“Ông nói gì vậy?” giáo sĩ Do Thái nói. “Mới hôm qua thôi.”

Đừng lo nghĩ. Bạn đã đè nén đủ rồi. Bây giờ hãy đi vào trong nó. Hãy chấp nhận nó như món quà của Thượng Đế, nếu không thì đè nén sẽ đưa tới trụy lạc.

Một câu chuyện nhỏ... hãy thien về nó.

Có một ông già người Ý, chủ một xưởng làm mì, và ba con gái của ông ta cùng giúp việc trong đó. Một hôm khi bốn người đang làm mì, ông ấy nói với người con cả, “Agnes-a, ấy-a con không ở đây để làm ravioli và spaghetti,<sup>492</sup> thì con thích thành người nào-a trên khắp-a thế giới này-a?”

“Ôi cha, con muốn-a là Sophia Loren-a. Cô ấy đẹp ghê! Tất cả các đàn ông-a đều theo đuổi cô ấy-a.”

“Rất tốt-a,” người cha nói, “Còn con, Maria, hãy nói cho bố biết-a, nếu con không ở đây làm spaghetti, con muốn thành ai-a trên thế giới này-a?”

“Con muốn-a thành một Gina Lollobrigida. Cô ấy đẹp ghê đi. Tất cả-a đàn ông đều chạy theo cô ấy-a. Cô ấy có-a xe Alfa Romeo và xe Cadillac-a!”

“Rất tốt-a,” người cha nói. Thế rồi ông ấy nói, quay về phía đứa con út, “Lucia! Bella! này-a, hãy nói-a cho cha, nếu con không-a ở đây-a ngồi trên đồng ravioli, con sẽ muốn-a thành ai-a trên toàn-a thế giới này-a?”

“Con muốn là Veectoria Pepeleena!”

“Cái gì?” người cha kêu lên, “Veectoria Pepeleena là cái quái gì vậy-a?”

Cô ta rút tờ báo từ trong nịt vú và chỉ cho ông ấy: Victoria Pipeline đã ngủ với 400 đàn ông trong hai tuần lễ.

---

<sup>492</sup> Ravioli và Spaghetti là hai món ăn của người Ý được nhiều người ưa chuộng.

# Phụ Bản



## *Prajnaparamita-Hridayam Sutra*

*Om, namo Bhagavatyai  
Arya-Prajnaparamitayai!*

**ओम् नमो भगवत्यै  
आर्य-प्रज्ञापारमितायै !**

*Arya-Avalokitesvaro bodhisattvo gambhiram  
prajnaparamitacaryam caramano vyavalokayati sma: panca-  
skandhas tams ca svabhavasunyan pasyati sma.*

**आर्य-अवलोकितेश्वरो बोधिसत्त्वो  
गंभीरम् प्रज्ञापारमिताचार्यम्  
चरमाणो व्यावलोकयति स्मः  
पञ्च-स्कंधास् तांश्च  
स्वभावशून्यान पश्यति स्म ।**

*Iha Chariputra rupam sunyata sunataiva rupam, rupan na  
prithak sunyata sunyataa na prithag rupam, yad rumpam sa  
sunyata ya sunyata tad rupam; evam eva dedana-samjna-  
samkara-vijnanam.*

**इह सारिपुत्र रूपम् शून्यता शून्यतैव रूपम्,  
रूपान न पृथक्क शून्यता शून्यतया न पृथग रूपम्,  
यद रूपम् सा शून्यता या शून्यता तद रूपम्;  
एवम् एव वेदना-संज्ञा-संस्कार-विज्ञानम् ।**

*Iha Chariputra sarva-dharmah sunyata-laksana, anutpanna  
aniruddha,  
amala avimala,  
anuna aparipurnah.*

इह सारिपुत्र सर्व-धर्माः शून्यता-लक्षणा,  
 अनुत्पन्ना अनिरुद्धा,  
 अमला अविमला,  
 अनुना अपरिपूर्णाः ।

*Tasmac Chariputra  
 sunyatayam na rupam na vedana  
 na samja na samskarah na vijnanam.  
 na caksuh-srotra-ghrana-jihva-kaya-manamsi. na rupa-  
 sadda-gandha-rasa-spratavya-dharmah.  
 Na caksur-dhatur yava na manovjnana-dhatuh.  
 Na-avidya na-avidya-ksayo yavan  
 na jara-maranam na jara-maranaksayo.  
 Na dukha-samdaya-nirodha-marga.  
 Na jhanam, na pratir na-apraptih.*

तस्मात् सारिपुत्र  
 शून्यतायाम न रूपम न वेदना  
 न संज्ञा न संस्कारः न विज्ञानम् ।  
 न चक्षुः श्रोत्र-घ्राण-जिह्वा-काया-मनांसि ।  
 न रूप-शब्द-गंध-रस-स्पर्शतत्त्व-धर्माः ।  
 न चक्षुः-धातुः यावन न मनोविज्ञान-धातुः ।  
 न-अविद्या न-अविद्या-क्षयो यावन  
 न जरा-मरणम् न जरा-मरणाक्षयो ।  
 न दुःख-समुदय-निरोध-मार्गा ।  
 न ज्ञानम्, न प्राप्तिः न-अप्राप्तिः ।

*apraitvat bodhisattvasya prajnaparamitam asaritya viharaty  
 acittavaranaah.  
 Cittavarana-nastitvad atrasto viparyasa-atikranto  
 nishta-nirvana-praptah*

त्रैध्व-व्यवस्थितः सर्व-बुद्धाः  
 प्रज्ञापारमितामाश्रित्य-अनुत्तराम  
 सम्यक्संबोधिं अभिसंबुद्धाः

*Tryadhva-vyavasthitah sarva-buddhah  
 prajnaparamitamsritya-anuttaram  
 samyaksambodhim abhisambuddha*

तस्मात् सारिपुत्र  
 अप्राप्तित्वाद् बोधिसत्त्वस्य प्रज्ञापारमितां आश्रित्य  
 विहरत्य अचित्तावरणः ।  
 चित्तावरण-नास्तित्वाद् अत्रस्तौ विपर्यास-अतिक्रान्तौ  
 निष्ठा-निर्वाण-प्राप्तः ।

*Tasmaj jnatavyam:  
 prajnaparamita maha-matrao maha-vidyamatro 'nuttara-  
 matro' samasama-mantrah, sarva-dukkhaprasamanah, satyam  
 amithyatvat, prajnaparamitayam ukto mantrah. Tadyatha: gate,  
 gate paragate parasamgate bodhi svaha. Iti prajnaparamita-  
 hridayam samaptam.*

तस्मज् ज्ञातव्यं:  
 प्रज्ञापारमिता महा-मंत्रो महा-विद्यामंत्रो  
 'नुत्तर-मंत्रो' समसम-मंत्रः,  
 सर्व-दुखप्रशमनः, सत्यं अमिथ्यात्वात्,  
 प्रज्ञापारमितायै उक्तो मंत्रः ।  
 तद्दयथाः गते गते पारगते पारसंगते बोधि स्वाहा ।  
 इति प्रज्ञापारमिता-हृदयम् समाप्तम् ।

# Bát Nhã Tâm Kinh

*Om!*

*Vinh danh Trí Huệ Bát Nhã,  
rất đáng yêu và rất thánh!*

*Quán Tự Tại, Bồ Tát và chúa tể linh thiêng,  
trong lúc đi sâu trong Trí Huệ Bát Nhã trong cõi siêu việt,  
từ trên cao nhìn xuống, Ngài chỉ thấy năm hợp phần,  
và khi nhìn vào tự tánh của chúng,  
Ngài thấy tất cả đều trống không.*

*Tại đây, này Sariputra,  
sắc tức là không, không tức là sắc,  
sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc,  
sắc chính là không, không chính là sắc.  
Thọ, hành, tướng, thức cũng đều như thế.*

*Tại đây, này Sariputra,  
vạn pháp đều không;  
Chúng không sinh, không diệt;  
Không nơ, không sạch,  
Không tăng, không giảm.*

*Vì vậy, này Sariputra,  
trong không, không có sắc, thọ, tướng;  
cũng không có hành, thức;  
không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý;  
không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;  
không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới;  
không có vô minh, cũng không có hết vô minh; không có già  
chết cũng không có hết già chết;  
không khô, tập, diệt, đạo;  
không có trí huệ, không có chứng đắc cũng không có không  
chứng đắc.*

Do đó, này Sariputra,  
 chính vì không có chúng đắc mà bỏ tất,  
 dựa vào trí huệ bát nhã, tâm không có chướng ngại.  
 Vì không có chướng ngại nên không sợ hãi,  
 xa lìa làm tướng, đạt tới Niết Bàn.  
 Hết thấy các chư Phật trong ba đời  
 dựa theo trí huệ bát nhã  
 mà chúng đắc giác ngộ vô thượng viên toàn.

Vì vậy, Bát Nhã Ba La Mật là đại thần chú,  
 là đại minh thần chú,  
 là vô thượng thần chú,  
 là vô đẳng thần chú,  
 trừ được hết mọi khổ đau,  
 chân thật không lầm.

Vì vậy, thần chú Bát Nhã Ba La Mật Đa này đã được công bố  
 rằng:

Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, vượt qua hết thấy,  
 Ôi! giác ngộ viên thành!

# THE HEART SUTRA

*Translated by Edward Conze*

*Om!*

*Homage to the Perfection of Wisdom, the Lovely, the Holy !*

*Avalokita, the Holy Lord and Bodhisattva, was moving in the deep course of the Wisdom which has gone beyond.*

*He looked down from on high,  
He beheld but five heaps, and He saw that in their own-being they were empty.*

*Here, O Sariputra,  
form is emptiness and the very emptiness is form ;  
emptiness does not differ from form,  
form does not differ from emptiness,  
whatever is emptiness, that is form,  
the same is true of feelings, perceptions, impulses, and consciousness.*

*Here, O Sariputra,  
all dharmas are marked with emptiness ;  
they are not produced or stopped, not defiled or immaculate,  
not deficient or complete.*

*Therefore, O Sariputra,  
in emptiness there is no form nor feeling, nor perception, nor impulse, nor consciousness ;  
No eye, ear, nose, tongue, body, mind ;  
No forms, sounds, smells, tastes, touchables or objects of mind ;  
No sight-organ element, and so forth, until we come to : No mind-consciousness element ;*

*There is no ignorance, no extinction of ignorance, and so forth, until we come to : There is no decay and death, no extinction of decay and death.*

*There is no suffering, no origination, no stopping, no path. There is no cognition, no attainment and no non-attainment.*

*Therefore, O Sariputra,  
it is because of his non-attainmentness that a Bodhisattva,  
through having relied on the Perfection of Wisdom, dwells without  
thought-coverings.*

*In the absence of thought-coverings he has not been made to tremble, he has overcome what can upset, and in the end he attains to Nirvana.*

*All those who appear as Buddhas  
in the three periods of time fully awake to the utmost, right  
and perfect Enlightenment because they have relied on the  
Perfection of Wisdom.*

*Therefore one should know the prajnaparamita  
as the great spell, the spell of great knowledge the utmost  
spell, the unequalled spell,  
allayer of all suffering, in truth -- for what could go wrong ? By  
the prajnaparamita has this spell been delivered.*

*It runs like this :  
gate gate paragate parasamgate bodhi svaha.  
( Gone, gone, gone beyond, gone altogether beyond, O what  
an awakening, all-hail ! -- )*

*This completes the Heart of perfect Wisdom.*